

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

BÙI NGỌC DŨNG

VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

BÙI NGỌC DŨNG

VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. NGUYỄN ANH CƯỜNG

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả dưới sự hướng dẫn tận tình của PGS.TS Nguyễn Anh Cường, Khoa Chính trị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nội dung và kết quả nghiên cứu trong đề tài là do tác giả tự tìm hiểu, phân tích khách quan, trung thực và chưa được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Các số liệu thống kê, tài liệu tham khảo phục vụ mục đích nghiên cứu đề tài luận án này được sử dụng đúng quy định, không vi phạm quy chế bảo mật của Nhà nước.

Tôi cam kết hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về tính trung thực và kết quả nghiên cứu của đề tài này.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Nghiên cứu sinh

Bùi Ngọc Dũng

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án, cùng với nỗ lực của bản thân, Nghiên cứu sinh đã nhận được sự động viên, giúp đỡ của tập thể lãnh đạo, các nhà khoa học, các quý Thầy, Cô tại cơ sở đào tạo và các cơ quan nghiên cứu.

Nghiên cứu sinh xin chân thành cảm ơn đến quý Thầy, Cô trong Khoa Chính trị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tận tình giúp đỡ, truyền đạt tri thức, kỹ năng cho Nghiên cứu sinh trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu tại khoa.

Xin cảm ơn Ban Giám hiệu và các phòng, ban tại cơ sở đào tạo (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) và cơ quan nơi Nghiên cứu sinh công tác (Trường Đại học Ngoại Thương) đã tạo điều kiện tốt nhất để Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo Tiến sĩ.

Xin cảm ơn tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn quan tâm, động viên, khích lệ trong suốt quá trình học tập, hoàn thiện luận án.

Đặc biệt, Nghiên cứu sinh xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới PGS. TS Nguyễn Anh Cường đã tận tâm hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ để Nghiên cứu sinh hoàn thành luận án này.

Trân trọng cảm ơn!

Nghiên cứu sinh

Bùi Ngọc Dũng

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
HĐND	Hội đồng nhân dân
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
QCDC	Quy chế dân chủ
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dân chủ cơ sở	124
Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ ban hành Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình.....	125
Biểu đồ 3.3. Đánh giá về mức độ tuyên truyền thực hiện dân chủ cơ sở	135
Biểu đồ 3.4. Đánh giá về mức độ thực hiện tuyên truyền dân chủ cơ sở của chính quyền địa phương theo nhóm trình độ	140

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Đánh giá mức độ tham gia dân chủ của người dân trên địa bàn tỉnh Thái Bình.....	117
Hình 3.2. Đánh giá về hiệu quả thực hiện công khai dân chủ của chính quyền cơ sở	119
Hình 3.3. Đánh giá về mức độ thực hiện công khai thông tin của chính quyền.....	137
Hình 3.4. Đánh giá về hiệu quả của các hình thức triển khai dân chủ.....	138

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
1. Lý do chọn đề tài	4
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	6
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	7
5. Đóng góp mới của luận án	10
6. Ý nghĩa của luận án.....	10
7. Kết cấu của luận án.....	11
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	12
1.1. Những công trình liên quan đến đề tài luận án	12
1.1.1. Những công trình nghiên cứu chung về dân chủ	12
1.1.2. Những công trình nghiên cứu về dân chủ cơ sở.....	21
1.1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình.....	30
1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu từ các công trình liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết	34
1.2.1. Những vấn đề các công trình nghiên cứu trước đã giải quyết	34
1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.....	40
Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ.....	44
2.1. Lý luận về dân chủ cơ sở và thực hiện dân chủ cơ sở.....	44
2.1.1. Lý luận về dân chủ cơ sở.....	44
2.1.2. Lý luận về thực hiện dân chủ cơ sở.....	54
2.2. Các yếu tố tác động đến thực hiện dân chủ cơ sở	76
2.3. Khung phân tích vận hành dân chủ cơ sở	85
Chương 3 THỰC TRẠNG THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH TỪ NĂM 1998 ĐẾN NAY	91
3.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình.....	91

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình.....	91
3.1.2. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở.....	98
3.1.3. Bối cảnh và tình hình thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình trước năm 1998	102
3.2. Khái quát thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 1998 - 2025.....	105
3.1.1. Thực trạng các nội dung về thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình	105
3.1.2. Thực trạng phương thức thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình	115
3.3. Một số đánh giá về việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025	122
3.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân.....	122
3.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân.....	134
3.4. Những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình	144
Chương 4 QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH	153
4.1. Quan điểm, định hướng về thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình	153
4.1.1. Bối cảnh mới và những thách thức đặt ra trong thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình.....	153
4.1.2. Quan điểm, định hướng về thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình	157
4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình	164

4.2.1. Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong thực hiện dân chủ cơ sở	164
4.2.2. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ cơ sở	168
4.2.3. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức thực hiện dân chủ cơ sở phù hợp với thực tiễn địa phương.....	172
4.2.4. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.....	176
KẾT LUẬN	185
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	189
TÀI LIỆU THAM KHẢO	190
PHỤ LỤC	1

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là công cụ quan trọng để hiện thực hóa công bằng xã hội, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống. Dân chủ còn là nền tảng cốt lõi định hình sự phát triển của mỗi quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới, sáng tạo và nâng cao chất lượng quản trị Nhà nước, thúc đẩy phát triển bền vững và thịnh vượng. Lịch sử phát triển của dân chủ gắn liền với cuộc đấu tranh không ngừng vì quyền sống, quyền tự do và hạnh phúc của con người. Đó là quá trình từng bước xây dựng một nền dân chủ hướng tới lý tưởng giải phóng xã hội, giải phóng con người, giúp con người thoát khỏi thân phận nô lệ để trở thành chủ thể của xã hội, chuyển từ thụ động sang chủ động trong việc quyết định vận mệnh của chính mình.

Ở Việt Nam, dân chủ là mục tiêu cốt lõi của Nhà nước cách mạng. Đây không chỉ là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền, mà còn là nền tảng để xây dựng xã hội công bằng, tiến bộ, nơi nhân dân thực sự được làm chủ đất nước. Trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dân chủ được xác định là mục tiêu, động lực phát triển đất nước. Trong đó, thực hành dân chủ cơ sở là điều kiện cơ bản để phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng cường sự gắn kết giữa Nhà nước và nhân dân. Đặc biệt, trong quá trình đổi mới, hội nhập, mở rộng, phát huy dân chủ và thực hành dân chủ cơ sở là vấn đề cấp thiết góp phần nâng cao chất lượng quản trị quốc gia, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của dân chủ, Đảng và Nhà nước Việt Nam ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng nhằm cụ thể hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [42, tr. 248], tạo điều kiện để người dân phát huy quyền làm chủ và tích cực tham gia vào quá trình quản lý, giám sát các hoạt động của Nhà nước. Trong đó, *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* vừa là trụ cột bảo đảm sự thống nhất giữa quyền làm chủ của nhân dân với kỷ cương, pháp luật, vừa là điều kiện, yêu cầu kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, qua đó thúc đẩy

phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Sau gần 40 năm đổi mới, công cuộc xây dựng nền dân chủ XHCN, đặc biệt là thực hành dân chủ cơ sở ở Việt Nam đạt được nhiều kết quả quan trọng: Hệ thống pháp luật từng bước hoàn thiện, góp phần bảo đảm và mở rộng quyền dân chủ của nhân dân; phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” được thể chế hóa, bảo đảm tính công khai, minh bạch, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tuy nhiên, việc thực hành dân chủ cơ sở còn một số hạn chế, bất cập: Ở một số nơi, dân chủ còn mang tính hình thức, chưa phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân, thậm chí bị lạm dụng hoặc vận dụng tùy tiện; công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách, đầu tư công, quy hoạch sử dụng đất chưa được thực hiện nghiêm túc; hoạt động giám sát của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội còn hạn chế, thiếu cơ chế chặt chẽ, dẫn đến bức xúc, khiếu kiện kéo dài. Vì vậy, nghiên cứu và nâng cao hiệu quả về thực hành dân chủ cơ sở có ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát triển đất nước bền vững.

Thái Bình là tỉnh có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, cư dân Thái Bình sớm hình thành tinh thần đoàn kết, ý thức tự quản làng xã, đây là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện dân chủ cơ sở. Thái Bình là nơi khởi nguồn, thử nghiệm và hiện thực hóa Quy chế dân chủ (QCDC) ở cơ sở, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn. Trong những năm đầu đổi mới, Thái Bình từng xuất hiện một số bất ổn về chính trị - xã hội do hạn chế của cơ chế quản lý cũ cùng với nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận cán bộ cơ sở về dân chủ. Trước yêu cầu ổn định tình hình và chấn chỉnh kỷ cương ở nông thôn, Thái Bình chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo, cải tiến lề lối hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời phát huy vai trò giám sát của nhân dân. Nhờ đó, nhiều vấn đề bức xúc trong đất đai, tài chính và cán bộ được giải quyết, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ cơ sở còn một số hạn chế như: Mức độ

tham gia của người dân chưa đồng đều, hiệu quả của một số cơ chế giám sát còn thấp, trách nhiệm giải trình của một bộ phận cán bộ còn mang tính hình thức... Vì vậy, nghiên cứu thực tiễn thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm rõ mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học để nâng cao hiệu quả thực thi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả quản trị.

Vì tất cả những lý do trên, tác giả quyết định lựa chọn đề tài “***Việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình***” làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành Chính trị học.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý và thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình, từ đó đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, tổng quan và phân tích các tài liệu liên quan đến đề tài.

Hai là, làm rõ một số vấn đề lý luận về thực hiện dân chủ cơ sở.

Ba là, chỉ rõ thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình hiện nay; bước đầu đưa ra một số nhận xét, đánh giá về kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở, bảo đảm minh bạch, phát huy sự tham gia của người dân và ổn định chính trị - xã hội.

Bốn là, đề xuất một số quan điểm, định hướng và giải pháp cụ thể để cải thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- *Về thời gian*: Từ năm 1998 đến năm 2025 (trước khi sáp nhập với Hưng Yên ngày 01-7-2025). Năm 1998, tỉnh Thái Bình triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) “*Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở*”, mở ra quá trình thể chế hóa và thực hành dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh. Trước khi sáp nhập, Thái Bình tiếp tục thực hiện *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, tạo cơ sở pháp lý quan trọng nhằm củng cố, nâng cao hiệu quả dân chủ ở cơ sở.

- *Về không gian*: Đề tài khảo sát thực tiễn thực hiện dân chủ cơ sở ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp có thể áp dụng trong bối cảnh điều chỉnh địa giới hành chính và sáp nhập với tỉnh Hưng Yên.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân chủ cơ sở. Đồng thời, đề tài kế thừa, tiếp thu có chọn lọc một số lý thuyết khoa học về dân chủ cơ sở như lý thuyết dân chủ tham gia, dân chủ đại diện ở cơ sở và quản trị công.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp lịch sử và logic, phân tích, tổng hợp, so sánh, khảo sát và tiếp cận liên ngành nhằm bảo đảm tính khách quan, khoa học của kết quả nghiên cứu. Trong đó:

Phương pháp lịch sử: được sử dụng để tái hiện việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo tiến trình thời gian, qua đó nhận diện sự vận động, các yếu tố tác động, cũng như những kết quả, hạn chế trong thực tiễn.

Phương pháp logic: được sử dụng để phân tích các chủ trương, chính sách và thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình, làm cơ sở cho việc đánh giá và đề xuất giải pháp.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng để làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình; từ đó chỉ ra các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân làm căn cứ đề xuất các giải pháp.

Phương pháp so sánh: được vận dụng nhằm đối chiếu các quy định của pháp luật với thực tiễn thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình, qua đó chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.

Phương pháp liên ngành: được sử dụng nhằm tích hợp các cách tiếp cận của các ngành khoa học xã hội như lịch sử, chính trị học, luật học, xã hội học, văn hóa học, quản lý công... để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp khảo sát: được sử dụng để thu thập dữ liệu định lượng về thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở với mẫu khảo sát gồm 500 người dân, 499 cán bộ, được lựa chọn theo phương pháp phân tầng kết hợp với chọn mẫu ngẫu nhiên nhằm bảo đảm tính đại diện và độ tin cậy của dữ liệu.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp khác như: mô tả, thống kê, phỏng vấn... để hỗ trợ phân tích, đánh giá thực tiễn nghiên cứu.

4.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp định lượng, sử dụng khảo sát xã hội học để thu thập dữ liệu sơ cấp từ hai nhóm đối tượng: 1) Người dân cư trú trên địa bàn nghiên cứu; 2) Cán bộ trực tiếp tham gia tổ chức, triển khai hoặc giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tổng số mẫu khảo sát là $N = 999$, gồm 500 người dân và 499 cán bộ.

Tiêu chí lựa chọn mẫu được xác định riêng cho từng nhóm đối tượng. Đối với nhóm người dân, các tiêu chí bao gồm: (1) Cư trú thường xuyên trên địa bàn nghiên cứu trong thời gian khảo sát; (2) Từ đủ 18 tuổi trở lên; (3) Có khả năng tiếp cận và trả lời bảng hỏi khảo sát; (4) Tự nguyện tham gia nghiên cứu. Đối với nhóm cán bộ, tiêu chí gồm: (1) Đang công tác tại chính quyền cơ sở hoặc các tổ chức chính trị - xã

hội ở cơ sở; (2) Trực tiếp tham gia quản lý, tổ chức hoặc giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; (3) Đang công tác tại địa bàn nghiên cứu trong thời gian khảo sát.

Phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp chọn mẫu ngẫu nhiên được áp dụng nhằm bảo đảm tính đại diện của mẫu theo các đặc điểm cơ bản như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và khu vực cư trú.

Trong phân tích dữ liệu, nghiên cứu sử dụng các công cụ trực quan như biểu đồ cột, biểu đồ tròn, biểu đồ phân bố và đám mây từ để thể hiện kết quả khảo sát. Độ tin cậy của thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's alpha, đồng thời phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để kiểm định giá trị cấu trúc của thang đo.

Các biến định lượng được đo lường bằng thang Likert 3 mức (0-2), trong đó:

0: Không tham gia/Không ảnh hưởng/Không hiệu quả

1: Tham gia ở mức độ nhất định/Có ảnh hưởng/Có hiệu quả

2: Tham gia tích cực/Ảnh hưởng lớn/Hiệu quả cao

Để bảo đảm tính nhất quán trong phân tích và diễn giải, luận án sử dụng các ngưỡng diễn giải giá trị trung bình như sau:

Giá trị trung bình	Diễn giải
< 0,67	Mức độ thấp
0,67 – < 1,33	Mức độ trung bình
≥ 1,33	Mức độ tương đối cao

Theo cách mã hóa thang đo, các giá trị trung bình xấp xỉ 1,0 (ví dụ: 0,997; 1,003; 0,998) được hiểu là mức trung bình, phản ánh việc thực hiện dân chủ ở cơ sở được triển khai nhưng chưa đạt mức độ thực chất và ổn định.

Trong các biểu đồ phân tích, giá trị trung bình (Mean) thể hiện xu hướng đánh giá chung của mẫu khảo sát, độ lệch chuẩn (SD) phản ánh mức độ phân tán trong nhận thức và trải nghiệm của người trả lời: SD thấp cho thấy mức độ đồng thuận tương đối cao, còn SD cao thể hiện sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm hoặc địa bàn.

Trong các biểu đồ phân phối (histogram), hình dạng phân bố giúp nhận diện mức độ tập trung quanh giá trị trung bình và xu hướng lệch trái hoặc lệch phải, qua đó gợi ý về sự khác biệt trong tiếp cận và thực hành dân chủ ở cơ sở.

Khi phân tích mối quan hệ giữa các biến, luận án sử dụng hệ số tương quan Pearson (r) với các thông số đi kèm gồm: N (mẫu cơ, trong nghiên cứu này là $N = 499$); r (mức độ và chiều hướng tương quan) p - value (mức ý nghĩa thống kê với ngưỡng $p < 0,05$) và khoảng tin cậy 95% (CI) khi cần thiết. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm việc diễn giải kết quả định lượng khách quan, logic và có cơ sở thống kê.

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án làm rõ cơ sở lý luận về thực hiện dân chủ ở cơ sở, đồng thời xây dựng khung phân tích và bộ chỉ báo đánh giá phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thái Bình; trên cơ sở dữ liệu khảo sát, cung cấp căn cứ khoa học để đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở trong bối cảnh hiện nay.

- Luận án phân tích thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình, qua đó đánh giá khách quan các kết quả đạt được, chỉ ra các hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

- Luận án đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường hiệu quả quản trị địa phương.

6. Ý nghĩa của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần hệ thống hóa, làm rõ các khái niệm, nội hàm, cơ chế vận hành của dân chủ ở cơ sở trên cơ sở vận dụng các lý thuyết hiện đại về quản trị cơ sở và quản trị công.

- Trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình, luận án góp phần làm rõ mối quan hệ giữa quyền làm chủ của nhân dân với vai trò lãnh đạo của Đảng, từ đó bổ sung lý luận về dân chủ XHCN trong bối cảnh tái cấu trúc đơn vị hành chính ở Việt Nam hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cơ sở khoa học phục vụ các cơ quan chức năng trong quá trình xây dựng, hoạch định chính sách về thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình. Đồng thời, có giá trị tham khảo đối với các tỉnh, thành phố khác, góp phần phổ biến kinh nghiệm thực tiễn hiệu quả và những bất cập trong quá trình triển khai.

- Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy về dân chủ cơ sở trong các trường Đại học, Cao đẳng và các trường Chính trị trong cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có kết cấu 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình liên quan đến đề tài luận án

Dân chủ, đặc biệt là dân chủ cơ sở luôn là đề tài quan trọng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu quốc tế và trong nước ở nhiều góc độ khác nhau. Qua tổng hợp các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án, có thể khái quát thành các nhóm sau:

1.1.1. Những công trình nghiên cứu chung về dân chủ

Trong khoa học chính trị và khoa học xã hội nói chung, dân chủ và dân chủ cơ sở là những vấn đề được quan tâm nghiên cứu khá sớm và được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước tập trung làm rõ bản chất, nội dung, các hình thức biểu hiện của dân chủ; đồng thời, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc bảo đảm, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội. Bên cạnh việc luận giải những vấn đề lý luận chung về dân chủ, nhiều nghiên cứu còn đi sâu làm rõ đặc trưng của dân chủ XHCN, cơ chế thực hiện dân chủ cơ sở - nơi quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện trực tiếp, cụ thể nhất. Từ cách tiếp cận và phạm vi nghiên cứu khác nhau, các công trình này có thể được khái quát theo một số hướng chủ yếu sau:

Một là, các nghiên cứu làm rõ lý luận chung về dân chủ

Nhóm công trình nghiên cứu này phân tích dân chủ từ nhiều góc độ như quyền lực thuộc về nhân dân, cơ chế nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, xã hội, cũng như mối quan hệ giữa dân chủ với công bằng, tiến bộ xã hội và sự phát triển của Nhà nước hiện đại. Qua đó, làm rõ nguồn gốc, bản chất, nội dung, hình thức của dân chủ trong đời sống chính trị - xã hội. Trong đó, có một số nghiên cứu tiêu biểu như: “*Democracy and its Critics*” (Dân chủ và sự phê phán) của Robert Alan Dalh [207] tập trung làm rõ nguồn gốc, bản chất và những nguyên tắc cốt lõi của dân chủ trong xã hội hiện đại. Đồng thời, phân tích sự phát triển của các thể chế dân chủ qua các thời kỳ lịch sử ở các quốc gia phát triển, qua đó gợi mở những định

hướng cải cách cần thiết để dân chủ thích ứng trong thế giới đương đại. Hơn nữa, Robert Alan Dalh còn làm rõ bản chất dân chủ tư sản và dân chủ XHCN; đề xuất những cải tiến để củng cố và hoàn thiện hệ thống dân chủ trong bối cảnh hiện đại. Đặc biệt, Robert Alan Dalh đề cập đến 5 tiêu chí cốt lõi của dân chủ, bao gồm: cơ hội thể hiện nguyện vọng, quyền tham gia thảo luận chính sách, quyền chất vấn, sự minh bạch trong kiểm soát chính trị và vai trò của nhân dân trong đời sống chính trị.

Nghiên cứu về dân chủ và dân chủ hóa đương đại, Marc F. Plattner và Larry Diamond với công trình “*The Global Resurgence of Democracy*” (Sự trỗi dậy toàn cầu của dân chủ) [204] tập trung làm rõ bối cảnh lịch sử, đặc điểm nổi bật của làn sóng phục hồi, mở rộng dân chủ trên phạm vi toàn cầu vào cuối thế kỷ XX. Trên cơ sở tiếp cận so sánh và tổng hợp kinh nghiệm quốc tế, các học giả làm rõ nội hàm khái niệm dân chủ và dân chủ hóa, chỉ ra các yếu tố thể chế, chính sách, điều kiện chính trị - xã hội có vai trò thúc đẩy hoặc cản trở sự vận hành của nền dân chủ tự do. Từ đó, lý giải sự đa dạng của các mô hình dân chủ trong thực tiễn, đồng thời cung cấp khung phân tích quan trọng để nghiên cứu xu hướng phát triển của dân chủ trong thế giới đương đại.

Khi hệ thống hóa cơ sở lý luận về dân chủ và quá trình dân chủ hóa trước sự biến đổi sâu sắc của trật tự thế giới đương đại, tác giả Sorensen Georg trong công trình “*Democracy and democratization processes and prospects in changing world*” (Dân chủ và quá trình dân chủ hóa và triển vọng trong một thế giới chuyển đổi) [210] chỉ ra rằng không phải mọi quốc gia đều có thể thành công khi thực hiện dân chủ, trong thực tiễn có nhiều quốc gia rơi vào tình trạng “dân chủ kết hợp” (hybrid regimes), bao gồm cả dân chủ và phi dân chủ. Nghiên cứu làm rõ những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng thành công khi thực hiện dân chủ, bao gồm: trình độ phát triển kinh tế, cấu trúc xã hội, văn hóa chính trị, vai trò của các thể chế chính trị, tác động của môi trường và ảnh hưởng quốc tế. Ngoài ra, nghiên cứu còn phân tích các thách thức lớn đặt ra trong quá trình thực hiện dân chủ trong thế giới hiện đại như: sự trỗi dậy của chủ nghĩa độc tài, tác động của toàn cầu hóa gắn với bất bình đẳng gia tăng, cùng những xung đột sắc tộc, tôn giáo. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra

những nhận định, dự báo về triển vọng phát triển của dân chủ trong thế kỷ XXI.

Nghiên cứu về nguồn gốc, các cách hiểu về dân chủ, Jie Lu và Yun-Han Chu với công trình “*Understandings of Democracy*” (Các cách hiểu về dân chủ) [201] tập trung làm rõ sự đa dạng trong cách hiểu về dân chủ của các quốc gia ở nhiều khu vực khác nhau. Thông qua cách tiếp cận liên ngành, nghiên cứu làm rõ khái niệm “dân chủ” chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh lịch sử, kinh tế, chính trị và nhận thức của nhà nghiên cứu. Qua đó, góp phần mở rộng khung phân tích lý luận về dân chủ ở các quốc gia châu Á trong quá trình cải cách chính trị.

Toby S. James trong bài nghiên cứu “*Real Democracy: A Critical Realist Approach to Democracy and Democratic Theory*” (Dân chủ hiện thực: Cách tiếp cận hiện thực phê phán đối với dân chủ và lý thuyết dân chủ) [211] đưa ra khái niệm “dân chủ hiện thực” dựa trên tiếp cận hiện thực phê phán. Theo đó, dân chủ được hiểu là một hệ thống xã hội bảo đảm đầy đủ các tiền đề trao quyền thực chất cho mọi công dân phát triển năng lực cá nhân, không chỉ thông qua bầu cử mà còn qua các điều kiện về sức khỏe, giáo dục và mức sống. Nghiên cứu phân biệt rõ giữa tiền đề dân chủ và kết quả dân chủ, cho rằng kết quả dân chủ chỉ đạt được khi không tồn tại bất bình đẳng quyền lực phát sinh từ sự tương tác giữa cấu trúc và hành động của con người. Qua đó, xây dựng khái niệm dân chủ toàn diện, gắn với đời sống thường nhật của công dân.

Ngoài ra, nhiều công trình nghiên cứu khác có liên quan, góp phần bổ sung và làm phong phú thêm cách tiếp cận về dân chủ, tiêu biểu như: “*What makes Democracies Endure?*” (Điều gì tạo nên các nền dân chủ bền vững?) của các tác giả Adam Przeworski, Michael Alvarez, Jose Antonio Chebub và Fernando Limongi (Journal of Democracy (1), 1996, p. 39-55) nghiên cứu về các điều kiện cốt lõi bảo đảm sự phát triển bền vững của các nền dân chủ; “*The cultural foundations of modern democracies*” (Nền tảng văn hóa của các nền dân chủ hiện đại) của Damian J. Ruck và các cộng sự (Nature Human Behaviour (4), 2020, p. 265-269) phân tích vai trò nền tảng của các giá trị văn hóa trong sự hình thành và ổn định của nền dân chủ hiện đại; “*Global Challenges to Democracy: Backsliding, Resiliency, and Democratic Theory*”

(Những thách thức toàn cầu đối với dân chủ: Thoái trào, khả năng chống chịu và lý thuyết dân chủ) của Kenneth M. Roberts, Valerie J. Bunce, Thomas B. Pepinsky và Rachel Beatty Riedl (Cambridge University Press, USA, 2025) phân tích bản chất, lý thuyết dân chủ, các thách thức toàn cầu với dân chủ hiện đại và hiện tượng “thoái trào dân chủ”,...

Hai là, nghiên cứu về các mô hình dân chủ, thực tiễn triển khai và kinh nghiệm thực hiện dân chủ

Dân chủ vừa là mô hình thể chế chính trị, phản ánh các giá trị về quyền lực nhân dân, thể hiện tính chính danh của quyền lực nhà nước, vừa là quá trình lịch sử, xã hội phức tạp, trong đó các giá trị dân chủ được thể chế hóa, vận hành trong những điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Quá trình này luôn chịu sự chi phối của các yếu tố lịch sử, trình độ phát triển kinh tế, đặc điểm văn hóa, xã hội, cấu trúc quyền lực chính trị... Qua đó, tạo nên sự đa dạng về mô hình, phương thức triển khai thực hiện dân chủ trên thực tế. Ở nhóm nghiên cứu này có một số công trình tiêu biểu như: “*The Third Wave: Democratization in the Late Twentieth Century*” (Làn sóng thứ ba: Dân chủ hóa vào cuối thế kỷ XX) [208] của Samuel P. Huntington tập trung phân tích làn sóng dân chủ hóa thứ ba diễn ra từ năm 1974 đến 1990, khi nhiều quốc gia ở Nam Âu, Mỹ Latinh, Đông Á và Đông Âu chuyển đổi từ chế độ độc tài sang dân chủ. Đồng thời, chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu của quá trình này, bao gồm khủng hoảng tính chính danh của các chế độ độc tài, sự phát triển kinh tế - xã hội, vai trò của các tác nhân quốc tế và hiệu ứng lan tỏa giữa các quốc gia. Tác giả cho rằng dân chủ hóa là một quá trình phức tạp, không tuyến tính và phụ thuộc nhiều vào bối cảnh của từng quốc gia. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra cảnh báo nguy cơ xuất hiện các “làn sóng ngược” dẫn tới thoái trào dân chủ.

Phân tích điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ trong thế kỷ XXI, hai tác giả Crépon và Marc với công trình “*De la démocratie participative: Fondements et limites*” (Dân chủ tham gia: Cơ sở và giới hạn) [193] tập trung làm rõ vai trò, tầm quan trọng của sự tương tác giữa Nhà nước và công dân; những giá trị cốt lõi của dân chủ bao gồm: minh bạch, đối thoại, trách nhiệm giải trình, quyền tự

quyết của người dân trong các lĩnh vực chính trị, xã hội. Đồng thời, đánh giá sự tham gia của người dân trong quá trình hoạch định, tổ chức chính sách công, từ việc xây dựng luật pháp, phân bổ ngân sách đến giám sát thực thi chính sách. Với sự kết hợp cả về phương diện triết học, khoa học chính trị, tác giả cung cấp góc nhìn toàn diện, khách quan về tiềm năng, triển vọng, thách thức của dân chủ hiện đại.

Công trình “*The People vs Democracy: Why Our Freedom Is in Danger and How to Save It*” của Yascha Mounk [212] phân tích cuộc khủng hoảng của nền dân chủ tự do trong bối cảnh gia tăng chủ nghĩa dân túy và bất bình đẳng toàn cầu. Đồng thời, làm rõ mâu thuẫn giữa hai trụ cột của dân chủ tự do là ý chí của nhân dân; các quyền cá nhân, dẫn tới sự xuất hiện đồng thời của hiện tượng “quyền không gắn với dân chủ” và “dân chủ không có quyền”. Thông qua phân tích so sánh các trường hợp ở Hoa Kỳ và một số nước ở châu Âu, nghiên cứu chỉ ra cách thức các lực lượng dân túy khai thác cơ chế bầu cử để tập trung quyền lực, làm xói mòn các chuẩn mực hiến định. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm tái cân bằng giữa dân chủ và tự do, góp phần làm sâu sắc cơ sở luận lý luận về dân chủ tự do đương đại.

Bài nghiên cứu “*Korea’s experience in building new countryside*” (Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong xây dựng nông thôn mới) của tác giả Lee Sang Mu [202] tập trung phân tích về cách huy động nguồn lực để phát triển nông thôn và nâng cao thu nhập cho nông dân Hàn Quốc thông qua mô hình “làng mới”. Tác giả nhấn mạnh chính quyền Hàn Quốc luôn đề cao việc phát huy dân chủ trong quá trình phát triển nông thôn, đồng thời áp dụng mô hình kinh tế hợp tác dựa trên sự phát triển của cộng đồng. Một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm thành công của mô hình này là việc đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia xây dựng nông thôn, đây là khâu then chốt trong quá trình triển khai.

Ngoài ra, có một số công trình khác liên quan như: “*Deliberative Democracy and Beyond: Liberals*” (Dân chủ thảo luận và những tiếp cận mở rộng: Góc nhìn tự do) của Dryzek, J.S (Critics, Contestations, Oxford University Press, 2000) nghiên cứu về dân chủ thảo luận, chủ nghĩa tự do và các phê phán, tranh luận; “*Why Elections Fail*” (Vì sao các cuộc bầu cử thất bại) của Norris, Pippa (Cambridge University

Press, 2015) làm rõ những vấn đề liên quan đến bầu cử dân chủ, lý giải quá trình dân chủ hóa; “*How Democracies Die*” (Nền dân chủ sụp đổ như thế nào?) của Steven Levitsky và Daniel Ziblatt (Published by Crown, 2019), nghiên cứu về sự sụp đổ của các nền dân chủ ở châu Âu và Mỹ Latinh; “*Misunderstanding Democratic Backsliding*” (Hiểu sai về sự thoái trào dân chủ) của Thomas Carothers, Brendan Hartnett (Journal of Democracy 35 (3), 2024, p. 24-37) nghiên cứu về sự suy thoái của các nền dân chủ thông qua khảo sát 12 trường hợp cụ thể; “*What Democracy Does . . . And Does Not Do*” (Dân chủ làm được gì và không làm được gì) của Maya Tudor (Journal of Democracy 36 (4), 2025, p. 5-19) đánh giá kết quả thực tiễn thực hiện dân chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa gia tăng...

Ba là, các nghiên cứu làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ là nền tảng lý luận, kim chỉ nam cho việc xây dựng và thực hành dân chủ trong điều kiện cách mạng Việt Nam. Do đó, các hướng nghiên cứu tiếp cận ở góc độ tư tưởng Hồ Chí Minh tập trung luận giải sâu sắc các quan điểm cốt lõi như: dân là chủ, dân làm chủ; dân chủ gắn liền với kỷ cương, pháp luật; dân chủ phải được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, các nghiên cứu cũng làm rõ giá trị lý luận, ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc định hướng xây dựng nền dân chủ xã XHCN, v phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở Việt Nam hiện nay. Tiếp cận vấn đề dân chủ dưới góc độ lý luận và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả Nguyễn Khắc Mai với công trình “*Dân chủ - di sản văn hóa Hồ Chí Minh*” [80] và bài nghiên cứu “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ - giá trị lịch sử và hiện thực*” của Cù Thị Minh [82] tập trung làm rõ nguồn gốc hình thành, nội hàm khái niệm dân chủ, chỉ ra tính thống nhất giữa dân chủ với mục tiêu giải phóng con người, xây dựng xã hội mới theo định hướng XHCN. Qua đó, khẳng định dân chủ vừa là giá trị cốt lõi, vừa là động lực phát triển, phản ánh chiều sâu nhân văn và tính hiện đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong đời sống chính trị, xã hội, công trình nghiên cứu “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục và định hướng vận dụng ở các nhà trường quân đội hiện nay*” của Cao Văn Trọng [171] và

các bài nghiên cứu “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong kinh tế*” của Phạm Thị Nết [85], “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và thực hành dân chủ trong Đảng*” của Đặng Hữu Toàn [168],... tập trung phân tích dân chủ trong lĩnh vực xây dựng Đảng, phát triển kinh tế, giáo dục và đào tạo, từ đó khẳng định dân chủ không phải là một khái niệm trừu tượng, mà là nguyên tắc tổ chức và phương thức quản trị xã hội, gắn trực tiếp với quyền lợi, trách nhiệm và sự tham gia của nhân dân trong từng lĩnh vực cụ thể. Đặc biệt, các nghiên cứu chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ và tập trung, giữa phát huy quyền làm chủ với việc giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng; dân chủ được hiện thực hóa trong tổ chức và hoạt động của đảng cầm quyền nhằm củng cố sự thống nhất trong ý chí, hành động của Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam hiện nay*” của Nguyễn Viết Vượng [187] và “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới hiện nay*” của Đỗ Thị Kim Thoa [57], “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và yêu cầu củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân trong giai đoạn hiện nay*” của Bùi Trường Giang [49]... phân tích làm rõ quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong thời kỳ đổi mới, những vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ như: nhận thức về vai trò, địa vị của nhân dân trong thời kỳ quá độ lên CNXH chưa đầy đủ và toàn diện; khoảng cách giữa việc ban hành luật pháp và thực hiện luật pháp còn nhiều bất cập khiến người dân chưa nhận thức rõ vai trò của từng văn bản quy phạm pháp luật; thực hành dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ cương, kỷ luật còn nhiều bất cập... Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm củng cố mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế, cơ chế, phương thức thực hiện dân chủ trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, còn có một số nghiên cứu khác như: “*Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và thực hành dân chủ*” của Đặng Đình Tân (Tạp chí Lý luận chính trị (5), 2004, tr. 10-16), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và vấn đề thực hiện dân*

chủ ở cơ sở” của Lê Xuân Đình (Tạp chí Cộng sản (20), 2004, tr. 34-38), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới hiện nay” của Đỗ Thị Kim Hoa (Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (64), 2013, tr. 36-43), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ chính trị” của Nguyễn Anh Cường (Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (8), 2021, tr. 3-10), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và việc vận dụng tư tưởng đó trong tình hình hiện nay” của Nguyễn Minh Trí (Tạp chí Triết học (356), 2021, tr. 11-19),...

Bốn là, các nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Ở nhóm này, các nhà nghiên cứu tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng và thực hiện dân chủ XHCN ở Việt Nam. Các công trình này tiếp cận vấn đề trên nền tảng kế thừa các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời gắn với bối cảnh đặc thù của Việt Nam trong tiến trình đổi mới và phát triển. Ở phương diện lý luận, nhiều nghiên cứu làm rõ những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ XHCN, nhấn mạnh sự thống nhất giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân. Ở phương diện thực tiễn, các công trình phản ánh quá trình thể chế hóa và triển khai dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, qua đó chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những vấn đề hạn chế, cần tiếp tục hoàn thiện. Qua đó, góp phần củng cố nền tảng lý luận về dân chủ XHCN ở Việt Nam, cung cấp những luận cứ thực tiễn quan trọng cho việc tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, có một số nghiên cứu tiêu biểu như: “*Dân chủ tư sản và dân chủ Xã hội chủ nghĩa*” của hai tác giả Thái Ninh và Hoàng Chí Bảo [94] tập trung làm rõ khái niệm dân chủ, quá trình hình thành và phát triển các mô hình dân chủ qua các thời kỳ; đặc điểm, bản chất và vai trò của dân chủ đối với sự phát triển xã hội; lịch sử hình thành, bản chất, vai trò của dân chủ tư sản và dân chủ XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh mới. Từ đó, đưa ra sự khác biệt của hai mô hình dân chủ, đồng thời khẳng định tính tất yếu của dân chủ XHCN, qua đó cung cấp những luận cứ quan trọng để hoàn thiện nền dân chủ XHCN ở Việt Nam.

Nhằm làm rõ bản chất, đặc trưng của dân chủ XHCN, sự khác biệt giữa dân chủ tư sản và dân chủ XHCN, tác giả Lê Minh Quân trong công trình “*Về quá trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*” [110] khẳng định dân chủ hóa XHCN là quá trình tất yếu, nhưng cần thực hiện hiệu quả cần có lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam nhằm xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Trên cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện dân chủ ở Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghiên cứu làm rõ các nhân tố tác động đến quá trình dân chủ hóa, đề xuất giải pháp và phương hướng thúc đẩy dân chủ hóa XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Nghiên cứu về cơ sở lý luận về dân chủ và tập trung dân chủ, tác giả Nguyễn Tiên Phồn với công trình “*Dân chủ và tập trung dân chủ: Lý luận và thực tiễn*” [99] khẳng định dân chủ và tập trung dân chủ không đối lập mà bổ sung cho nhau. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, tập trung dân chủ là phương thức tối ưu để vừa bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, vừa duy trì sự lãnh đạo tập trung nhằm tránh tình trạng vô tổ chức, phân tán quyền lực. Hơn nữa, nghiên cứu phân tích làm rõ thực tiễn triển khai dân chủ và tập trung dân chủ ở Việt Nam trước 1975, thời kỳ bao cấp (1975-1986), thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả của nguyên tắc tập trung dân chủ ở Việt Nam.

Nghiên cứu về các biện pháp phát huy dân chủ, tác giả Hồ Bá Thâm, Nguyễn Tôn Thị Tường Vân với công trình “*Phản biện xã hội và phát huy dân chủ pháp quyền*” [135] tập trung làm rõ vai trò của phản biện xã hội của các tổ chức xã hội dân sự trong việc thúc đẩy dân chủ pháp quyền, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp trong việc giám sát, góp ý đối với hoạt động của các cấp ủy đảng ở Việt Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Để bảo đảm dân chủ thực chất, tránh mang tính hình thức, các cơ quan lãnh đạo, quản lý cần tạo điều kiện để nhân dân phát huy vai trò phản biện xã hội. Điều này được thể hiện qua quy trình “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân quyết định, dân thụ hưởng”, bảo đảm sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách hiệu quả.

Tiếp cận ở góc độ cơ chế, chính sách về thực hiện dân chủ, tác giả Phan Trung Lý, Đặng Xuân Phương trong công trình nghiên cứu “*Xây dựng và hoàn thiện cơ chế nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp: Cơ sở lý luận và thực tiễn*” [78] và “*Cơ chế pháp lý nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Hoàng Minh Hội [65] làm rõ cơ sở lý luận về xây dựng và hoàn thiện cơ chế dân chủ trực tiếp, trong đó nhấn mạnh các nguyên tắc, phạm vi, nội dung và hình thức thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân. Nghiên cứu chỉ rõ việc xây dựng cơ chế dân chủ trực tiếp phải được thiết kế trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc pháp quyền, minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình để tránh tình trạng hình thức, thiếu thực chất trong thực thi. Bên cạnh đó, nghiên cứu phân tích sâu thực trạng thực hiện dân chủ trực tiếp tại Việt Nam, đánh giá khách quan những thành tựu và hạn chế trong việc xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện dân chủ trực tiếp ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện cơ chế nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp.

Ngoài ra, có một số nghiên cứu khác như: “*Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay*” của Đỗ Trung Hiếu (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004), “*Dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và quá trình mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta*” của Đoàn Minh Huân (Tạp chí Lý luận chính trị (8), 2004, tr. 19-22); “*Vấn đề xây dựng và hoàn thiện pháp luật dân chủ ở nước ta*” của Quách Sĩ Hùng (Tạp chí Dân chủ và chủ pháp luật (6), 2009, tr. 35-39), “*Giá trị dân chủ Việt Nam: Sự pha trộn giữa truyền thống và hiện đại*” của Đỗ Thị Kim Hoa (Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (9), 2023, tr. 3-10), “*Thuận lợi và khó khăn trong xây dựng giá trị dân chủ ở Việt Nam*” của Đỗ Thị Kim Hoa ((Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (8), 2024, tr. 11-20),...

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về dân chủ cơ sở

Dân chủ cơ sở vừa là nền tảng của dân chủ XHCN, vừa là “cầu nối” trực tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong thực tiễn. Thực hiện dân chủ cơ sở có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy trí tuệ, trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội, tăng cường kỷ cương, minh bạch trong quản lý, phòng ngừa

quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Do đó, dân chủ cơ sở là chủ đề được nhiều học giả trong nước quan tâm nghiên cứu trên nhiều khía cạnh, tập trung ở một số nội dung chính sau:

Thứ nhất, các nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của dân chủ cơ sở

Dân chủ cơ sở là cấp độ trực tiếp, thiết thực nhất của việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Do đó, có nhiều nghiên cứu phân tích làm rõ vị trí, vai trò của dân chủ cơ sở trong đời sống xã hội; nội dung, hình thức và phương thức thực hiện dân chủ ở cơ sở thông qua các cơ chế như công khai, minh bạch thông tin, tham gia thảo luận, quyết định các vấn đề của cộng đồng, cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với bộ máy chính quyền. Bên cạnh đó, các công trình còn nhấn mạnh ý nghĩa của việc thực hiện dân chủ cơ sở nhằm tăng cường sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh của cộng đồng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, phòng ngừa các biểu hiện quan liêu, tham nhũng. Trong đó, tiêu biểu như: “*The right to Democracy, Towards a community of democracy*” (Quyền dân chủ, Hướng tới một cộng đồng dân chủ) [196] *The right to Democracy, Towards a community of democracy*” (Quyền dân chủ, Hướng tới một cộng đồng dân chủ) của tác giả Harold Hongju Koh [196] nhấn mạnh về vị trí, vai trò của dân chủ cơ sở trong đời sống chính trị, kinh tế của xã hội đương đại. Tác giả khẳng định xây dựng dân chủ không chỉ dừng lại trong hoạt động chính trị, mà còn định hướng hành vi của mỗi cá nhân trong xã hội. Nghiên cứu nhấn mạnh tính tất yếu của dân chủ cơ sở trong quản lý và tổ chức xã hội, coi đây là nền tảng phản ánh bản chất của thể chế chính trị và hiệu quả hoạt động của chính quyền. Trong nghiên cứu, tác giả chỉ rõ thực hành dân chủ cơ sở vừa tạo ra sự minh bạch, công bằng, vừa thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước. Những luận điểm này cho thấy, dân chủ vừa là khái niệm trừu tượng, vừa là thực tiễn sống động, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của một quốc gia.

Tiếp cận vấn đề dân chủ và quản trị cơ sở từ góc độ lý luận chính trị kết hợp với phân tích pháp lý so sánh, tác giả Yunyi Qin trong bài viết “*Grassroots governance*

and social development: theoretical and comparative legal aspects” (Quản trị cơ sở và phát triển xã hội: Các khía cạnh lý thuyết và pháp lý so sánh) [213] tập trung làm rõ khái niệm, nội hàm, đặc trưng của dân chủ cơ sở và quản trị cơ sở; đồng thời nhấn mạnh vai trò của quản trị cơ sở như một cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa tự quản cộng đồng và phát triển xã hội. Tác giả cho rằng, bên cạnh mô hình dân chủ đại diện truyền thống, dân chủ cơ sở góp phần mở rộng quyền dân sự, nâng cao trách nhiệm giải trình và tăng cường sự tham gia thực chất của người dân ở cơ sở. Thông qua khảo cứu kinh nghiệm của nhiều quốc gia, tác giả chỉ ra sự khác biệt về mô hình pháp lý và cơ chế thực thi dân chủ cơ sở trong các bối cảnh văn hóa - xã hội khác nhau. Trên cơ sở đó, đánh giá tiềm năng thể chế hóa pháp lý quản trị cơ sở và khả năng thích ứng của các mô hình tự quản đối với mục tiêu phát triển cộng đồng bền vững.

Bên cạnh đó, tác giả Vũ Văn Hiền trong nghiên cứu “*Quy chế Dân chủ cơ sở - vấn đề lý luận và thực tiễn*” [55] cũng làm rõ khái niệm QCDC ở cơ sở là hệ thống quy định pháp lý nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân tại cấp cơ sở; đồng thời, nhấn mạnh một số nguyên tắc thực hiện QCDC cơ sở, gồm: nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước; dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; kết hợp giữa dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Hơn nữa, tác giả đánh giá khách quan thực trạng triển khai QCDC ở cơ sở tại Việt Nam, chỉ ra những tích cực và hạn chế còn tồn tại; đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những bất cập và nâng cao chất lượng thực hiện QCDC ở cơ sở trong thời kỳ mới.

Cùng hướng nghiên cứu trên, công trình “*Dân chủ và dân chủ cơ sở ở nông thôn trong tiến trình đổi mới*” của tác giả Hoàng Chí Bảo [5] và “*Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam*” của các tác giả Đào Trí Úc, Trịnh Đức Thảo, Vũ Công Giao, Trương Hồ Hải, Nguyễn Đăng Dung [179] tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến dân chủ và dân chủ cơ sở, đồng thời nhấn mạnh vai trò của dân chủ cơ sở trong việc thúc đẩy sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xây dựng cộng đồng dân cư vững mạnh. Bên cạnh đó, các tác giả còn đánh giá khách thực

trạng triển khai dân chủ cơ sở, đề xuất một số giải pháp tiếp tục phát huy dân chủ cơ sở ở nông thôn Việt Nam trong bối cảnh mới. Trong đó, nhấn mạnh việc tăng cường vai trò của chính quyền cơ sở, bảo đảm quyền tham gia của người dân; nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước.

Nghiên cứu về dân chủ cơ sở và vai trò của chính quyền tự quản trong tiến trình phát triển nông thôn Ấn Độ, tác giả Mohd Faheem với bài nghiên cứu “*Grassroots Democracy and Local Governance Issues: Perspective from Rural India*” (Dân chủ cơ sở và các vấn đề quản trị địa phương: Góc nhìn từ vùng nông thôn Ấn Độ) [205] làm rõ hệ thống Panchayati Raj - mô hình tự quản ở cơ sở được thể chế hóa thông qua Tu chính án Hiến pháp lần thứ 73 của Ấn Độ. Nghiên cứu khẳng định cải cách hiến pháp này tạo bước chuyển quan trọng trong quá trình phân quyền, mở rộng sự tham gia của người dân, nâng cao trách nhiệm giải trình và thúc đẩy quản trị địa phương. Đồng thời, chỉ ra sự chênh lệch về hiệu quả quản trị giữa các bang, trong đó các bang phát triển triển khai tốt các chương trình phát triển, còn các bang kém phát triển gặp hạn chế do tham nhũng và năng lực quản lý yếu. Qua đó, làm rõ cơ hội, thách thức của dân chủ cơ sở trong hệ thống quản trị nông thôn Ấn Độ, có giá trị tham khảo cho nghiên cứu so sánh về quản trị và dân chủ ở cấp cơ sở.

Nghiên cứu về thực tiễn triển khai thực hiện dân chủ cơ sở, tác giả Sashi Tharoor trong bài nghiên cứu “*Gaps in the exercise of democracy in rural Asia*” (Những khoảng trống trong thực hiện dân chủ ở nông thôn châu Á) của [209] đánh giá khách quan những kết quả đạt được trong việc thực hiện dân chủ ở nông thôn châu Á. Tuy nhiên, sự vận hành thực tế của dân chủ, đặc biệt tại các vùng nông thôn còn nhiều hạn chế, bất cập. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là hệ thống pháp lý chưa hoàn thiện, nhiều quy định còn chung chung, thiếu tính thực tiễn hoặc chưa được thực thi triệt để. Trình độ dân trí thấp, khả năng tiếp cận thông tin hạn chế, cùng với năng lực quản lý của chính quyền cơ sở chưa đồng đều là những yếu tố làm chậm quá trình dân chủ hóa... Để khắc phục, Sashi Tharoor cho rằng cần có những cải cách toàn diện về luật pháp, nâng cao nhận thức người dân và đổi mới cơ chế quản lý hành chính, hướng đến một nền dân chủ thực chất và bền vững hơn.

Cùng hướng nghiên cứu trên, hai tác giả Les Donaldson và Edward E. Scannell trong bài nghiên cứu “*Highlighting the role of the people, really promoting democracy at grassroots level, then building new rural areas will be successful*” (Đề cao vai trò của người dân, thực sự phát huy dân chủ ở cơ sở, thì xây dựng nông thôn sẽ đạt được thành công) [203] tập trung phân tích thực tiễn phát huy dân chủ cơ sở ở nhiều quốc gia như Hà Lan, Pháp, Mỹ, Thái Lan... Trên cơ sở đó, các tác giả khẳng định dân chủ là “chìa khóa vạn năng” quyết định sự thành công trong xây dựng nông thôn. Khi dân chủ được thực thi ở cơ sở, người dân không chỉ là người thụ hưởng, mà còn là nhân tố chính góp phần quyết định thành công của các chương trình phát triển nông thôn. Vì vậy, cần tạo điều kiện để người dân tham gia trực tiếp vào quá trình ra quyết định, bảo đảm công khai, minh bạch.

Ngoài ra, có một số nghiên cứu khác liên quan như: “*Quy chế thực hiện dân chủ cấp xã: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Dương Xuân Ngọc (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000), “*Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tình hình hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Nguyễn Cúc (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002), “*Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*” của Đỗ Quang Tuấn (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002); “*Vấn đề thực hiện dân chủ cơ sở ở nông thôn Trung Quốc*” của Đỗ Tiến Sâm (NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005), “*Pháp luật với vấn đề thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*” của Lê Xuân Huy (Tạp chí Triết học 1 (199), 2007) tr. 41-46); “*State of Local Democracy Assessment Framework*” (Khung đánh giá thực trạng dân chủ địa phương) của Kemp, B and Jiménez, M. (International IDEA, Stockholm, Sweden, 2013, p. 21-41) xây dựng khung đánh giá thực trạng dân chủ cơ sở nhằm đo lường các giá trị dân chủ như quyền công dân, tính đại diện, trách nhiệm giải trình, sự tham gia của người dân; “*Struggles for democracy: strategies and resources of initiatives for non-citizen voting rights at local levels in Europe*” (Đấu tranh cho dân chủ: Chiến lược và nguồn lực của các sáng kiến về quyền bầu cử cho công dân ở địa phương tại châu Âu) của Katrin Sontag, Metka Herzog và Silva Lässer (Comparative Migration Studies, 10 (17), 2022) nghiên cứu về việc trao quyền bầu cử cho công dân thể hiện dân chủ cơ sở ở ba thành

phổ ở châu Âu; “*Citizen Participation and Political Efficacy at the Grassroots Level: The Case of Residents’ Self-Governance Associations in Seoul, South Korea*” (Sự tham gia của công dân và hiệu quả chính trị ở cấp cơ sở: Trường hợp các hiệp hội tự quản của cư dân tại Seoul, Hàn Quốc) của Hiroki Miura, Taedong Lee và Euiyoung Kim (International Journal of Voluntary and Nonprofit Organizations (36), 2025, p. 204-216) phân tích hiệu quả chính trị và sự tham gia của công dân trong các hiệp hội tự quản tại Seoul, phản ánh mô hình dân chủ cơ sở ở đô thị phát triển; ...

Thứ hai, các nghiên cứu làm rõ quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân chủ cơ sở

Các công trình nghiên cứu ở nhóm này góp phần làm rõ quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện nhận thức lý luận cũng như thể chế thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam. Trên phương diện nghiên cứu lý luận, một số nghiên cứu tập trung phân tích các chủ trương nhất quán của Đảng về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhấn mạnh dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển, đồng thời khẳng định vai trò của dân chủ cơ sở như nền tảng của nền dân chủ XHCN. Trên phương diện thể chế, một số công trình làm rõ quá trình cụ thể hóa các quan điểm của Đảng thành hệ thống chính sách, pháp luật, đặc biệt thông qua việc ban hành, triển khai các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở, cơ chế công khai, minh bạch, cũng như các hình thức để nhân dân tham gia bàn bạc, quyết định, giám sát các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của mình. Bên cạnh việc khẳng định những kết quả đạt được, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong bối cảnh hiện nay. Trong đó, có một số nghiên cứu tiêu biểu như: “*Hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam hiện nay*” của Nguyễn Tiến Thành [131] tập trung làm rõ cơ sở lý luận về hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam bao gồm: nhận thức về dân chủ và dân chủ cơ sở; khái niệm, đặc điểm, vai trò của cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở; các thành tố, tiêu chí của cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở. Đồng thời, phân tích làm rõ thực trạng, quan điểm và giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý

thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

Tiếp cận ở góc độ lịch sử Đảng, tác giả Ngô Văn Sỹ với công trình “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở từ năm 1998 đến năm 2015*” [123] tập trung phân tích các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện QCDC cơ sở giai đoạn 1998-2015; chủ trương, chỉ đạo của Đảng về thực hiện QCDC cơ sở trong hai giai đoạn: 1998-2006 và 2006-2015; đồng thời, đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình triển khai. Từ đó, tác giả rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong giai đoạn tiếp theo.

Bài nghiên cứu “*Quá trình nhận thức của Đảng về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở*” của Bùi Thị Bích Thủy [138] phân tích sự phát triển trong tư duy và nhận thức của Đảng về thực hiện QCDC ở cơ sở theo từng giai đoạn, có sự điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn đất nước. Bên cạnh đó, tác giả còn làm rõ vai trò của QCDC cơ sở trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao trách nhiệm giám sát, tham gia của người dân vào quản lý nhà nước, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả dân chủ ở cơ sở. Cuối cùng, tác giả nhấn mạnh dân chủ ở cơ sở nếu được thực hiện tốt sẽ góp phần củng cố sự gắn kết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Ngoài ra, còn một số nghiên cứu khác liên quan như: “*Xoá đói giảm nghèo, trao quyền và thực hiện dân chủ cơ sở ở nông thôn*” của Trịnh Duy Luân (Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam (2), 2008, tr. 47-54), “*Vấn đề xây dựng và hoàn thiện pháp luật dân chủ cơ sở ở nước ta hiện nay*” của Quách Sĩ Hùng (Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (6), 2009, tr. 35-39), “*Lãnh đạo thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Đồng bằng Sông Cửu Long*” của Nguyễn Thị Thu Hoài (Tạp chí Xây dựng Đảng (5), 2015, tr. 38-39), “*Quan điểm của Đảng về thực hành dân chủ ở cơ sở - Một số bài học kinh nghiệm trong bối cảnh hiện nay*” của Nguyễn Đức Quyền (Journal of Information Systems Engineering and Management 10 (31), tr. 593-598),...

Ba là, các nghiên cứu làm rõ thực tiễn triển khai thực hiện dân chủ cơ sở

một số tỉnh, thành phố của Việt Nam

Các công trình này chủ yếu tiếp cận từ góc độ nghiên cứu trường hợp hoặc điều tra thực tiễn, qua đó phản ánh sinh động quá trình tổ chức thực hiện các quy định về dân chủ cơ sở trong những điều kiện kinh tế - xã hội và đặc thù quản lý khác nhau của từng địa phương. Thông qua việc đánh giá kết quả đạt được, những mô hình hay, cách làm hiệu quả cũng như những hạn chế, khó khăn trong quá trình triển khai, các nghiên cứu góp phần làm rõ mức độ hiện thực hóa các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân chủ cơ sở trong đời sống xã hội. Đồng thời, từ thực tiễn đa dạng đó, nhiều công trình rút ra những kinh nghiệm có giá trị tham khảo và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong bối cảnh hiện nay. Trong đó, có một số nghiên cứu tiêu biểu như: “*Luật tục và việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum*” do tác giả Nguyễn Văn Nam chủ biên [84] đi sâu phân tích các đặc điểm nổi bật của luật tục trong đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Kon Tum bao gồm: tính cố kết cộng đồng, sự kết hợp giữa yếu tố pháp lý và đạo đức, tính linh hoạt và thích ứng. Qua đó, tác giả khẳng định luật tục giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định xã hội, đặc biệt trong các vấn đề như quản lý đất đai, hôn nhân, gia đình, giải quyết các tranh chấp và duy trì nếp sống văn hóa. Bên cạnh đó, tác giả làm rõ tác động tích cực và tiêu cực của luật tục đối với quá trình thực hiện QCDC cơ sở, đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi, góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ chế dân chủ bền vững, phù hợp với đặc thù văn hóa - xã hội tại Kon Tum.

Tác giả Trần Văn Khuyên với công trình nghiên cứu “*Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*” [73] nghiên cứu toàn diện về lý luận và thực tiễn thực hiện QCDC cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, tập trung làm rõ khái niệm về dân chủ, QCDC cơ sở; thực trạng triển khai và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện QCDC cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đô thị và nâng cao chất lượng quản trị nhà nước theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch.

Công trình “*Thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở trong cơ quan hành chính*

nhà nước từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên” của tác giả Lê Minh Hương [70] tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực hiện pháp luật dân chủ cơ sở trong cơ quan hành chính nhà nước, thực trạng thực hiện pháp luật trong cơ quan hành chính nhà nước tại tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu chỉ ra các nguyên nhân, yếu tố tác động đến việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở trong cơ quan hành chính nhà nước, đồng thời, đề xuất một số biện pháp cơ bản đẩy mạnh thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở trong cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian tới.

Bài nghiên cứu “*Về thực hiện dân chủ trực tiếp ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*” của Nguyễn Thị Thanh Thủy [139] tập trung làm rõ khái niệm dân chủ trực tiếp, đồng thời khẳng định dân chủ trực tiếp là một phương thức quan trọng để phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, tác giả phân tích thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện dân chủ trực tiếp ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh để nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ trực tiếp cần có sự phối hợp giữa Nhà nước, chính quyền địa phương và người dân trong việc tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao nhận thức và đổi mới phương thức triển khai. Điều này không chỉ giúp tăng cường tính dân chủ mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của khu vực.

Nghiên cứu chuyên sâu về thực tiễn triển khai dân chủ cơ sở tại khu vực dân tộc thiểu số ở Việt Nam tác giả Nguyễn Tài Đông với công trình “*Thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*” [45] tập trung làm rõ khái niệm, bản chất và đặc điểm thực hiện dân chủ cơ sở trong điều kiện đặc thù của cộng đồng dân tộc thiểu số; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện dân chủ cơ sở; thực trạng, nguyên nhân tác động đến việc thực hiện dân chủ cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở trung vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, bài nghiên cứu “*Một số vấn đề về thực hiện quy chế dân chủ ở cấp xã trong điều kiện hiện nay ở nước ta*” của Nguyễn Minh Tuấn [175] chỉ ra bốn đặc trưng cơ bản nhất của dân chủ cơ sở gồm: Dân chủ cơ sở phải trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật, đi đôi với trật tự, kỷ cương; dân chủ cơ sở nhằm thực

hiện và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân ở xã, phường, thị trấn cũng như đảm bảo quyền lực, lợi ích của nhân dân; dân chủ cơ sở được thực hiện thông qua các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở; Dân chủ cơ sở có nội dung toàn diện rộng lớn bao quát các lĩnh vực đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định vai trò và tầm quan trọng của dân chủ cơ sở trong việc bảo đảm nhân dân được trực tiếp tham gia quản lý Nhà nước, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Bên cạnh đó, tác giả đánh giá khách quan thực tiễn thực hiện QCDC ở cấp xã, đưa ra một số kiến nghị thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Ngoài ra, có một số công trình khác liên quan như: “*Đồng Tháp thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*” của Huỳnh Minh Đoàn (Tập chí Cộng sản (110), 2004, tr. 53-56), “*Đà Nẵng phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở*” của Lê Tự Cường (Tập chí Cộng sản (2), 2004, tr. 35-38), “*Vấn đề dân chủ cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh*” của Trần Trọng Tân (Tập chí Cộng sản (18), 2004, tr. 47-50); “*Gia Lai phát huy dân chủ cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân*” của Hà Sơn Nhin (Tập chí Cộng sản (856), 2014, tr. 66-69), “*Năng lực của cán bộ cấp xã, phường trong thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở: Qua khảo sát tại tỉnh Vĩnh Phúc*” của Nguyễn Tiến Thành (Tập chí Lý luận chính trị (10), 2014, tr. 66-71), “*Thực hiện dân chủ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Hải Dương*” của Phạm Xuân Thiên (Tập chí Văn hóa Nghệ thuật (396), 2017, tr. 100-102), “*Vai trò của nhân dân trong thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở tỉnh Hưng Yên hiện nay*” của Nguyễn Văn Đại (Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019),...

1.1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Thái Bình là địa phương có truyền thống lịch sử - văn hóa lâu đời, gắn với các phong trào quần chúng rộng khắp. Cuối thập niên 90 (thế kỷ XX), Thái Bình xảy ra hiện tượng khiếu kiện đông người, kéo dài ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Thực tiễn đó tác động trực tiếp đến nhận thức và chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, Thái Bình cũng là một trong những địa phương được lựa chọn thí điểm triển khai nhiều cơ chế, chính sách về dân

chủ cơ sở, qua đó tạo ra môi trường thực tiễn sinh động để kiểm nghiệm, đánh giá và rút ra các bài học kinh nghiệm có giá trị cho việc hoàn thiện thể chế, nhân rộng mô hình triển khai thực hiện dân chủ trên phạm vi cả nước. Do đó, có nhiều công trình nghiên cứu tiếp cận vấn đề thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ những góc độ khác nhau, góp phần làm rõ cả phương diện lý luận và thực tiễn của vấn đề này.

Tiếp cận từ góc độ thể chế và cơ chế thực thi, công trình “*Thực hiện pháp luật về dân chủ cấp xã trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ thực tiễn của tỉnh Thái Bình)*” của Nguyễn Hồng Chuyên [14] tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về dân chủ cơ sở, hệ thống hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, cơ chế, chính sách và pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở. Trên cơ sở đánh giá khách quan thực trạng thực hiện các quy định pháp luật về dân chủ cơ sở tại Thái Bình, các nghiên cứu chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai và đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế, nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tiếp cận từ góc độ nghiên cứu lịch sử Đảng và vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng ở địa phương, các công trình “*Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo thực hiện dân chủ cơ sở từ năm 1998 đến năm 2013*” [13] và các bài viết “*Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở từ năm 1998 đến năm 2007*” [11], “*Đảng bộ tỉnh Thái Bình thực hiện Quy chế dân chủ trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại của nhân dân (1997 - 2007)*” [12] của Đinh Ngọc Chính. Các nghiên cứu này đều tập trung làm rõ bối cảnh, quá trình triển khai việc thực hiện dân chủ cơ sở trong điều kiện cụ thể của Thái Bình dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực. Các nghiên cứu đều thống nhất khẳng định việc ban hành và thực hiện QCDC ở cơ sở là kết quả vận dụng chủ trương của Đảng vào thực tiễn Thái Bình nhằm đáp ứng các yêu cầu bức thiết của đời sống xã hội ở nông thôn, liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân. Trong đó, Đảng bộ tỉnh Thái Bình giữ vai trò trung tâm, trực tiếp ban hành các nghị quyết, chỉ thị, tăng cường công tác

chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở. Trên cơ sở đánh giá khách quan những kết quả đạt được trong việc thực hiện QCDC ở cơ sở, đặc biệt là việc mở rộng quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước, các nghiên cứu chỉ ra rằng việc tăng cường đối thoại, tiếp thu ý kiến của nhân dân góp phần hạn chế khiếu kiện, củng cố mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Bên cạnh đó, các nghiên cứu chỉ ra những hạn chế trong quá trình thực hiện QCDC cơ sở như: ở một số nơi còn mang tính hình thức, nhận thức của một bộ phận cán bộ chưa đầy đủ, cơ chế thực thi dân chủ chưa đồng bộ, hiệu quả giám sát của nhân dân còn hạn chế. Từ đó, tác giả chỉ ra các nguyên nhân chủ quan và khách quan, bước đầu rút ra những kinh nghiệm quan trọng nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo, coi trọng công tác dân vận, bảo đảm sự hài hòa mở rộng của dân chủ gắn với kỷ cương, pháp luật.

Tiếp cận từ thực tiễn triển khai QCDC ở cơ sở và yêu cầu giải quyết các bất ổn xã hội, nghiên cứu “*Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở - Một giải pháp cơ bản khắc phục điểm nóng Thái Bình*” của tác giả Đặng Thị Minh Phương [102] tập trung phân tích bối cảnh đặc thù của Thái Bình vào cuối thập niên 90, khi những bất cập trong quản lý đất đai, chính sách, cùng với tình trạng quan liêu, thiếu minh bạch ở cơ sở đã dẫn đến những phản ứng xã hội phức tạp. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định vai trò của việc ban hành và thực hiện QCDC như một giải pháp mang tính đột phá, góp phần tháo gỡ mâu thuẫn, ổn định tình hình và từng bước củng cố niềm tin của nhân dân đối với hệ thống chính trị. Từ thực tiễn chuyên biến tích cực sau khi triển khai, nghiên cứu rút ra nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị cho việc tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở.

Ở góc độ tổng kết thực tiễn và rút ra kinh nghiệm, các nghiên cứu của Nguyễn Hạnh Phúc Phúc trong bài nghiên cứu “*Thực hiện quy chế dân chủ ở Thái Bình - Thành tựu và kinh nghiệm*” của tác giả [100] nhấn mạnh vai trò của QCDC trong việc ổn định tình hình chính trị - xã hội, tăng cường sự tham gia của người dân, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở. Đồng thời, đánh giá

mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động giám sát, quản lý của địa phương; những kết quả đạt được và bài học rút ra trong quá trình triển khai QCDC cơ sở trên địa bàn tỉnh; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện QCDC trong giai đoạn tiếp theo, bảo đảm minh bạch, tăng cường sự giám sát của nhân dân và nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể. Đặc biệt, tác giả còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nhân rộng mô hình thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình sang các tỉnh, thành phố khác.

Bài nghiên cứu “*Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở Thái Bình*” của tác giả Trần Văn Rạng [112] làm rõ bối cảnh và sự cần thiết của việc thực QCDC ở cơ sở tại Thái Bình, trong đó nhấn mạnh việc thực hiện QCDC ở cơ sở được xem là giải pháp quan trọng để tăng cường sự tham gia của người dân vào quản lý nhà nước và xã hội, góp phần ổn định tình hình. Bên cạnh đó, tác giả còn khái quát quá trình triển khai QCDC cơ sở ở Thái Bình. Trên cơ sở đánh giá khách quan những kết quả đạt được và hạn chế, tác giả rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất một số giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện QCDC tại Thái Bình.

Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu liên ngành về lịch sử, văn hóa, xã hội và con người Thái Bình cũng cung cấp những luận cứ quan trọng giúp lý giải bối cảnh, điều kiện thực hiện dân chủ cơ sở tại địa phương, góp phần bổ sung góc nhìn toàn diện hơn về vấn đề này như: “*Thái Bình thời đổi mới*” của Nguyễn Dương An (NXB Tài chính, Hà Nội, 2005), “*Đất và người Thái Bình*” của Phạm Minh Đức - Bùi Duy Lan (NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2010), “*Vai trò của nông dân tỉnh Thái Bình trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay*” của Mai Thị Mến (Luận văn thạc sĩ Triết học, Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010), “*Tỉnh Thái Bình thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở (2007-2013)*” của Đinh Ngọc Chính (Tạp chí Lịch sử Đảng 9 (334), 2018, tr. 103 - 107), “*Quá trình phát triển nhận thức về thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn từ sự kiện của tỉnh Thái Bình (1997-1999) đến nay*” của Lê Quang Hòa (Tạp chí Quản lý Nhà nước, 2024),...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau như lịch sử Đảng, văn hóa học, chính trị học, quản lý nhà nước và nghiên cứu phát triển... Qua đó, làm rõ nhiều khía cạnh quan trọng từ chủ trương lãnh đạo, cơ chế thực thi đến tác động thực tiễn của dân chủ cơ sở. Tuy nhiên, các nghiên cứu này phần lớn mới dừng lại ở từng giai đoạn hoặc từng khía cạnh riêng lẻ, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về quá trình thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 1998 đến năm 2025. Đây là khoảng trống nghiên cứu quan trọng, đặt ra yêu cầu cần có một công trình tổng thể nhằm hệ thống hóa, đánh giá đầy đủ việc thực hiện dân chủ cơ sở, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu từ các công trình liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

1.2.1. Những vấn đề các công trình nghiên cứu trước đã giải quyết

Thông qua việc tìm hiểu, thống kê các nhóm công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, có thể khái quát một số vấn đề sau:

Về nội dung

Thứ nhất, những công trình nghiên cứu chung về dân chủ tập trung làm rõ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến dân chủ, từ nguồn gốc, bản chất đến nội dung, hình thức biểu hiện của dân chủ trong đời sống chính trị - xã hội. Thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau, dân chủ được luận giải như một giá trị chính trị cốt lõi, là phương thức tổ chức quyền lực xã hội, trong đó quyền lực thuộc về nhân dân và được thực hiện thông qua những cơ chế nhất định. Các nghiên cứu tiêu biểu còn hệ thống hóa các tiêu chí cơ bản của dân chủ, nhấn mạnh vai trò của sự tham gia chính trị, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng kiểm soát quyền lực. Đồng thời, chỉ ra rằng dân chủ không phải là một mô hình bất biến mà có sự vận động, biến đổi theo điều kiện lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa của từng quốc gia, qua đó mở rộng khung phân tích lý luận về dân chủ trong bối cảnh hiện đại.

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu đi sâu phân tích quá trình dân chủ hóa và sự đa dạng của các mô hình dân chủ trên thế giới. Từ cách tiếp cận so sánh, các học giả chỉ ra rằng dân chủ là một quá trình phức tạp, không tuyến tính, chịu sự tác động của nhiều yếu tố như thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế, cấu trúc xã hội, văn hóa chính trị và môi trường quốc tế. Những nghiên cứu này không chỉ làm rõ các điều kiện thúc đẩy hoặc cản trở dân chủ hóa, mà còn chỉ ra các hình thức dân chủ và hiện tượng thoái trào dân chủ, từ đó làm rõ những thách thức đặt ra đối với nền dân chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa. Qua đó, góp phần bổ sung nhận thức về tính đa dạng, phức hợp và những giới hạn của dân chủ trong thực tiễn vận hành. Hơn nữa, một số nghiên cứu khác còn phân tích các mô hình dân chủ cụ thể và kinh nghiệm thực tiễn triển khai dân chủ ở các quốc gia. Qua đó, khẳng định dân chủ không chỉ là một thiết chế chính trị, mà còn là một quá trình xã hội gắn với việc thể chế hóa các giá trị dân chủ vào trong đời sống. Từ các trường hợp nghiên cứu điển hình, nhiều tác giả khẳng định vai trò của sự tham gia của người dân, tính minh bạch, đối thoại và trách nhiệm giải trình trong nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ. Đồng thời, các nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong việc thiết kế thể chế, tạo lập môi trường và điều kiện để người dân thực hiện quyền làm chủ. Những kinh nghiệm quốc tế này có giá trị tham khảo quan trọng đối với các quốc gia đang trong quá trình hoàn thiện thể chế dân chủ, trong đó có Việt Nam.

Một số công trình nghiên cứu khác, tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của dân chủ XHCN ở Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các nghiên cứu khẳng định bản chất của dân chủ XHCN là sự thống nhất giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân. Đồng thời, làm rõ các hình thức thực hiện dân chủ như dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp, cũng như cơ chế để nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội. Trên phương diện thực tiễn, một số công trình phân tích quá trình thể chế hóa và triển khai dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, bất cập như tình trạng thực hiện dân chủ còn

mang tính hình thức, cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Ngoài ra, còn có các nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ góp phần làm sâu sắc nền tảng lý luận của dân chủ ở Việt Nam. Các công trình luận giải hệ thống các quan điểm cốt lõi như “dân là chủ, dân làm chủ”, dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và pháp luật, cũng như yêu cầu thực hiện dân chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, làm rõ giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc định hướng xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ XHCN, đặc biệt là trong việc củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong quá trình phát triển.

Thứ hai, những công trình nghiên cứu về dân chủ cơ sở tiếp cận tương đối toàn diện cả phương diện lý luận, thể chế và thực tiễn triển khai, qua đó góp phần hình thành cơ sở khoa học quan trọng cho việc nghiên cứu chuyên sâu về thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình. Trước hết, một số nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của dân chủ cơ sở. Trên phương diện lý luận, dân chủ cơ sở được xác định là một bộ phận cấu thành của nền dân chủ XHCN, là cơ chế quan trọng bảo đảm sự kết nối giữa Nhà nước và xã hội. Trong đó, một số nghiên cứu tập trung làm rõ vị trí, vai trò của dân chủ cơ sở trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua các cơ chế: Công khai, minh bạch thông tin; tham gia thảo luận, quyết định các vấn đề của cộng đồng; kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở. nhấn mạnh dân chủ cơ sở góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, có ý nghĩa quan trọng trong tăng cường đồng thuận xã hội, phòng ngừa quan liêu, tham nhũng, nâng cao chất lượng quản trị địa phương. Bên cạnh đó, các học giả còn làm rõ tính đa dạng của các mô hình dân chủ cơ sở, chỉ ra mối quan hệ giữa quản trị cơ sở, tự quản cộng đồng và phát triển bền vững, đồng thời nhận diện những điều kiện bảo đảm để dân chủ cơ sở vận hành hiệu quả trong các bối cảnh khác nhau.

Một số nghiên cứu khác tập trung phân tích, làm sáng tỏ quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thực hiện dân chủ cơ

sở. Trên phương diện lý luận, một số nhà nghiên cứu làm rõ sự phát triển trong nhận thức của Đảng về dân chủ cơ sở qua các giai đoạn, khẳng định dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển, đồng thời nhấn mạnh vai trò nền tảng của dân chủ cơ sở trong xây dựng nền dân chủ XHCN. Trên phương diện thể chế, một số nghiên cứu làm rõ việc xây dựng và triển khai quy chế dân chủ ở cơ sở với các nội dung cốt lõi như “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đồng thời, phân tích thực trạng thực thi các quy định này, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, từ đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế pháp lý, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở trong điều kiện đổi mới và hội nhập.

Ngoài ra, còn có một số công trình tiếp cận từ thực tiễn triển khai dân chủ cơ sở từng địa phương cụ thể. Thông qua các nghiên cứu trường hợp ở nhiều tỉnh, thành phố với những đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hóa và trình độ phát triển khác nhau, các nghiên cứu phân tích việc thực hiện dân chủ cơ sở trong thực tế. Đồng thời, làm rõ mức độ hiện thực hóa các chủ trương, chính sách về dân chủ cơ sở, chỉ ra sự khác biệt trong cách thức triển khai giữa các địa phương, phụ thuộc vào năng lực của chính quyền cơ sở, trình độ dân trí, điều kiện kinh tế và đặc thù văn hóa- xã hội. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu phát hiện, tổng kết các mô hình, cách làm hiệu quả như phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, kết hợp giữa pháp luật với luật tục, tăng cường cơ chế đối thoại và giám sát của nhân dân. Hơn nữa, các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn, hạn chế như năng lực cán bộ cơ sở còn chưa đồng đều, cơ chế thực hiện còn thiếu đồng bộ, sự tham gia của người dân chưa thực sự đầy đủ và thực chất. Trên cơ sở đó, đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong bối cảnh hiện nay.

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu về dân chủ cơ sở tập trung làm rõ cơ sở lý luận, khung thể chế và thực tiễn triển khai ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn mang tính khái quát hoặc tiếp cận theo từng địa bàn riêng lẻ, chưa có nhiều công trình đi sâu phân tích hệ thống, toàn diện việc thực

hiện dân chủ cơ sở gắn với đặc thù lịch sử, văn hóa và điều kiện phát triển cụ thể của từng địa phương.

Thứ ba, những công trình nghiên cứu liên quan đến việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, bao quát cả phương diện lý luận, thể chế và thực tiễn triển khai. Trên phương diện thể chế, các nghiên cứu góp phần làm rõ quá trình cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân chủ cơ sở phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đồng thời chỉ ra những vướng mắc trong cơ chế thực thi, yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân chủ cơ sở trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Trên phương diện lịch sử Đảng, các nghiên cứu tái hiện khá rõ vai trò của Đảng bộ tỉnh Thái Bình trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện QCDC ở cơ sở, nhấn mạnh sự gắn kết giữa mở rộng dân chủ với giữ vững kỷ cương, ổn định chính trị - xã hội. Ở góc độ thực tiễn, một số nghiên cứu đi sâu phân tích bối cảnh đặc thù của Thái Bình, đặc biệt là những biến động xã hội cuối thập niên 1990, từ đó khẳng định việc thực hiện QCDC ở cơ sở như một giải pháp mang tính đột phá nhằm giải quyết các bất ổn chính trị, xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân và nâng cao hiệu quả quản trị địa phương. Bên cạnh việc đánh giá thực trạng thực hiện dân chủ ở Thái Bình, một số nhà nghiên cứu tiến hành tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị về phát huy vai trò của người dân, tăng cường công khai, minh bạch, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở. Đồng thời, thông qua các nghiên cứu liên ngành về lịch sử, văn hóa, xã hội, con người Thái Bình, nhiều luận cứ quan trọng được bổ sung, góp phần lý giải sâu sắc hơn các điều kiện đặc thù chi phối quá trình thực hiện dân chủ cơ sở.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới tập trung vào từng giai đoạn lịch sử, từng lĩnh vực hoặc từng khía cạnh riêng lẻ của việc thực hiện dân chủ cơ sở, còn thiếu vắng những công trình có tính hệ thống, liên tục và toàn diện trong giai đoạn 1998-2025. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu phân tích tổng thể về mối quan hệ giữa việc thực hiện dân chủ cơ sở với các yếu tố biến đổi kinh tế - xã hội, chuyển đổi

mô hình quản trị địa phương đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển trong giai đoạn mới. Vì vậy, nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025 có ý nghĩa quan trọng, góp phần bổ sung khoảng trống khoa học, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc hoạch định chính sách, hoàn thiện cơ chế, nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong bối cảnh hiện nay.

Về phương pháp nghiên cứu

Các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án được các nhà nghiên cứu tiếp cận từ nhiều góc độ như: Chính trị học, lịch sử Đảng, pháp luật, chính sách công... với phạm vi nghiên cứu từ khái quát đến chuyên sâu. Để làm sáng tỏ từng khía cạnh của việc thực hiện dân chủ và dân chủ cơ sở, các tác giả vận dụng đa dạng nhiều phương pháp nghiên cứu, bao gồm: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp diễn dịch, quy nạp, phân tích, phương pháp định lượng, định tính và so sánh. Trong đó, phương pháp lịch sử và phương pháp logic được sử dụng phổ biến nhất nhằm khảo sát, đánh giá thực trạng triển khai thực hiện dân chủ cơ sở, từ phạm vi rộng trên cả nước đến cụ thể tại từng địa phương. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu đưa ra những nhận xét khách quan về ưu điểm, hạn chế, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo. Bằng việc vận dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành và liên ngành, các công trình nghiên cứu khảo cứu tương đối toàn diện về phạm vi nội dung, hệ thống hóa có tính logic cơ sở lý luận về dân chủ và dân chủ ở cơ sở, đồng thời làm rõ các nguyên tắc, cơ chế, điều kiện thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Về tư liệu

Những kết quả nghiên cứu trước đây, dù trực tiếp hay gián tiếp, đều đề cập đến dân chủ, dân chủ cơ sở, thực trạng triển khai thực hiện dân chủ cơ sở từ góc độ lý luận và thực tiễn khác nhau. Những tài liệu này góp phần cung cấp nguồn thông tin tham khảo phong phú, hỗ trợ tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận án. Nhờ đó, tác giả có thể kế thừa những nội dung quan trọng cũng như phương pháp nghiên cứu phù hợp để xây dựng luận án khoa học và chặt chẽ.

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, mặc dù vấn đề dân chủ và dân chủ cơ sở được nghiên cứu khá toàn diện trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, song còn một số khoảng trống cần tiếp tục làm rõ: Thiếu những nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống về thực hiện dân chủ cơ sở gắn với đặc thù của địa phương trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền hiện đại; mối quan hệ giữa thực hiện dân chủ ở cơ sở với năng lực quản trị của chính quyền cơ sở, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia của người dân chưa được phân tích đầy đủ; các giải pháp được đề xuất trong nhiều công trình mang tính chung chung, thiếu cơ sở thực tiễn sâu sắc có thể áp dụng hiệu quả trong điều kiện cụ thể của từng địa phương sau khi sáp nhập tỉnh. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và những khoảng trống nghiên cứu đó, tác giả tiến hành tổng hợp, phân tích đa chiều các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế. Qua đó, có thể khẳng định cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu hệ thống và chuyên sâu về việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025 dưới góc độ nghiên cứu Chính trị học. Chính vì vậy, đây là vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Qua khảo cứu hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể nhận thấy rằng vấn đề dân chủ và thực hiện dân chủ cơ sở được tiếp cận khá đa dạng, dưới nhiều góc độ lý luận và thực tiễn, thông qua các công trình sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. Nhiều công trình góp phần làm rõ nội hàm khái niệm, cơ chế vận hành, vai trò, ý nghĩa của dân chủ cơ sở trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Nghiên cứu việc thực hiện dân chủ cơ sở ở tỉnh Thái Bình tập trung làm rõ những khía cạnh nhất định, trong từng giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, các nghiên cứu còn những khoảng trống nhất định: Chưa có nhiều công trình tiếp cận vấn đề thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình toàn diện, xuyên suốt theo tiến trình lịch sử, đặc biệt là từ khi có QCDC ở cơ sở (năm 1998) đến nay, gắn với những biến đổi sâu sắc về kinh tế - xã hội, tổ chức bộ máy và phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong thực tiễn triển khai,

việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình còn những hạn chế nhất định như: mức độ tham gia thực chất của người dân chưa đồng đều; cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” ở một số nơi còn mang tính hình thức; việc công khai, minh bạch chưa đáp ứng yêu cầu; mối quan hệ giữa phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương, pháp luật chưa được xử lý hài hòa... Những vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi dân chủ cơ sở và đặt ra yêu cầu cần được nghiên cứu, đánh giá nghiêm túc, khoa học.

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên, đề tài cần tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm sau đây:

Một là, làm rõ cơ sở lý luận của việc thực hiện dân chủ cơ sở, bao gồm hệ thống hóa và phân tích các khái niệm, nội dung, nguyên tắc, hình thức và cơ chế thực hiện dân chủ cơ sở; đồng thời luận giải ý nghĩa, vai trò của dân chủ cơ sở trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở đó, làm rõ những yếu tố đặc thù về lịch sử, kinh tế, văn hóa - xã hội và hệ thống chính trị ở Thái Bình tác động đến quá trình thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Hai là, phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở ở tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025. Nội dung này tập trung làm rõ quá trình phát triển nhận thức của Đảng bộ tỉnh Thái Bình, các cấp, các Sở, ban ngành, cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị về thực hiện dân chủ cơ sở; cơ chế chính sách về dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình; quá trình triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân chủ cơ sở; mức độ thể chế hóa và tổ chức thực hiện ở các loại hình cơ sở khác nhau; vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, cùng sự tham gia của người dân trong thực tiễn. Trên cơ sở đó, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và phân tích nguyên nhân.

Ba là, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đề tài phân tích quan điểm định hướng, bước đầu đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở ở tỉnh Thái Bình trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính sau khi sáp nhập với tỉnh Hưng Yên. Các giải pháp được xây dựng theo hướng đồng bộ, khả thi, gắn

với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể, đồng thời khơi dậy và phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội ở cơ sở.

Tiểu kết Chương 1

Dân chủ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, góp phần bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để quản trị minh bạch, công bằng và hiệu quả. Trong đó, dân chủ cơ sở giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là nơi trực tiếp hiện thực hóa quyền tham gia của người dân vào các hoạt động quản lý, giám sát và xây dựng chính quyền địa phương. Với tầm quan trọng đó, dân chủ và dân chủ cơ sở trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong nước và quốc tế. Các công trình nghiên cứu về vấn đề này được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau với nhiều phương pháp nghiên cứu, từ phân tích lý thuyết đến điều tra thực tiễn, từ tiếp cận định tính đến định lượng. Những nghiên cứu này không chỉ làm rõ bản chất, vai trò và những điều kiện bảo đảm thực thi dân chủ, mà còn đánh giá thực trạng triển khai ở các cấp, chỉ ra những thành tựu, như hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, khảo sát, nghiên cứu các công trình có liên quan đến đề tài luận án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp tác giả hệ thống hóa các kết quả nghiên cứu; đánh giá khách quan về những thành tựu đạt được, những khoảng trống chưa được đề cập và những vấn đề cần tiếp tục làm rõ.

Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu và toàn diện về việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025 dưới góc độ khoa học Chính trị học. Xuất phát từ thực tiễn đó, đề tài luận án “*Việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình*” không chỉ góp phần bổ sung những khoảng trống trong nghiên cứu, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc làm phong phú thêm hệ thống tri thức về thực hiện dân chủ cơ sở tại địa phương. Để đạt được mục tiêu đề ra, luận án cần tập trung vào một số nội dung trọng tâm: hệ thống hóa cơ sở lý luận về dân chủ và dân chủ cơ sở; khảo sát, phân tích thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong giai đoạn 1998 - 2025; so sánh, đối chiếu với kinh nghiệm thực hiện dân chủ cơ sở tại một số địa phương khác; từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực và hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng thực thi dân chủ cơ sở tại tỉnh Thái Bình trong những năm tiếp theo.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ

2.1. Lý luận về dân chủ cơ sở và thực hiện dân chủ cơ sở

2.1.1. Lý luận về dân chủ cơ sở

2.1.1.1. Khái niệm dân chủ

Dân chủ (Democratos) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ, trong đó “*Demos*” có nghĩa là “nhân dân” và “*Cratos*” có nghĩa là “quyền lực, sự cai trị”, tức là “quyền lực thuộc về nhân dân”. Xuất phát từ nguồn gốc ra đời khái niệm “Democratos”, dân chủ trước hết được hiểu là một phạm trù chính trị, phản ánh phương thức tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước, trong đó nhân dân giữ vai trò chủ thể của quyền lực chính trị.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển quan niệm cổ điển về dân chủ, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định dân chủ không chỉ là một giá trị hay nguyên tắc chính trị, mà còn là một hình thức nhà nước. Theo C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, dân chủ ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với sự ra đời, tồn tại, tiêu vong của nhà nước. V.I.Lênin nhấn mạnh: “Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái nhà nước” [184, tr. 176]. Điều đó cho thấy, dân chủ dưới hình thức chế độ chính trị luôn gắn liền với một kiểu nhà nước nhất định, phản ánh lợi ích và địa vị thống trị của giai cấp cầm quyền trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Trong lý luận Mác - Lênin, dân chủ được xác định nhất quán là “quyền lực thuộc về nhân dân”. C.Mác luận giải rõ quan điểm này trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gô-ta* (1875), khi ông giải thích rằng thuật ngữ “dân chủ” nếu dịch sang tiếng Đức, có nghĩa là “nhân dân nắm chính quyền” [10, tr. 44-45]. Theo đó, dân chủ không chỉ là một nguyên tắc tổ chức quyền lực, mà còn là một hình thức tổ chức nhà nước trong đó nhân dân giữ vị trí trung tâm, là chủ thể sáng lập, vận hành và quyết định sự tồn tại của nhà nước. Bản chất của dân chủ thể hiện ở nguyên tắc “của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”. Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng các quyền dân chủ, mà còn trực tiếp tham gia tạo lập, kiểm soát, giám sát quyền lực nhà nước. C.Mác nhấn mạnh nhà nước không phải là thực thể siêu hình tồn tại độc lập hay đứng trên

nhân dân, mà ngược lại, nhà nước là sản phẩm do nhân dân tạo ra. C.Mác viết: “Chế độ dân chủ xuất phát từ con người và biến nhà nước thành con người được khách thể hóa. Cũng giống như tôn giáo không tạo ra con người mà con người tạo ra tôn giáo, ở đây cũng vậy: không phải chế độ nhà nước tạo ra nhân dân mà nhân dân tạo ra nhà nước” [9, tr. 350]. Quan điểm này khẳng định vai trò quyết định của nhân dân trong việc thiết lập và vận hành thể chế chính trị, đồng thời bác bỏ quan niệm coi nhà nước là lực lượng áp đặt quyền lực lên xã hội. Tiếp tục phát triển tư tưởng đó, theo V.I.Lênin, dân chủ là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài trong lịch sử nhân loại nhằm hướng tới tiến bộ và văn minh xã hội. Do đó, dân chủ luôn mang dấu ấn lịch sử cụ thể, phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội và tương quan giai cấp trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, “dân chủ” là khái niệm chỉ chế độ chính trị mà ở đó quyền lực chính trị thống nhất thuộc về một giai cấp. Xét về mặt hình thái nhà nước, dân chủ là phương thức tổ chức quyền lực nhằm duy trì và điều chỉnh quan hệ giữa nhà nước với nhân dân thông qua pháp luật và các thể chế chính trị. Dân chủ mang tính lịch sử, phản ánh trình độ phát triển xã hội, thể hiện các giá trị nhân văn và mức độ giải phóng con người qua từng giai đoạn lịch sử. Dân chủ là nguyên tắc cốt lõi trong hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, quy định cách thức vận hành, tổ chức của các thiết chế quyền lực, bảo đảm mọi quyết định, chính sách được thực hiện dựa trên lợi ích chung của tập thể, thay vì phục vụ lợi ích của một nhóm thiểu số. Chính vì vậy, dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là phương thức tổ chức và hành động nhằm hiện thực hóa quyền lực của nhân dân trong đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội.

Trong khoa học chính trị hiện đại, với nội hàm đa nghĩa, đa chiều dân chủ trở thành vấn đề thời sự thu hút các nhà lãnh đạo, các học giả và giới hoạch định chính sách, trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Trên bình diện quốc tế, Liên Hợp Quốc định nghĩa dân chủ là hệ thống quản trị, trong đó quyền lực thuộc về nhân dân, bảo đảm cho người dân quyền tham gia vào quá trình ra quyết định chính trị (thông qua bầu cử). Dân chủ là một giá trị phổ quát, được xây dựng trên nền tảng “quyền lực thuộc về nhân dân”, gắn bó chặt chẽ

với việc thúc đẩy, bảo vệ quyền con người, bảo đảm pháp quyền, mở rộng sự tham gia của người dân vào quản trị xã hội. Theo đó, dân chủ không tách rời các điều kiện kinh tế - xã hội, dân chủ vừa là điều kiện, vừa là động lực quan trọng để phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Từ góc nhìn thực tế, nhà lãnh đạo nổi tiếng của nước Anh Wilson Churchill cho rằng: “Dân chủ là cách thức cai trị tồi tệ nhất nếu không tính đến những cách tồi tệ khác mà chúng ta đã thử hết lần này đến lần khác” [215, tr. 201-220]. Quan điểm này không phủ định giá trị của dân chủ, mà nhấn mạnh đến tính không hoàn hảo vốn có của nó, đồng thời khẳng định dân chủ là lựa chọn ít hạn chế nhất trong các hình thức tổ chức quyền lực nhà nước.

Ở Việt Nam, dân chủ được tiếp cận và lý giải theo nhiều góc độ khác nhau, từ phương diện giá trị, nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước đến phương thức bảo đảm và thực hành quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ là “*dân là chủ*” và “*dân làm chủ*”. Người đặc biệt nhấn mạnh vai trò chủ thể của nhân dân trên cả phương diện pháp lý và thực tiễn. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1953), Người khẳng định: “Ở nước ta, chính quyền của nhân dân, *do nhân dân làm chủ*... Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*” [61, tr. 263]. Quan điểm này thể hiện tinh thần dân chủ sâu sắc, đồng thời phản ánh mô hình tổ chức quyền lực nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh: quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện quyền làm chủ thông qua các thiết chế dân cử. Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, kỷ luật, không phải là tự do vô tổ chức mà phải đặt trong khuôn khổ pháp luật. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, dân chủ là bản chất của chế độ XHCN, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước. Dân chủ XHCN là nền dân chủ trong đó tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương, công bằng xã hội và phải được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực, bảo đảm cho nhân dân tham gia tất cả các khâu của quá trình hoạch định, triển khai đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật trên thực tế.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán khẳng định dân chủ là bản chất của chế độ XHCN, giữ vai trò là mục tiêu và động lực của toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Quan điểm này được hình thành, phát triển gắn liền với thực tiễn đổi mới, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam. Ngay từ Đại hội VII (1991), Đảng nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa dân chủ XHCN và công cuộc đổi mới: “Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới” [43, tr. 116]. Trên cơ sở đó, Đại hội X tiếp tục khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân” [38, tr. 125]. Quan điểm này được thể chế hóa và cụ thể hóa trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011): “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm” [39, tr. 84 - 85]. Trên nền tảng đó, tại Đại hội XIII, Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn, hệ trọng của đất nước” [41, tr. 71]. Như vậy, theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân chủ là bản chất của chế độ XHCN, là mục tiêu, động lực thúc đẩy quá trình đổi mới và phát triển bền vững của đất nước, dân chủ phải được thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, gắn với pháp luật, kỷ cương và trách nhiệm, nhằm bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: “Dân chủ, hình thức tổ chức thiết chế chính trị của xã hội dựa trên việc thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực, thừa nhận nguyên tắc bình đẳng và tự do. Dân chủ được vận dụng vào tổ chức và hoạt động của những tổ chức và thiết chế chính trị nhất định” [64, tr. 653]. Định nghĩa này

nhấn mạnh bản chất của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, đồng thời đề cập đến việc áp dụng dân chủ trong các tổ chức xã hội.

Giáo sư, tiến sĩ Phạm Ngọc Quang định nghĩa: “Dân chủ là một hình thức tổ chức quan hệ xã hội, thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của công dân; thừa nhận nhân dân là chủ thể của quyền lực” [107, tr. 6]. Theo cách hiểu này, dân chủ là một hình thức tổ chức các quan hệ xã hội, trong đó quyền tự do, bình đẳng của công dân là những giá trị nền tảng. Trên cơ sở đó, dân chủ xác lập vai trò chủ thể của nhân dân đối với quyền lực, coi nhân dân là gốc và là chủ thể tối cao của quyền lực xã hội. Quan niệm này nhấn mạnh bản chất quyền lực của dân chủ và ý nghĩa của dân chủ trong tổ chức, vận hành đời sống xã hội.

Dân chủ là khái niệm mang tính lịch sử - xã hội, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, song đều phản ánh quyền làm chủ của nhân dân đối với nhà nước và xã hội. Dân chủ là hình thức tổ chức quyền lực chính trị dựa trên việc thừa nhận nhân dân là chủ thể duy nhất của mọi quyền lực mọi quyết định quan trọng đều có sự tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp của nhân dân thông qua các thiết chế, cơ chế và chuẩn mực pháp lý nhất định. Dân chủ vừa bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bình đẳng trước pháp luật, vừa gắn chặt với vai trò, trách nhiệm của nhân dân trong quản trị xã hội.

Ở Việt Nam, dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Khác với dân chủ tư sản, dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp công nhân và luôn gắn liền với chuyên chính vô sản. Nền dân chủ này thực sự vì lợi ích chung của toàn xã hội, được thực hiện thông qua hệ thống pháp luật, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ chế quản lý công khai, minh bạch. Dân chủ XHCN bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Đây là mô hình dân chủ ưu việt, hướng đến sự công bằng, bình đẳng và phát triển bền vững, khác biệt hoàn toàn với dân chủ tư sản vốn bị chi phối bởi lợi ích của giai cấp tư sản.

Trên cơ sở khái quát các quan niệm khác nhau về dân chủ, có thể hiểu một cách chung nhất *dân chủ là phương thức tổ chức quyền lực trong xã hội, trong đó*

quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và do nhân dân thực hiện nhằm bảo đảm sự tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp của nhân dân vào quá trình xác lập, thực thi và kiểm soát quyền lực nhà nước và xã hội.

Dân chủ vừa phản ánh bản chất quyền lực của chế độ chính trị, vừa là cơ chế bảo đảm và hiện thực hóa các quyền con người, quyền công dân, các giá trị tự do, bình đẳng, công bằng, gắn với yêu cầu về kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Dân chủ có nhiều hình thức khác nhau, trong đó, dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp là hai hình thức cơ bản nhất.

Dân chủ trực tiếp là hình thức trong đó nhân dân trực tiếp tham gia vào quá trình ra quyết định đối với các vấn đề quan trọng của nhà nước và xã hội. Điều này thể hiện qua các hình thức như trưng cầu dân ý, hội nghị toàn dân hoặc bỏ phiếu trực tiếp về các chính sách quan trọng. Hình thức này giúp phản ánh trực tiếp ý chí của nhân dân nhưng thường khó thực hiện ở quy mô lớn do những hạn chế về tổ chức và thời gian.

Dân chủ gián tiếp (hay dân chủ đại diện) là hình thức mà trong đó nhân dân không trực tiếp ra quyết định mà bầu chọn ra những đại biểu đại diện cho mình trong các cơ quan quyền lực nhà nước như Quốc hội, Hội đồng nhân dân (HĐND). Những đại biểu này thay mặt nhân dân xây dựng chính sách, ban hành luật pháp và giám sát hoạt động của chính quyền. Đây là hình thức dân chủ phổ biến ở các quốc gia hiện nay, phù hợp với quy mô xã hội lớn và hệ thống quản lý phức tạp.

Ngoài ra, dân chủ còn được thể hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau từ kinh tế, chính trị, đến văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, sự kết hợp hài hòa giữa dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp giúp bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển công bằng và bền vững của xã hội. Ở Việt Nam, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng cả hai hình thức dân chủ trực tiếp và gián tiếp, trong đó dân chủ gián tiếp qua bầu cử đại diện là hình thức chủ yếu bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong hệ thống chính trị.

2.1.1.2. Khái niệm dân chủ cơ sở

Dân chủ cơ sở (Grassroots democracy) là một khái niệm đa chiều, được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, phản ánh những phương diện đặc thù của quá trình thực hành dân chủ gắn với đời sống của người dân.

Trong lý luận chính trị phương Tây, các học giả Dryzek. J.S, Fishkin. J.S, Pateman. C đều thống nhất dân chủ cơ sở bao gồm ba nội dung cốt lõi: sự tham gia trực tiếp của người dân, tính phi tập trung của quyền lực, và vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương trong đời sống chính trị - xã hội. Từ góc độ quản trị quốc gia, dân chủ cơ sở là hình thức dân chủ đề cao sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi các quyết định công, qua đó hạn chế tập trung quyền lực vào các thiết chế trung ương và tầng lớp tinh hoa chính trị, thúc đẩy phương thức quản trị theo hướng từ dưới lên trên nhằm trao quyền cho các cá nhân và cộng đồng. Từ góc độ quản trị địa phương, dân chủ cơ sở là phương thức tổ chức quyền lực nhấn mạnh sự tham gia của công dân vào việc quyết định các vấn đề của cộng đồng địa phương. Theo đó, quyền lực chính trị được phân cấp xuống và đưa ra quyết định ở cấp địa phương, với sự tham gia rộng rãi của công dân, thường có tính phù hợp, hiệu quả cao hơn so với các quyết định mang tính áp đặt từ trên xuống.

Mặc dù có nhiều lý thuyết và cách tiếp cận khác nhau về dân chủ cơ sở, song các học giả phương Tây đều ủng hộ quan điểm dân chủ là hình thức quản trị phi tập trung, có sự tham gia của công dân trong quá trình ra quyết định ở cộng đồng cơ sở. Sự tham gia này có thể diễn ra dưới nhiều hình thức như hội nghị cộng đồng, hội đồng công dân hay các quy trình lập ngân sách có sự tham gia. Bên cạnh đó, các học giả phương Tây còn nhấn mạnh vai trò của cộng đồng địa phương, các tổ chức cơ sở, các phong trào xã hội trong việc huy động người dân và vận động thay đổi xã hội. Theo đó, dân chủ cơ sở thừa nhận sức mạnh của hành động tập thể và các phong trào xã hội, góp phần bảo vệ lợi ích của nhóm yếu thế. Trong các công trình nghiên cứu phương Tây, khái niệm dân chủ cơ sở thường được phân biệt nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với dân chủ cấp địa phương. Dân chủ cấp địa phương được hiểu là một hình thức tổ chức chính trị và quản lý, trong đó quyền lực, quyết định tập trung tại địa phương (bao gồm tỉnh, thành phố, quận, huyện hoặc làng, xã). Trong mô hình này, các vấn đề quan trọng

liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đất đai, phát triển hạ tầng, giáo dục, y tế... được đưa ra bởi các cơ quan địa phương thông qua quy trình dân chủ như bầu cử, tham gia công dân. Đặc trưng của dân chủ cấp địa phương ở phương Tây là sự tôn trọng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng cơ sở thông qua các cuộc họp cộng đồng, thảo luận. Ở phương Tây, dân chủ cơ sở và dân chủ địa phương là những trụ cột quan trọng nhằm tăng cường sự tham gia của người dân, nâng cao hiệu quả quản trị.

Ở Việt Nam, khái niệm dân chủ không hoàn toàn đồng nhất với khái niệm dân chủ cấp cơ sở (grassroots democracy) của phương Tây ở phạm vi, cấp độ quản trị, cơ chế ra quyết định, quy mô hoạt động và mức độ chính thức hóa. Khái niệm dân chủ cơ sở ở Việt Nam là sự tích hợp có chọn lọc giữa khái niệm dân chủ cấp cơ sở và dân chủ cấp địa phương của phương Tây, nhưng được điều chỉnh phù hợp với điều kiện chính trị- xã hội và mô hình tổ chức quyền lực ở Việt Nam. Do đó, dân chủ cơ sở có thể tiếp cận theo hai cách khác nhau. Trước hết, dân chủ cơ sở được hiểu như một “cấp độ” thực hiện dân chủ, với phạm vi áp dụng ở cấp cơ sở, nơi gắn liền với đời sống hàng ngày của người dân. Theo cách tiếp cận này, dân chủ cơ sở không phải là một hình thức dân chủ tách biệt, mà là sự hiện diện cụ thể và trực tiếp của dân chủ trong không gian cơ sở, bảo đảm để các quyền dân chủ được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Ở góc độ thứ hai, dân chủ cơ sở được nhìn nhận như một loại hình thực hiện dân chủ mang tính trực tiếp, trong đó người dân có quyền tham gia bàn bạc, quyết định và giám sát các vấn đề chung của cộng đồng mà không hoàn toàn phụ thuộc vào các cơ chế dân chủ đại diện. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò chủ động của nhân dân với tư cách là chủ thể quyền lực, đề cao các hình thức tham gia từ dưới lên, qua đó góp phần bảo đảm tính thực chất của dân chủ, hạn chế nguy cơ hình thức hóa hoặc hành chính hóa quá trình thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Khái niệm dân chủ cơ sở ở Việt Nam được hình thành và phát triển trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ XHCN, được thể chế hóa trong Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ và dân chủ cơ sở giữ vị trí đặc biệt quan trọng, gắn liền với tư tưởng cốt lõi “dân là gốc”, coi nhân

dân vừa là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, vừa là lực lượng trực tiếp thực hành quyền làm chủ trong đời sống xã hội. Theo Người, bản chất của dân chủ là bảo đảm quyền làm người, trong đó “dân là chủ” phải đi đôi với “dân làm chủ”, quyền làm chủ của nhân dân luôn gắn bó chặt chẽ với nghĩa vụ công dân, trách nhiệm tham gia xây dựng và bảo vệ chế độ. Người khẳng định dân chủ “của quý báu nhất của nhân dân”, đồng thời nhấn mạnh thực hành dân chủ là “chìa khóa vạn năng” để giải quyết những khó khăn trong quản lý xã hội và phát triển đất nước. Kế thừa và phát triển tư tưởng đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay đặc biệt coi trọng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, xem đây là khâu trực tiếp, nền tảng để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quản trị xã hội. Thông qua việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, việc thực hiện dân chủ cơ sở ngày càng được triển khai với nội dung và hình thức phong phú, từng bước phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả đường lối của Đảng và mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Trên cơ sở kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán xác định thực hiện dân chủ cơ sở là một trong những nội dung trọng tâm của quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, là động lực quan trọng để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và hệ thống pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp từng bước thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, gắn dân chủ với kỷ cương, pháp luật và trách nhiệm xã hội. Quan điểm của Đảng về dân chủ cơ sở được thể chế hóa trong *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* năm 2022. Theo Điều 2 của Luật: Cơ sở là xã, phường, thị trấn và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có sử dụng lao động. “Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật” [111, tr. 19].

Như vậy, dân chủ cơ sở là bộ phận quan trọng của dân chủ XHCN, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân ngay từ cấp cơ sở - nơi gắn liền với đời sống hàng ngày của mỗi người dân. Dân chủ cơ sở là nền tảng vững chắc của hệ thống chính trị, bởi nó quyết định mức độ gắn kết giữa nhà nước và nhân dân, đồng thời phản ánh trực tiếp mức độ thực thi quyền dân chủ trong thực tế.

Dân chủ cơ sở được bảo đảm thông qua hệ thống pháp luật, tạo cơ chế để người dân tham gia vào quá trình ra quyết định, có quyền giám sát hoạt động của chính quyền, từ đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Đặc biệt, dân chủ cơ sở không chỉ giới hạn trong phạm vi chính trị, mà còn thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, từ kinh tế, văn hóa đến các hoạt động xã hội. Chính sự gắn kết này giúp dân chủ cơ sở trở thành động lực quan trọng thúc đẩy xã hội phát triển toàn diện và bền vững. Ở Việt Nam, dân chủ cơ sở gắn liền với nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm vừa có sự lãnh đạo tập trung, thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị, vừa phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý nhà nước và xã hội. Hiện nay, hệ thống chính trị của Việt Nam được tổ chức theo ba cấp quản lý: Trung ương, tỉnh và cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn). Trong đó, cấp cơ sở giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là nơi tiếp triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời là môi trường để nhân dân phát huy quyền làm chủ, tham gia vào quá trình quản lý nhà nước, đóng góp ý kiến và giám sát hoạt động của chính quyền. Hơn nữa, cấp cơ sở còn là “cầu nối” giữa chính quyền và nhân dân. Bởi đây là cấp quản lý gần dân nhất, đóng vai trò trung gian trong việc truyền tải, thực thi chính sách từ cấp trên xuống và phản ánh nguyện vọng của nhân dân lên cấp trên. Ở cơ sở, nhân dân được tham gia trực tiếp vào công tác quản lý nhà nước thông qua các cơ chế dân chủ như: bầu cử, trưng cầu dân ý, đối thoại với chính quyền, đóng góp ý kiến, giám sát hoạt động của chính quyền... Vì vậy, chính quyền cơ sở vững mạnh, minh bạch sẽ tạo điều kiện cho dân chủ được thực thi thực chất, hạn chế quan liêu, tham nhũng, từ đó củng cố niềm tin của nhân dân vào hệ thống quản lý nhà nước. Nhận thức rõ vai trò nền tảng của dân chủ cơ sở, Đảng và Nhà nước Việt Nam ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát huy dân chủ ở cấp cơ sở, coi đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng một

nền dân chủ thực chất, công bằng và hiệu quả. Thực tế, dân chủ cơ sở là yếu tố quan trọng quyết định mức độ thực thi dân chủ trong thực tiễn và sự ổn định của hệ thống chính trị. Việc phát huy dân chủ cơ sở không chỉ giúp nhân dân thực sự làm chủ cuộc sống của mình, mà còn góp phần nâng cao chất lượng quản lý xã hội, thúc đẩy phát triển bền vững và hướng đến một xã hội tiên bộ, văn minh.

2.1.2. Lý luận về thực hiện dân chủ cơ sở

2.1.2.1. Khái niệm “thực hiện dân chủ cơ sở”

Thực hiện dân chủ cơ sở là hoạt động tổ chức, vận hành các cơ chế, thiết chế nhằm hiện thực hóa quyền làm chủ của nhân dân tại cấp cơ sở, thông qua việc bảo đảm để người dân tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình thông tin, thảo luận, quyết định, thực thi và giám sát các vấn đề liên quan đến cộng đồng và đời sống xã hội. Thực hiện dân chủ cơ sở được tiến hành trên các quy định của pháp luật, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và sự quản lý của Nhà nước, nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình là hoạt động thể chế hóa, tổ chức thực thi các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân chủ ở cấp cơ sở trong điều kiện cụ thể của tỉnh, thông qua hệ thống các thiết chế chính trị, pháp lý và các cơ chế xã hội phù hợp, nhằm bảo đảm để nhân dân tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc thông tin, thảo luận, quyết định, thực thi, giám sát các vấn đề liên quan đến đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương, qua đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, củng cố mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh Thái Bình.

Nội dung thực hiện dân chủ cơ sở được thể hiện tập trung qua phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, tương ứng với các khâu của quá trình thực thi quyền lực. Trước hết, bảo đảm quyền “dân biết”

là điều kiện tiên quyết, đòi hỏi việc công khai, minh bạch thông tin liên quan đến các chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển và các vấn đề thiết thân của cộng đồng. Trên cơ sở đó, quyền “dân bàn và quyết định” thể hiện mức độ tham gia của nhân dân vào quá trình thảo luận, lựa chọn và quyết định các vấn đề quan trọng theo quy định của pháp luật. Quyền “dân làm” khẳng định vai trò chủ thể của nhân dân trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. “Dân kiểm tra, dân giám sát” là cơ chế bảo đảm quyền kiểm soát quyền lực của nhân dân đối với hoạt động của chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức. Cuối cùng, “dân thụ hưởng” là mục tiêu và cũng là thước đo hiệu quả của dân chủ cơ sở, phản ánh mức độ mà người dân được hưởng lợi từ các thành quả phát triển. Các nội dung này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và bổ sung lẫn nhau, tạo thành cấu trúc hoàn chỉnh trong việc thực hiện dân chủ cơ sở.

Thực hiện dân chủ cơ sở mang những đặc trưng riêng biệt, phản ánh tính đặc thù của việc tổ chức, vận hành quyền lực ở cấp cơ sở. Trước hết, đây là hình thức dân chủ có tính trực tiếp cao, gắn bó mật thiết với đời sống hàng ngày của người dân, nơi các quyền dân chủ được hiện thực hóa cụ thể và thiết thực nhất. Thực hiện dân chủ cơ sở còn mang tính cộng đồng sâu sắc, chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục, tập quán và trình độ dân trí của từng địa phương. Bên cạnh đó, thực hiện dân chủ cơ sở còn có sự thống nhất giữa tính pháp lý và tính xã hội, trong đó việc thực thi dân chủ vừa dựa trên khuôn khổ pháp luật, vừa được thực hiện thông qua các thiết chế tự quản và các quan hệ xã hội ở cơ sở. Hơn nữa, thực hiện dân chủ cơ sở thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa mở rộng dân chủ với bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, nhằm duy trì trật tự và hiệu lực quản lý xã hội. Ngoài ra, đây là lĩnh vực phản ánh trực tiếp mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, trong đó quyền làm chủ của nhân dân được đặt trong mối quan hệ với vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Để đánh giá mức độ thực hiện dân chủ cơ sở cần dựa trên hệ thống các tiêu chí toàn diện, phản ánh cả điều kiện, quá trình và kết quả thực hiện. Trước hết, mức độ

công khai, minh bạch thông tin là tiêu chí quan trọng thể hiện việc bảo đảm quyền được biết của người dân. Tiếp đó, mức độ tham gia thực chất của nhân dân vào các quá trình thảo luận, quyết định và thực thi chính sách là tiêu chí phản ánh chất lượng và chiều sâu của dân chủ. Hơn nữa, hiệu quả của cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực, thể hiện qua khả năng phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các vi phạm, là thước đo quan trọng của tính hiệu lực của dân chủ cơ sở. Mức độ hài lòng và đồng thuận xã hội của người dân đối với hoạt động của chính quyền cơ sở là tiêu chí phản ánh trực tiếp kết quả thực hiện dân chủ. Ngoài ra, tác động của việc thực hiện dân chủ cơ sở đối với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị và củng cố niềm tin của nhân dân vào hệ thống chính trị là tiêu chí tổng hợp, thể hiện ý nghĩa, hiệu quả lâu dài của dân chủ cơ sở trong thực tiễn.

2.1.2.2. Chủ thể, đối tượng, phạm vi thực hiện dân chủ cơ sở

Trong lý luận và thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, việc xác định rõ chủ thể thực hiện dân chủ cơ sở có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được phát huy hiệu quả, bền vững. Dân chủ cơ sở không tồn tại như ở trạng thái trừu tượng, mà được hiện thực hóa thông qua hoạt động của những chủ thể cụ thể, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình thực hành, tổ chức và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống xã hội. Do đó, phân tích chủ thể thực hiện dân chủ cơ sở cần được đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể quyền lực - chủ thể tổ chức thực hiện - chủ thể bảo đảm và giám sát, qua đó làm rõ bản chất dân chủ XHCN ở Việt Nam.

Trước hết, nhân dân và cộng đồng dân cư ở cơ sở là chủ thể trung tâm và quan trọng nhất trong thực hiện dân chủ cơ sở. Xuất phát từ quan điểm “nước lấy dân làm gốc” [59, tr. 501], Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, đồng thời là lực lượng trực tiếp thực hành quyền làm chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở cấp cơ sở, nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng các chính sách, quyết định của Nhà nước, mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình bàn bạc, quyết định và giám sát những vấn đề liên quan thiết thân đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình. Thông

qua các hình thức dân chủ trực tiếp như hội nghị nhân dân, lấy ý kiến cộng đồng, biểu quyết hoặc thông qua các thiết chế tự quản ở thôn, tổ dân phố, nhân dân thể hiện vai trò làm chủ của mình trong việc quyết định những vấn đề thuộc phạm vi cộng đồng. Chính sự tham gia chủ động, tự giác và có trách nhiệm của nhân dân là thước đo quan trọng phản ánh mức độ thực chất của dân chủ cơ sở.

Bên cạnh vai trò trung tâm của nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động là những chủ thể quan trọng trong thực hiện dân chủ cơ sở. Trong các cơ quan, doanh nghiệp, dân chủ cơ sở được thể hiện thông qua việc người lao động tham gia xây dựng, giám sát việc thực hiện các quy chế, nội quy, kế hoạch công tác, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ và điều kiện làm việc của mình. Ở đây, chủ thể thực hiện dân chủ không chỉ là tập thể người lao động với tư cách là người tham gia, mà còn bao gồm đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị với vai trò tổ chức, điều hành và chịu trách nhiệm về việc bảo đảm các quyền dân chủ được thực thi theo đúng quy định của pháp luật. Việc xác định người lao động là chủ thể thực hiện dân chủ cơ sở phản ánh bước phát triển quan trọng trong nhận thức và thể chế hóa dân chủ, mở rộng không gian thực hành dân chủ từ cộng đồng dân cư sang các thiết chế chính thức của Nhà nước và xã hội.

Chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước ở cơ sở, đặc biệt là HĐND, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã và đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở là những chủ thể không thể thiếu trong cấu trúc thực hiện dân chủ cơ sở. Khác với nhân dân - chủ thể quyền lực, chính quyền cơ sở giữ vai trò chủ thể tổ chức, điều phối và bảo đảm thực hiện dân chủ. Trách nhiệm của chính quyền cơ sở không chỉ dừng lại ở việc ban hành quyết định hành chính, mà còn bao gồm việc tạo lập môi trường pháp lý, thể chế, điều kiện thực tiễn để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Điều này thể hiện ở yêu cầu công khai, minh bạch thông tin, tổ chức lấy ý kiến nhân dân, tiếp thu, giải trình và phản hồi các kiến nghị, phản ánh của công dân, đồng thời xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quyền dân chủ ở cơ sở. Vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở cơ sở đặc biệt quan trọng, bởi họ vừa là người chịu trách nhiệm chính trong

tổ chức thực hiện dân chủ, vừa là chủ thể nêu gương, quyết định mức độ nghiêm túc và hiệu quả của việc thực hành dân chủ trong thực tiễn.

Cùng với chính quyền cơ sở, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là những chủ thể giữ vai trò đặc biệt trong thực hiện dân chủ cơ sở. Với chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, MTTQ và các tổ chức đoàn thể không chỉ tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dân chủ, mà còn giữ vai trò quan trọng trong giám sát và phản biện xã hội. Thông qua hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật ở cơ sở, các tổ chức này góp phần bảo đảm cho quyền làm chủ của nhân dân không bị hình thức hóa, đồng thời tạo kênh trung gian để tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân tới các cơ quan có thẩm quyền. Trong cấu trúc chủ thể thực hiện dân chủ cơ sở, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội vừa là chủ thể tham gia, vừa là chủ thể bảo đảm và thúc đẩy dân chủ, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Ngoài ra, những người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức ở cơ sở cũng được coi là chủ thể đặc biệt trong thực hiện dân chủ cơ sở. Pháp luật hiện hành nhấn mạnh trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện, bảo đảm và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Trong thực tiễn, mức độ thành công hay hạn chế của dân chủ cơ sở phụ thuộc rất lớn vào nhận thức, trách nhiệm và phong cách lãnh đạo của người đứng đầu. Khi người đứng đầu thực sự tôn trọng dân chủ, lắng nghe ý kiến của nhân dân, người lao động, dân chủ cơ sở được phát huy hiệu quả. Ngược lại, nếu người đứng đầu thiếu trách nhiệm hoặc coi nhẹ dân chủ, các quy định pháp luật về dân chủ cơ sở dễ rơi vào hình thức.

Thực tế, các chủ thể thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam có sự phân công vai trò và mối quan hệ tương tác chặt chẽ. Trong đó, nhân dân giữ vai trò chủ thể trung tâm, chính quyền và cơ quan nhà nước ở cơ sở là chủ thể tổ chức và bảo đảm, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội là chủ thể giám sát, phản biện và kết nối, người đứng đầu là chủ thể chịu trách nhiệm trực tiếp. Sự phối hợp đồng bộ giữa các

chủ thể này không chỉ quyết định hiệu quả của việc thực hiện dân chủ cơ sở, mà còn phản ánh bản chất ưu việt của nền dân chủ XHCN Việt Nam.

Cùng với việc xác định chủ thể, việc làm rõ đối tượng, phạm vi thực hiện dân chủ cơ sở không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện thống nhất và khả thi trong thực tiễn. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 cụ thể hóa toàn diện đối tượng và phạm vi thực hiện dân chủ cơ sở, qua đó tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất cho việc tổ chức và thực hành dân chủ ở các loại hình cơ sở khác nhau.

Trước hết, đối tượng của việc thực hiện dân chủ cơ sở là những nội dung, vấn đề, quyết định và hoạt động có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của nhân dân, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở. Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, đối tượng của dân chủ cơ sở được xác định gắn với ba nhóm không gian chủ yếu: cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có sử dụng lao động.

Ở cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã, đối tượng của dân chủ cơ sở bao gồm những vấn đề mà nhân dân được biết, được bàn, được quyết định và được giám sát theo quy định của pháp luật. Luật quy định rõ các nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp như: chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, cũng như các vấn đề khác liên quan trực tiếp đến lợi ích chung của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật. Những nội dung này phản ánh rõ bản chất của dân chủ cơ sở với tư cách là hình thức dân chủ trực tiếp, nơi người dân không chỉ tham gia ý kiến mà còn trực tiếp quyết định những vấn đề thiết thân của đời sống cộng đồng.

Đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, đối tượng của việc thực hiện dân chủ cơ sở được xác định là các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định cán bộ, công chức, viên chức được tham gia ý kiến đối với việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc,

kế hoạch công tác, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công, công tác tổ chức cán bộ, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, cũng như các vấn đề khác có liên quan trực tiếp đến điều kiện làm việc và quyền lợi chính đáng của họ. Việc mở rộng đối tượng của dân chủ cơ sở sang lĩnh vực hoạt động công vụ thể hiện yêu cầu tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của bộ máy nhà nước ở cơ sở, đồng thời góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Đối với tổ chức có sử dụng lao động, đối tượng của dân chủ cơ sở bao gồm các nội dung liên quan đến quan hệ lao động, quyền và lợi ích của người lao động. Luật quy định người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được giám sát đối với các vấn đề như: nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi, điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động, cũng như việc thực hiện các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động. Việc xác định rõ đối tượng này cho thấy dân chủ cơ sở ở Việt Nam không chỉ giới hạn trong phạm vi quản lý hành chính - cộng đồng, mà còn được mở rộng sang lĩnh vực kinh tế - xã hội, gắn với yêu cầu bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

Gắn liền với việc xác định đối tượng là phạm vi thực hiện dân chủ cơ sở. Theo Điều 4 *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, phạm vi thực hiện dân chủ cơ sở bao gồm: Mọi công dân tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú; công dân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị nơi mình công tác; công dân là người lao động thực hiện dân chủ tại tổ chức có sử dụng lao động nơi mình có giao kết hợp đồng lao động. Cách xác định phạm vi này cho thấy dân chủ cơ sở được triển khai trong cả không gian cộng đồng dân cư truyền thống và không gian tổ chức thể chế chính thức, phản ánh tính toàn diện và bao trùm của dân chủ cơ sở trong đời sống xã hội. Xét về phạm vi không gian, dân chủ cơ sở được thực hiện ở cấp độ gần dân nhất, nơi các quyết định quản lý và hoạt động xã hội tác động trực tiếp, thường xuyên đến đời sống của người dân. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai các hình thức dân chủ trực tiếp, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong việc tham gia quản lý xã hội. Xét về phạm vi tổ chức, việc mở rộng dân

chủ cơ sở sang cơ quan, đơn vị và tổ chức có sử dụng lao động góp phần bảo đảm quyền làm chủ của công dân được thực hiện một cách liên tục, không bị gián đoạn giữa các không gian xã hội khác nhau. Xét về phạm vi nội dung, Luật quy định rõ các nhóm nội dung thực hiện dân chủ theo các mức độ khác nhau như: những nội dung phải công khai để nhân dân biết, những nội dung nhân dân tham gia ý kiến, những nội dung nhân dân bàn và quyết định và những nội dung nhân dân giám sát, kiểm tra. Cách tiếp cận này bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa mở rộng dân chủ và giữ vững kỷ cương, pháp luật.

Từ góc độ tổng thể, việc xác định đối tượng và phạm vi thực hiện dân chủ cơ sở theo *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* góp phần tạo nền tảng pháp lý quan trọng để dân chủ cơ sở được triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong thực tiễn. Đối tượng được xác định rõ ràng, phạm vi được mở rộng hợp lý, phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh mới.

2.1.2.3. Các nội dung, hình thức thực hiện dân chủ cơ sở

Xác định đúng nội dung và lựa chọn hình thức thực hiện dân chủ cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với việc chuyển hóa quyền làm chủ của nhân dân từ quy định pháp luật thành thực tiễn sinh động trong đời sống xã hội. Do đó, nghiên cứu nội dung, hình thức thực hiện dân chủ cơ sở là yêu cầu cần thiết nhằm làm rõ cách thức mà các chủ thể thực hiện dân chủ tác động vào các đối tượng trong phạm vi được xác định, qua đó bảo đảm dân chủ cơ sở được thực hiện thực chất, hiệu quả và bền vững.

Dân chủ cơ sở là một thành tố cốt lõi trong nền dân chủ XHCN, đóng vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa quyền làm chủ của nhân dân, góp phần giữ vững ổn định xã hội, phát triển đất nước bền vững. Về bản chất, dân chủ cơ sở bảo đảm nhân dân - chủ thể tối cao của quyền lực, không chỉ được hưởng quyền dân chủ mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình quản lý nhà nước, giám sát hoạt động của chính quyền, góp phần xây dựng một bộ máy hành chính minh bạch, hiệu quả. Với đặc trưng gần gũi và gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân, dân chủ cơ sở không chỉ dừng lại ở phạm vi chính trị, mà còn thấm sâu vào các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, nơi mà những quyết sách và hành động có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống cộng

đồng. Đồng thời, dân chủ cơ sở là nền tảng vững chắc của hệ thống chính trị, được tổ chức chặt chẽ và vận hành theo khuôn khổ pháp lý rõ ràng, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch. Chính vì vậy, phát huy dân chủ cơ sở là điều kiện tiên quyết để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để thực hiện hiệu quả dân chủ cơ sở, cần chú trọng cả nội dung và hình thức thực hiện.

Về nội dung, dân chủ cơ sở thể hiện quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và kiểm tra, giám sát chính quyền. Đây là nền tảng quan trọng giúp phát huy vai trò của người dân trong quản lý nhà nước và xây dựng cộng đồng dân cư.

Trong lĩnh vực chính trị, dân chủ cơ sở trước hết được thể hiện ở việc bảo đảm quyền tham gia của nhân dân vào quá trình quản lý nhà nước và quản trị xã hội ở cấp cơ sở. Theo *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, các nội dung chính trị phải được công khai để nhân dân biết bao gồm: chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến cơ sở; tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương; các quy hoạch, kế hoạch phát triển; thủ tục hành chính; các quyết định hành chính có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân. Việc công khai này tạo điều kiện để nhân dân tiếp cận thông tin đầy đủ, từ đó chủ động tham gia vào các hoạt động chính trị, quản lý ở địa phương. Bên cạnh đó, dân chủ cơ sở trong lĩnh vực chính trị tiếp tục được thực hiện thông qua việc nhân dân tham gia ý kiến đối với các chủ trương, quyết định quan trọng ở cấp cơ sở. Nhân dân được tham gia góp ý vào các dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phương án sử dụng đất, các chương trình, dự án có ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư, các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Đây là hình thức dân chủ bán trực tiếp, trong đó quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện thông qua việc tác động vào quá trình ra quyết định của các cơ quan có thẩm quyền. Đặc biệt, trong lĩnh vực chính trị, dân chủ cơ sở còn được thể hiện rõ nét ở những nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp như: bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, quyết định việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của cộng đồng, quyết định các vấn đề liên quan trực tiếp đến tổ chức đời sống chính trị - xã hội ở cơ

sở. Bên cạnh đó, quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở là một nội dung quan trọng của dân chủ chính trị ở cơ sở. Thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các hình thức giám sát khác, nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ, góp phần phòng ngừa quan liêu, tham nhũng.

Trong lĩnh vực kinh tế, dân chủ cơ sở được thể hiện ở việc bảo đảm quyền tham gia của nhân dân và người lao động vào quá trình quyết định, tổ chức và giám sát các hoạt động kinh tế có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của họ. Theo *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, các nội dung kinh tế phải được công khai bao gồm: ngân sách, tài chính ở cơ sở, quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, các chương trình, dự án đầu tư, các khoản huy động, đóng góp của nhân dân, quản lý và sử dụng tài sản công. Công khai trong lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, lợi ích nhóm nếu thiếu minh bạch và giám sát của nhân dân. Trên cơ sở đó, dân chủ cơ sở trong lĩnh vực kinh tế được thực hiện thông qua việc nhân dân tham gia ý kiến và bàn bạc đối với các phương án phát triển kinh tế ở địa phương. Người dân được tham gia góp ý đối với phương án quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, các dự án đầu tư có ảnh hưởng đến sinh kế và đời sống của cộng đồng. Việc tham gia này không chỉ bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, mà còn góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả của các quyết định kinh tế.

Đối với các tổ chức có sử dụng lao động, dân chủ cơ sở trong lĩnh vực kinh tế được thể hiện thông qua quyền của người lao động được biết, được tham gia ý kiến và giám sát đối với các nội dung liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi, điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động và việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể. Việc mở rộng dân chủ cơ sở sang lĩnh vực quan hệ lao động không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, mà còn tạo cơ sở cho việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, dân chủ cơ sở được thể hiện ở việc bảo đảm quyền tham gia của nhân dân vào việc xây dựng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, cũng như giải quyết các vấn đề xã hội ở địa phương. Theo *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, các nội dung liên quan đến văn hóa - xã hội phải được công khai để nhân dân biết, bao gồm: các chương trình, kế hoạch phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội; việc xây dựng và thực hiện các thiết chế văn hóa ở cơ sở; các chính sách liên quan đến giảm nghèo, bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Dân chủ cơ sở trong lĩnh vực văn hóa - xã hội được thể hiện rõ nét thông qua việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp đối với hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư. Đây là những văn bản mang tính tự quản, phản ánh các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng, đồng thời là công cụ quan trọng để điều chỉnh các quan hệ xã hội ở cơ sở. Việc nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng và quyết định hương ước, quy ước góp phần phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong bảo tồn bản sắc văn hóa và xây dựng nếp sống văn minh. Bên cạnh đó, quyền giám sát của nhân dân đối với việc thực hiện các chính sách văn hóa - xã hội là một nội dung quan trọng của dân chủ cơ sở. Nhân dân có quyền giám sát việc thực hiện các chương trình giáo dục, y tế, môi trường, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho phúc lợi xã hội, giám sát thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Qua đó, dân chủ cơ sở góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và củng cố niềm tin xã hội.

Trên thực tế, nội dung thực hiện dân chủ cơ sở trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội ở Việt Nam được triển khai toàn diện, đồng bộ và gắn chặt với các lĩnh vực thiết yếu của đời sống xã hội. Việc phân tích nội dung dân chủ cơ sở theo từng lĩnh vực không chỉ giúp làm rõ chiều sâu và tính cụ thể của quyền làm chủ của nhân dân, mà còn tạo cơ sở khoa học để đánh giá hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong thực tiễn, qua đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế thực hiện dân chủ cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

Về hình thức, dân chủ cơ sở được thực hiện thông qua dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội tại địa phương. Cụ thể:

Dân chủ trực tiếp là hình thức cơ bản, truyền thống và mang tính cốt lõi của dân chủ cơ sở, phản ánh trực tiếp bản chất “dân là chủ, dân làm chủ”. Theo *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, dân chủ trực tiếp được thực hiện thông qua việc người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp tham gia bàn bạc, quyết định hoặc biểu quyết đối với những vấn đề liên quan mật thiết đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình.

Ở cấp xã và cộng đồng dân cư, dân chủ trực tiếp được thực hiện thông qua các hình thức như hội nghị toàn thể nhân dân, hội nghị cử tri, hội nghị đại diện hộ gia đình, lấy ý kiến nhân dân bằng phiếu, biểu quyết công khai hoặc kín đối với các chủ trương, biện pháp quan trọng của địa phương. Những nội dung thuộc phạm vi dân chủ trực tiếp thường gắn với các vấn đề thiết thân như: xây dựng hương ước, quy ước, huy động đóng góp của nhân dân; lựa chọn công trình phúc lợi, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bình xét các danh hiệu thi đua ở cộng đồng. Thông qua đó, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách, mà trở thành chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình quyết định.

Trong các cơ quan, đơn vị và tổ chức có sử dụng lao động, dân chủ trực tiếp được thực hiện thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, hội nghị người lao động, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đây là những hình thức tạo điều kiện để các chủ thể trực tiếp bày tỏ ý kiến, kiến nghị, tham gia thảo luận về kế hoạch công tác, phương án sử dụng ngân sách, quy chế nội bộ, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của người lao động. Việc mở rộng và nâng cao chất lượng các hình thức dân chủ trực tiếp góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu.

Bên cạnh dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện là hình thức phổ biến, phù hợp với điều kiện tổ chức, quản lý xã hội hiện đại. Dân chủ đại diện ở cơ sở được thực hiện thông qua các thiết chế đại diện hợp pháp của nhân dân như: HĐND, UBND,

MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, thông qua đội ngũ cán bộ, công chức được bầu cử hoặc bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* khẳng định vai trò của các thiết chế này trong việc đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, đồng thời là cầu nối giữa Nhà nước với nhân dân trong việc tổ chức thực hiện dân chủ. Thông qua hoạt động của HĐND các cấp, quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện ở việc tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát hoạt động của bộ máy chính quyền. Vai trò đại diện này góp phần bảo đảm tính liên tục, ổn định và thống nhất trong quản lý xã hội, nhất là đối với những vấn đề vượt ra ngoài phạm vi có thể thực hiện bằng dân chủ trực tiếp.

Ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức đại diện như: Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng là những chủ thể quan trọng thực hiện dân chủ đại diện. Thông qua các thiết chế này, ý kiến, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được tập hợp, phản ánh và bảo vệ một cách có tổ chức, góp phần hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

Bên cạnh đó, dân chủ cơ sở còn được luật hóa đầy đủ và toàn diện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đây không chỉ là một khẩu hiệu chính trị mà trở thành hình thức thực hiện dân chủ mang tính quy trình, bao trùm toàn bộ các khâu của quá trình quản lý và tổ chức đời sống xã hội ở cơ sở. Theo đó, “dân biết” được thực hiện thông qua các hình thức công khai, minh bạch thông tin như: niêm yết, thông báo, đăng tải trên cổng thông tin điện tử, họp dân. “Dân bàn” được thực hiện thông qua việc lấy ý kiến, thảo luận công khai, đối thoại trực tiếp. “Dân làm” thể hiện ở sự tham gia trực tiếp của nhân dân vào tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa. “Dân kiểm tra, dân giám sát” được thực hiện thông qua các thiết chế giám sát cộng đồng, thanh tra nhân dân, giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Cuối cùng, “dân thụ hưởng” khẳng định mục tiêu cao nhất của dân chủ cơ sở là nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Ngoài ra, *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* còn nhấn mạnh yêu cầu thực hiện dân chủ phải gắn liền với kỷ cương, pháp luật, không tách rời trách nhiệm của các chủ thể tham gia. Do đó, các hình thức dân chủ cơ sở không mang tính tùy tiện, tự phát mà được thực hiện trong khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, có quy trình, có phân công trách nhiệm rõ ràng và có cơ chế kiểm tra, xử lý vi phạm. Việc kết hợp hài hòa giữa dân chủ và pháp luật góp phần khắc phục tình trạng hình thức, bảo đảm dân chủ thực chất, hiệu quả và bền vững. Đây là đặc trưng của dân chủ XHCN ở Việt Nam so với các mô hình dân chủ khác.

Nhìn chung, thực hiện dân chủ cơ sở được bảo đảm thông qua hệ thống cơ chế và hình thức đa dạng, phản ánh cách thức tổ chức, vận hành quyền lực ở cấp cơ sở. Về cơ chế, đây là sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị, bao gồm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, sự quản lý của chính quyền cơ sở, vai trò giám sát và phản biện của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, cùng với sự tham gia tích cực của nhân dân. Đồng thời, cơ chế thực hiện dân chủ còn được bảo đảm bởi hệ thống pháp luật, các quy chế, quy ước cộng đồng, các thiết chế tự quản ở cơ sở. Về hình thức, dân chủ cơ sở được triển khai thông qua cả dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Dân chủ trực tiếp thể hiện qua các hình thức như hội nghị nhân dân, lấy ý kiến cộng đồng, đối thoại trực tiếp giữa chính quyền và người dân. Dân chủ đại diện được thực hiện thông qua các cơ quan dân cử và đội ngũ đại biểu. Bên cạnh đó, các hình thức như tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giám sát cộng đồng và phản biện xã hội là những kênh quan trọng bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được thực thi thực chất.

2.1.2.4. Các điều kiện bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở

Thực hiện dân chủ cơ sở là quá trình chính trị - pháp lý - xã hội phức hợp, đòi hỏi phải có hệ thống các điều kiện bảo đảm đồng bộ, đầy đủ và bền vững.

Thứ nhất, điều kiện bảo đảm về thể chế, pháp luật

Thể chế, pháp luật giữ vai trò là nền tảng cốt lõi, có ý nghĩa quyết định trong việc xác lập và bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở. Về bản chất, dân chủ không chỉ là một giá trị chính trị - xã hội, mà còn phải được thể chế hóa thành các quy phạm pháp

luật cụ thể nhằm bảo đảm tính hiện thực, khả năng thực thi trong thực tiễn. Do đó, việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở là điều kiện tiên quyết, tạo hành lang pháp lý để các chủ thể liên quan, đặc biệt là chính quyền cơ sở và người dân có căn cứ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Trước hết, hệ thống pháp luật cần quy định rõ ràng nội dung, hình thức và cơ chế thực hiện dân chủ cơ sở theo nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Những quy định này phải bảo đảm tính cụ thể, minh bạch và dễ thực hiện, tránh tình trạng chung chung, hình thức hoặc khó áp dụng trong thực tiễn. Đồng thời, cần xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở, từ đó tạo cơ sở để kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật là một yêu cầu quan trọng. Các quy định về dân chủ cơ sở cần được xây dựng trong mối liên hệ chặt chẽ với các lĩnh vực khác như quản lý hành chính, đất đai, ngân sách, đầu tư công... nhằm bảo đảm sự thống nhất trong quá trình thực thi. Nếu thiếu sự đồng bộ, các quy định có thể chồng chéo, mâu thuẫn, làm giảm hiệu lực và hiệu quả của việc thực hiện dân chủ cơ sở. Đặc biệt, cần có chế độ bảo đảm thực thi pháp luật thông qua hệ thống kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Khi pháp luật được thực thi nghiêm minh, có chế tài rõ ràng đối với các hành vi vi phạm, thì niềm tin của người dân vào thể chế sẽ được củng cố, từ đó thúc đẩy sự tham gia tích cực của họ vào các hoạt động dân chủ ở cơ sở. Ngược lại, nếu pháp luật chỉ tồn tại trên giấy mà không được thực thi hiệu quả, thì dân chủ cơ sở sẽ khó có thể đi vào thực chất.

Ở Việt Nam, *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* năm 2022 được Quốc hội khóa XV thông qua góp phần tạo lập cơ sở pháp lý cao nhất, lần đầu tiên luật hóa toàn diện quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức và nguyên tắc thực hiện dân chủ, đồng thời phân định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, để các quy định của Luật không dừng lại ở tính định hướng mà đi vào thực tiễn, cần có hệ thống văn bản dưới luật nhằm cụ thể hóa quy trình, thủ tục, phương thức tổ chức thực hiện. Trên cơ sở

đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14-08-2023 “Quy định chi tiết một số điều của *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*”, trong đó làm rõ cơ chế công khai thông tin, lấy ý kiến, tổ chức hội nghị, đối thoại, giám sát và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu. Sự đầy đủ, thống nhất của hệ thống pháp luật là điều kiện cần để bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch và bình đẳng trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Thứ hai, điều kiện bảo đảm về tổ chức và bộ máy

Tổ chức và bộ máy thực hiện dân chủ cơ sở là chủ thể trực tiếp chuyển hóa các quy định pháp luật thành hành động cụ thể trong đời sống xã hội. Vì vậy, một hệ thống tổ chức bộ máy hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở. Trước hết, chính quyền cơ sở giữ vai trò trung tâm trong việc tổ chức thực hiện dân chủ. Đây là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống hàng ngày của người dân. Do đó, việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cơ sở trong thực hiện dân chủ là hết sức cần thiết. Cơ chế phân cấp, phân quyền hợp lý sẽ tạo điều kiện để chính quyền cơ sở chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình trước nhân dân. Bên cạnh đó, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở như MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, đồng thời tham gia giám sát và phản biện xã hội. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể này sẽ tạo thành một cơ chế vận hành đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Đặc biệt, hoạt động của bộ máy nhà nước ở cơ sở cần được vận hành theo nguyên tắc công khai, minh bạch, tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và tham gia giám sát. Khi bộ máy hoạt động minh bạch, có trách nhiệm giải trình rõ ràng, thì niềm tin của người dân sẽ được củng cố, từ đó thúc đẩy sự tham gia tích cực vào các hoạt động dân chủ. Ngoài ra, cần chú trọng xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong thực hiện dân chủ cơ sở. Sự thiếu phối hợp hoặc phối hợp không hiệu quả có thể dẫn đến tình trạng chông chéo, đùn đẩy trách nhiệm, làm giảm hiệu quả thực hiện. Do đó, việc thiết lập các quy chế phối hợp rõ ràng, cụ thể là

một yêu cầu cần thiết. Trong *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* xác định rõ vai trò của HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc tổ chức, hướng dẫn, giám sát thực hiện dân chủ. Sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các chủ thể này là điều kiện để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện đầy đủ, liên tục và có hiệu quả. Ngược lại, nếu phân công trách nhiệm không rõ ràng hoặc phối hợp lỏng lẻo, dân chủ cơ sở dễ rơi vào tình trạng chông chéo, hình thức hoặc bị “hành chính hóa”, làm giảm sự tham gia của người dân.

Thứ ba, điều kiện bảo đảm về nguồn lực con người

Nguồn lực con người là yếu tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng và hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Nếu thể chế và bộ máy là “khung”, thì con người chính là “chủ thể vận hành”, quyết định việc dân chủ có được thực hiện thực chất hay không. Do đó, đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở cần phải có năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ nhân dân. Cán bộ cơ sở là người trực tiếp tổ chức, hướng dẫn và điều hành các hoạt động dân chủ, do đó, nếu thiếu trách nhiệm, thiếu minh bạch hoặc có biểu hiện quan liêu, nhũng nhiễu thì sẽ làm suy giảm niềm tin của người dân, cản trở việc thực hiện dân chủ. Ngược lại, đội ngũ cán bộ có năng lực, tận tâm và liêm chính sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để dân chủ được thực hiện hiệu quả. Trong *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* nhấn mạnh trách nhiệm giải trình của người đứng đầu và trách nhiệm xử lý vi phạm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở, qua đó tạo cơ sở pháp lý để nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, phòng ngừa các biểu hiện quan liêu, cửa quyền, xa dân.

Đối với người dân cần nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ công dân, bởi vì, dân chủ cơ sở chỉ thực sự phát huy khi người dân hiểu rõ quyền của mình, có khả năng tham gia và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng. Trình độ dân trí, mức độ hiểu biết pháp luật và ý thức trách nhiệm xã hội của người dân sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ và chất lượng tham gia dân chủ. Vì vậy, cần chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cả cán bộ và người dân

về dân chủ cơ sở. Đây là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì và phương pháp phù hợp.

Thứ tư, điều kiện bảo đảm về tài chính, cơ sở vật chất và thông tin

Cơ sở vật chất và hệ thống thông tin là những điều kiện mang tính kỹ thuật nhưng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở. Trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu về công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân ngày càng cao, thì việc bảo đảm các điều kiện này càng trở nên cần thiết. Trước hết, cơ sở vật chất như nhà văn hóa, trụ sở làm việc, địa điểm tiếp dân... là không gian để tổ chức các hoạt động dân chủ như hội họp, đối thoại, lấy ý kiến nhân dân. Nếu thiếu các điều kiện này, việc tổ chức thực hiện dân chủ sẽ gặp nhiều khó khăn, thậm chí không thể triển khai một cách đầy đủ và hiệu quả. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin đóng vai trò cầu nối giữa chính quyền và người dân. Việc công khai thông tin về chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển, ngân sách... là điều kiện để người dân “biết” và từ đó có thể “bàn”, “kiểm tra”, “giám sát”. Do đó, cần xây dựng và hoàn thiện các kênh thông tin chính thức, bảo đảm thông tin được cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cung cấp thông tin là xu hướng tất yếu. Các nền tảng số có thể giúp mở rộng khả năng tiếp cận thông tin của người dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia và giám sát. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi phải có sự đầu tư tương xứng về hạ tầng kỹ thuật, năng lực sử dụng công nghệ của cả cán bộ và người dân. Trong *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP đưa ra yêu cầu bố trí kinh phí cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó khắc phục tình trạng coi dân chủ là hoạt động “phụ trợ” hoặc làm theo phong trào. Việc bảo đảm nguồn lực đầy đủ không chỉ giúp các hình thức dân chủ được tổ chức thường xuyên, đúng quy định, mà còn góp phần nâng cao chất lượng tham gia và giám sát của nhân dân.

Nhìn chung, thực hiện dân chủ ở cơ sở là quá trình đòi hỏi sự kết hợp hài hòa nhiều yếu tố từ thể chế, pháp luật, tổ chức, bộ máy đến con người, cơ sở vật chất, thông tin. Đây là những yếu tố quan trọng, có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại

lẫn nhau. Vì vậy, bảo đảm đầy đủ các điều kiện trên là tiền đề quan trọng để dân chủ cơ sở được thực hiện hiệu quả, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao chất lượng quản trị ở cơ sở.

2.1.2.5. Vai trò của thực hiện dân chủ cơ sở

Trong quá trình thực hiện dân chủ, cấp cơ sở giữ vai trò then chốt, là nơi phản ánh trực tiếp thực tiễn đời sống xã hội và thể hiện rõ nét nhất ý thức cũng như năng lực làm chủ của nhân dân. Đây là cấp gần gũi nhất với người dân, nơi dân chủ được thực hiện cả dưới hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Đồng thời, cơ sở còn là nơi đầu tiên tiếp nhận và giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân, cũng như những xung đột nảy sinh trong đời sống hàng ngày. Mặc dù là cấp thấp nhất trong hệ thống quản lý nhà nước, nhưng cơ sở đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng và củng cố chế độ dân chủ. Chính tại đây, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được triển khai thực tế, chuyển hóa thành hành động cụ thể. Đây là địa bàn trọng yếu để các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động nhân dân, làm cho người dân hiểu rõ, tin tưởng và tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Vì vậy, thực hiện dân chủ ở cơ sở chính là phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Dân chủ cơ sở vừa là nguyên tắc, vừa là cơ chế vận hành thực tiễn, được thực hiện theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Dân chủ cơ sở chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi gắn liền với kỷ cương, pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, công bằng; đồng thời tạo điều kiện để mỗi người dân có thể tham gia và đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt vấn đề thực hành dân chủ vào vị trí trung tâm và coi đó là yếu tố cốt lõi để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Theo Người, thực hành dân chủ không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu hay hình thức, mà quan trọng hơn, dân chủ phải được mở rộng, thực chất và phát huy đúng đắn trong mọi mặt của đời sống xã hội. Người nhấn mạnh phải “*làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm*” [63, tr. 293]. Bởi vì, dân chủ chỉ có ý nghĩa khi nhân dân thực sự hiểu quyền làm chủ của mình, biết cách

sử dụng và thực thi quyền dân chủ một cách hiệu quả. Đặc biệt, Hồ Chí Minh coi dân chủ là “chìa khóa vạn năng” để giải quyết những khó khăn, bức xúc trong xã hội. Bởi lẽ, khi dân chủ được thực thi một cách thực chất, nó không chỉ đảm bảo quyền lợi cho nhân dân mà còn tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển xã hội. Người khẳng định: “... *thực hành dân chủ* là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn” [63, tr. 325]. Như vậy, dân chủ không chỉ là một mục tiêu cần đạt được, mà còn là phương thức quan trọng để xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và tiên bộ.

Trong quá trình thực hành dân chủ, dân chủ cơ sở giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. Dân chủ cơ sở vừa là nguyên tắc tổ chức và vận hành của hệ thống chính trị, vừa là phương thức trực tiếp để hiện thực hóa quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông qua việc bảo đảm cho nhân dân được tham gia, quyết định, giám sát những vấn đề gắn liền với lợi ích thiết thân của mình, dân chủ cơ sở góp phần ổn định chính trị, phát triển bền vững và tăng cường đồng thuận xã hội.

Trước hết, thực hiện dân chủ cơ sở có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, qua đó khẳng định bản chất dân chủ của chế độ XHCN ở Việt Nam. Dân chủ không chỉ được hiến định, mà còn được hiện thực hóa thông qua các cơ chế, hình thức cụ thể tại cơ sở - nơi người dân sinh sống, lao động và trực tiếp chịu tác động của các quyết định quản lý. Khi nhân dân được “biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát và thụ hưởng”, quyền làm chủ không còn mang tính hình thức mà trở thành quyền năng thực tế, gắn liền với trách nhiệm công dân và lợi ích cộng đồng.

Dân chủ cơ sở giữ vai trò nâng cao tính hợp pháp, tính chính danh và chất lượng của các quyết định quản lý nhà nước ở địa phương và cơ sở. Sự tham gia của nhân dân vào quá trình thảo luận, góp ý và giám sát giúp các chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn, phản ánh đúng nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng. Nhờ đó, các quyết định được ban hành có mức độ đồng

thuận xã hội cao hơn, hạn chế tình trạng áp đặt hành chính, giảm xung đột lợi ích và tăng khả năng tổ chức thực hiện trên thực tế.

Thực hiện dân chủ cơ sở góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quản trị xã hội ở cơ sở. Thông qua cơ chế công khai, minh bạch thông tin và sự tham gia của người dân, các hoạt động quản lý trở nên chặt chẽ hơn, hạn chế sai sót, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực. Dân chủ cơ sở giúp chuyển đổi mô hình quản lý từ “quản lý đơn thuần” sang “quản trị có sự tham gia”, trong đó Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo, còn nhân dân là chủ thể tham gia tích cực vào quá trình tổ chức và giám sát thực hiện.

Dân chủ cơ sở góp phần tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của bộ máy công quyền và người đứng đầu. Khi các quyết định, nguồn lực, dự án và hoạt động của cơ quan, tổ chức ở cơ sở được công khai, chịu sự giám sát của nhân dân, trách nhiệm của cán bộ, công chức được đặt trong khuôn khổ pháp luật và giám sát xã hội. Điều này góp phần phòng ngừa, hạn chế các biểu hiện quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, đồng thời củng cố kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

Bên cạnh đó, dân chủ cơ sở giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực cộng đồng và bồi dưỡng văn hóa chính trị dân chủ. Quá trình tham gia bàn bạc, quyết định, giám sát các công việc chung giúp người dân nâng cao hiểu biết pháp luật, kỹ năng tham gia xã hội, ý thức trách nhiệm và tinh thần hợp tác. Đồng thời, thông qua thực hành dân chủ, các giá trị như: đối thoại, tôn trọng ý kiến khác biệt, tuân thủ pháp luật, hướng tới lợi ích chung từng bước được hình thành và củng cố trong đời sống cộng đồng.

Thực hiện dân chủ cơ sở còn đóng vai trò củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, qua đó tăng cường niềm tin xã hội và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Khi quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng, bảo đảm, người dân không chỉ là đối tượng quản lý mà trở thành chủ thể đồng hành cùng Đảng và Nhà nước trong quá trình phát triển. Sự gắn kết này là điều kiện quan trọng để giữ

vững ổn định chính trị - xã hội, nhất là trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Dân chủ cơ sở góp phần phòng ngừa và giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội ngay từ cơ sở. Thông qua các cơ chế đối thoại, tiếp nhận và xử lý kiến nghị, phản ánh, nhiều vấn đề nảy sinh trong cộng đồng được phát hiện sớm và giải quyết kịp thời bằng con đường dân chủ, pháp lý, hạn chế khiếu kiện kéo dài hoặc các hình thức phản ứng tiêu cực. Điều này góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội và tạo môi trường ổn định cho phát triển.

Ngoài ra, dân chủ cơ sở có ý nghĩa về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự tham gia của nhân dân vào quá trình xây dựng và giám sát các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội giúp sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, cộng đồng và cá nhân. Vì vậy, dân chủ cơ sở không chỉ là vấn đề chính trị - xã hội, mà còn là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển bền vững ở địa phương. Thực hiện dân chủ cơ sở còn giữ vai trò nền tảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Dân chủ cơ sở vừa là mục tiêu của quá trình hoàn thiện thể chế, vừa là phương thức để bảo đảm các nguyên tắc pháp quyền như công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và bình đẳng trước pháp luật. Thông qua thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền lực nhà nước được kiểm soát hiệu quả hơn, quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân được bảo vệ tốt hơn.

Như vậy, dân chủ cơ sở đóng vai trò nền tảng trong hệ thống chính trị, là cầu nối trực tiếp giữa chính quyền và nhân dân, đảm bảo quyền làm chủ của người dân được thực thi ngay từ cấp cơ sở. Đây không chỉ là một nguyên tắc quan trọng để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Dân chủ cơ sở giúp người dân tham gia trực tiếp vào quá trình ra quyết định, giám sát hoạt động của chính quyền, góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả trong quản lý xã hội. Đồng thời, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường đoàn kết cộng đồng, góp phần ổn định chính trị và củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Việc

thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở sẽ đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân, góp phần xã hội công bằng, văn minh và phát triển bền vững.

2.2. Các yếu tố tác động đến thực hiện dân chủ cơ sở

Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, thực hiện dân chủ cơ sở vừa là yêu cầu chính trị - xã hội, vừa là nội dung cấu thành quan trọng trong quá trình đổi mới chính trị, hoàn thiện mô hình quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm. Trong thực tiễn, việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau, từ thể chế chính trị, điều kiện kinh tế- xã hội, nền tảng văn hóa - lịch sử, cho đến năng lực của chủ thể thực thi và tác động của bối cảnh quốc tế. Việc nhận diện đầy đủ các yếu tố này có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn, là cơ sở để nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

Một là, yếu tố chính trị, thể chế

Đây là yếu tố có tính nền tảng, định hướng và chi phối toàn bộ việc thực hiện dân chủ cơ sở. Trong hệ thống chính trị, dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước, đồng thời được bảo đảm thông qua hệ thống cơ chế do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Do đó, mức độ hoàn thiện của thể chế chính trị, khuôn khổ pháp lý có ý nghĩa quyết định đối với việc hiện thực hóa quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở. Trước hết, đường lối, chủ trương của Đảng về phát huy dân chủ và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là định hướng quan trọng cho việc tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở. Những quan điểm nhất quán về “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” không chỉ thể hiện bản chất của chế độ, mà còn là cơ sở để thể chế hóa thành các quy định pháp luật cụ thể. Sự rõ ràng, nhất quán và kịp thời của các chủ trương này góp phần tạo lập môi trường chính trị thuận lợi cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng dân chủ ở cơ sở. Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán quan điểm tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhận thức sâu sắc vấn đề dân chủ trước tiên và trọng yếu xuất phát từ cơ sở. Trên nền tảng tư tưởng “dân làm gốc”,

Đảng xác định việc xây dựng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động là nguyên tắc xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới [36, tr. 28]. Quan điểm này được phát triển và khẳng định rõ nét hơn trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, theo đó chế độ XHCN mà nhân dân Việt Nam xây dựng là chế độ “do nhân dân làm chủ” [37, tr. 18], trong đó quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện nhất nguyên chính trị.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở giữ vai trò trực tiếp trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ, cơ chế và phương thức để người dân tham gia vào quá trình quản lý xã hội. Khi khuôn khổ pháp lý được xây dựng đồng bộ, minh bạch, dễ tiếp cận và có tính khả thi cao, thì quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm trên thực tế. Ngược lại, nếu pháp luật còn chồng chéo, thiếu cụ thể hoặc thiếu cơ chế thực thi hiệu quả, thì dân chủ dễ bị hình thức hóa, thậm chí bị hạn chế trong quá trình triển khai. Ở Việt Nam, quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế dân chủ cơ sở gắn liền với tiến trình đổi mới toàn diện đất nước từ sau năm 1986. Đặc biệt, năm 1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, xác lập dân chủ cơ sở là yêu cầu chiến lược trong xây dựng hệ thống chính trị, đồng thời đặt nền tảng cho việc chuyên hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành các quy định pháp lý cụ thể. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đban hành Nghị quyết số 45/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 26-2-1998 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ, đánh dấu bước thể chế hóa quan trọng từ chủ trương chính trị sang khuôn khổ pháp lý. Tiếp đó, Chính phủ ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm hướng dẫn và tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở đối với từng loại hình cụ thể như: Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 về Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Chỉ thị số 22/1998/CT- TTg ngày 15-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai QCDC ở xã, phường, thị trấn; Thông tư số 03/1998/TT- TCCP ngày 06-7-1998 về hướng dẫn áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường và thị trấn... Dấu mốc quan trọng trong quá trình hoàn thiện thể chế dân chủ cơ sở là việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20-4-2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Pháp lệnh hệ thống hóa tương đối đầy đủ các nội dung, hình thức và cơ chế thực hiện dân chủ ở cơ sở, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc triển khai trên phạm vi cả nước. Đặc biệt, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được ban hành năm 2022 đánh dấu bước phát triển mới về chất trong quá trình hoàn thiện thể chế, khi lần đầu tiên dân chủ cơ sở được điều chỉnh bằng một đạo luật thống nhất, có hiệu lực pháp lý cao, khắc phục tình trạng phân tán, chòng chẹo của các quy định trước đây, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Tuy nhiên, hiệu quả của khung pháp lý không chỉ phụ thuộc vào nội dung của luật, mà còn phụ thuộc rất lớn vào mức độ cụ thể hóa thông qua các nghị định, thông tư hướng dẫn và quy chế nội bộ tại từng loại hình cơ sở. Thực tiễn cho thấy, ở những nơi các quy định được cụ thể hóa rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện và gắn với trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể, dân chủ cơ sở thường được triển khai thực chất hơn. Ngược lại, những quy định mang tính khung, chung chung, thiếu hướng dẫn chi tiết dễ dẫn đến tình trạng áp dụng tùy tiện, hình thức hóa hoặc “né tránh” trách nhiệm. Do đó, thể chế không chỉ là “điều kiện đủ” về mặt pháp lý, mà còn là công cụ định hướng hành vi và chuẩn hóa quy trình thực hành dân chủ ở cơ sở.

Hai là, điều kiện và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

Dân chủ cơ sở luôn gắn liền với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Trình độ phát triển kinh tế không chỉ tạo ra cơ sở vật chất cho việc thực hiện dân chủ, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu, khả năng và mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động xã hội. Trước hết, trình độ phát triển kinh tế tạo ra cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện dân chủ. Ở những địa phương có kinh tế phát triển, nguồn lực tài chính dồi dào, cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ (trụ sở làm việc, hệ thống thông tin, phương tiện truyền thông, hạ tầng số...), chính quyền có điều kiện tổ chức các hình thức dân chủ đa dạng như hội nghị nhân dân, đối thoại công khai, lấy ý kiến rộng rãi, công khai ngân sách, quy hoạch... Đồng thời, các thiết chế hỗ trợ dân chủ như MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội có điều kiện hoạt động

hiệu quả hơn. Ngược lại, ở những địa bàn còn khó khăn, thiếu nguồn lực, việc tổ chức các hoạt động dân chủ thường mang tính hình thức, bị thu hẹp về quy mô và tần suất, thậm chí phụ thuộc nhiều vào điều kiện hành chính hơn là nhu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, điều kiện kinh tế - xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến trình độ dân trí và năng lực thực hành dân chủ của người dân. Khi đời sống vật chất được cải thiện, người dân có điều kiện tiếp cận giáo dục, thông tin và các nguồn tri thức xã hội, từ đó nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức công dân và kỹ năng tham gia (thảo luận, phản biện, giám sát...). Điều này làm cho việc thực hiện dân chủ không chỉ dừng lại ở hình thức tham gia thụ động mà chuyển sang tham gia có chất lượng, có trách nhiệm. Ngược lại, ở những nơi trình độ dân trí còn hạn chế, người dân dễ rơi vào tâm lý e ngại, thiếu tự tin hoặc không đủ thông tin để tham gia vào các vấn đề chung, dẫn đến dân chủ bị “hành chính hóa” hoặc phụ thuộc vào định hướng của chính quyền.

Hơn nữa, điều kiện kinh tế - xã hội chi phối nhu cầu và động cơ tham gia dân chủ của người dân. Khi đời sống còn nhiều khó khăn, người dân thường ưu tiên các nhu cầu sinh kế trước mắt, do đó ít quan tâm hoặc không có điều kiện tham gia vào các hoạt động quản lý xã hội. Ngược lại, khi mức sống được nâng cao, nhu cầu tham gia vào các quyết định liên quan đến quyền lợi, môi trường sống, an sinh xã hội... rõ nét hơn, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các hình thức dân chủ trực tiếp và gián tiếp ở cơ sở. Điều này cho thấy dân chủ cơ sở có mối quan hệ chặt chẽ với quá trình phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Hiện nay, quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm nảy sinh những vấn đề xã hội mới và các quan hệ lợi ích đa dạng, phức tạp. Các vấn đề như thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, ô nhiễm môi trường, phân hóa giàu nghèo, việc làm... thường gắn trực tiếp với quyền lợi của người dân, do đó đòi hỏi phải thực hiện dân chủ một cách thực chất, công khai và minh bạch. Nếu dân chủ cơ sở được thực hiện tốt, đây sẽ là kênh quan trọng để giải quyết xung đột lợi ích, tạo sự đồng thuận xã hội. Ngược lại, nếu thực hiện hình thức hoặc thiếu minh bạch, dễ dẫn đến khiếu kiện, mâu thuẫn và bất ổn ở cơ sở.

Tuy nhiên, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, miền ảnh hưởng

đến hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Ở các khu vực đô thị, nơi có điều kiện kinh tế phát triển, mức độ tiếp cận thông tin cao, các hình thức dân chủ thường phong phú và có chất lượng hơn. Trong khi đó, ở vùng nông thôn, miền núi hoặc vùng khó khăn, việc thực hiện dân chủ còn gặp nhiều hạn chế do thiếu nguồn lực, hạn chế về dân trí và điều kiện tiếp cận thông tin. Điều này đặt ra yêu cầu phải có các chính sách phù hợp để bảo đảm thực hiện dân chủ một cách đồng đều, không để khoảng cách phát triển trở thành rào cản đối với quyền làm chủ của người dân.

Như vậy, điều kiện và trình độ phát triển kinh tế - xã hội vừa là tiền đề vật chất, vừa là động lực trong việc thực hiện dân chủ cơ sở. Sự phát triển kinh tế - xã hội góp phần mở rộng không gian và điều kiện thực hiện dân chủ, thúc đẩy người dân tham gia tích cực. Tuy nhiên, nếu không gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội và thực hiện dân chủ có thể làm gia tăng mâu thuẫn, thách thức đối với dân chủ cơ sở. Vì vậy, cần nhận thức đầy đủ và giải quyết hài hòa mối quan hệ này nhằm phát huy vai trò của dân chủ tạo động lực phát triển bền vững.

Ba là, nền tảng văn hóa, lịch sử và cấu trúc xã hội của cộng đồng ở cơ sở

Yếu tố văn hóa - lịch sử và đặc trưng cộng đồng có ảnh hưởng sâu sắc đến việc thực hiện dân chủ cơ sở. Nếu như yếu tố chính trị - thể chế tạo ra khuôn khổ pháp lý, còn điều kiện kinh tế - xã hội cung cấp nền tảng vật chất, thì yếu tố văn hóa - xã hội góp phần định hình cách thức con người nhận thức, ứng xử và tham gia vào các hoạt động dân chủ, qua đó tác động trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả thực thi dân chủ trong thực tiễn. Trước hết, truyền thống văn hóa, lịch sử là cơ sở hình thành hệ giá trị, chuẩn mực và thói quen xã hội, từ đó ảnh hưởng đến hành vi chính trị của người dân ở cơ sở. Ở Việt Nam, đặc trưng văn hóa làng xã với tính cộng đồng cao, tinh thần cố kết và truyền thống tự quản là điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và thực hành dân chủ. Những giá trị như đoàn kết, tương trợ, tôn trọng quy ước chung, ý thức trách nhiệm với cộng đồng... góp phần thúc đẩy người dân tham gia vào các công việc chung, tạo điều kiện để các cơ chế dân chủ được triển khai hiệu quả. Đồng thời, các thiết chế văn hóa truyền thống như hương ước, quy ước nếu được xây dựng và vận dụng phù hợp với pháp luật hiện hành có thể trở thành công cụ hỗ trợ tích cực

cho việc phát huy dân chủ ở cơ sở. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực, một số đặc điểm văn hóa truyền thống có thể trở thành rào cản đối với việc thực hiện dân chủ. Tâm lý “dĩ hòa vi quý”, nể nang, ngại va chạm có thể làm giảm tính chủ động, tinh thần phản biện và khả năng giám sát của người dân. Trong nhiều trường hợp, người dân dù có ý kiến nhưng không mạnh dạn bày tỏ hoặc có xu hướng đồng thuận hình thức, dẫn đến việc dân chủ không được thực hiện hiệu quả. Có thể thấy, yếu tố văn hóa vừa là nguồn lực, vừa là lực cản đối với dân chủ cơ sở, tùy thuộc vào cách thức định hướng và phát huy trong từng bối cảnh cụ thể.

Bên cạnh đó, cấu trúc xã hội của cộng đồng ở cơ sở bao gồm: Mức độ phân tầng xã hội, quan hệ lợi ích, mức độ gắn kết và niềm tin xã hội có tác động quan trọng đến việc thực hiện dân chủ. Ở những cộng đồng có sự gắn kết cao, quan hệ xã hội ổn định, lợi ích tương đối hài hòa, việc huy động sự tham gia của người dân vào các hoạt động chung thường thuận lợi hơn, đồng thời dễ đạt được sự đồng thuận trong quá trình ra quyết định. Ngược lại, ở những nơi có sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt, mâu thuẫn lợi ích phức tạp hoặc niềm tin xã hội thấp, việc tổ chức thực hiện dân chủ thường gặp nhiều khó khăn, thậm chí có thể phát sinh xung đột, khiếu kiện. Ngoài ra, mức độ phát triển xã hội thể hiện qua mạng lưới quan hệ, sự tin cậy và các chuẩn mực hợp tác trong cộng đồng cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Khi vốn xã hội cao, người dân có xu hướng hợp tác, chia sẻ thông tin và cùng tham gia giải quyết các vấn đề chung, qua đó nâng cao chất lượng dân chủ. Ngược lại, khi niềm tin xã hội suy giảm, sự gắn kết cộng đồng lỏng lẻo, thì việc huy động sự tham gia của người dân trở nên khó khăn hơn. Hiện nay, quá trình đô thị hóa, di cư và biến đổi xã hội đang làm thay đổi cấu trúc cộng đồng truyền thống, từ đó tác động đến các hình thức, cơ chế thực hiện dân chủ cơ sở. Sự đa dạng về thành phần dân cư, sự suy giảm của các thiết chế truyền thống và sự xuất hiện của các quan hệ xã hội mới đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức tổ chức dân chủ, bảo đảm phù hợp với đặc điểm của cộng đồng trong điều kiện mới.

Như vậy, nền tảng văn hóa, lịch sử và cấu trúc xã hội của cộng đồng ở cơ sở giữ vai trò quan trọng trong việc định hình môi trường xã hội cho thực hiện dân chủ.

Việc phát huy các giá trị văn hóa tích cực, đồng thời khắc phục những hạn chế của truyền thống và thích ứng với những biến đổi xã hội hiện đại là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở.

Bốn là, năng lực quản trị của chính quyền cơ sở và chất lượng đội ngũ cán bộ

Đây là yếu tố mang tính quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Chính quyền cơ sở và đội ngũ cán bộ là chủ thể tổ chức, điều hành và bảo đảm cho các cơ chế dân chủ được triển khai trong thực tiễn. Do đó, mức độ phát huy quyền làm chủ của nhân dân phụ thuộc rất lớn vào năng lực quản trị và phẩm chất, trình độ của đội ngũ này. Trước hết, năng lực quản trị của chính quyền cơ sở thể hiện ở khả năng thể chế hóa, tổ chức thực thi và điều hành các hoạt động quản lý nhà nước. Một chính quyền có năng lực quản trị tốt sẽ biết cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về dân chủ thành các quy định, quy trình rõ ràng, dễ thực hiện; đồng thời tổ chức triển khai khoa học, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Điều này giúp bảo đảm các quyền “biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát, thụ hưởng” của người dân được thực hiện hiệu quả, không mang tính hình thức. Ngược lại, nếu năng lực quản trị hạn chế, việc triển khai dân chủ cơ sở dễ rơi vào tình trạng máy móc, hình thức hoặc bị hành chính hóa. Chẳng hạn, việc công khai thông tin có thể chỉ dừng lại ở niêm yết mang tính thủ tục, việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân thiếu thực chất, không phản ánh đúng nguyện vọng của người dân. Khi đó, dân chủ không những không phát huy được vai trò, mà còn có thể làm giảm niềm tin của nhân dân đối với chính quyền. Hơn nữa, năng lực quản trị còn thể hiện ở mức độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở. Đây là những tiêu chí cốt lõi của quản trị hiện đại, đồng thời là điều kiện bảo đảm để người dân thực hiện quyền giám sát. Khi chính quyền chủ động công khai thông tin về quy hoạch, kế hoạch, ngân sách, các dự án liên quan đến quyền lợi của người dân; đồng thời sẵn sàng đối thoại, giải trình trước nhân dân sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để dân chủ được thực hiện hiệu quả. Ngược lại, sự thiếu minh bạch, né tránh trách nhiệm hoặc chậm trễ trong giải quyết kiến nghị của người dân sẽ làm suy giảm niềm tin, hạn chế sự tham gia và phát sinh mâu thuẫn xã hội.

Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ là yếu tố quan trọng trong thực hiện dân chủ cơ sở. Đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở là những người trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, tổ chức các hoạt động dân chủ và giải quyết các vấn đề phát sinh trong cộng đồng. Do đó, phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc của họ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện dân chủ. Một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tôn trọng và phục vụ nhân dân, có năng lực chuyên môn và kỹ năng giao tiếp, đối thoại tốt sẽ góp phần tạo dựng môi trường dân chủ cởi mở, khuyến khích người dân tham gia và bày tỏ ý kiến. Ngược lại, nếu cán bộ còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm, hoặc hạn chế về năng lực, thì không chỉ làm giảm hiệu quả thực hiện dân chủ mà còn có thể dẫn đến những phản ứng tiêu cực như khiếu kiện, mất đoàn kết trong cộng đồng.

Ngoài ra, phong cách lãnh đạo, điều hành của chính quyền và cán bộ cơ sở cũng có tác động quan trọng. Phong cách dân chủ, gần dân, tôn trọng ý kiến nhân dân, biết lắng nghe và tiếp thu phản hồi sẽ tạo ra sự đồng thuận và gắn kết xã hội. Trong khi đó, phong cách áp đặt, mệnh lệnh hành chính hoặc né tránh đối thoại sẽ làm thu hẹp không gian dân chủ, khiến người dân trở nên thụ động hoặc thiếu tin tưởng vào cơ chế tham gia. Hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở còn phụ thuộc vào cơ chế phối hợp giữa chính quyền với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Khi các chủ thể này phối hợp chặt chẽ, phát huy đúng vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội, thì sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, góp phần nâng cao chất lượng dân chủ. Ngược lại, nếu sự phối hợp lỏng lẻo hoặc mang tính hình thức, thì vai trò của các tổ chức này sẽ không được phát huy đầy đủ.

Như vậy, năng lực quản trị của chính quyền cơ sở và chất lượng đội ngũ cán bộ là yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Việc nâng cao năng lực quản trị, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín không chỉ là yêu cầu nội tại của hệ thống chính trị, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở thực chất, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn hiện nay.

Nhằm là, tác động của bối cảnh hội nhập quốc tế và quá trình chuyển đổi số

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng vừa tạo ra cơ hội mở rộng không

gian và nâng cao chất lượng dân chủ, vừa đặt ra những thách thức mới đối với phương thức tổ chức, vận hành dân chủ ở cơ sở. Trước hết, hội nhập quốc tế góp phần thúc đẩy đổi mới tư duy và tiếp cận về dân chủ và quản trị công. Quá trình tham gia vào các thể chế, diễn đàn quốc tế và khu vực tạo điều kiện để Việt Nam tiếp cận với các chuẩn mực, thông lệ tốt về quản trị nhà nước, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân. Những giá trị này từng bước được luật hóa, vận dụng phù hợp với điều kiện trong nước, qua đó góp phần hoàn thiện thể chế và nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ cơ sở. Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế còn tạo ra áp lực và động lực thúc đẩy nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước. Trong bối cảnh mở cửa và liên kết kinh tế, các hoạt động quản lý, đặc biệt ở cấp cơ sở phải tuân thủ các yêu cầu về minh bạch thông tin, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị. Điều này góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thông tin của người dân, tạo điều kiện thuận lợi để họ tham gia giám sát và phản biện đối với hoạt động của chính quyền. Đồng thời, hội nhập quốc tế cũng làm gia tăng sự đa dạng về lợi ích, nhu cầu và nhận thức xã hội, từ đó đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc thực hiện dân chủ cơ sở. Người dân không chỉ quan tâm đến các vấn đề thiết thân ở địa phương mà còn có xu hướng tiếp cận, so sánh với các chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế, qua đó nâng cao kỳ vọng đối với chất lượng quản trị và mức độ dân chủ. Nếu không đáp ứng được những yêu cầu này, có thể phát sinh khoảng cách giữa kỳ vọng và thực tiễn, ảnh hưởng đến niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

Song song với đó, quá trình chuyển đổi số đang làm thay đổi căn bản phương thức tương tác giữa chính quyền và người dân, qua đó tác động trực tiếp đến việc thực hiện dân chủ cơ sở. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số giúp mở rộng không gian dân chủ từ “trực tiếp truyền thống” sang “trực tuyến”, tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, tham gia góp ý, phản ánh kiến nghị và giám sát hoạt động của chính quyền một cách thuận tiện, nhanh chóng và ít tốn kém hơn. Chuyển đổi số cũng góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị thông qua việc số hóa dữ liệu, công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính, từ đó hạn chế các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, tăng

cường niềm tin của người dân. Đồng thời, các nền tảng số và mạng xã hội trở thành kênh quan trọng để thu thập ý kiến, nắm bắt dư luận xã hội, qua đó hỗ trợ chính quyền trong việc điều chỉnh chính sách và phương thức quản lý phù hợp với thực tiễn.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc thực hiện dân chủ cơ sở. Trước hết, vấn đề khoảng cách số giữa các vùng, miền và các nhóm dân cư có thể dẫn đến sự bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận thông tin và tham gia vào các hoạt động dân chủ. Những người ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa hoặc có trình độ công nghệ hạn chế có thể gặp khó khăn trong việc tham gia vào các hình thức dân chủ trực tuyến. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của không gian mạng cũng làm gia tăng nguy cơ lan truyền thông tin sai lệch, tin giả, ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của người dân, thậm chí gây nhiễu loạn thông tin và tác động tiêu cực đến quá trình thực hiện dân chủ. Nếu không có cơ chế quản lý và định hướng phù hợp, các thông tin này có thể làm suy giảm niềm tin xã hội, gây khó khăn cho hoạt động quản lý của chính quyền cơ sở. Ngoài ra, yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin công dân cũng trở thành vấn đề cấp thiết trong quá trình chuyển đổi số. Việc không bảo đảm an toàn thông tin có thể làm giảm niềm tin của người dân khi tham gia vào các nền tảng số, từ đó hạn chế hiệu quả của các hình thức dân chủ điện tử.

Tóm lại, bối cảnh hội nhập quốc tế và quá trình chuyển đổi số đang tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với việc thực hiện dân chủ cơ sở, vừa mở ra cơ hội để mở rộng không gian và nâng cao chất lượng dân chủ, vừa đặt ra những yêu cầu mới đối với năng lực quản trị và thích ứng của hệ thống chính trị. Việc tận dụng hiệu quả các cơ hội, đồng thời chủ động ứng phó với các thách thức là điều kiện quan trọng để bảo đảm thực hiện hiệu quả dân chủ cơ sở.

2.3. Khung phân tích vận hành dân chủ cơ sở

Trong thực tiễn, dân chủ cơ sở không tồn tại như một giá trị trừu tượng hay một khẩu hiệu chính trị, mà được hiện thực hóa thông qua quá trình vận hành cụ thể, có chủ thể tổ chức, trình tự thực hiện và cơ chế bảo đảm rõ ràng. Thực hiện dân chủ

cơ sở là quá trình tổ chức, bảo đảm để nhân dân thực hiện quyền làm chủ đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng, cơ quan, đơn vị, thông qua các hình thức và phương thức được pháp luật quy định. Do đó, dân chủ cơ sở cần được tiếp cận như một quy trình thực hành quản trị, trong đó quyền làm chủ của nhân dân được kích hoạt, vận hành và củng cố thông qua chuỗi tương tác có tính thể chế giữa chính quyền cơ sở, các thiết chế đại diện và người dân.

Trên thực tế, quá trình vận hành dân chủ cơ sở không khởi phát từ yêu cầu tự phát của người dân, mà bắt đầu từ vai trò chủ động của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu ở cơ sở. Chính các chủ thể này là người xác định phạm vi nội dung phải công khai, nội dung phải lấy ý kiến, nội dung nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp theo quy định của pháp luật, đồng thời lựa chọn hình thức, thời điểm và cách thức tổ chức thực hiện. Mức độ nhận thức pháp lý, tinh thần trách nhiệm và quyết tâm chính trị của cấp ủy, chính quyền cơ sở vì vậy giữ vai trò định hướng toàn bộ quá trình vận hành dân chủ. Trong thực tiễn, ở đâu chính quyền coi dân chủ là yêu cầu nội tại của quản trị, ở đó dân chủ có điều kiện vận hành thực chất, ngược lại, khi dân chủ được coi là nhiệm vụ hình thức, quá trình thực hiện sẽ thiếu hiệu quả. Trên nền tảng đó, dân chủ cơ sở được vận hành thông qua việc bảo đảm quyền được biết, được tiếp cận thông tin của người dân. Công khai, minh bạch thông tin là quá trình truyền tải thông tin đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu, phù hợp với khả năng tiếp cận của các nhóm cư dân. Chỉ khi người dân thực sự nắm được nội dung, căn cứ và phương án xử lý các vấn đề ở cơ sở, quyền làm chủ mới có nền tảng thực chất. Khi việc công khai thông tin mang tính hình thức, thiếu minh bạch hoặc chưa thực hiện đúng thời điểm, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả phát huy dân chủ cơ sở. Trên cơ sở thông tin được công khai đầy đủ, kịp thời, dân chủ cơ sở tiếp tục được hiện thực hóa thông qua các hình thức cụ thể như hội nghị nhân dân ở thôn, tổ dân phố, đối thoại trực tiếp giữa chính quyền cơ sở với nhân dân, lấy ý kiến bằng văn bản, phiếu khảo sát hoặc thông qua vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội... nhằm bảo đảm cho người dân được bàn bạc, thảo luận, tham gia góp ý kiến đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến cộng đồng. Thực tế, dân chủ cơ sở chỉ được vận hành hiệu quả khi các ý kiến của

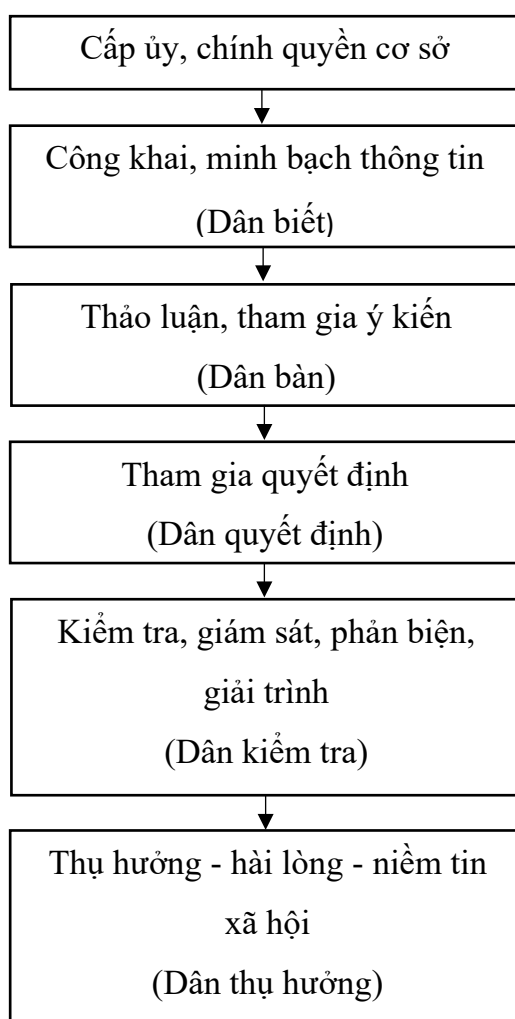
người dân được ghi nhận đầy đủ, trung thực, đồng thời được phản hồi, giải trình rõ ràng về mức độ tiếp thu hoặc không tiếp thu. Ngược lại, nếu các hình thức tham gia chủ dừng lại ở việc phổ biến nội dung đã định sẵn, hạn chế thời gian phát biểu hoặc coi việc lấy ý kiến như một thủ tục nhằm hợp thức hóa các quyết định được chuẩn bị từ trước thì chưa phát huy giá trị và ý nghĩa của nguyên tắc “dân làm chủ” trong đời sống ở cơ sở.

Ở những nội dung pháp luật cho phép, dân chủ cơ sở được vận hành ở mức độ cao hơn thông qua việc nhân dân tham gia quyết định trực tiếp các vấn đề liên quan đến cộng đồng. Tuy nhiên, trong thực tiễn nhân dân được quyết định các vấn đề chung liên quan đến quyền và lợi ích của mình còn hạn chế, song đây là thước đo quan trọng phản ánh hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Dân chủ chỉ phát huy hiệu quả khi các quyết định của nhân dân được tiến hành theo một quy trình minh bạch, nghiêm túc. Sau khi dân chủ cơ sở được ban hành và triển khai, dân chủ cơ sở tiếp tục được vận hành thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát và phản biện nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, cùng các hình thức phản ánh, kiến nghị, nhân dân sẽ theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chủ trương, quyết định đã được thống nhất. Trong thực tiễn, dân chủ chỉ được duy trì bền vững khi các kiến nghị của nhân dân được tiếp nhận nghiêm túc, được xử lý đúng thẩm quyền, đúng thời hạn và có giải trình công khai, minh bạch. Ngược lại, thiếu cơ chế giám sát và giải trình sẽ làm cho quá trình thực hiện dân chủ cơ sở thiếu hiệu quả.

Toàn bộ quá trình vận hành dân chủ cơ sở được hoàn tất thông qua kết quả thụ hưởng của nhân dân. Kết quả này không chỉ được đánh giá bằng mức độ hoàn thành các công việc, chương trình hoặc dự án cụ thể, mà còn được phản ánh thông qua các chỉ báo về mức độ đồng thuận xã hội, mức độ tin cậy thể chế và hiệu quả quản trị ở cơ sở. Trong thực tiễn, mức độ bảo đảm các nguyên tắc công bằng, minh bạch và hiệu quả trong quá trình thực hiện dân chủ có tác động trực tiếp đến khả năng và mức độ tham gia của nhân dân. Khi dân chủ cơ sở được tổ chức, vận hành hiệu quả sẽ trở thành cơ chế phản hồi tích cực, góp phần củng cố nền tảng xã hội của quản lý nhà

nước; ngược lại, thực hiện dân chủ mang tính hình thức có thể ảnh hưởng đến sự ổn định của hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực tiễn, thụ hưởng không phải là điểm kết thúc của quá trình vận hành dân chủ cơ sở, mà ngược lại, là khâu tác động phản hồi quan trọng đối với chu trình vận hành tiếp theo. Việc người dân được công khai, bàn bạc và kết quả thực hiện cụ thể góp phần hình thành các phản hồi đa chiều, cả tích cực lẫn tiêu cực. Những phản hồi này không chỉ phản ánh mức độ bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, mà còn trở thành cơ sở thực tiễn điều chỉnh nội dung, phương thức và cơ chế thực hiện dân chủ cơ sở trong các chu kỳ tiếp theo. Vì vậy, thực hiện dân chủ cơ sở cần được nhìn nhận như một quá trình vận hành liên tục, có tính lặp vòng và tự điều chỉnh, trong đó mỗi chu trình vừa kế thừa kết quả của chu trình trước, vừa được bổ sung, hoàn thiện thông qua sự tham gia, giám sát và phản hồi ngày càng chủ động của người dân.

Có thể khái quát quá trình vận hành dân chủ cơ sở trong thực tiễn theo mô hình sau:



Thực tiễn, mô hình vận hành dân chủ cơ sở là một quá trình thống nhất, liên tục và có khả năng tự điều chỉnh, trong đó các khâu công khai thông tin, tham gia bàn bạc, tổ chức thực hiện, giám sát và thụ hưởng có sự gắn kết chặt chẽ với nhau. Sự tương tác qua lại giữa các khâu này tạo nên một chu trình động, trong đó kết quả của mỗi giai đoạn vừa là tiền đề, vừa là điều kiện cho giai đoạn tiếp theo. Nhờ đó, mô hình vận hành dân chủ cơ sở vừa bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, vừa nâng cao năng lực thích ứng với những biến đổi của bối cảnh kinh tế - xã hội cơ sở.

Tiểu kết Chương 2

Dân chủ cơ sở là nguyên tắc cốt lõi của nền dân chủ XHCN, thể hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân trong các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội ở cấp cơ sở, gần gũi nhất với đời sống hàng ngày của người dân. Thực hiện dân chủ ở cơ sở giữ vai trò quan trọng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo đảm tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình của các cơ quan chính quyền địa phương. Hơn nữa, dân chủ cơ sở còn là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng dân cư. Việc người dân được tham gia bàn bạc, quyết định và giám sát các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương góp phần củng cố tinh thần trách nhiệm công dân, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và phát huy các nguồn lực xã hội cho phát triển. Đồng thời, quá trình thực hiện dân chủ cơ sở là quá trình củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, qua đó giữ vững ổn định chính trị, phát triển bền vững. Vì vậy, nghiên cứu sâu sắc cơ sở lý luận về thực hiện dân chủ cơ sở có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm sáng tỏ bản chất, nội dung và vai trò của thực hiện dân chủ cơ sở trong điều kiện xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam, tạo cơ sở lý luận vững chắc để phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trong bối cảnh cụ thể của tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi và có tính đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả thực thi dân chủ cơ sở tại Thái Bình sau khi sáp nhập với tỉnh Hưng Yên, góp phần hoàn thiện mô hình quản trị ở cơ sở theo hướng dân chủ, minh bạch, hiệu quả trong tiến trình đổi mới và hội nhập hiện nay.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH TỪ NĂM 1998 ĐẾN NAY

3.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình

* Điều kiện tự nhiên

Thái Bình là tỉnh ven biển thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Phía Đông giáp với biển Đông, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Phía Tây, Thái Bình giáp với Hà Nam, phía Nam giáp Nam Định, và phía Bắc giáp tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và thành phố Hải Phòng. Vị trí địa lý này giúp Thái Bình có vai trò quan trọng trong giao lưu kinh tế, văn hóa và kết nối giữa các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Hồng và các tỉnh duyên hải Bắc Bộ. Đặc biệt, Thái Bình còn nằm cận kề với trung tâm tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) nên có nhiều lợi thế trong phát triển kinh tế hàng hóa, đẩy mạnh sản xuất và mở rộng giao thương với các tỉnh trong nước và quốc tế [17, tr. 7].

Thái Bình có 8 đơn vị hành chính gồm: 01 thành phố (thành phố Thái Bình) và 7 huyện (huyện Đông Hưng, Hưng Hà, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Tiền Hải, Vũ Thư); 260 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 241 xã, 10 phường và 09 thị trấn.

Là tỉnh ven biển thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, Thái Bình có điều kiện tự nhiên đặc trưng của một vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ, thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp, thủy sản và công nghiệp.

Địa hình Thái Bình được chia thành ba vùng chính: 1) Vùng đất thấp, chủ yếu có độ cao dưới 1m, xen lẫn với các dải cồn cao từ 1m - 2m, tập trung ở các huyện Kiến Xương, Hưng Hà, Đông Hưng và Vũ Thư; 2) Vùng đất tích tụ phù sa mới, được hình thành ở những khu vực ít được bồi đắp phù sa do dòng sông chảy qua mang theo ít phù sa, điển hình là ở huyện Quỳnh Phụ; 3) Vùng châu thổ, phân bố tại Tiền Hải và Thái Thụy, nơi đất mặn chiếm phần lớn diện tích, tiếp đến là đất

cát trên các dải cồn và đất phèn. Khu vực này được khai thác để canh tác lúa hai vụ, ven biển có các vùng trồng cói và rừng ngập mặn. Các bãi cát và cồn cát ven biển tập trung chủ yếu ở phía Đông, Đông Nam và Đông Bắc, với các cồn tiêu biểu như cồn Đen, cồn Vành và cồn Thủ. Thái Bình là một tỉnh đồng bằng ven biển, không có rừng núi, địa hình khá bằng phẳng với độ dốc dưới 1%. Độ cao phổ biến dao động từ 1m - 2m so với mực nước biển, giảm dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Toàn tỉnh có xu hướng thoải dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông, tuy nhiên vẫn có những khu vực trũng thấp hoặc gò cao hơn so với địa hình chung.

Khí hậu Thái Bình mang đặc trưng của kiểu khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm dao động từ 22 - 23°C, số giờ nắng trung bình từ 1.300 - 1.700 giờ/năm, độ ẩm tương đối cao, khoảng 85 - 90%. Khí hậu Thái Bình có sự thay đổi rõ rệt theo mùa với hai mùa chính: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 85% tổng lượng mưa cả năm, trong đó tháng 7 và tháng 8 là hai tháng có lượng mưa lớn nhất. Vào mùa đông, Thái Bình có độ ẩm cao hơn so với các tỉnh nằm sâu trong đất liền. Những đợt rét thường không kéo dài liên tục mà đan xen với những ngày ẩm áp. Mùa hè dù có những ngày nắng nóng nhưng cũng có lúc dịu mát nhờ ảnh hưởng của gió biển vào buổi chiều. Điều kiện khí hậu này tạo thuận lợi cho sự phát triển của hệ sinh thái động, thực vật, các hoạt động sản xuất và dịch vụ. Đặc biệt, vụ Đông rất phù hợp để canh tác rau màu và thực phẩm. Tuy nhiên, độ ẩm cao cũng gây ra nhiều khó khăn trong bảo quản máy móc, thực phẩm và làm gia tăng nguy cơ dịch bệnh. Bão trong mùa mưa, sương muối trong mùa khô có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng.

Thái Bình được bao quanh bởi hệ thống sông và biển, tạo thành một vùng khép kín. Tỉnh có bốn con sông lớn chảy qua, gồm sông Hóa, sông Luộc, sông Hồng và sông Trà Lý. Trong đó, sông Trà Lý là một nhánh của sông Hồng chảy qua trung tâm tỉnh theo hướng Tây - Đông và đổ ra Vịnh Bắc Bộ. Ngoài ra, Thái Bình còn có năm cửa sông lớn đổ ra biển: Văn Úc, Diêm Điền, Ba Lạt, Trà Lý và Lân. Mật độ sông ngòi dày đặc chứa và lưu thông một lượng nước lớn là điều kiện thuận lợi để cư dân

sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất [17, tr. 7]. Tuy nhiên, hệ thống sông ngòi của tỉnh cũng ảnh hưởng của thủy triều theo mùa. Vào mùa hè, mực nước sông dâng cao, lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao. Mùa đông, lưu lượng nước giảm, nước mặn từ các cửa sông có thể xâm nhập sâu vào đất liền, tạo nên những vùng nước lợ thuận lợi cho hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.

Về tài nguyên khoáng sản, Thái Bình có nguồn than nâu nằm ở khu vực Tiên Hải, với trữ lượng đáng kể, có tiềm năng khai thác phục vụ sản xuất công nghiệp và năng lượng. Bên cạnh đó, tỉnh còn có nguồn nước khoáng nóng tại Tiên Hải, được khai thác và sử dụng cho các mục đích y tế, du lịch và dịch vụ. Ngoài ra, ven biển Thái Bình còn có trữ lượng cát sỏi nhất định, phục vụ xây dựng và phát triển hạ tầng. Tuy nhiên, do không có nhiều loại khoáng sản phong phú, Thái Bình chủ yếu tập trung vào khai thác hợp lý các tài nguyên hiện có, kết hợp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, do địa hình thấp và giáp biển, tỉnh có nguy cơ cao bị xâm nhập mặn, ảnh hưởng đến đất nông nghiệp. Thái Bình là một trong những địa phương chịu tác động mạnh của hiện tượng nước biển dâng. Nằm trong khu vực gió mùa, Thái Bình có lượng mưa hằng năm lớn, thường xuyên gây ngập úng, ảnh hưởng đến cây trồng và gây thiệt hại cho người dân. Ngoài ra, Thái Bình có rất ít tài nguyên khoáng sản, không thuận lợi cho sự phát triển của các ngành công nghiệp khai khoáng và chế biến.

Nhìn chung, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của tỉnh Thái Bình sau sáp nhập với Hưng Yên vừa tạo ra những lợi thế quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là nông nghiệp, thủy sản và các ngành kinh tế gắn với không gian đồng bằng, vừa đặt ra không ít thách thức về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Những đặc điểm này tác động trực tiếp đến tổ chức đời sống cộng đồng dân cư, cơ cấu kinh tế và phương thức quản trị địa phương, qua đó có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện dân chủ cơ sở. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu và đánh giá thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở ở tỉnh Thái Bình cần được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với các điều kiện tự nhiên đặc thù của địa phương, nhằm

bảo đảm các giải pháp đề xuất vừa có cơ sở lý luận, vừa phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

** Đặc điểm kinh tế - xã hội*

Thái Bình là tỉnh ven biển thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, địa hình phẳng và đất phù sa màu mỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa nước. Trước đổi mới, Thái Bình là tỉnh đầu tiên của cả nước đạt sản lượng 5 tấn thóc/ha. Mặc dù phần lớn dân số trong tỉnh sống bằng nghề nông, nhưng sản xuất nông nghiệp chủ yếu mang tính chất nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết và chưa phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Để khắc phục tình trạng này, Thái Bình đã triển khai dồn điền đổi thửa nhằm xây dựng các cánh đồng lớn, nâng cao hiệu quả sản xuất và gia tăng giá trị nông sản. Sau khi thực hiện công cuộc đổi mới (1986), nền kinh tế của tỉnh có sự chuyển mình mạnh mẽ theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Đặc biệt, từ năm 2000 đến nay, Thái Bình là một trong ba tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất vùng đồng bằng sông Hồng, bình quân 4 năm (2016-2019) GRDP tăng 10,4%, cao gấp 1,5 lần mức tăng trưởng bình quân của 5 năm (2010-2015). Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt 48,5 triệu đồng/người, cao gấp 2,6 lần năm 2011 và gấp 1,6 lần năm 2016. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm còn 22,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm 41,9%, thương mại - dịch vụ chiếm 35,6% [161, tr. 1].

Về cơ sở hạ tầng, từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Thái Bình chú trọng nâng cấp và mở rộng hệ thống đường bộ kết nối các huyện, thị xã với trung tâm tỉnh và các tỉnh lân cận. Các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh lộ được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và giao thương. Ngoài ra, tỉnh cũng đã đầu tư phát triển hệ thống cảng biển, đặc biệt là cảng Văn Úc, góp phần thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu và phát triển kinh tế biển. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng đô thị cũng được nâng cấp với các khu đô thị mới và các công trình công cộng như: trường học, bệnh viện, khu vui chơi giải trí... được xây dựng và cải thiện. Hệ thống cấp thoát nước, xử lý rác thải và cung cấp điện, nước sinh hoạt được đầu tư mạnh mẽ,

đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Đặc biệt, ngành thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ, với sự phổ cập của Internet và các dịch vụ viễn thông, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, Thái Bình là một trong 8 tỉnh, thành phố đầu tiên của cả nước có 100% số xã và tất cả các huyện hoàn thành tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; 100% dân cư khu vực nông thôn được cung cấp sử dụng nước sạch cho sinh hoạt và đời sống [161, tr. 2].

Lĩnh vực văn hóa - xã hội được chú trọng phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân. Năm 2022, Thái Bình có 86,9% dân số tham gia bảo hiểm y tế [180, tr. 9]. Cơ sở y tế được đầu tư xây dựng và nâng cấp, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh. Quy mô và chất lượng giáo dục đào tạo được nâng cao, tỷ lệ học sinh đỗ các trường đại học, cao đẳng duy trì ở top đầu toàn quốc. Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo được chú trọng, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) năm 2019 giảm còn 2,66%. Các chế độ, chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, an sinh xã hội được bảo đảm. Ngoài ra, Thái Bình còn chú trọng bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là các làng nghề, lễ hội, và các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

** Đặc điểm dân cư và lao động*

Thái Bình là địa phương có đông dân số, năm 2022 toàn tỉnh có 1.878.540 người, mật độ dân số là 1.185 người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế là 1.129 nghìn người [18]. Sau khi sáp nhập với tỉnh Hưng Yên, quy mô dân số của tỉnh tăng nhanh, đạt khoảng 3,2 triệu người, tạo điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng nguồn lực xã hội, phát huy sự tham gia của nhân dân, đồng thời cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho việc tổ chức, quản lý, bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở đồng bộ, hiệu quả và thực chất.

Thái Bình là vùng đất hội tụ cư dân từ nhiều vùng miền khác nhau, hình thành nên một cộng đồng dân cư phong phú, đa dạng, với sự đan xen của nhiều yếu tố văn hóa như phong tục, tập quán, lối sống và nghề nghiệp truyền thống. Sự hòa quyện văn hóa này đã góp phần tạo nên nét đặc trưng của con người Thái Bình: cần cù, sáng tạo, đoàn kết và giàu tinh thần cộng đồng. Người dân nơi đây luôn coi trọng tinh thần

tự quản, chủ động tham gia vào các hoạt động của địa phương, từ việc xây dựng hương ước, quy ước đến giám sát và đóng góp ý kiến cho các quyết định quan trọng. Những phẩm chất này là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tuy nhiên, việc triển khai dân chủ cơ sở tại Thái Bình cũng gặp không ít thách thức, nhất là trong bối cảnh lực lượng lao động đông, đòi hỏi công tác quản lý, điều phối và phát huy vai trò của người dân cần được thực hiện hiệu quả hơn.

** Truyền thống lịch sử, văn hóa của tỉnh Thái Bình*

Từ xa xưa, Thái Bình vốn là vùng đất bãi bồi màu mỡ ven biển, giàu phù sa, hấp dẫn nhiều lớp cư dân từ khắp nơi về đây khai hoang, lập nghiệp, dần hình thành nên một miền quê trù phú và giàu truyền thống. Mảnh đất này được ví như “kho người, kho của”, không chỉ là nơi hội tụ sinh lực sản xuất mà còn là nơi sản sinh ra nhiều nhân tài, đóng góp to lớn về cả con người và vật lực cho công cuộc dựng nước và giữ nước qua mọi thời kỳ lịch sử.

Trong thời phong kiến, Thái Bình ghi dấu những trang sử hào hùng với nhiều anh hùng, nhân tài tham gia khởi nghĩa chống lại thế lực cường quyền, áp bức, bóc lột như Đinh Lan, Bùi Quốc Hùng, Vũ Uy, Phạm Bôi, Kim Nho, Nguyễn Sơn, Hoàng Công Chất, Phan Bá Vành... Đây là biểu tượng cho tinh thần bất khuất của nhân dân Thái Bình trong cuộc đấu tranh vì công lý và chính nghĩa. Tiếp nối truyền thống đó, trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Thái Bình tiếp tục có những cống hiến lớn lao về cả sức người và sức của, góp phần quan trọng vào chiến thắng của dân tộc. Nhiều người con ưu tú của quê hương đã lập nên những chiến công hiển hách, ghi dấu ấn trong lịch sử, tiêu biểu như: Anh hùng phi công Phạm Tuân - người châu Á đầu tiên bay vào vũ trụ, thiếu tướng tình báo chiến lược Vũ Ngọc Nhạ, hay đại đội trưởng xe tăng Bùi Quang Thận - người đã cắm lá cờ chiến thắng trên nóc Dinh Độc Lập vào ngày 30-4-1975, chính thức đánh dấu ngày đất nước hoàn toàn giải phóng [46, tr. 777].

Bên cạnh những trang sử hào hùng trong công cuộc chống ngoại xâm, Thái Bình còn là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, đặc biệt là truyền thống hiếu học. Từ bao đời nay, mảnh đất này là nơi sản sinh ra nhiều thế hệ trí thức tài năng, đóng góp

quan trọng vào nền văn hóa dân tộc. Thái Bình được biết đến với nhiều làng khoa bảng, nhiều dòng họ hiếu học, nơi mà tinh thần ham học hỏi, trau dồi tri thức và rèn luyện đạo đức trở thành một nét đẹp ăn sâu trong tâm thức mỗi người con quê hương. Người Thái Bình nổi tiếng với sự thông minh, sáng tạo, không ngừng vươn lên để chiếm lĩnh tri thức. Trong thời phong kiến, nơi đây đã sản sinh nhiều bậc đại khoa có học vấn uyên thâm, đỗ đạt cao, làm rạng danh quê hương, tiêu biểu như: tiến sĩ Bùi Sĩ Tiêm, tiến sĩ Nguyễn Tùng Mục, tiến sĩ Nguyễn Văn Kiệt, Hoàng giáp Đoàn Nguyên Thục, Hoàng giáp Đặng Át, nhà bác học Lê Quý Đôn... [46, tr. 457]. Họ không chỉ là niềm tự hào của quê hương, mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước, tham gia vào bộ máy quản lý, giáo dục, để lại nhiều công lao to lớn trong lịch sử.

Với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi và cộng đồng dân cư đa dạng, Thái Bình là nơi hội tụ, lan tỏa nhiều giá trị văn hóa, văn minh đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, lớp lớp thế hệ cha ông đã hun đúc và để lại trên mảnh đất này một kho tàng di sản văn hóa phong phú, thể hiện qua hàng nghìn di tích lịch sử - văn hóa mang đậm dấu ấn thời gian như: đình, đền, chùa, từ đường, văn chỉ... Trong đó, nổi bật nhất là hai di tích được xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt là Chùa Keo, khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Trần. Hơn nữa, bản sắc văn hóa của Thái Bình còn được thể hiện rõ nét trong kho tàng nghệ thuật dân gian đặc sắc với làn điệu dân ca, dân vũ mượt mà, sâu lắng như nghệ thuật chèo, múa rối nước.

Như vậy, với điều kiện tự nhiên thuận lợi, dân cư tập trung đông đúc, giàu bản sắc văn hóa, Thái Bình có nền tảng vững chắc để tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện dân chủ cơ sở. Tuy nhiên, dân chủ không thể tách rời khỏi sự phát triển kinh tế. Một nền kinh tế ổn định và phát triển sẽ tạo tiền đề nâng cao đời sống nhân dân, góp phần thực hiện tốt quyền công dân, quyền con người. Ngược lại, nếu kinh tế gặp khó khăn, đời sống nhân dân bấp bênh, những bất cập trong thực hiện dân chủ sẽ dễ dàng nảy sinh. Trước năm 1998, Thái Bình là một trong những địa phương đi đầu trong phong trào văn minh hóa nông thôn với nhiều thành tựu quan trọng, bộ mặt

làng quê đổi thay rõ rệt nhờ các phong trào xây dựng điện, đường, trường, trạm. Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình triển khai thực hiện dân chủ cơ sở còn bộc lộ nhiều mâu thuẫn như thiếu sự minh bạch, dân chủ trong cách thức thực hiện cùng với khó khăn về nguồn lực tạo ra những bất đồng trong xã hội, là nguyên nhân dẫn đến những bất ổn về chính trị - xã hội ở Thái Bình năm 1998. Để thực hiện dân chủ cơ sở hiệu quả và bền vững, Thái Bình cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân là yếu tố then chốt. Bởi vì, kinh tế phát triển vững mạnh thì người dân mới được đảm bảo quyền lợi và có tiếng nói tại địa phương, dân chủ mới thực sự đi vào cuộc sống, trở thành động lực cho sự phát triển toàn diện, bền vững của tỉnh.

3.1.2. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở

Dân chủ cơ sở là một trong những nội dung quan trọng trong đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo sự đồng thuận xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Quan điểm và chủ trương của Đảng về thực hành dân chủ cơ sở được thể hiện xuyên suốt trong nhiều văn kiện, nghị quyết, đặc biệt là trong các kỳ Đại hội Đảng.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước” [39, tr. 47-48], trong đó dân chủ cơ sở là nền tảng vững chắc của dân chủ XHCN, đóng vai trò quyết định trong việc hiện thực hóa quyền làm chủ của nhân dân. Đây không chỉ là một nguyên tắc chính trị, mà còn là phương thức trọng yếu bảo đảm sự tham gia thực chất của nhân dân vào quá trình quản lý và vận hành xã hội trên mọi lĩnh vực. Để dân chủ thực sự thấm sâu vào đời sống ở mọi cấp, trên tất cả các lĩnh vực, Đảng nhấn mạnh dân chủ phải gắn liền với “kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm” [39, tr. 85] nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần duy trì sự ổn định và trật tự xã hội, ngăn ngừa tình trạng dân chủ hình thức hoặc dân chủ cực đoan. Hơn nữa, Đảng đặc biệt đề cao trách nhiệm của nhân dân trong quá trình thực hiện dân chủ, “bảo đảm để nhân

dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện” [40, tr. 169]. Quan điểm này phản ánh mục tiêu của Đảng trong việc xây dựng một nền dân chủ thực chất, trong đó người dân vừa là đối tượng thụ hưởng chính sách, vừa là chủ thể chủ động, tích cực tham gia và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục khẳng định: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [41, tr. 27]. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, do đó mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của nhân dân, với mục tiêu cuối cùng là mang lại hạnh phúc và ấm no cho nhân dân.

Thực tế, trong các văn kiện và nghị quyết, Đảng kiên trì kế thừa và phát huy sâu sắc quan điểm “trọng dân”, coi đó là nền tảng vững chắc cho mọi chủ trương, chính sách. Đặc biệt, bài học “dân là gốc” còn được Đại hội XIII phát triển và làm phong phú thêm với những nội dung quan trọng như “dân giám sát” và “dân thụ hưởng”. Những nguyên tắc này không chỉ phản ánh sự quan tâm sâu sắc của Đảng đối với quyền và lợi ích của nhân dân, mà còn thể hiện rõ qua phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, từ đó tạo ra cơ sở chính trị và pháp lý vững mạnh để tổ chức thực hiện. Đồng thời, những nguyên tắc này cũng đóng vai trò quyết định trong việc mở rộng, củng cố và phát huy dân chủ, làm nổi bật vai trò chủ thể của nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, bảo đảm rằng mọi quyết định đều xuất phát từ quyền làm chủ, từ nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Quán triệt chủ trương của Đảng về thực hiện dân chủ cơ sở, các địa phương đã tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã xảy ra những vi phạm dân chủ ở khu vực nông thôn, đặc biệt trong việc huy động nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông, trường học, trạm y tế. Điều này diễn ra mà không có

sự bần bạc kỹ lưỡng, mức đóng góp vượt quá khả năng của người dân, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại một số địa phương. Trước thực trạng đó, ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị khóa VIII đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW “*Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*”. Chỉ thị nhấn mạnh: “Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền làm chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất” [6, tr. 1]. Chỉ thị số 30-CT/TW còn xác định, thực hiện dân chủ cơ sở phải đi đôi với kỷ cương, trật tự, quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ; chống quan liêu, mệnh lệnh, chống tình trạng vô chính phủ. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các Nghị quyết số 45/1998, Nghị quyết số 55/1998, Nghị quyết số 60/1998, Pháp lệnh số 34/2007; đồng thời, Chính phủ còn ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành đối với từng loại hình cơ sở như:

Đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, để phát huy vai trò làm chủ của cán bộ, công chức, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 giao cho Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước. Bên cạnh đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 9-1-2015 “Về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” thay thế Nghị định số 71/1998/NĐ-CP. Đây là khung pháp lý quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình, minh bạch trong hoạt động quản lý hành chính.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, để phát huy vai trò làm chủ của công nhân, viên chức ở doanh nghiệp nhà nước, góp phần tạo động lực cho phát triển sản xuất, kinh doanh, ngày 20-8-1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 10 ban hành Nghị quyết số 60/1998/NQ-UBTVQH10 giao cho Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước. Nghị quyết xác định: “Nội dung Quy chế phải thể hiện được trách nhiệm lãnh đạo doanh nghiệp đối với việc bảo đảm quyền làm chủ của công dân, viên chức và trách nhiệm của công nhân, viên chức đối với việc phát triển doanh nghiệp” [181, tr. 1]. Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội khóa 10, ngày 11-5-1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (phường, thị trấn); Nghị định số 71/1998/NĐ-CP, ngày 8-9-1998 ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện; Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13-2-1999 về Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước. Văn bản này đặt nền tảng cho việc bảo đảm quyền tham gia và giám sát của người lao động trong các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước.

Đối với công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn, Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 28-5-2007 về Quy chế thực hiện dân chủ trong loại hình doanh nghiệp này. Nghị định số 07/1999/NĐ-CP và Nghị định số 87/2007/NĐ-CP hiện nay được thay thế bởi Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện QCDC ở cơ sở tại nơi làm việc.

Đối với xã, phường, thị trấn, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 “Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã”; Chỉ thị số 22/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15-5-1998 “Về triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở xã”; Thông tư số 03/1998/TT-TCCP ngày 06-7-1998 hướng dẫn áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường và thị trấn....

Nhìn chung, chủ trương nhất quán của Đảng, cùng với hệ thống chính sách và pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở vừa là nền tảng vững chắc để bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; vừa là động lực quan trọng thúc đẩy tiến trình xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sự gắn kết chặt chẽ giữa chủ trương và thực tiễn là minh chứng cho tinh thần “dân là gốc”, bảo đảm cho người dân không chỉ được thụ hưởng quyền lợi mà còn chủ động tham gia vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát các chính sách. Điều này không chỉ góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, mà còn tạo động lực mạnh mẽ để phát huy nội lực toàn dân, xây dựng một xã hội phát triển bền vững, nơi dân chủ thực sự thấm sâu vào đời sống, trở thành giá trị cốt lõi trong mọi mặt của đời sống chính trị - xã hội.

3.1.3. Bối cảnh và tình hình thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình trước năm 1998

Trước khi QCDC cơ sở được ban hành, việc thực hiện dân chủ ở Thái Bình tồn tại nhiều hạn chế, thiếu sự minh bạch, thiếu cơ chế kiểm soát và trách nhiệm giải trình. Những nội dung liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân như chia ruộng đất công, xây dựng cơ sở hạ tầng, huy động đóng góp, phần lớn đều không được công khai, minh bạch. Hầu hết các khoản thu từ dân tại các xã không được niêm yết hoặc thông báo rộng rãi. Người dân chỉ biết đến khoản đóng góp khi được thông báo phải nộp, không được tham gia bàn bạc về mức thu, phương thức thực hiện, hay mục đích sử dụng kinh phí. Sự thiếu minh bạch này tạo ra tâm lý bất bình trong nhân dân, tạo thuận lợi cho các hành vi lợi dụng chức vụ để trục lợi cá nhân.

Ở một số địa phương, tình trạng cán bộ thực thi công vụ với thái độ quan liêu, cửa quyền, xa rời dân chúng diễn ra khá phổ biến. Thay vì lắng nghe, đối thoại và giải quyết nguyện vọng chính đáng của người dân, một bộ phận cán bộ đã áp dụng máy móc các quy định hành chính, thiếu linh hoạt và không dựa trên tinh thần phục vụ nhân dân. Đặc biệt, khi người dân có đơn thư khiếu nại, tố cáo, một số cấp chính quyền có biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thậm chí có nơi còn thể hiện thái độ thách thức, coi nhẹ quyền giám sát và phản ánh của nhân dân. Thực trạng này khiến tình hình khiếu nại, tố cáo gia tăng cả về số lượng và mức độ phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các vấn đề về an sinh - xã hội.

Trong 10 năm (1987-1997), Thái Bình xảy ra hơn 300 vụ việc liên quan đến mâu thuẫn, tranh chấp đất đai và tố cáo sai phạm của cán bộ cơ sở [33, tr. 330-331]. Nhiều vụ việc phản ánh tình trạng bán đất trái thẩm quyền, quản lý yếu kém và tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế, tài chính tại cấp xã, thôn và hợp tác xã. Một bộ phận cán bộ cơ sở bị nhân dân tố cáo về lối làm việc quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng. Năm 1988, người dân xã Bình Lăng (huyện Hưng Hà) gửi đơn khiếu nại tập thể, yêu cầu thanh tra công trình xây dựng hội trường UBND xã. Năm 1993, xuất hiện tranh chấp đất đai kéo dài giữa hai thôn Bồng Tiên và Thái Lai (xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư), tranh chấp đất đai ở xã Vũ Tây (huyện Kiến Xương). Tháng 4-1994, người dân

xóm Dân Chủ (xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ) tố cáo cán bộ xóm và xã có dấu hiệu tham nhũng, yêu cầu thanh tra kinh tế; kết quả xác minh sau đó đã phát hiện hành vi tham ô tài sản công của cán bộ địa phương. Cũng trong thời gian này, hiện tượng tố cáo tiêu cực và yêu cầu thanh tra lan rộng tại nhiều xã của các huyện Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Đông Hưng, Kiến Xương, Tiền Hải, Hưng Hà, Vũ Thư... Lợi dụng tình hình đó, một số phần tử xấu đã kích động, lôi kéo nông dân khiếu nại tập thể. Đặc biệt, tháng 5-1997, việc khiếu kiện đông người xuất hiện tại xã Quỳnh Mỹ (Quỳnh Phụ) sau đó lan ra hầu hết các xã, phường trong toàn tỉnh, gây mất ổn định về chính trị - xã hội. Chỉ trong 6 tháng cuối năm 1997, toàn tỉnh có 264 xã, thị trấn xảy ra khiếu kiện; 904 đoàn kéo lên trụ sở với 66.812 lượt người tham gia (trong đó 363 lần lên xã, 209 lần lên huyện, 310 lần lên tỉnh, 22 lần lên Trung ương), một số nơi mang theo cả băng cờ khẩu hiệu; xảy ra 46 vụ vây ép cán bộ, 8 vụ giữ cán bộ qua đêm, 7 vụ chống đối lực lượng thi hành công vụ, 2 vụ dùng thuốc nổ tàng trữ trái phép đe dọa chính quyền và tổ công tác, 26 vụ tờ rơi, 8 vụ phá hoại hoa màu trả thù cán bộ, quần chúng tích cực, 5 vụ phá hoại trụ sở, nhà cán bộ [145, tr. 2]. Nội dung khiếu kiện của nhân dân ở các xã tập trung chủ yếu đòi công khai dân chủ, công bằng xã hội; đấu tranh chống tham nhũng, xử lý cán bộ có sai phạm, đòi thanh tra các lĩnh vực ngân sách xã, vốn quỹ của hợp tác xã, xây dựng cơ bản, cấp bán đất, thu hồi tài sản tiền của bị thất thoát...

Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1998, toàn bộ 8/8 huyện với 242/285 xã, phường, thị trấn của tỉnh Thái Bình đều phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo; hơn 43.000 lượt người tham gia khiếu kiện ở nhiều cấp độ, từ xã, huyện, tỉnh đến trung ương, với quy mô từ vài chục người đến hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người tham gia. Ở các xã An Ninh, Quỳnh Hoa (huyện Quỳnh Phụ), xã Mỹ Lộc, Thái Tân, Thái Thịnh (huyện Thái Thụy), xã Vũ Đông (huyện Kiến Xương) xảy ra những vụ việc phức tạp gây khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách và quản lý xã hội tại địa phương [33, tr. 333-336]. Qua đó cho thấy, việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình trước năm 1998 bộc lộ nhiều bất cập nghiêm trọng, để lại hậu quả nặng nề về nhiều mặt, làm giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền các cấp. Quyền dân biết, dân bàn, dân

kiểm tra - những nguyên tắc cốt lõi trong thực hành dân chủ chưa được bảo đảm trên thực tế. Hệ thống chính quyền cấp cơ sở vận hành nặng tính mệnh lệnh, hành chính hóa, thiếu sự tham gia thực chất của người dân trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thiếu công khai trong phân bổ tài nguyên công như ruộng đất, tài chính, công trình phúc lợi; cơ chế thu - chi tài chính không minh bạch, một số cán bộ lợi dụng chức vụ để tư lợi cá nhân... khiến các vụ khiếu nại, tố cáo tăng nhanh về số lượng và mức độ, tính chất. Những vấn đề chính trị - xã hội ở Thái Bình xảy ra và kéo dài trầm trọng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Về nguyên nhân chủ quan, phần lớn nhận thức và năng lực thực thi dân chủ của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế, nhiều cán bộ chưa nắm vững nội hàm, nguyên tắc và ý nghĩa thực tiễn của dân chủ ở cơ sở, từ đó dẫn đến cách thức thực hiện mang tính hình thức, đối phó, thậm chí biểu hiện rõ nét tư duy hành chính hóa, lười làm việc của quyền, xa rời quần chúng và thiếu tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đặc biệt là công tác kiểm tra, giám sát và thực hành dân chủ trong nội bộ Đảng ở cơ sở còn bị xem nhẹ. Việc đấu tranh tự phê bình và phê bình không được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, làm suy giảm năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, tạo điều kiện cho một bộ phận cán bộ sa sút phẩm chất đạo đức, vi phạm nguyên tắc dân chủ, gây mất lòng tin trong nhân dân. Đặc biệt, quyền dân chủ của người dân chưa được thể chế hóa đầy đủ, thiếu các quy định pháp lý cụ thể, rõ ràng và khả thi để bảo đảm thực thi hoặc khởi kiện khi quyền đó bị xâm phạm. Ngoài ra, việc thiếu minh bạch, công khai trong các hoạt động quản lý kinh tế - xã hội tại Thái Bình, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài chính, đầu tư xây dựng tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nhóm lợi ích, hành vi tham nhũng, tiêu cực, gây tổn hại nghiêm trọng đến uy tín của chính quyền.

Về nguyên nhân khách quan, trong những năm đầu đổi mới, hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách về dân chủ cơ sở chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tạo kẽ hở dẫn đến tham nhũng, tiêu cực. Mặc dù Hiến pháp năm 1992 bước đầu ghi nhận các quyền dân chủ của nhân dân, song việc thể chế hóa

các quyền này thành quy trình thực hiện cụ thể, kèm theo các chế tài bảo vệ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm giữa các chủ thể liên quan còn rất hạn chế. Trước năm 1998, chưa có một văn bản pháp lý chuyên biệt, có hiệu lực cao, điều chỉnh đầy đủ và rõ ràng vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở. Do đó, dân chủ cơ sở phần lớn tồn tại dưới dạng khái niệm hình thức, thiếu tính thực thi và bảo đảm pháp lý. Bên cạnh đó, mô hình tổ chức và vận hành của chính quyền cấp cơ sở trong thời kỳ này mang nặng tính hành chính, bao cấp, chưa khuyến khích và phát huy cơ chế tự quản của cộng đồng dân cư; việc phân cấp và phân quyền trong quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền còn mờ nhạt, thiếu rõ ràng, dẫn tới tình trạng chùng chèo, né tránh trách nhiệm, làm giảm hiệu lực điều hành và kiểm soát từ cấp trên đối với cấp dưới; trình độ dân trí và hiểu biết pháp luật của người dân, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, còn hạn chế; khả năng tiếp cận thông tin và thực hành dân chủ còn thấp; mặt trái của cơ chế thị trường làm nảy sinh những yếu tố phức tạp, tiêu cực mới; sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng sâu sắc...

Thực tế, tình hình thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình trước năm 1998 phản ánh những giới hạn, bất cập mang tính hệ thống trong quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN ở cấp cơ sở trước thời điểm ban hành và triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở (năm 1998). Những bài học rút ra từ giai đoạn này có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện và khắc phục các yếu điểm về thể chế và quản trị địa phương, đồng thời đặt nền móng cho việc đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành, bảo đảm quyền làm chủ thực chất của nhân dân trong giai đoạn tiếp theo.

3.2. Khái quát thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 1998 - 2025

3.1.1. Thực trạng các nội dung về thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Quá trình triển khai các nội dung về dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025 được tiến hành nghiêm túc, đồng bộ và có hệ thống trên hầu khắp các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền và sự vào cuộc tích cực của Mặt trận Tổ quốc

cùng các tổ chức chính trị - xã hội, các nội dung cốt lõi của dân chủ cơ sở từng bước được thể chế hóa thành quy trình thực tiễn, góp phần mở rộng quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản trị nhà nước ở cấp cơ sở và củng cố niềm tin của nhân dân vào hệ thống chính trị địa phương.

Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, việc triển khai các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở tại tỉnh Thái Bình có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong những năm 1997-1999, trên địa bàn tỉnh Thái Bình xảy ra tình trạng mất ổn định trên diện rộng do chưa thực hiện dân chủ trong quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở, chưa phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý kinh tế, xã hội, chưa thực hiện đầy đủ phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Trước tình hình đó, ngày 12-1-1998, Đảng bộ tỉnh Thái Bình đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về những chủ trương, giải pháp ổn định tình hình trong tỉnh. Trong đó, Nghị quyết đã đưa ra giải pháp về bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình quản lý, giám sát các hoạt động của chính quyền địa phương, từ đó khôi phục niềm tin của nhân dân và chính quyền, sớm ổn định tình hình chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh. Có thể thấy, Nghị quyết số 06-NQ/TU của Đảng bộ tỉnh Thái Bình là văn bản khởi đầu, đặt nền móng cho quá trình thể chế hóa các cơ chế dân chủ tại địa phương. Tiếp đó, ngày 12-3-1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo số 51-TB/TU xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy trong năm 1999 là tập trung triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Bộ Chính trị và các Nghị định của Chính phủ về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở, nhằm phát huy trí tuệ, sức mạnh tổng hợp của Đảng bộ và nhân dân để giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nhanh chóng ổn định tình hình, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

Tháng 4-1999, Tỉnh ủy ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế cơ sở của tỉnh gồm 21 thành viên đại diện cho các sở, ban, ngành có liên quan, MTTQ và các đoàn thể nhân dân do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, đồng chí Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh làm phó ban thường trực [144, tr. 2];

lựa chọn huyện Hưng Hà, Thị xã và 17 đơn vị làm điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Tháng 5-1999, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành đồng loạt tiến hành triển khai quán triệt đầy đủ các văn bản của Trung ương, của tỉnh đến toàn thể cán bộ, đảng viên, tuyên truyền và phổ biến nội dung quy chế thực hiện dân chủ cho các tầng lớp nhân dân, huy động trên 500 cán bộ thuộc các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh thành lập 54 tổ công tác giúp các xã, phường, thị trấn tiếp tục giải quyết ổn định tình hình gắn với việc triển khai thực hiện QCDC [144, tr. 2].

Thực hiện Thông báo 07-TB/TW của Ban Chỉ đạo QCDC Trung ương ngày 25-3-2002, Tỉnh ủy ra Quyết định 74-QĐ/TU và Quyết định số 20-QĐ/TU về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Ban Chỉ đạo của tỉnh gồm 23 thành viên do đồng chí Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban, đồng chí Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy làm Phó ban Thường trực [144, tr. 2]. Từ đó, việc chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện QCDC được cụ thể, sâu sát hơn và đạt được kết quả tích cực ở tất cả các loại hình cơ sở.

Tiếp đó, Tỉnh ủy Thái Bình chỉ đạo xây dựng Đề án số 33-ĐA/TU ngày 24-5-2002 “về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”. Trong đó, nhấn mạnh nhiệm vụ:

“Thực hành dân chủ trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện, quy định cụ thể về việc thực hiện quyền dân chủ đại diện... Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật” [142, tr. 3].

Ngày 24-4-2004, Tỉnh ủy đề ra Chương trình hành động số 35-CTr/TU “về thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương khóa IX” tiếp tục đưa ra nhiệm vụ: “Thực hiện tốt việc tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; chủ động phát hiện, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn mới nảy sinh ngay tại cơ sở, không để diễn biến phức tạp trở thành những điểm nóng” [149, tr. 7]. Đây là những văn bản thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm chính trị của Tỉnh ủy Thái Bình trong việc thể chế hóa, hiện thực hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà

nước về dân chủ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng cơ chế, chính sách về thực hiện dân chủ tại địa phương ở giai đoạn sau.

Ngày 20-4-2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11 ban hành Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 “về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” (gọi tắt là Pháp lệnh dân chủ), ngay sau đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhằm cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các nội dung của Pháp lệnh dân chủ trên địa bàn tỉnh. Trong đó có một số văn bản quan trọng như: Kế hoạch số 23-KH/BCĐ, ngày 13-11-2007 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh về “Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Kế hoạch số 85-KH-BCĐ ngày 28-1-2010 về kiểm tra, khảo sát việc thực hiện dân chủ ở các loại hình sở sở; Quyết định số 429-QĐ/TU ngày 17-3-2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Công văn số 1043-CV/TU, ngày 01-11-2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Chỉ thị số 23-CT/TU và Kế hoạch số 81-KH/TU, ngày 07-4-2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị (khoá XI) về việc ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” và “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”; Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 18-3-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Chương trình hành động số 17-CTr/TU, ngày 09-01-2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; Kế hoạch số 42-KH/TU, ngày 17-5-2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm tra, giám sát việc thanh tra vụ việc; khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã

hội quan tâm... Các văn bản này góp phần tạo dựng khuôn khổ pháp lý và chính trị thuận lợi để xây dựng, thực hiện QCDC cơ sở bài bản, có hệ thống.

Từ năm 1998 đến nay, các cấp ủy, tổ chức đảng tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả QCDC ở cơ sở. Việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ. Vai trò, trách nhiệm của những người lãnh đạo được đề cao và có sự gắn kết chặt chẽ giữa việc thực hiện quy chế dân chủ với quá trình triển khai các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn. Tỉnh ủy, HĐND, UBND các cấp cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân chủ cơ sở thành các chương trình hành động thiết thực, gắn với cải cách hành chính và xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân. Phương thức lãnh đạo của đảng ở cơ sở được đổi mới theo hướng gần dân, sát dân, coi trọng việc phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của nhân dân thông qua nhiều hình thức như tiếp xúc cử tri, đối thoại trực tiếp, lấy ý kiến nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến lợi ích thiết thân. Đặc biệt, hoạt động tiếp xúc cử tri và đối thoại giữa đại biểu HĐND với người dân được tổ chức thường xuyên, đúng quy định và ngày càng đi vào thực chất. Trong những năm gần đây, đa số các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp HĐND các cấp, tạo điều kiện để người dân đóng góp ý kiến, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị với các cơ quan quyền lực nhà nước. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, nhất là trong việc đơn giản hóa thủ tục, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giải quyết công việc, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành. Hoạt động đối thoại, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được duy trì thường xuyên, thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thẩm quyền, thể hiện tinh thần cầu thị, trách nhiệm của cơ quan hành chính đối với công dân. Năm 2022, UBND tỉnh và các phường, xã trên địa bàn đã tiếp 331 lần với 561 lượt người (giảm 12,5% so với năm 2021); tiếp nhận 527 đơn [141].

Trên phương diện tư tưởng, việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình luôn được quán triệt với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, gắn với yêu cầu giữ vững kỷ cương, pháp luật. Nhân dân được

khuyến khích tích cực tham gia vào quá trình xây dựng chủ trương, chính sách, giám sát hoạt động công quyền và phản biện xã hội, thể hiện rõ tư tưởng đề cao vai trò chủ thể của nhân dân trong quản lý xã hội. Bên cạnh đó, Thái Bình còn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của tỉnh về thực hiện dân chủ cơ sở đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đặc biệt, từ năm 2007 đến nay, 100% đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh tiến hành rà soát, xây dựng và bổ sung các quy chế làm việc cho các tổ chức trong hệ thống chính trị như: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân. Đồng thời, nhiều quy chế cụ thể về quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thu - chi ngân sách, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường... được ban hành và thực thi hiệu quả, góp phần tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc thực hiện dân chủ thực chất tại cơ sở. Nhiều địa phương còn chủ động xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, quy định về xây dựng đời sống văn hóa, việc cưới, việc tang, giữ gìn truyền thống và trật tự làng xã, phản ánh rõ nét sự kết hợp giữa pháp luật nhà nước với thiết chế dân chủ cộng đồng. Trong đó, huyện Quỳnh Phụ xây dựng được 569 quy chế, quy định thuộc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội [3, tr. 2]. Các quy chế, quy định được áp dụng trong thực tiễn góp phần bảo đảm pháp quyền, đúng pháp luật, khắc phục lối làm việc tùy tiện theo cảm tính, tác phong công tác của cán bộ được đổi mới theo hướng gần dân, sát dân hơn, tiếp thu và lắng nghe ý kiến chính đáng của nhân dân, giữ gìn phẩm chất cán bộ, tinh thần kỷ luật, phong cách là công bộc của dân đối với cán bộ công chức càng thể hiện rõ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai dân chủ cơ sở trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng tại Thái Bình còn một số hạn chế: tình trạng hành chính hóa, hình thức hóa trong một bộ phận cán bộ cơ sở; năng lực thực hành dân chủ của người dân còn hạn chế; cơ chế bảo đảm quyền phản biện và tham gia của nhân dân còn thiếu đồng bộ. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu Thái Bình cần phải tiếp tục hoàn thiện thể chế dân chủ cơ sở, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung và phương thức giáo dục chính trị tư tưởng nhằm phát huy quyền làm chủ thực chất của nhân dân,

đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Trên lĩnh vực kinh tế, Thái Bình chú trọng lồng ghép các nội dung thực hiện dân chủ cơ sở vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế ở địa phương, coi đây là một giải pháp quan trọng để huy động sức dân, phát huy nội lực, tăng cường sự đồng thuận và ổn định xã hội. Nhờ đó, năm 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 9,52%, tổng giá trị sản xuất ước đạt 190.530 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2021, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,5%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 14,5%, khu vực dịch vụ tăng 8,9% [180, tr. 1]. Việc công khai, minh bạch các nội dung liên quan đến thu - chi ngân sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đất đai, các dự án đầu tư công, các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân, được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Nhân dân được biết, được bàn, được tham gia giám sát quá trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện và quyết toán các công trình, dự án phát triển kinh tế - hạ tầng ở địa phương như: làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng trạm bơm, chợ, nhà văn hóa...

Hơn nữa, Thái Bình còn đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực kinh tế, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, minh bạch cho doanh nghiệp và người dân. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh, chứng thực hợp đồng vay vốn... được công khai, đơn giản hóa, giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt, thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, người dân được trao quyền giám sát các hoạt động liên quan đến quản lý đất đai, đầu tư công, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư... Tinh thần trách nhiệm của người dân trong giám sát cộng đồng ngày càng được nâng cao, góp phần phòng chống tiêu cực, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tại cơ sở.

Bên cạnh việc triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, tỉnh Thái Bình đặc biệt coi trọng việc quán triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong toàn bộ tiến trình xây dựng nông thôn mới. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy,

chính quyền và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, các xã trong tỉnh đã thực hiện tốt việc công khai, minh bạch toàn diện các nội dung liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới, từ quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, các cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước, đến nguồn lực ngân sách cấp huyện, cấp xã và các khoản huy động đóng góp của nhân dân. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng vật tư, nhất là nguồn xi măng hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, quá trình nghiệm thu các công trình hạ tầng sau đầu tư được tiến hành nghiêm túc, đúng quy định và bảo đảm tiến độ, chất lượng. Đặc biệt, người dân được phát huy đầy đủ vai trò làm chủ trong việc thảo luận, tham gia xây dựng phương án chính trang đồng ruộng, đề án quy hoạch nội đồng, kế hoạch hiến đất mở đường, xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, thỏa thuận dân chủ trong việc đóng góp các loại quỹ, phí. Nhờ triển khai hiệu quả cơ chế dân chủ cơ sở, Thái Bình tạo dựng sự đồng thuận xã hội sâu rộng và khơi dậy nguồn lực to lớn từ cộng đồng dân cư phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đặc biệt, giai đoạn 2010-2015, nhân dân tự nguyện đóng góp cho chương trình xây dựng nông thôn mới với tổng giá trị lên tới 1.903,3 tỷ đồng, đóng góp ngày công, tài sản, hiến đất, hiện vật quy ra tiền khoảng 583,6 tỷ đồng [155, tr. 9].

Nhờ thực hiện nghiêm túc nguyên tắc công khai, minh bạch và dân chủ trong toàn bộ quá trình quy hoạch, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đầu tư, tỉnh Thái Bình tránh được tình trạng khiếu kiện, tố cáo, sai phạm liên quan đến xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Đến năm 2022, toàn tỉnh có 25 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao [180, tr. 3].

Tuy nhiên, việc thực hiện các nội dung dân chủ cơ sở trên lĩnh vực kinh tế ở Thái Bình còn tồn tại một số hạn chế như: nhận thức của một bộ phận cán bộ, người dân chưa đồng đều; năng lực giám sát của nhân dân còn hạn chế; việc tham vấn ý kiến ở một số địa phương còn mang tính hình thức... Do đó, Thái Bình cần thực hiện đồng bộ các giải pháp đề tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ trong lĩnh vực kinh tế trong thời gian tới.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình được cụ thể hóa thông qua nhiều cơ chế, hình thức và phong trào thiết thực,

phản ánh rõ nét mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ và phát triển văn hóa cộng đồng. Trước hết, nhân dân được tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng, sửa đổi và thực hiện quy ước, hương ước thôn, làng. Quá trình xây dựng và rà soát hương ước, quy ước được thực hiện theo phương châm dân chủ, công khai, có sự tham gia rộng rãi của nhân dân, thông qua thảo luận tại hội nghị toàn dân, được biểu quyết, thống nhất cao, phản ánh rõ tinh thần “dân bàn và dân quyết”.

Trong xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được triển khai sâu rộng với sự hưởng ứng tích cực của người dân. Nhân dân không chỉ là người thụ hưởng, mà còn trực tiếp tham gia tổ chức, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí văn hóa tại địa phương. Việc công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa” được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và minh bạch, tạo động lực để mỗi hộ gia đình nâng cao ý thức trong giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan, xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh.

Trong lĩnh vực giáo dục, y tế và chính sách xã hội, việc công khai minh bạch các chế độ, chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện tương đối tốt. Các khoản hỗ trợ, trợ cấp, học bổng... được giám sát thông qua MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội và được thông báo công khai, minh bạch trong các cuộc họp của thôn. Việc triển khai các chính sách an sinh xã hội thông qua cơ chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần bảo đảm công bằng, hạn chế tiêu cực, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội hóa. Đặc biệt, trong các hoạt động xã hội nhân đạo, từ thiện, nhân dân trong toàn tỉnh còn chủ động ủng hộ người nghèo, thành lập quỹ khuyến học, xây nhà tình nghĩa..., qua đó thể hiện tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm cộng đồng.

Tuy nhiên, việc thực hiện các nội dung dân chủ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội còn một số hạn chế như: Ở một số địa phương, việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước còn mang tính hình thức; nhiều văn bản quy ước được xây dựng theo mẫu chung, chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm văn hóa truyền thống và nhu cầu thực tiễn của cộng đồng dân cư; cơ chế tiếp nhận và xử lý

phản ánh, kiến nghị trong lĩnh vực văn hóa - xã hội ở cấp cơ sở còn chưa hiệu quả, thiếu phản hồi kịp thời và chưa tạo được niềm tin rộng rãi trong nhân dân...

Những hạn chế nêu trên đặt ra yêu cầu Thái Bình cần tiếp tục nâng cao chất lượng công khai, minh bạch thông tin; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở; phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp, phản ánh và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Trên thực tế, việc quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh dân chủ và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh cụ thể hóa bằng nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp với thực tiễn địa phương. Trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, dân chủ cơ sở được thể chế hóa và mở rộng. Các hoạt động tiếp xúc cử tri, đối thoại giữa người dân và đại biểu dân cử được tổ chức nề nếp; nhân dân được tham gia thảo luận, quyết định, giám sát những vấn đề quan trọng gắn với lợi ích thiết thực tại cộng đồng. Đặc biệt, các nội dung về dân chủ trực tiếp như bầu trưởng thôn, xây dựng hương ước, quy ước, giám sát đầu tư cộng đồng... được triển khai sâu rộng, thể hiện rõ phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình còn một số hạn chế nhất định như: một số nơi thực hiện còn hình thức, thiếu thực chất; năng lực thực hành dân chủ của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế; cơ chế phản hồi và xử lý kiến nghị chưa kịp thời, đầy đủ; việc công khai, minh bạch trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đầu tư công, phân bổ nguồn lực chưa đồng đều; hiệu quả giám sát của nhân dân chưa cao... Nhìn chung, quá trình triển khai dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình góp phần tích cực vào việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố niềm tin vào Đảng, chính quyền, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, trong thời gian tới Thái Bình cần triển khai đồng bộ các giải pháp trên cả phương diện thể chế, tổ chức thực hiện và nâng cao nhận thức xã hội.

3.1.2. Thực trạng phương thức thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

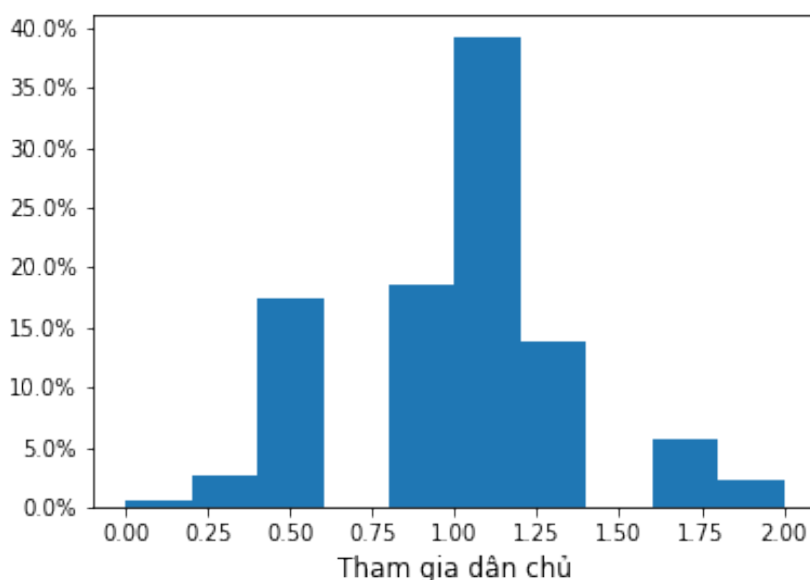
Dân chủ cơ sở là “công cụ” phát huy trí tuệ, sức sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người dân trong việc tham gia xây dựng, giám sát và phản biện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương trong thực tiễn; là “cơ chế” bảo đảm sự minh bạch, công khai trong quản lý Nhà nước và xã hội, hạn chế tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở. Nhận thức sâu sắc vai trò và tầm quan trọng của việc thực hiện dân chủ cơ sở, Đảng bộ tỉnh Thái Bình xác định thực hiện dân chủ cơ sở là “một giải pháp quan trọng, có tính quyết định trong việc củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân ổn định tình hình nông thôn” [144, tr. 1], do đó, thực hiện dân chủ cơ sở phải gắn với công cuộc đổi mới và phát huy quyền làm chủ của công dân. Từ năm 1998 đến nay, cùng với quá trình đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và đổi mới phương thức quản trị địa phương, việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình có nhiều chuyển biến tích cực cả về nhận thức, thể chế và phương thức tổ chức thực hiện. Trên cơ sở quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đặc biệt là các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở, tỉnh Thái Bình từng bước triển khai đa dạng các phương thức thực hiện dân chủ, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm cộng đồng dân cư địa phương.

Trước hết, phương thức thực hiện dân chủ cơ sở thông qua việc bảo đảm quyền “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được triển khai tương đối phổ biến tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Những nội dung được người dân bàn bạc và quyết định trực tiếp bao gồm: mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, quy trình lập và sử dụng các loại quỹ, xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước làng, xã văn hoá, công tác dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tổ chức các hoạt động xây dựng nông thôn mới, cải tạo ảnh quan, môi trường sống... Việc triển khai các nội dung này đều được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp như các hội nghị nhân dân, hội nghị thôn, tổ dân phố, nhiều nội dung liên

quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng như: xây dựng hương ước, quy ước, huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, bình xét hộ nghèo, phân bổ các nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được đưa ra để nhân dân thảo luận và quyết định. Với đặc điểm là tỉnh thuần nông, có truyền thống cộng đồng làng xã bền chặt, việc tổ chức các hình thức dân chủ trực tiếp ở Thái Bình nhìn chung nhận được sự hưởng ứng của đông đảo người dân, góp phần phát huy tinh thần tự quản, tự chủ của cộng đồng dân cư. Đặc biệt, nhân dân còn chủ động tham gia vào các thiết chế giám sát cộng đồng như Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, qua đó phát hiện, phản ánh và kiến nghị xử lý kịp thời những bất cập, tiêu cực trong quá trình triển khai các dự án, công trình do dân đóng góp. Sự chủ động, trách nhiệm của nhân dân không chỉ giới hạn trong phạm vi làng xã mà còn thể hiện rõ trong việc phản ánh kiến nghị thông qua các buổi tiếp xúc cử tri, hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người dân và chính quyền các cấp. Hơn nữa, trong quá trình sắp xếp lại mô hình tổ chức thôn, xóm, nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh được tham gia bàn bạc dân chủ từ phương án sắp xếp, tên gọi của thôn đến việc trực tiếp bầu trưởng thôn thông qua bỏ phiếu kín. Năm 2008, sau khi sắp xếp lại thôn, làng, đầu mỗi từ trên 2.700 xóm được thu gọn lại còn 1.606 thôn [150, tr. 6]. Trong kỳ bầu cử, nhân dân còn được trực tiếp tham gia từ khâu giới thiệu ứng cử viên, tham dự hội nghị cử tri, cho ý kiến về tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống của người ứng cử, đến việc bỏ phiếu kín lựa chọn những đại biểu xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình. Tỷ lệ nhân dân đi bầu tại Thái Bình luôn đạt trên 98% [150, tr. 6]. Trong việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhân dân trên toàn tỉnh đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần giải quyết nhanh chóng ổn định tình hình, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ngày càng vững mạnh. Trên thực tế, việc phát huy dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình luôn đặt nhân dân vào vị trí trung tâm, vừa là chủ thể kiến tạo, vừa là người giám sát, thụ hưởng và bảo vệ các giá trị dân chủ.

Tuy nhiên, trên thực tế, mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động dân chủ ở cơ sở còn thấp. Theo khảo sát thực tiễn, đa số người dân cho rằng họ chỉ thi thoảng hoặc không bao giờ tham gia các hoạt động dân chủ tại địa phương. Chỉ có

khoảng 8% số người dân được hỏi cho rằng bản thân họ thường xuyên tham gia. Thực trạng này cho thấy, nhân dân trên địa bàn tỉnh chưa chủ động tham gia vào quá trình thực thi dân chủ tại cơ sở. Mức độ và chất lượng tham gia của người dân trong các hoạt động “dân bàn, dân quyết định” chưa thật sự đồng đều giữa các địa phương. Ở một số nơi, việc tổ chức hội nghị nhân dân còn mang tính hình thức, nội dung thảo luận còn hạn hẹp, thời gian dành cho người dân phát biểu ý kiến chưa nhiều, dẫn đến việc quyết định chủ yếu do một bộ phận cán bộ cơ sở định hướng. Một bộ phận người dân, nhất là lao động trẻ đi làm ăn xa, chưa tham gia đầy đủ các hoạt động dân chủ trực tiếp, làm giảm tính đại diện và bao quát của các quyết định được thông qua. Điều đó đặt ra yêu cầu cần tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm tham gia của người dân trong thực hiện dân chủ cơ sở, đồng thời đổi mới cách thức tổ chức, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để người dân chủ động, tích cực tham gia. Bên cạnh đó, chính quyền cần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong việc cung cấp thông tin, lắng nghe, phản hồi ý kiến của nhân dân nhằm khơi dậy tinh thần làm chủ và trách nhiệm công dân trong xây dựng, giám sát và phát triển cộng đồng.



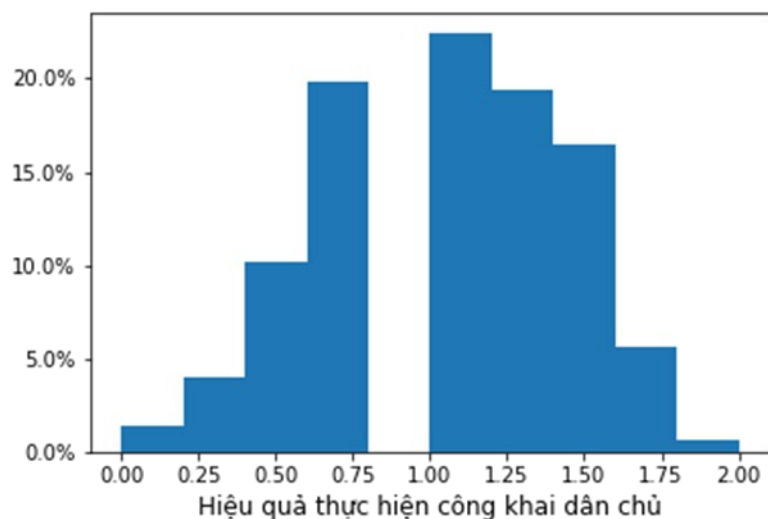
Hình 3.1. Đánh giá mức độ tham gia dân chủ của người dân trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Bên cạnh đó, phương thức thực hiện dân chủ cơ sở thông qua công khai, minh bạch thông tin có những bước tiến rõ rệt. Các nội dung theo quy định phải công khai như: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán và quyết toán ngân sách xã, các khoản thu - chi đóng góp của nhân dân, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các dự án đầu tư trên địa bàn... từng bước được niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố hoặc thông báo trên hệ thống truyền thanh cơ sở. Từ năm 2010 đến nay, Thái Bình triển khai hiệu quả mô hình “một cửa, một cửa liên thông” tại 100% xã, phường, thị trấn và đẩy mạnh công khai, minh bạch các thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Hơn nữa, UBND tỉnh còn tích cực chỉ đạo tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và coi đây là thước đo hiệu quả của việc thực hiện dân chủ ở cấp cơ sở. Chỉ tính riêng năm 2017, toàn tỉnh đã tiếp 7.754 lượt người, 3.146 đơn, trong đó có 98 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đã giải quyết 76/98 đơn, đạt tỷ lệ 77,55%; tiến hành 51 cuộc thanh tra hành chính và 201 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành tại 465 đơn vị [157, tr. 4]. Ngoài ra, UBND tỉnh còn thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo chính quyền với người dân, nhất là ở các địa bàn nông thôn có vấn đề phức tạp liên quan đến đất đai, môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng...

Việc giám sát được tiến hành công khai, minh bạch, bảo đảm tính khách quan, thực chất. Năm 2017, Thường trực HĐND, các ban HĐND tỉnh thực hiện 36 cuộc giám sát thường xuyên, 14 cuộc giám sát chuyên đề [157, tr. 3]. Công khai thông tin góp phần tạo điều kiện để người dân nắm bắt kịp thời chủ trương, chính sách, qua đó nâng cao khả năng tham gia, giám sát và phản biện các hoạt động quản lý ở cơ sở.

Tuy nhiên, hiệu quả của phương thức công khai, minh bạch thông tin tại Thái Bình còn những hạn chế nhất định. Ở một số địa phương, việc công khai chưa bảo đảm đầy đủ về nội dung, chưa kịp thời hoặc chưa lựa chọn hình thức phù hợp với điều kiện tiếp cận thông tin của người dân. Không ít trường hợp thông tin được công khai nhưng mang tính kỹ thuật cao, khó hiểu, thiếu thuyết minh, dẫn đến người dân khó tiếp cận và khó tham gia ý kiến một cách thực chất. Điều này cho thấy công khai

thông tin tuy được thực hiện nhưng chưa thực sự trở thành công cụ hiệu quả để phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở.



Hình 3.2. Đánh giá về hiệu quả thực hiện công khai dân chủ của chính quyền cơ sở

Theo kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, hiệu quả thực hiện công khai dân chủ của chính quyền cơ sở còn nhiều hạn chế. Cụ thể, 35% cán bộ được hỏi đánh giá các hình thức dân chủ hiện nay chưa hiệu quả hoặc chỉ ít hiệu quả, trong khi có tới 63% đánh giá mức độ hiệu quả chỉ ở mức thấp và khoảng 2% cán bộ cho rằng các hình thức triển khai dân chủ là thực sự hiệu quả. Thực trạng này cho thấy, chất lượng và hiệu quả trong thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình còn nhiều hạn chế, chưa phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với chính quyền các cấp ở Thái Bình trong việc đổi mới phương thức thực hiện dân chủ, nâng cao tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình, đồng thời tăng cường giám sát và phản biện xã hội, bảo đảm để các hình thức dân chủ cơ sở phát huy hiệu quả thực chất, gắn kết với nhu cầu và quyền lợi chính đáng của người dân.

Về phương thức thực hiện dân chủ cơ sở thông qua hoạt động giám sát của nhân dân, Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được triển khai tương đối rộng rãi trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Thông qua các kênh này, người dân tích cực tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, giám sát các công trình xây dựng cơ bản, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước hoặc vốn đóng góp của

cộng đồng. Nhiều ý kiến, kiến nghị của nhân dân được tổng hợp, phản ánh kịp thời tới chính quyền các cấp, góp phần hạn chế tiêu cực, lãng phí và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở. Tuy nhiên, hoạt động giám sát ở cơ sở tại Thái Bình chưa đồng đều. Năng lực giám sát của một bộ phận thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng còn hạn chế, kỹ năng phát hiện, phân tích và kiến nghị xử lý vấn đề chưa cao. Ở một số nơi, việc tiếp thu và phản hồi kiến nghị giám sát của nhân dân chưa được thực hiện nghiêm túc, làm giảm hiệu quả và niềm tin của người dân đối với phương thức giám sát này. Điều đó cho thấy, để phương thức giám sát thực sự phát huy vai trò trong thực hiện dân chủ cơ sở, cần có sự quan tâm hơn nữa đến cơ chế bảo đảm và nâng cao năng lực thực thi.

Cùng với đó, phương thức thực hiện dân chủ cơ sở thông qua đối thoại trực tiếp giữa chính quyền với nhân dân từng bước được tổ chức thường xuyên và thực chất. Hiện nay, 100% các xã trong tỉnh đều tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp HĐND các cấp, tạo điều kiện để lắng nghe, giải quyết các kiến nghị, phản ánh liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, an sinh xã hội, môi trường và các vấn đề dân sinh bức xúc. Đây là phương thức góp phần tăng cường trách nhiệm giải trình, củng cố niềm tin của nhân dân đối với chính quyền cơ sở. Hoạt động đối thoại, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được duy trì thường xuyên, thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thẩm quyền, thể hiện tinh thần cầu thị, trách nhiệm của cơ quan hành chính đối với công dân. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng các cuộc đối thoại ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Một số cuộc đối thoại còn mang tính chất giải trình một chiều, việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các kết luận sau đối thoại chưa được chú trọng đúng mức. Điều này làm giảm hiệu quả thực tế của phương thức đối thoại trong việc giải quyết vấn đề và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Ngoài ra, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc phối hợp thực hiện dân chủ cơ sở tại Thái Bình ngày càng được khẳng định. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh luôn phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng Đảng, chính

quyền, xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khoá XI), MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tại Thái Bình còn chủ động xây dựng kế hoạch, đăng ký với cấp uỷ cùng cấp và tổ chức thực hiện một số nội dung giám sát, phản biện xã hội. Phối hợp tổ chức giám sát việc thực hiện chủ trương, chế độ của nhà nước cho các đối tượng chính sách; các nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên. Hơn nữa, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội còn chủ động phối hợp thường xuyên với chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp, tăng cường giám sát, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; phối hợp việc trao đổi thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát, phản biện xã hội; phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, hội đồng nhân dân đổi mới hoạt động tiếp xúc cử tri, thực hiện các bước quy trình giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội, các tổ chức này góp phần tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, phản ánh tới cấp uỷ, chính quyền, đồng thời tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Tuy nhiên, hiệu quả phối hợp giữa chính quyền với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Nhìn chung, phương thức thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình có nhiều đổi mới, góp phần mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở. Tuy nhiên, các phương thức thực hiện dân chủ còn bộc lộ một số hạn chế về tính đồng bộ, chiều sâu và tính thực chất. Nguyên nhân của những hạn chế này xuất phát từ nhiều yếu tố, trong đó có nhận thức, năng lực thực hành dân chủ của một bộ phận cán bộ và người dân, mức độ cụ thể hóa

thể chế trong tổ chức thực hiện, cũng như điều kiện nguồn lực, phương thức tổ chức phù hợp với bối cảnh mới.

3.3. Một số đánh giá về việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025

3.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

3.3.1.1. Kết quả đạt được

Sau gần 30 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; cùng với việc thực hiện các Nghị định số 29/1998/NĐ-CP, 71/1998/NĐ-CP, 07/1999/NĐ-CP của Chính phủ và 18 năm thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XI) về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, tỉnh Thái Bình đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định an ninh, trật tự trên địa bàn. Cụ thể:

Thứ nhất, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở được quán triệt nghiêm túc

Trên cơ sở quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Đảng bộ tỉnh Thái Bình đề ra nhiệm vụ: “Thực hiện tốt dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; cụ thể hoá và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện; phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân” [34, tr. 13]; “thực hiện đầy đủ Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Quy chế dân chủ ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” [35, tr. 7]. Trên cơ sở đó, phạm vi thực hiện dân chủ

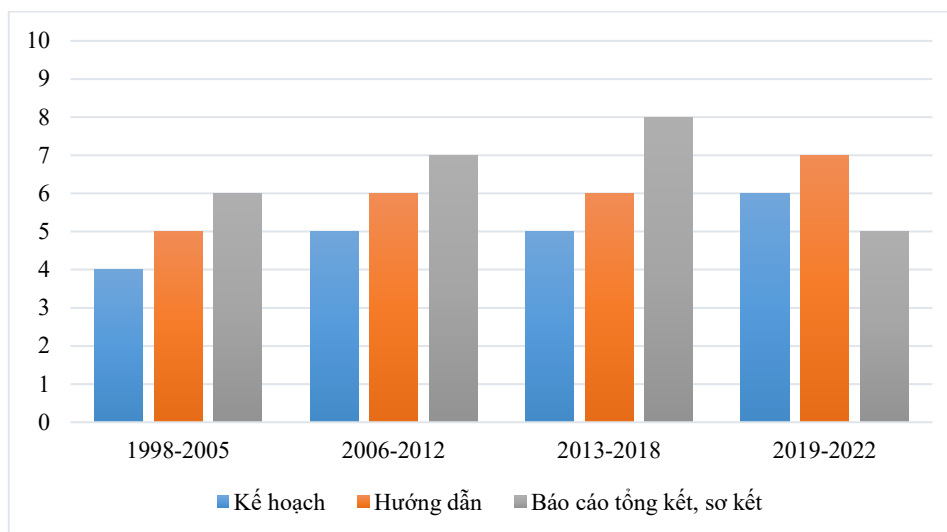
được mở rộng từ hoạt động quản lý hành chính, chính trị tại cơ sở sang tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hơn nữa, các hình thức dân chủ được phân biệt rõ ràng giữa dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện); dân chủ được đặt trong khuôn khổ của pháp luật, đạo đức xã hội và trách nhiệm công dân.

Sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW và Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành *Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở*, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Bình kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Các văn bản này không chỉ thể hiện sự cụ thể hóa quan điểm “lấy dân làm gốc”, mà còn xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trong việc tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở. Quá trình tổ chức triển khai được tiến hành theo hướng vừa làm vừa rút kinh nghiệm, bảo đảm tính thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời có sự linh hoạt trong vận dụng phù hợp với đặc thù của từng địa bàn dân cư, từng loại hình cơ sở.

Thứ hai, cơ chế, chính sách thực hiện dân chủ cơ sở được bổ sung, hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn địa phương

Trong quá trình triển khai thực hiện dân chủ cơ sở theo tinh thần Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị và Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tỉnh Thái Bình từng bước bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thực hiện dân chủ cơ sở phù hợp với thực tiễn địa phương trong từng giai đoạn. Trước hết, các quy định hướng dẫn về thực hiện QCDC và Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình được ban hành đầy đủ, chặt chẽ. Từ năm 1998 đến năm 2025, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tỉnh ban hành 70 văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện dân chủ cơ sở. Hằng năm, Tỉnh ủy đều chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chế nội bộ, quy định của địa phương để bảo đảm phù hợp với tình hình mới và thể chế hóa quyền và nghĩa vụ của nhân dân tại cơ sở. Đặc biệt, năm 2017, các sở, ngành rà soát, công bố chuẩn hóa trên 1.600 thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực; cắt giảm ổn định trên 40% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định hiện hành trong đó 206 thủ tục hành chính giảm từ 50% trở lên, trung bình

giảm 7,54 ngày/01 thủ tục [157, tr. 8].



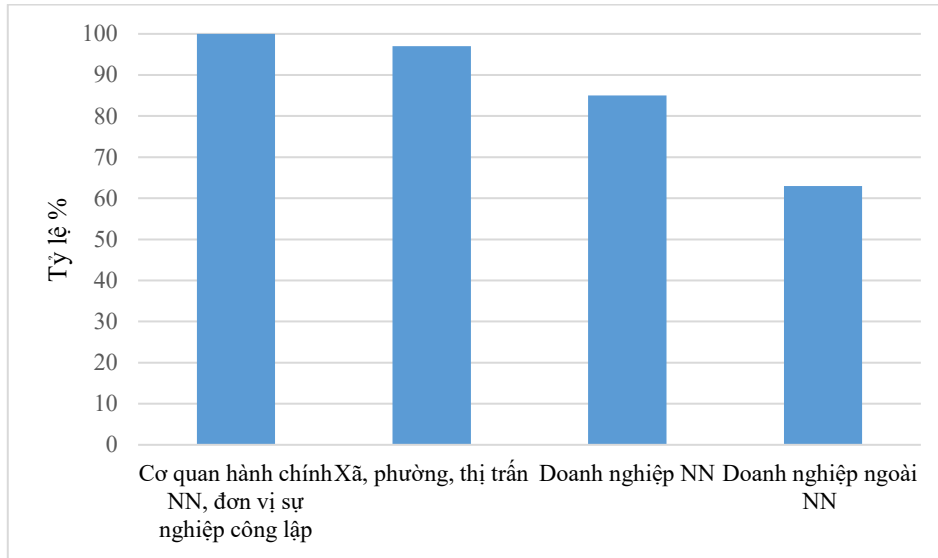
Biểu đồ 3.1. Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dân chủ cơ sở

Nguồn: Tổng hợp từ Văn phòng UBND tỉnh Thái Bình, năm 2022

Các cơ chế phối hợp giữa chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở được củng cố và hoàn thiện. Ủy ban MTTQ tỉnh Thái Bình thường xuyên phối hợp với HĐND, UBND và các tổ chức đoàn thể tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri, hội nghị đối thoại giữa chính quyền với nhân dân, qua đó phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội. Từ năm 1998 đến nay, toàn tỉnh tổ chức được hàng nghìn cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp HĐND các cấp, thu hút hàng trăm nghìn lượt người tham dự và kiến nghị hàng chục nghìn vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước và đời sống dân sinh.

Cơ chế công khai, minh bạch thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước ở cấp cơ sở được thể chế hóa rõ ràng. Đặc biệt, Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Bình về đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã (ban hành năm 2018) xác định rõ các nội dung cần công khai để nhân dân biết như: kế hoạch đầu tư công, phân bổ ngân sách, quy hoạch sử dụng đất, kết quả giải quyết khiếu nại tố cáo, công tác tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã... Hiện nay, có 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh Thái Bình thực hiện công khai các nhóm nội dung bắt buộc theo quy định tại Luật Thực

hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.



Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ ban hành Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Nguồn: Tổng hợp của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ, năm 2022

Hiện nay, cơ chế, chính sách về thực hiện dân chủ cơ sở tại tỉnh Thái Bình từng bước được bổ sung, hoàn thiện và cụ thể hóa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao chất lượng quản trị nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và củng cố niềm tin xã hội đối với Đảng và chính quyền các cấp, tạo tiền đề để Thái Bình tiếp tục xây dựng mô hình chính quyền cơ sở dân chủ, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Thứ ba, việc thực hiện dân chủ cơ sở ở các loại hình đạt nhiều kết quả tích cực

Trong quá trình triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở, tỉnh Thái Bình triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở tất cả các loại hình cơ sở: cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, tổ chức xã hội và khu dân cư, cụ thể:

Trong khu vực hành chính nhà nước, nhất là khối xã, phường, thị trấn việc thực hiện QCDC tạo chuyển biến mạnh mẽ về phương thức lãnh đạo, lề lối, tác phong làm việc của cấp ủy, chính quyền cơ sở theo hướng khoa học, gần dân, sát dân, có trách nhiệm với nhân dân, đồng thời khắc phục tình trạng tham nhũng, tiêu cực.

Vai trò của nhân dân trong việc giám sát, đánh giá, lựa chọn cán bộ, đảng viên được coi trọng. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền địa phương được củng cố và nâng cao. Trước năm 1988, do mất dân chủ nên Thái Bình có 242 cơ sở khiếu kiện đông người. Đến năm 2003, tình trạng khiếu nại, tố cáo của người dân ở Thái Bình giảm rõ rệt, toàn tỉnh có 10.734 lượt công dân đến trụ sở tiếp dân các cấp để khiếu tố, giảm 590 lượt người (giảm 5,2% so với năm 2002); trong đó, đến trụ sở tiếp dân Trung ương 154 lượt người, đến trụ sở tiếp dân của tỉnh 1.629 lượt người, các sở, ngành 1.885 lượt người, các huyện, thị xã 3.024 lượt người, các xã, phường, thị trấn 4.042 lượt người [148, tr. 3]. Qua 3 năm sơ kết thực hiện quy chế dân chủ (1998-2001), toàn tỉnh có 58% số cơ sở xếp loại khá, 31% trung bình, 11% cơ sở yếu. Đến năm 2003, tỉnh có 35,5% cơ sở xếp loại tốt, 42,7% cơ sở khá, 16,8% cơ sở trung bình, 5% cơ sở yếu [144, tr. 4]. Năm 2006, toàn tỉnh có 66% số cơ sở xếp loại tốt, 27% cơ sở khá, 5% cơ sở và 2% cơ sở yếu [100, tr. 82]. Nếu như năm 1998, toàn tỉnh còn trên 50% tổ chức đảng cấp xã được xếp loại yếu kém, thì đến đầu năm 2001, số tổ chức đảng yếu kém đã giảm mạnh, chỉ còn 29 tổ chức (tương đương dưới 2%). Đến năm 2004, toàn tỉnh chỉ còn duy nhất 01 tổ chức cơ sở đảng yếu kém [112, tr. 114], hiện nay không còn tổ chức nào thuộc diện yếu kém.

Thực hiện Nghị định 29-NĐ/CP và Nghị định 79-NĐ/CP của Chính phủ, đến nay, tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình đều tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng mới các quy chế, quy định thực hiện Quy chế trên từng lĩnh vực. Các quy chế, quy định tập trung vào hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, quy chế sử dụng đất đai, tài chính, xây dựng cơ bản, quy chế bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, quy chế thực hiện “cơ chế một cửa”, quy ước, hương ước, quy định về việc cưới, việc tang... Trong đó, có trên 60% số xã, phường, thị trấn có từ 11 đến 15 bản quy chế, quy định; gần 40% có trên 15 văn bản, cá biệt có nơi xây dựng trên 20 quy chế, quy định [144, tr. 4]. Bên cạnh đó, có trên 90% số xã, phường, thị trấn thông báo cho nhân dân biết về các vấn đề như: chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng; bộ luật hình sự, dân sự, luật đất đai, thuế nhà đất; các văn bản quản lý đất đai, tài chính, quỹ Hợp tác xã nông

nghiệp; các quy định về khuyến công - nông - ngư - thương và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong nông nghiệp, về dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp và xây dựng cánh đồng đạt giá trị sản xuất 50 triệu đồng/ha/năm; các văn bản liên quan đến lĩnh vực văn hoá xã hội và các quy định về thủ tục hành chính, lệ phí và thời gian giải quyết từng loại công việc; lịch tiếp dân và phân công cán bộ tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân... Bên cạnh việc được thông tin đầy đủ và kịp thời, nhân dân còn được trực tiếp tham gia bàn bạc và quyết định nhiều vấn đề quan trọng ở cơ sở, như: mức đóng góp xây dựng hạ tầng, quản lý thu - chi các loại quỹ, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước làng xã văn hóa, tổ chức dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp... Ngoài gia, nhân dân còn tích cực tham gia vào hoạt động giám sát, thanh tra, góp phần nâng cao tính minh bạch, công khai và hiệu lực trong quản lý ở cấp cơ sở.

Trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, quán triệt tinh thần Chỉ thị của Bộ Chính trị, Nghị định số 71/1998/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, cùng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình tích cực xây dựng các quy chế, quy định về thực hiện dân chủ. Nội dung chủ yếu của các quy chế, quy định tập trung vào các vấn đề như: xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; phân bổ, sử dụng kinh phí hoạt động; công tác tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức; đảm bảo công khai, minh bạch trong các hoạt động quản lý. Đặc biệt, nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện việc niêm yết công khai nội quy tiếp công dân, danh sách và chức danh cán bộ, công chức phụ trách từng lĩnh vực nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc liên hệ, giải quyết công việc.

Hằng năm, các cơ quan hành chính sự nghiệp tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức nhằm đánh giá kết quả công tác của năm trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm tới. Qua đó, cán bộ, công chức, viên chức có điều kiện tham

gia đóng góp ý kiến, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân - một thiết chế quan trọng trong giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trong quan hệ công tác với các cấp, các ngành và nhân dân, nhiều sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thị đã tiến hành rà soát, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định, nhằm khắc phục tình trạng sách nhiễu, phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm hơn trước, trong đó nhiều nơi đã phân công lãnh đạo phụ trách, bố trí phòng tiếp dân, đặt hòm thư góp ý hoặc tổ chức tiếp dân định kỳ.

Trong công tác cán bộ, việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức được thực hiện đúng quy trình theo quy định tại Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc thi tuyển, xét tuyển đều được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở cơ quan. Hội đồng tuyển dụng được thành lập đầy đủ, có sự tham gia của đại diện các đơn vị liên quan và phòng chức năng. Các khâu trong quy trình bổ nhiệm, đề bạt, quy hoạch và đào tạo cán bộ đều đảm bảo có ý kiến nhận xét, giới thiệu của tổ chức quần chúng, qua đó phát huy dân chủ và trách nhiệm trong công tác cán bộ.

Bên cạnh đó, việc thực hiện dân chủ còn được thể hiện qua sinh hoạt định kỳ như giao ban tuần, giao ban tháng trong lãnh đạo các phòng ban, giữa thủ trưởng đơn vị với cán bộ, công chức. Đây là kênh quan trọng để quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác, đồng thời là diễn đàn để cán bộ, công chức tham gia đóng góp ý kiến trong quản lý, điều hành và thực thi công vụ. Các tổ chức đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ... được tạo điều kiện để hoạt động, phối hợp tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở.

Trong các doanh nghiệp Nhà nước, việc thực hiện QCDC được gắn kết chặt chẽ với việc thi hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn và các văn bản pháp luật liên quan. Các doanh nghiệp vận dụng nội dung

của QCDC thông qua các hình thức như ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, tổ chức hội nghị người lao động, đại hội công nhân viên chức, phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, đồng thời xây dựng các quy chế, quy định nội bộ nhằm cụ thể hóa việc thực hiện dân chủ trong doanh nghiệp. Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện nghiêm túc QCDC tại các doanh nghiệp Nhà nước góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực quản lý, điều hành của lãnh đạo doanh nghiệp, phát huy vai trò, trách nhiệm của người lao động, tạo điều kiện để tập thể phát huy trí tuệ, tăng cường đoàn kết nội bộ, thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời góp phần hạn chế tiêu cực và giữ vững kỷ cương trong hoạt động của doanh nghiệp.

Trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước, việc phát huy dân chủ được thực hiện thông qua việc vận dụng các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động và Luật Công đoàn. Cơ chế thực hiện dân chủ tại các doanh nghiệp này chủ yếu được thể hiện thông qua tổ chức đại hội cổ đông, kết hợp với hội nghị người lao động hoặc đại hội công nhân viên chức được tổ chức định kỳ hằng năm. Đây là kênh quan trọng để người lao động thể hiện quyền tham gia, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành, góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa và ổn định trong doanh nghiệp.

Thứ tư, quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở được mở rộng và phát huy hiệu quả

Trong quá trình thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình, quyền làm chủ của nhân dân được mở rộng, phát huy hiệu quả thể hiện ở phạm vi, nội dung các quyền dân chủ được pháp luật, đồng thời được phản ánh rõ nét qua mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động quản lý, giám sát và quyết định những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng.

Trước hết, quyền “được biết” của nhân dân được bảo đảm rõ ràng và minh bạch hơn. Các nội dung liên quan đến chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, các khoản thu - chi và chế độ, chính sách đối với người dân được công khai bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện cơ sở. Việc công khai thông tin không chỉ dừng lại ở hình thức niêm yết, thông báo một chiều mà từng bước gắn với giải trình, trao đổi, làm rõ các vấn đề mà nhân dân quan tâm. Điều này góp phần nâng cao tính minh bạch trong quản lý, hạn

chế tình trạng thông tin không đầy đủ hoặc thiếu thống nhất, đồng thời tạo tiền đề để người dân thực hiện các quyền dân chủ tiếp theo. Cùng với đó, quyền “được bàn” và “được tham gia ý kiến” của nhân dân được mở rộng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông qua các hội nghị nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, các cuộc đối thoại trực tiếp giữa chính quyền với nhân dân, người dân có điều kiện bày tỏ quan điểm, đề xuất kiến nghị và tham gia thảo luận các vấn đề quan trọng như xây dựng hương ước, quy ước, lựa chọn công trình phúc lợi, phương án huy động nguồn lực cộng đồng hay giải pháp bảo vệ môi trường. Ở nhiều địa phương, ý kiến của nhân dân không chỉ được tiếp thu về mặt hình thức mà còn được phản ánh cụ thể trong các quyết định, kế hoạch thực hiện, qua đó làm tăng tính đồng thuận xã hội và giảm thiểu mâu thuẫn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. Quyền “được quyết định” của nhân dân đối với một số vấn đề trực tiếp liên quan đến lợi ích cộng đồng được thực hiện hiệu quả. Thông qua hình thức biểu quyết tại hội nghị nhân dân hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, người dân tham gia quyết định các nội dung như mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, lựa chọn danh mục công trình ưu tiên, phương án sử dụng quỹ cộng đồng hoặc các vấn đề tự quản ở thôn, tổ dân phố. Việc mở rộng quyền quyết định không chỉ góp phần phát huy trí tuệ và trách nhiệm của người dân, mà còn nâng cao tính khả thi của các quyết định, bởi chúng được hình thành trên cơ sở đồng thuận và phù hợp với điều kiện thực tiễn của cộng đồng. Bên cạnh đó, quyền “được giám sát” của nhân dân được tăng cường thông qua các kênh giám sát đa dạng. Nhân dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở, việc thực hiện các dự án, công trình đầu tư, quản lý và sử dụng các nguồn lực công thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và sự phối hợp với MTTQ cùng các tổ chức chính trị - xã hội. Hoạt động giám sát không chỉ góp phần phát hiện và ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực, sai phạm, mà còn tạo áp lực tích cực thúc đẩy đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân. Ngoài ra, quyền “được thụ hưởng” của nhân dân được chú trọng gắn với việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở. Thông qua việc tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình như xây dựng nông thôn mới, chỉnh trang đô

thị, phát triển hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ công, người dân không chỉ đóng vai trò là chủ thể tham gia mà còn là đối tượng thụ hưởng trực tiếp các thành quả phát triển. Sự gắn kết giữa quyền tham gia và quyền thụ hưởng góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đồng thời củng cố niềm tin của người dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ năm, thực hiện dân chủ cơ sở góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội ở Thái Bình có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với kết quả thực hiện dân chủ cơ sở. Dân chủ cơ sở vừa là yêu cầu mang tính chính trị - pháp lý, vừa là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và ổn định chính trị. Trong yêu cầu phát triển bền vững việc tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong thực hiện dân chủ cơ sở sẽ là cơ sở quan trọng để Thái Bình giữ vững ổn định, khai thác hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững và toàn diện hơn.

Trong những năm qua, việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và tăng cường sự đồng thuận xã hội. Trước hết, dân chủ cơ sở góp phần giữ vững ổn định chính trị thông qua việc phòng ngừa và hạn chế các mâu thuẫn, bức xúc nảy sinh từ cơ sở. Khi người dân được thông tin đầy đủ, được tham gia bàn bạc, góp ý và giám sát các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình, các quyết định quản lý trở nên minh bạch và có tính thuyết phục cao hơn. Từ đó giảm thiểu tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, hạn chế nguy cơ phát sinh các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, giải phóng mặt bằng, thu - chi các khoản đóng góp và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Ở Thái Bình, nhiều vụ việc phức tạp được giải quyết ngay từ cơ sở thông qua đối thoại, thương lượng và sự tham gia của nhân dân, qua đó góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn. Cùng với đó, thực hiện dân chủ cơ sở còn góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, tạo nên sức mạnh chính trị - xã hội to lớn. Thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và gián

tiếp, người dân có điều kiện bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, phản ánh những vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội, đồng thời giám sát việc thực thi quyền lực của đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở. Sự gắn kết này không chỉ làm tăng tính chính danh của hệ thống chính trị mà còn tạo ra “kênh phản hồi” quan trọng giúp cấp ủy, chính quyền kịp thời điều chỉnh chủ trương, biện pháp lãnh đạo, quản lý cho phù hợp với thực tiễn. Qua đó, ổn định chính trị ở Thái Bình không phải là trạng thái tĩnh mà là kết quả của quá trình tương tác thường xuyên, tích cực giữa Nhà nước và xã hội.

Trên góc độ phát triển kinh tế - xã hội, dân chủ cơ sở là động lực quan trọng huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển của tỉnh. Khi người dân được tham gia bàn bạc, quyết định và giám sát các chương trình, dự án phát triển, đặc biệt là trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, tinh thần trách nhiệm, ý thức làm chủ được nâng cao rõ rệt. Thực tiễn ở Thái Bình cho thấy, nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, mô hình phát triển sản xuất và các hoạt động cộng đồng đạt kết quả tích cực nhờ sự đồng thuận và tham gia chủ động của nhân dân. Đồng thời, việc thực hiện dân chủ cơ sở còn góp phần nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Khi các chủ trương, chính sách được công khai, minh bạch và có sự tham gia góp ý của người dân ngay từ đầu, quá trình triển khai thường thuận lợi hơn, hạn chế sự chùng chေó, lãng phí và sai sót. Sự giám sát của nhân dân tạo áp lực tích cực buộc các cơ quan quản lý và đội ngũ cán bộ ở cơ sở phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, bảo đảm các chính sách được thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng quản lý phát triển, tạo môi trường xã hội ổn định, thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

3.3.1.2. Nguyên nhân của những kết quả

Quá trình triển khai dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình đạt nhiều kết quả tích cực, thể hiện qua sự chuyển biến toàn diện từ nhận thức chính trị đến cơ chế tổ chức thực hiện và sự tham gia chủ động, tích cực của người dân. Những thành tựu này là hệ quả của sự tác động từ nhiều nguyên nhân, cụ thể:

Một là, sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp

Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng quyết định chất lượng, hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình, góp phần bảo đảm tính liên tục và ổn định trong thực tiễn triển khai dân chủ cơ sở, tránh tình trạng hình thức, phong trào, qua đó tạo dựng môi trường chính trị lành mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Từ năm 1998 đến nay, cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về thực hiện dân chủ cơ sở. Các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường thực hiện QCDC ở cơ sở đều được xây dựng trên cơ sở phân tích sâu sắc thực tiễn, bảo đảm tính đồng bộ và khả thi, góp phần tạo hành lang pháp lý quan trọng, định hướng thống nhất và tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các địa phương, đơn vị. Bên cạnh đó, cấp ủy, chính quyền các cấp ở Thái Bình còn sát sao trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở thông qua các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất, từ đó nắm bắt tình hình thực tiễn, kịp thời phát hiện những vướng mắc, tồn tại để chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

Hai là, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Sự phối hợp giữa MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội vừa thể hiện sự liên kết trong hệ thống chính trị, vừa là kênh kết nối trực tiếp giữa nhân dân với bộ máy nhà nước, là nhân tố then chốt đảm bảo vận hành hiệu quả nền hành chính và nâng cao niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước tại Thái Bình. Trong quá trình thực hiện dân chủ cơ sở, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh phát huy hiệu quả các kênh tiếp xúc trực tiếp với nhân dân như hội nghị tiếp xúc cử tri, diễn đàn, óp phân thu thập ý kiến, nguyện vọng, tạo sự đồng thuận xã hội, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở. Qua đó, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, đồng thời thúc đẩy giám sát xã hội hiệu quả. Bên cạnh đó, các tổ chức như Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cũng trở thành công cụ quan trọng trong giám sát ngân sách, quản lý đất đai và các dự án hạ tầng, góp phần ngăn ngừa tiêu cực, nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương.

Ba là, đội ngũ cán bộ, công chức được chuẩn hóa và đáp ứng tốt yêu cầu phục

vụ nhân dân

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nhận thức rõ điều này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình tập trung chỉ đạo chuẩn hóa đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở, coi đây là nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Theo Báo Thái Bình, trong 3 năm (2020-2023), tỉnh đã cử 354 lượt cán bộ đi học cao cấp lý luận chính trị, 20 lượt cán bộ hoàn thiện cao cấp lý luận chính trị; 4 lượt cán bộ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; 60 lượt cán bộ bồi dưỡng theo chức danh; 16 lượt cán bộ bồi dưỡng bí thư, phó bí thư cấp ủy; 1.000 lượt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức [31]. Bên cạnh đó, tỉnh còn chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính, thực hiện tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên đổi mới phương thức tuyển dụng, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, dựa trên năng lực và phẩm chất. Qua đó, nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào chính quyền các cấp.

Bốn là, sự đồng thuận, ủng hộ và tham gia chủ động, tích cực của các tầng lớp nhân dân

Sự tham gia của nhân dân là yếu tố nền tảng cho sự vận hành hiệu quả và bền vững của cơ chế dân chủ tại địa phương. Từ năm 1998 đến nay, sự đồng thuận xã hội trong thực thi dân chủ cơ sở tại tỉnh Thái Bình được xây dựng trên hai trụ cột quan trọng bao gồm: pháp luật và sự thấu hiểu, chia sẻ về lợi ích chung, từ đó tạo nền sức mạnh đoàn kết, tương trợ trong cộng đồng dân cư. Bên cạnh đó, do nhận thức đầy đủ, sâu sắc quyền và nghĩa vụ của mình trong thực hiện dân chủ cơ sở, nhân dân trên toàn tỉnh chủ động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, giám sát quá trình thực thi và phản biện các quyết định của chính quyền cơ sở. Qua đó, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy hiệu quả, góp phần tạo dựng môi trường quản trị công khai, minh bạch, đồng thời củng cố mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân trên cơ sở tin tưởng và hợp tác.

3.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

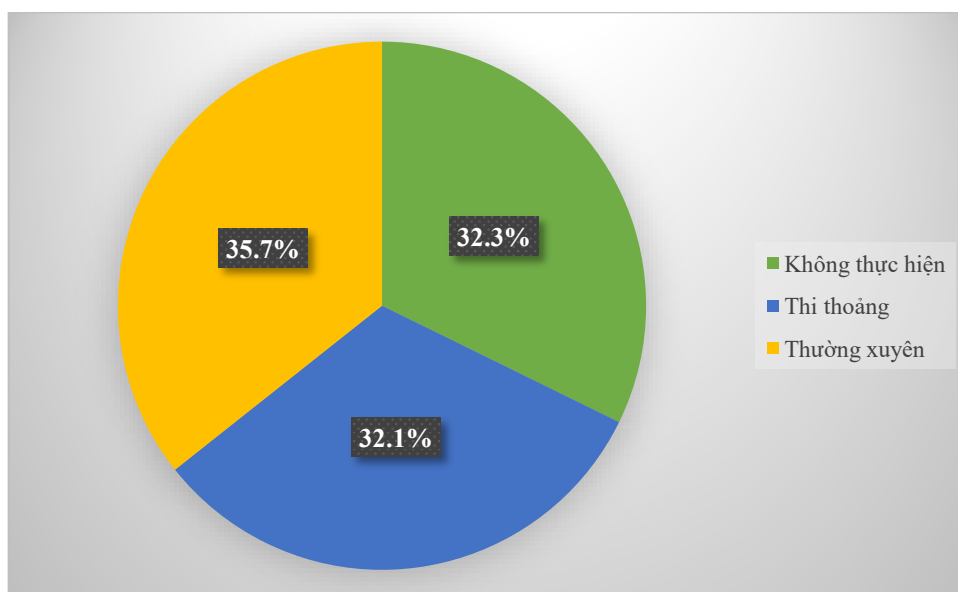
3.3.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn

tỉnh Thái Bình từ năm 1998 đến nay còn một số hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi và sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân, cụ thể:

Thứ nhất, nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế

Trong quá trình thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình, một bộ phận cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể: Ở cấp cơ sở, một số cán bộ, đảng viên còn biểu hiện tâm lý bảo thủ, trì trệ, ngại đổi mới, chưa nhận thức rõ thực hiện dân chủ là một yêu cầu khách quan của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân còn tâm lý e ngại, thụ động, chưa mạnh dạn tham gia góp ý, giám sát các hoạt động của chính quyền cơ sở, do thiếu thông tin. Tỷ lệ người dân tham gia các buổi đối thoại, hội nghị nhân dân nhìn chung còn thấp, trung bình chỉ đạt 58,2% tại các xã vùng nông thôn. Điều này cho thấy nhận thức và năng lực thực hành dân chủ của người dân là điểm nghẽn lớn. Ngoài ra, công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về dân chủ cơ sở còn thiếu tính hệ thống, chưa đa dạng hóa về hình thức và chưa sát với đặc điểm từng nhóm đối tượng. Các kênh truyền thông cơ sở chưa phát huy hiệu quả trong việc lan tỏa thông tin và khuyến khích người dân chủ động thực hiện quyền dân chủ.



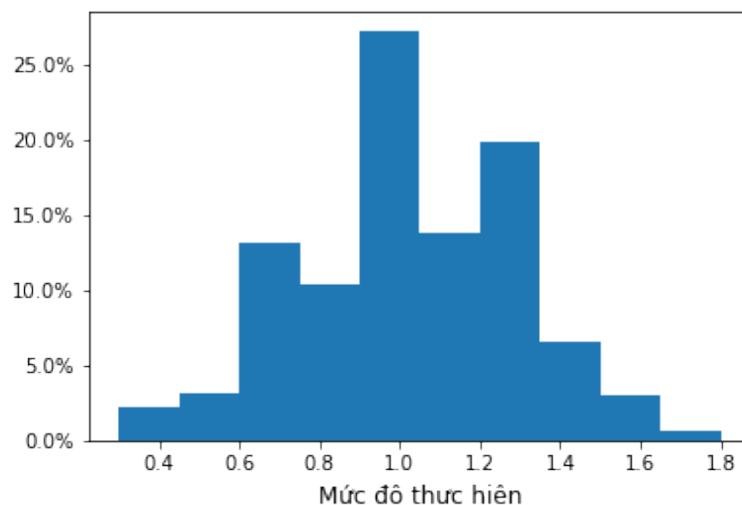
Biểu đồ 3.3. Đánh giá về mức độ tuyên truyền thực hiện dân chủ cơ sở

Nguồn: Khảo sát thực tế tại địa phương, năm 2024

Theo kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, hoạt động tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về dân chủ cơ sở còn nhiều bất cập. Chỉ có 35,7% cán bộ được hỏi cho rằng việc tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, trong khi có tới 32,1% cho rằng chỉ thỉnh thoảng thực hiện và 32,3% đánh giá là không thực hiện. Thực trạng này phản ánh tính thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán trong công tác tuyên truyền, dẫn đến việc nhận thức của cán bộ, người dân về dân chủ cơ sở chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến mức độ tham gia, giám sát và phản biện của người dân trong đời sống chính trị - xã hội ở địa phương.

Thứ hai, cơ chế tổ chức và thực thi dân chủ cơ sở còn nhiều bất cập, hiệu quả thấp

Mặc dù việc thực hiện QCDC được triển khai trên diện rộng, song ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thái Bình còn nhiều bất cập, biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, ảnh hưởng đến hiệu quả phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trước hết, ở cấp xã, phường, thị trấn, việc thực hiện dân chủ có nơi hiệu quả chưa cao; hình thức công khai thông tin của chính quyền các cấp còn hạn chế; năng lực chỉ đạo, điều hành việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ gắn với xây dựng nông thôn mới của cấp ủy, chính quyền ở một số nơi còn hạn chế; tỷ lệ dân tham gia họp thôn, tổ dân phố thấp, việc thảo luận, tham gia ý kiến còn ít; một số địa phương còn tình trạng vi phạm nguyên tắc trong quản lý thu chi ngân sách, để xảy ra tình trạng nội bộ mất đoàn kết dẫn đến đơn thư tố cáo, phải xử lý cán bộ [151, tr. 9].



Hình 3.3. Đánh giá về mức độ thực hiện công khai thông tin của chính quyền

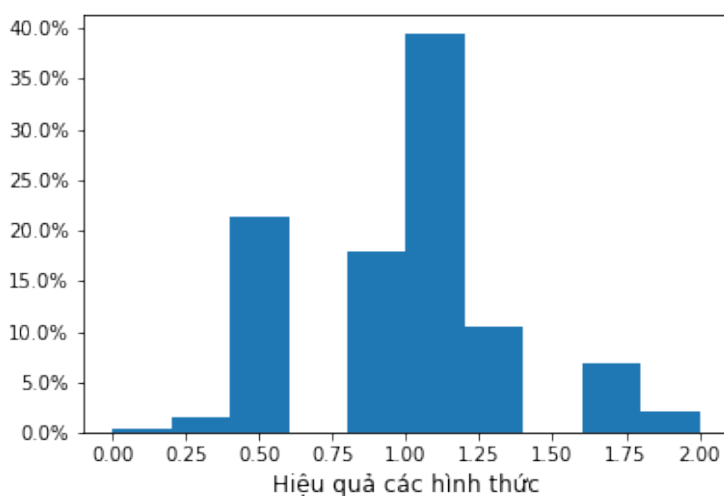
Nguồn: Khảo sát thực tiễn tại địa phương, năm 2024

Theo kết quả khảo sát thực tiễn, đa số người dân đánh giá mức độ công khai thông tin của chính quyền ở mức “có nhưng chưa rõ ràng” hoặc thấp hơn, với điểm trung bình chỉ đạt 1,003 điểm. Điều này phản ánh thực trạng công khai thông tin tại cơ sở còn hình thức, thiếu minh bạch và chưa đáp ứng được quyền được biết của người dân. Thực trạng đó đặt ra yêu cầu các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cần chú trọng cải thiện chất lượng công khai thông tin, bảo đảm rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu và có cơ chế phản hồi, giám sát thực chất từ phía người dân.

Ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, việc thực hiện dân chủ còn mang tính hình thức; một số đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức theo kiểu chiếu lệ, thiếu tinh thần dân chủ thực sự; hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở nhiều nơi còn hình thức, thiếu chiều sâu; công tác dân vận trong các cơ quan hành chính chưa được chú trọng đúng mức [151, tr. 9]. Tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn, việc thực hiện dân chủ và tuân thủ pháp luật lao động còn yếu; ở một số đơn vị, hội nghị người lao động, hội nghị cổ đông thường niên được tổ chức hình thức, chưa phát huy quyền làm chủ của người lao động, dẫn đến tình trạng đình công, lãn công [151, tr. 9].

Bên cạnh đó, quy trình xây dựng các văn bản quản lý nội bộ tại một số địa

phương, cơ quan, đơn vị chưa phát huy được trí tuệ tập thể và sự tham gia tích cực của quần chúng nhân dân; ở một số nơi còn tồn tại tình trạng xây dựng quy chế hình thức, thiếu cụ thể, chưa xác định rõ trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan; Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở một số cấp thường chỉ dừng lại ở việc triển khai các văn bản chỉ đạo, thiếu sự kiểm tra, giám sát và đôn đốc tại cơ sở, dẫn đến tình trạng “trên nóng dưới lạnh”, lúng túng trong thực thi. Công tác cải cách hành chính ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị tuy còn hạn chế, còn tồn tại hiện tượng cửa quyền, phiền hà, ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và tinh thần tham gia của nhân dân; một số cán bộ, đảng viên có phong cách làm việc quan liêu, thiếu dân chủ [151, tr. 9]. Ở một số địa phương công tác tiếp dân chưa được quan tâm đúng mức, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa kịp thời, chủ động theo đúng thẩm quyền dẫn đến tình trạng đơn thư vượt cấp, còn đơn thư tồn đọng, một số vụ việc xảy ra ở cơ sở chậm được giải quyết làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân, còn có những vụ việc phức tạp, kéo dài. Ngoài ra, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng ở một số đơn vị chưa thực sự hiệu quả, còn thiếu cơ chế, kinh nghiệm, phương pháp hoạt động còn lúng túng, ở một số đơn vị, người đứng đầu chưa thực hiện đầy đủ lịch tiếp dân định kỳ, phát huy dân chủ gắn với thực hiện kỷ cương, pháp luật chưa thực sự đồng bộ, còn một số người dân vi phạm pháp luật gây trở ngại tới việc triển khai một số nhiệm vụ chính trị, ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương [167, tr. 9].



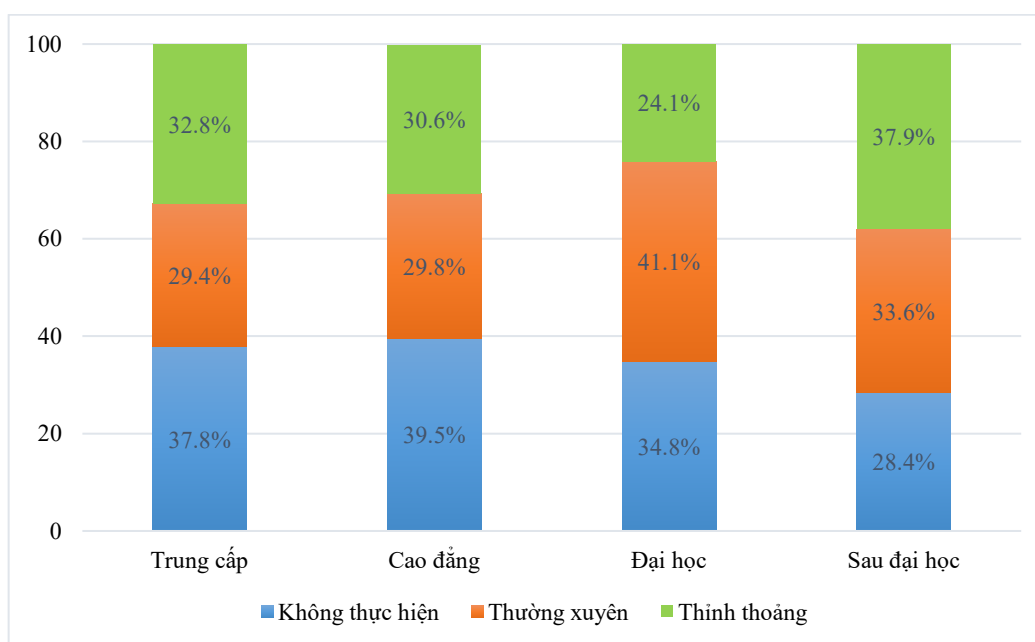
Hình 3.4. Đánh giá về hiệu quả của các hình thức triển khai dân chủ

Nguồn: Khảo sát thực tiễn tại địa phương, năm 2024

Theo kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, các hình thức triển khai thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình còn hạn chế, cụ thể: Có 35% cán bộ được khảo sát cho rằng các hình thức triển khai dân chủ không hiệu quả, 63% cho rằng các hình thức triển khai dân chủ ít hiệu quả và chỉ khoảng 2% cán bộ được khảo sát cho rằng các hình thức triển khai dân chủ là hiệu quả. Thực trạng này cho thấy, Thái Bình cần phải đổi mới nội dung, hình thức, cách thức triển khai thực hiện dân chủ cơ sở để nâng cao hiệu quả thực chất, bảo đảm quyền tham gia, giám sát và phản biện của nhân dân vào các hoạt động của chính quyền địa phương.

Thứ ba, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện dân chủ còn hạn chế

Thực hiện dân chủ ở cơ sở là hoạt động quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trong đó, vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị giữ vị trí đặc biệt quan trọng, là nhân tố quyết định đến hiệu quả tổ chức và thực thi QCDC ở cơ sở. Tuy nhiên, trong thực tiễn việc thực hiện dân chủ cơ sở tại tỉnh Thái Bình, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của một bộ phận người đứng đầu chưa được thể hiện đầy đủ, còn bộc lộ nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng, chiều sâu của dân chủ ở cơ sở. Đặc biệt, một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu ở một số địa phương, đơn vị trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa được phát huy [155, tr. 11], nhất là trong công tác tuyên truyền thực hiện dân chủ ở cơ sở.



Biểu đồ 3.4. Đánh giá về mức độ thực hiện tuyên truyền dân chủ cơ sở của chính quyền địa phương theo nhóm trình độ

Nguồn: Khảo sát thực tiễn tại địa phương, năm 2024

Theo kết quả khảo sát cho thấy, việc tuyên truyền dân chủ cơ sở của cán bộ lãnh đạo ở cơ sở còn thiếu đồng bộ giữa các nhóm trình độ học vấn. Nhóm đối tượng có trình độ đại học và sau đại học thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền dân chủ cơ sở. Thực trạng này phản ánh sự thiếu nhất quán trong công tác tuyên truyền kiến thức về dân chủ cơ sở của chính quyền với người dân. Do đó, để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp cần đa dạng hóa hình thức, nội dung tuyên truyền cho phù hợp với từng nhóm dân cư, đảm bảo mọi tầng lớp nhân dân đều được trang bị kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ trong thực hiện dân chủ ở cơ sở, từ đó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự tham gia tích cực của người dân trong đời sống chính trị - xã hội tại địa phương.

Bên cạnh đó, năng lực chỉ đạo và tinh thần trách nhiệm trong thực hiện dân chủ của người đứng đầu ở một số địa phương còn yếu. Một số cán bộ lãnh đạo ở cấp xã chưa phát huy tốt vai trò điều hành các hoạt động dân chủ hóa trong nội bộ và ngoài cộng đồng dân cư, thiếu tính gương mẫu trong thực hiện nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đặc biệt, tại một số nơi, hoạt động đối thoại giữa

chính quyền với nhân dân chưa được duy trì thường xuyên, hoặc chỉ thực hiện mang tính hình thức.

Trách nhiệm giải trình, tiếp thu và xử lý phản ánh, kiến nghị của nhân dân từ phía người đứng đầu còn nhiều bất cập. Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng thời hạn còn thấp, phần lớn bị kéo dài hoặc xử lý chưa triệt để, gây bức xúc trong dân cư. Thực trạng này phản ánh sự yếu kém trong khâu tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi, đồng thời cho thấy trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu chưa được thực hiện đầy đủ. Hơn nữa, hệ thống kiểm tra, giám sát đối với người đứng đầu trong thực hiện dân chủ còn thiếu hiệu quả. Cơ chế đánh giá kết quả thực hiện QCDC chưa được cụ thể hóa bằng chỉ số định lượng, chưa gắn với chế tài khen thưởng, kỷ luật rõ ràng. Do đó, một số người đứng đầu không chịu áp lực từ dư luận, từ tổ chức Đảng hoặc từ quần chúng để cải tiến lề lối làm việc, khơi dậy tinh thần dân chủ thực chất trong nhân dân. Ngoài ra, Ban chỉ đạo thực hiện QCDC một số xã, phường, thị trấn chưa chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở; một số thành viên ban chỉ đạo chưa thể hiện rõ trách nhiệm của mình trong tổ chức thực hiện dân chủ trên địa bàn, chưa đi sâu, đi sát cơ sở thôn, tổ dân phố [155, tr. 11].

3.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình đạt được nhiều kết quả tích cực, song còn một số hạn chế nhất định. Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cụ thể:

Về nguyên nhân khách quan, những hạn chế trong việc thực hiện dân chủ cơ sở ở tỉnh Thái Bình trước hết bắt nguồn từ những biến động phức tạp của bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới, trong nước và địa phương từ năm 1998 đến nay. Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế diễn ra sâu rộng, cùng với những cú sốc lớn của kinh tế thế giới như khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và đại dịch Covid-19 (giai đoạn 2020-2021) tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế, xã hội, tâm lý và tư tưởng của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Trong những thời điểm kinh tế khó khăn, thu nhập giảm sút, việc làm bấp bênh, người dân buộc phải ưu tiên cho các nhu cầu sinh kế thiết

yếu, từ đó làm suy giảm mức độ quan tâm và tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội nói chung, trong đó có việc thực hiện dân chủ cơ sở. Điều này khiến một số hình thức dân chủ ở cơ sở tuy được tổ chức theo quy định nhưng mức độ tham gia thực chất của người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả thực hiện.

Hơn nữa, quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và sáp nhập đơn vị hành chính ở cơ sở trong những năm gần đây tạo ra không ít khó khăn, thách thức đối với việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố dẫn đến quy mô địa bàn rộng hơn, dân số đông hơn, cơ cấu dân cư đa dạng và phức tạp hơn, trong khi điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ và phương thức tổ chức sinh hoạt dân chủ chưa kịp thời được điều chỉnh tương ứng. Ở một số nơi, sự khác biệt về phong tục, tập quán, thói quen sinh hoạt cộng đồng giữa các đơn vị được sáp nhập cũng ảnh hưởng nhất định đến mức độ đồng thuận và tham gia của người dân, làm gia tăng khó khăn trong việc tổ chức các hình thức dân chủ trực tiếp như hội nghị nhân dân, đối thoại cộng đồng hay lấy ý kiến rộng rãi.

Bên cạnh đó, một số cơ chế, chính sách của Nhà nước về thực hiện dân chủ còn bất cập, chưa đồng bộ. Mặc dù Đảng và Nhà nước Việt Nam ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm mở rộng, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, song trong thực tiễn, việc cụ thể hóa các quy định này ở một số lĩnh vực còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới. Một số nội dung quy định còn mang tính nguyên tắc, thiếu hướng dẫn chi tiết, dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện ở cơ sở, từ đó làm giảm tính chủ động của các địa phương, hạn chế khả năng phát huy dân chủ một cách thực chất, nhất là trong những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân.

Ngoài ra, mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC cũng là một yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả thực hiện dân chủ cơ sở. Việc Ban Chỉ đạo hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, thường xuyên có sự thay đổi về nhân sự, khiến công tác chỉ đạo, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện dân chủ ở cơ sở thiếu tính ổn định và liên tục. Trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng lớn, yêu cầu ngày càng cao, cơ chế kiêm nhiệm khó bảo đảm sự đầu tư thỏa đáng về

thời gian, trí lực và trách nhiệm, từ đó ảnh hưởng đến tính chủ động và hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dân chủ cơ sở. Thái Bình chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm dân chủ, chống phá chính quyền. Việc thiếu chế tài cụ thể và đồng bộ trong xử lý tạo ra “khoảng trống pháp lý” làm giảm hiệu lực của các thiết chế dân chủ ở cơ sở. Ngoài ra, sở vật chất và các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện dân chủ ở một số địa phương còn khó khăn, một số thôn, tổ dân phố có số hộ dân quá lớn, hội trường nhỏ chưa đáp ứng được yêu cầu khi tổ chức họp dân, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai hoạt động dân chủ.

Về nguyên nhân chủ quan, những hạn chế trong việc thực hiện dân chủ cơ sở ở tỉnh Thái Bình trước hết xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ, chưa thống nhất của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở về vai trò, ý nghĩa và giá trị thực tiễn của dân chủ cơ sở. Ở một số nơi, thực hiện dân chủ còn được nhìn nhận như một nhiệm vụ mang tính bổ trợ hoặc hình thức, chưa được đặt đúng vị trí là nền tảng chính trị - xã hội quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ cơ sở. Việc chưa gắn kết chặt chẽ giữa thực hiện dân chủ với yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước còn thiếu chiều sâu, chưa tạo ra những chuyển biến rõ nét trong thực tiễn. Cùng với đó, năng lực và kỹ năng thực thi dân chủ của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu. Trình độ, kỹ năng đối thoại, kỹ năng lắng nghe và xử lý các tình huống phát sinh trong quan hệ với nhân dân còn hạn chế, dẫn đến tâm lý e ngại tiếp xúc với dân, né tránh đối thoại trực tiếp hoặc thiếu chủ động trong giải quyết các vấn đề bức xúc từ cơ sở. Ở một số địa phương, đội ngũ cán bộ vẫn chịu ảnh hưởng của tư duy quản lý hành chính theo lối mệnh lệnh, bao cấp, coi trọng áp đặt hơn là thuyết phục, chưa quen với việc tiếp nhận các ý kiến khác biệt, phản biện từ nhân dân. Bên cạnh đó, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở trong thực hiện dân chủ chưa được phát huy đầy đủ. Ở một số nơi, nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức này chậm được đổi mới, còn nặng về hành chính, phong trào, chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội. Việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, nhất là trong các tình huống phát sinh nhạy cảm, phức tạp,

chưa kịp thời và sâu sát, chức năng giám sát và phản biện xã hội chưa được thực hiện một cách thực chất, hiệu quả, dẫn tới một số nơi xuất hiện tình trạng “dân chủ một chiều”, chính quyền thực hiện việc thông báo, tuyên truyền, còn người dân ít có cơ hội hoặc điều kiện tham gia phản hồi, đối thoại và giám sát. Sự thiếu tương tác hai chiều giữa chính quyền và nhân dân làm suy giảm ý nghĩa thực chất của dân chủ cơ sở, hạn chế khả năng phát hiện sớm và xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn. Về lâu dài, nếu không được khắc phục, những hạn chế này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lòng tin của nhân dân, làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước, cản trở việc phát huy vai trò của dân chủ cơ sở.

Nhìn chung, các nguyên nhân trên đều có tác động lẫn nhau, hình thành chuỗi nguyên nhân - hệ quả, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình thực hiện dân chủ cơ sở tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Thái Bình cần nhận diện rõ nhưng nguyên nhân này để thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ cơ sở trong giai đoạn tiếp theo.

3.4. Những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Trong bối cảnh đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình vừa là yêu cầu mang tính nguyên tắc của đời sống chính trị, vừa là điều kiện quan trọng để bảo đảm sự ổn định xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân, nâng cao hiệu quả quản trị địa phương. Thực tiễn triển khai trong thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện dân chủ cơ sở còn một số hạn chế nhất định, từ đó đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết đồng bộ và phù hợp với bối cảnh phát triển mới.

Thứ nhất, yêu cầu về hoàn thiện cơ chế, thể chế bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở

Trong bối cảnh đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, yêu cầu hoàn thiện cơ chế, thể chế bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình là vấn đề cấp thiết. Đây không chỉ là điều kiện bảo đảm để các quyền dân chủ của người dân được thực thi

trên thực tế, mà còn là nền tảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, củng cố niềm tin xã hội và duy trì ổn định chính trị ở địa phương. Trước hết, Thái Bình cần tiếp tục cụ thể hóa và đồng bộ hóa các quy định về thực hiện dân chủ cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Mặc dù hệ thống pháp luật hiện hành tạo ra khung khổ tương đối đầy đủ, song trong quá trình triển khai vẫn còn khoảng cách nhất định giữa quy định và thực tiễn. Do đó, cần cụ thể hóa các nội dung liên quan đến quyền “biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát, thụ hưởng” của người dân thành những quy trình rõ ràng, dễ thực hiện, dễ kiểm tra; đồng thời bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng giữa các cấp chính quyền và giữa các địa bàn trong tỉnh. Việc hoàn thiện thể chế theo hướng này sẽ góp phần khắc phục tình trạng vận dụng tùy tiện hoặc hình thức trong thực hiện dân chủ cơ sở.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện các cơ chế bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở. Đây là những trụ cột cốt lõi của dân chủ hiện đại, đồng thời là điều kiện để người dân thực hiện quyền giám sát. Thực tiễn ở một số nơi cho thấy, việc công khai thông tin còn chưa đầy đủ, chưa kịp thời hoặc chưa phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân. Vì vậy, cần thiết lập các quy định cụ thể về nội dung, hình thức và thời điểm công khai; đồng thời xây dựng cơ chế giải trình rõ ràng, bắt buộc đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân. Điều này không chỉ nâng cao tính minh bạch mà còn tạo lập môi trường dân chủ thực chất.

Hơn nữa, Thái Bình cần tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong thực hiện dân chủ cơ sở. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng dân chủ hình thức là do thiếu các chế tài đủ mạnh và cơ chế giám sát hiệu quả. Do đó, cần thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát đa chiều, trong đó kết hợp giữa giám sát của cơ quan nhà nước, giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, cũng như giám sát trực tiếp của nhân dân. Đồng thời, phải có quy định rõ ràng về trách nhiệm và chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm, bảo đảm tính răn đe và nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

Bối cảnh hội nhập quốc tế và quá trình chuyển đổi số cũng đặt ra yêu cầu hoàn

thiện thể chế gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện dân chủ cơ sở. Việc xây dựng các nền tảng số để công khai thông tin, tiếp nhận và xử lý ý kiến của người dân cần được thể chế hóa, bảo đảm tính pháp lý, tính khả thi và an toàn thông tin. Đồng thời, cần quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc vận hành các hệ thống này, qua đó mở rộng không gian dân chủ và nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền và người dân. Để bảo đảm việc thực hiện dân chủ cơ sở mang lại hiệu quả, Thái Bình cần khắc phục tình trạng hình thức hóa. Điều này đòi hỏi quá trình hoàn thiện thể chế không chỉ dừng lại ở việc ban hành quy định, mà cần chú trọng đến khâu tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, phải gắn hoàn thiện thể chế với nâng cao năng lực của chủ thể thực thi và phát huy vai trò của người dân, nhằm tạo ra sự vận hành đồng bộ, hiệu quả của toàn bộ hệ thống

Thứ hai, yêu cầu đổi mới phương thức quản trị của chính quyền cơ sở

Trong bối cảnh mới, khi yêu cầu về hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước ngày càng cao và quyền làm chủ của người dân được đề cao, việc đổi mới phương thức quản trị của chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình trở thành một đòi hỏi mang tính tất yếu. Đây không chỉ là sự điều chỉnh về kỹ thuật quản lý, mà là sự chuyển đổi có tính chất căn bản từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại, lấy người dân làm trung tâm và coi sự tham gia của người dân là yếu tố cốt lõi. Do đó, chính quyền cơ sở tại Thái Bình cần chuyển đổi từ tư duy “quản lý” sang “quản trị phục vụ”. Trong thực tiễn, phương thức quản lý hành chính theo kiểu mệnh lệnh, áp đặt còn biểu hiện ở một số nơi. Vì vậy, cần chuyển mạnh sang phương thức quản trị dựa trên nguyên tắc phục vụ, trong đó chính quyền cơ sở không chỉ là chủ thể quản lý mà còn là “người kiến tạo”, “người đồng hành” với người dân. Điều này đòi hỏi phải thay đổi cách tiếp cận trong hoạch định và thực thi chính sách theo hướng tôn trọng, lắng nghe và đáp ứng nhu cầu chính đáng của nhân dân.

Bên cạnh đó, cần nâng cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động quản trị. Đổi mới phương thức quản trị không thể tách rời việc thiết lập các chuẩn mực quản trị hiện đại, trong đó minh bạch và giải trình là những yếu tố

cốt lõi. Chính quyền cơ sở cần chủ động công khai thông tin, đặc biệt là các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân; đồng thời thiết lập các cơ chế giải trình rõ ràng, kịp thời trước nhân dân. Đây không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật quản trị mà còn là cơ sở để củng cố niềm tin và tạo điều kiện cho người dân tham gia giám sát. Hơn nữa, Thái Bình cũng cần tăng cường đối thoại, tương tác hai chiều giữa chính quyền và người dân. Một trong những hạn chế hiện nay là việc trao đổi thông tin còn mang tính một chiều, chưa tạo được kênh tương tác hiệu quả. Vì vậy, cần thiết lập và duy trì các cơ chế đối thoại định kỳ và đột xuất giữa chính quyền với nhân dân, bảo đảm mọi ý kiến, kiến nghị của người dân được tiếp nhận, xử lý và phản hồi một cách nghiêm túc. Việc tăng cường đối thoại không chỉ giúp giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, mà còn góp phần phòng ngừa xung đột và nâng cao sự đồng thuận xã hội.

Hiện nay, quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ đặt ra yêu cầu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản trị cơ sở. Việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số cần gắn với đổi mới phương thức thực hiện dân chủ, tạo ra các kênh tương tác trực tuyến, thuận tiện và minh bạch hơn cho người dân. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ không chỉ dừng lại ở công cụ, mà phải gắn với cải cách quy trình, nâng cao chất lượng phục vụ và bảo đảm an toàn thông tin, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị và mở rộng không gian dân chủ. Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, các vấn đề ở cơ sở ngày càng đa dạng, phức tạp, đòi hỏi chính quyền phải có khả năng dự báo, xử lý tình huống và điều chỉnh chính sách một cách kịp thời. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức quản trị theo hướng linh hoạt, chủ động, gắn với thực tiễn, thay vì máy móc, cứng nhắc theo quy trình hành chính.

Thứ ba, yêu cầu về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở

Đội ngũ cán bộ giữ vai trò trung tâm, là chủ thể trực tiếp tổ chức, điều hành và chuyển hóa các quy định về dân chủ thành thực tiễn. Do đó, Thái Bình cần chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở theo hướng toàn diện, đồng bộ cả về phẩm chất, năng lực, phương pháp công tác. Trước hết, cần chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quản trị địa phương. Trong điều kiện các vấn đề ở cơ sở diễn ra phức tạp, liên

quan đến nhiều lĩnh vực như đất đai, an sinh xã hội, phát triển kinh tế... , cán bộ không chỉ cần nắm vững pháp luật mà còn phải có năng lực tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống. Điều này đòi hỏi quá trình đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với thực tiễn, chú trọng kỹ năng thực hành hơn là chỉ trang bị kiến thức lý luận. Bên cạnh đó, cán bộ cơ sở không chỉ thực thi nhiệm vụ hành chính, mà còn phải biết tổ chức đối thoại, lắng nghe, thuyết phục và tạo sự đồng thuận xã hội. Việc thiếu kỹ năng giao tiếp, xử lý xung đột hoặc chưa thực sự tôn trọng ý kiến của người dân sẽ làm giảm hiệu quả thực hiện dân chủ hoặc phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, xây dựng phong cách “gần dân, hiểu dân, trọng dân” cần trở thành chuẩn mực trong hoạt động công vụ. Đặc biệt, Thái Bình cần tăng cường kỷ luật, kỷ cương và kiểm soát quyền lực trong đội ngũ cán bộ cơ sở. Nếu không có cơ chế kiểm soát hiệu quả, quyền lực dễ bị lạm dụng, dẫn đến các biểu hiện quan liêu, nhũng nhiễu hoặc thiếu trách nhiệm. Do đó, cần hoàn thiện các cơ chế đánh giá, giám sát, xử lý trách nhiệm cán bộ gắn với kết quả thực hiện dân chủ cơ sở, qua đó bảo đảm đội ngũ cán bộ thực sự là “cầu nối” giữa chính quyền và nhân dân, chứ không trở thành rào cản đối với việc phát huy dân chủ.

Thứ tư, yêu cầu về phát huy vai trò chủ thể của người dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Dân chủ cơ sở chỉ có thể được thực hiện hiệu quả khi vai trò chủ thể của người dân được phát huy đầy đủ, đồng thời có sự tham gia tích cực của các tổ chức đại diện như MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, Thái Bình cần tạo lập cơ chế, điều kiện để các chủ thể này tham gia hiệu quả hơn vào quá trình quản trị ở cơ sở. Trước hết, cần nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức của người dân, giúp họ hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình trong thực hiện dân chủ. Khi người dân có nhận thức đầy đủ, họ sẽ chủ động hơn trong việc tham gia góp ý, giám sát và phản biện. Đồng thời, cần khắc phục tâm lý thụ động, nể nang, “dĩ hòa vi quý” vốn còn tồn tại trong một bộ phận cộng đồng dân cư, qua đó hình thành văn hóa dân chủ mang tính tích cực, trách nhiệm. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh tham gia của người dân. Việc tham gia không chỉ dừng lại ở các hình thức truyền thống như hội họp, lấy ý kiến trực tiếp, mà cần mở rộng sang các hình thức linh hoạt,

thuận tiện hơn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu thế chuyển đổi số. Điều này giúp tăng khả năng tiếp cận, nâng cao hiệu quả tham gia của các nhóm dân cư khác nhau.

Đối với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, yêu cầu quan trọng là nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội. Các tổ chức này cần thực sự trở thành cầu nối giữa nhân dân với chính quyền, phản ánh trung thực ý chí, nguyện vọng của người dân, đồng thời tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách ở cơ sở. Để làm được điều đó, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường tính độc lập tương đối và năng lực chuyên môn, tránh tình trạng hoạt động mang tính hình thức. Đồng thời, cần tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Khi chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ, sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc tổ chức và giám sát thực hiện dân chủ. Ngược lại, nếu thiếu sự liên kết, vai trò của từng chủ thể sẽ bị phân tán, làm giảm hiệu quả chung.

Thứ năm, những vấn đề đặt ra từ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Thái Bình

Điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa địa phương là những yếu tố có tác động lâu dài và sâu sắc đến việc thực hiện dân chủ cơ sở. Thái Bình là tỉnh có truyền thống nông nghiệp lâu đời, đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Trước hết, quá trình phát triển kinh tế đặt ra yêu cầu giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong xã hội. Sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, quá trình tích tụ ruộng đất, giải phóng mặt bằng, phát triển các khu công nghiệp... làm xuất hiện nhiều nhóm lợi ích khác nhau, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh mâu thuẫn nếu không được xử lý thỏa đáng. Điều này đòi hỏi việc thực hiện dân chủ cơ sở phải thực chất, minh bạch, bảo đảm người dân được tham gia và được bảo vệ quyền lợi chính đáng. Bên cạnh đó, Thái Bình cần tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia vào các hoạt động dân chủ. Khi người dân còn phải ưu tiên cho sinh kế, việc tham gia các hoạt động cộng đồng có thể bị hạn chế. Do đó, cần thiết kể các hình thức tham gia phù hợp, linh hoạt, giảm chi phí thời gian và công sức cho

người dân.

Đặc điểm văn hóa làng xã truyền thống ở Thái Bình đặt ra yêu cầu kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và yêu cầu của dân chủ hiện đại. Những giá trị như tinh thần cộng đồng, sự gắn kết xã hội là nền tảng thuận lợi để xây dựng sự đồng thuận; tuy nhiên, các yếu tố như tâm lý nể nang, ngại va chạm lại có thể cản trở tính minh bạch và phản biện. Vì vậy, cần từng bước xây dựng văn hóa dân chủ, khuyến khích sự thẳng thắn, minh bạch và trách nhiệm trong tham gia đời sống cộng đồng.

Tiểu kết Chương 3

Thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh và củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền các cấp. Đây là nền tảng để huy động hiệu quả nguồn lực trong nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Sau gần 25 năm triển khai Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị “về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở” và 15 năm thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn”, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, hệ thống chính trị và nhân dân về vị trí, vai trò và ý nghĩa của dân chủ ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương được Tỉnh ủy Thái Bình tiếp thu, quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Những quy chế, quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở bước đầu tạo hành lang pháp lý cần thiết để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được thực thi trên thực tế. Bên cạnh đó, hoạt động của các chủ thể tham gia thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng được củng cố và phát huy. Vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội được thể hiện rõ trong công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân và trong tiếp thu, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cử tri. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của nhân dân và tổ chức đại diện cho nhân dân. Hơn nữa, việc triển khai các nội dung liên quan đến dân chủ cơ sở cũng đạt hiệu quả cao, nhất là trong các lĩnh vực như: phân bổ và quản lý ngân sách, công tác cán bộ, tiếp cận các dịch vụ công... Mô hình “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được áp dụng thành công trong chương trình xây dựng nông thôn mới, công tác quy hoạch thôn, tổ dân phố, phân bổ đất đai và quản lý thu - chi ngân sách ở cơ sở, góp phần tạo dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền và nhân dân trên cơ sở đồng thuận, minh bạch và công khai.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình từ năm 1998 đến nay còn một số hạn chế như: một số cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc thực hiện dân chủ cơ sở; ở một số địa phương việc thực hiện dân chủ cơ sở còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, chưa gắn kết với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; một số cơ chế, chính sách về dân chủ cơ sở chưa đồng bộ, chậm được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với bối cảnh mới; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu một số cấp ủy, chính quyền còn thiếu quyết liệt, chưa thật sự phát huy hiệu quả; công tác phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số nơi còn lúng túng, thiếu đồng bộ... Thực trạng đó đặt ra yêu cầu Thái Bình cần triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp mang tính toàn diện và hệ thống trong giai đoạn tiếp theo, nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại, phát huy các kết quả đã đạt được, qua đó nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ ở cơ sở, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và phát triển bền vững toàn diện từ cơ sở.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

4.1. Quan điểm, định hướng về thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.1.1. Bối cảnh mới và những thách thức đặt ra trong thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Hiện nay, vấn đề thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình diễn ra trong bối cảnh mới, chịu tác động đa chiều từ những biến động của tình hình quốc tế, những chuyển biến sâu sắc của tình hình trong nước và những thay đổi quan trọng về tổ chức, quản trị, hành chính ở cơ sở. Những yếu tố này vừa tạo ra cơ hội để mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vừa đặt ra không ít thách thức đến việc thực hiện dân chủ cơ sở.

Về bối cảnh quốc tế, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường dưới tác động đan xen của toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và các thách thức an ninh phi truyền thống như: biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, an ninh mạng... làm gia tăng tính bất định của môi trường phát triển, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực quản trị quốc gia, quản trị địa phương, trong đó có việc phát huy dân chủ ở cơ sở. Đặc biệt, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản phương thức quản lý nhà nước và tương tác giữa chính quyền với người dân. Theo đó, thực hiện dân chủ cơ sở vượt ra ngoài các hình thức tham gia truyền thống, gắn chặt hơn với yêu cầu minh bạch thông tin, mở rộng tiếp cận dữ liệu công, tăng cường tương tác hai chiều trên nền tảng số và nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở. Những chuyển biến này đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình theo hướng kết hợp hài hòa giữa cơ chế dân chủ truyền thống và công cụ quản trị số nhằm mở rộng quyền tham gia của người dân, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

Ở Việt Nam, tiến trình đổi mới gắn với hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng làm biến đổi sâu sắc cấu trúc xã hội và quan hệ lợi ích, qua đó làm gia tăng cả yêu cầu lẫn mức độ tham gia của người dân vào quản lý nhà nước ở cơ sở, đặt ra yêu cầu khách quan phải mở rộng không gian dân chủ, bảo đảm tính công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở. Hiện nay, công tác cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia với trọng tâm là xây dựng chính phủ điện tử, chính quyền số và mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia giám sát, phản ánh, kiến nghị nhanh chóng, thuận tiện hơn. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số cũng đặt ra những thách thức to lớn trong vấn đề thực hiện dân chủ cơ sở, bởi sự chênh lệch về khả năng tiếp cận công nghệ và kỹ năng số, nhất là ở khu vực nông thôn, người cao tuổi và các nhóm yếu thế, có thể làm gia tăng bất bình đẳng trong tham gia, dẫn đến nguy cơ “dân chủ số” phát triển nhưng chưa bảo đảm tương xứng với “dân chủ thực chất”. Trên phương diện thể chế, chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, cùng với việc ban hành *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ cho việc chuẩn hóa nội dung, hình thức và cơ chế bảo đảm thực hiện dân chủ. Song, hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng chịu tác động lớn từ năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, mức độ sẵn sàng tham gia của người dân, qua đó đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức thực hiện dân chủ theo hướng thực chất, linh hoạt và phù hợp với các điều kiện phát triển hiện nay.

Ở Thái Bình, những biến đổi sâu sắc về kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới đang tác động trực tiếp, đa chiều đến việc thực hiện dân chủ cơ sở, làm thay đổi phạm vi, nội dung và phương thức phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp - dịch vụ gắn với đô thị hóa, góp phần gia tăng nhu cầu tham gia của người dân vào quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở cơ sở, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến góp phần đa dạng hóa các kênh để người dân thực hiện

quyền giám sát, phản ánh, kiến nghị, tạo tiền đề đổi mới phương thức thực hiện dân chủ cơ sở theo hướng hiện đại và thuận tiện hơn.

Về thuận lợi, trong bối cảnh mới, Thái Bình có nguồn lực để phát triển, tạo điều kiện tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần chuẩn hóa các quy trình công khai, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở. Kinh nghiệm quản lý, trình độ đội ngũ cán bộ và hạ tầng hành chính số góp phần đa dạng hóa hình thức, kênh tham gia của người dân, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công và mở rộng không gian để nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội.

Về thách thức, việc thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình đứng trước những vấn đề mới nảy sinh từ quá trình tái cấu trúc không gian quản trị và tổ chức bộ máy hành chính khi Nhà nước có chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính. Hơn nữa, công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số cũng làm gia tăng khoảng cách giữa yêu cầu mở rộng dân chủ với năng lực thực thi dân chủ ở cấp cơ sở, đặc biệt là khu vực nông thôn. Năng lực số của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, làm nảy sinh nguy cơ “bất bình đẳng trong tham gia dân chủ”, khi một bộ phận người dân không đủ điều kiện hoặc kỹ năng để tiếp cận các kênh tham gia mới, từ đó bị loại trừ một cách thụ động khỏi quá trình ra quyết định ở cơ sở.

Bên cạnh đó, yêu cầu công khai, minh bạch thông tin là những thách thức mới trong bối cảnh hội nhập. Các thông tin về quy hoạch, ngân sách, đầu tư công, sắp xếp cán bộ và cung ứng dịch vụ công trở nên phức tạp hơn cả về nội dung và quy trình công bố. Trong khi đó, cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân ở cấp xã chưa được chuẩn hóa tương xứng, dẫn đến tình trạng công khai còn mang tính hình thức, thiếu tính kịp thời và khả năng kiểm chứng, làm suy giảm vai trò giám sát xã hội, khiến dân chủ cơ sở chưa phát huy đầy đủ giá trị thực chất. Trong quá trình sắp xếp bộ máy hành chính, tinh giản biên chế, một số địa phương có xu hướng ưu tiên tính hiệu quả quản lý hơn là mở rộng không gian đối thoại và tham vấn cộng đồng. Điều này khiến việc tổ chức hội nghị nhân dân, đối thoại trực tiếp, lấy ý kiến

cộng đồng về các vấn đề quan trọng ở cơ sở có lúc, có nơi bị giản lược hoặc thực hiện theo thủ tục, khiến dân chủ cơ sở dễ rơi vào trạng thái “hợp thức hóa quyết định” thay vì là quá trình hình thành quyết định có sự tham gia thực chất của người dân.

Vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ cơ sở cũng chịu sức ép đổi mới mạnh mẽ. Trong bối cảnh chuyển đổi số, mở rộng không gian quản trị, các tổ chức này chủ yếu vận hành theo phương thức truyền thống, thiếu công cụ và kỹ năng để tập hợp, phân tích, phản ánh ý kiến của nhân dân, làm suy giảm vai trò trung gian của các tổ chức quần chúng, khiến mối liên kết giữa chính quyền và nhân dân ở cấp cơ sở chưa được củng cố tương xứng với yêu cầu mới.

Hơn nữa, quá trình phát triển kinh tế - xã hội làm gia tăng nguy cơ phát sinh xung đột lợi ích ở cấp cơ sở, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phân bổ nguồn lực công. Khi các quyết định mang tính chiến lược được đưa ra ở quy mô lớn hơn, nếu không có cơ chế dân chủ cơ sở đủ mạnh để bảo đảm sự tham gia và đồng thuận của cộng đồng dân cư bị tác động trực tiếp, thì nguy cơ khiếu kiện, bất ổn xã hội.

Ngoài ra, việc thiếu các tiêu chí và công cụ đánh giá chất lượng thực hiện dân chủ cơ sở trong bối cảnh mới cũng là thách thức lớn. Việc thực hiện dân chủ hiện nay chủ yếu được đánh giá thông qua mức độ tuân thủ quy trình và văn bản, trong khi chưa chú trọng đầy đủ đến hiệu quả tham gia, mức độ ảnh hưởng của ý kiến người dân đến quyết định công, cũng như khả năng phản hồi và giải trình của chính quyền cơ sở. Sự thiếu vắng các chỉ số đo lường thực chất này khiến dân chủ cơ sở khó được nhận diện đúng như một quá trình quản trị có chất lượng, mà dễ bị giản lược thành một yêu cầu mang tính hình thức.

Trên thực tế, thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong bối cảnh mới chịu tác động đan xen từ nhiều yếu tố, vừa mở ra những điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra nhiều thách thức phức tạp. Những thách thức này không chỉ xuất phát từ yêu cầu đổi mới mô hình quản trị, phương thức tổ chức thực hiện dân chủ, mà còn từ sự chênh lệch về năng lực thực thi ở cấp cơ sở và khả năng bảo đảm sự tham gia thực chất của người dân. Do đó, nhận diện đầy đủ bối cảnh và các vấn đề đặt ra có ý

nghĩa quan trọng, góp phần đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

4.1.2. Quan điểm, định hướng về thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.1.2.1. Bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở trong khuôn khổ pháp luật, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng

Thực hiện dân chủ cơ sở là phương thức cốt lõi nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và củng cố vững chắc mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân - nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ở Thái Bình việc thực hiện dân chủ cơ sở có ý nghĩa thiết thực, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương. Đặc biệt, bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng đang đặt ra nhiều thách thức mới đòi hỏi các cấp ủy Đảng, các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Thái Bình cần đổi mới tư duy và phương pháp tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ không thể tách rời khuôn khổ pháp luật và sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Đây là nguyên tắc cốt lõi, bảo đảm cho dân chủ phát triển đúng định hướng XHCN, gắn với kỷ luật, kỷ cương, tránh tình trạng dân chủ hình thức, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam và gần 40 năm đổi mới đất nước minh chứng dân chủ chỉ được bảo đảm thực chất khi có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và hệ thống pháp luật đồng bộ, chặt chẽ. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước” [39, tr. 84-85]. Vì vậy, cần xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm dân chủ được thực hiện đầy đủ, hiệu quả ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Trong đó, đặc biệt coi trọng “thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở” [41, tr. 173], “thực hành dân chủ trong Đảng gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng” [41, tr. 181].

Quan triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà

nước, trong các kỳ Đại hội Đảng bộ, đặc biệt từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020-2025), Đảng bộ tỉnh Thái Bình xác định rõ quan điểm tiếp tục phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh: “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và cán bộ, đảng viên trong thực hiện công tác dân vận... thực hiện đầy đủ Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Quy chế dân chủ ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”, tạo sự thống nhất và đồng thuận xã hội” [35, tr. 7]. Để cụ thể hóa chủ trương này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện QCDC ở cơ sở và phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Qua đó, xác lập nguyên tắc nhất quán: dân chủ ở cơ sở phải gắn với sự lãnh đạo của Đảng, được triển khai có tổ chức, có kiểm tra, giám sát và trong giới hạn của pháp luật hiện hành.

Cùng với vai trò lãnh đạo của Đảng, hệ thống pháp luật là khuôn khổ pháp lý quan trọng nhằm điều chỉnh và bảo đảm cho việc thực hiện dân chủ không quá giới hạn. Nếu không có pháp luật điều chỉnh, việc thực hiện dân chủ sẽ dễ bị lợi dụng để kích động, chia rẽ, làm suy yếu bộ máy chính quyền và gây mất ổn định trật tự xã hội. Ngược lại, pháp luật nếu không gắn với dân chủ sẽ trở nên hình thức, thiếu tính nhân văn, xa rời đời sống nhân dân. Do đó, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở cần đặt trong mối quan hệ hữu cơ giữa quyền lực nhân dân với tuân thủ pháp luật, giữa phát huy vai trò người dân và trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực thi dân chủ. Thực tế quá trình thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình từ năm 1998 đến năm 2025 cho thấy, việc bảo đảm dân chủ cơ sở trong khuôn khổ pháp luật và dưới sự lãnh đạo của Đảng vừa là nguyên tắc lý luận, vừa là yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn. Để phát huy hiệu quả quan điểm này, Thái Bình cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp; hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường tính nghiêm minh trong thực thi; đồng thời đổi mới phương pháp tổ chức thực hiện

dân chủ theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, lấy sự hài lòng và tham gia thực chất của người dân làm thước đo; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với hình thức phong phú, nội dung sát thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận.

Nhìn chung, việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình trong khuôn khổ pháp luật, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng không chỉ góp phần ổn định về chính trị - xã hội, mà còn là cơ sở cho sự phát triển bền vững, toàn diện của tỉnh trong giai đoạn hiện nay và tương lai. Quan điểm này thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa định hướng chiến lược của Đảng với yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

4.1.2.2. Kết hợp hài hòa giữa dân chủ, pháp chế và kỷ cương, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội

Dân chủ, pháp chế và kỷ cương là ba yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung và điều chỉnh lẫn nhau trong đời sống chính trị - xã hội. Dân chủ tạo điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ. Pháp chế là nền tảng bảo đảm cho dân chủ được thực hiện trong khuôn khổ luật pháp, đúng mục tiêu, đúng đối tượng. Kỷ cương là biểu hiện của sự nghiêm túc trong chấp hành pháp luật, là thước đo hiệu lực, hiệu quả của nền quản lý xã hội dân chủ. Vì vậy, trong xây dựng và thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình, ba yếu tố này phải được đặt trong mối quan hệ thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau.

Ở tỉnh Thái Bình, quan điểm kết hợp hài hòa giữa dân chủ, pháp chế và kỷ cương đã được thể hiện xuyên suốt trong các văn kiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và trong thực tiễn triển khai tại cơ sở. Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020-2025), một trong những trọng tâm được xác định là “phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân” [35, tr. 4]; “nâng cao năng lực, hiệu lực hiệu quả và kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp” [35, tr. 8]. Quan điểm này đã được cụ thể hóa trong nhiều chủ trương, chính sách của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với vấn đề đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Trên thực tế, việc phát huy dân chủ cơ sở ở Thái Bình thời gian qua đã góp phần tạo động lực cho các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng đời sống

nhân dân và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Nhiều xã, phường tổ chức thành công các hội nghị đối thoại định kỳ, tạo kênh lắng nghe và phản hồi trực tiếp giữa người dân với chính quyền. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng xuất hiện các biểu hiện vi phạm pháp luật, tình trạng phát ngôn tự do trên mạng xã hội gây ảnh hưởng đến uy tín tổ chức và cá nhân do quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa minh bạch. Điều này cho thấy nếu dân chủ không đi đôi với pháp chế và kỷ cương thì không chỉ ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định xã hội ở địa phương. Do đó, việc thực hiện quan điểm kết hợp hài hòa giữa dân chủ, pháp chế và kỷ cương là hướng đi đúng đắn, bảo đảm phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Trong thời gian tới, Thái Bình cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát và phản biện xã hội nhằm bảo đảm tiếng nói của người dân được lắng nghe, đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ. Đồng thời, cần xây dựng và áp dụng các chế tài, cơ chế kiểm tra chặt chẽ nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về mối quan hệ giữa dân chủ và pháp luật, giữa quyền và nghĩa vụ công dân.

Về mặt pháp lý, các văn bản như Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo... tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc thực thi dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, khoảng cách giữa luật pháp và thực tiễn vẫn còn khá lớn. Đây là những hạn chế cần được khắc phục thông qua tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ cơ sở. Mặt khác, cần phát huy hơn nữa vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân, giám sát các hoạt động của chính quyền địa phương.

Từ năm 1998 đến năm 2025, việc kết hợp hài hòa giữa dân chủ, pháp chế và kỷ cương đã mang lại những kết quả tích cực bước đầu cho tỉnh Thái Bình. Tỷ lệ người dân tham gia vào các cuộc họp dân cư tăng lên hàng năm, tình trạng đơn thư khiếu nại vượt cấp giảm rõ rệt, bộ máy chính quyền cơ sở hoạt động ngày càng hiệu quả, minh bạch hơn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn một số cán bộ còn

có tâm lý e dè, sợ trách nhiệm, một bộ phận người dân lại có xu hướng đòi hỏi vượt quá khuôn khổ pháp luật cho phép. Vì vậy, Thái Bình cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường trách nhiệm giải trình, đổi mới phương pháp tiếp cận dân chủ theo hướng thực chất và bền vững.

Nhìn chung, quan điểm kết hợp hài hòa giữa dân chủ, pháp chế và kỷ cương là một định hướng chiến lược có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm chính trị - văn hóa của tỉnh Thái Bình. Quan điểm vừa góp phần ổn định chính trị - xã hội, vừa tạo tiền đề xây dựng một nền quản trị hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, thực sự vì nhân dân phục vụ. Việc cụ thể hóa và triển khai đồng bộ quan điểm này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dân chủ cơ sở, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, từ đó tạo động lực mới cho sự phát triển toàn diện, bền vững của địa phương trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

4.1.2.3. Gắn thực hiện dân chủ cơ sở với chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ và xu thế chuyển đổi số lan tỏa sâu rộng trên toàn cầu, việc gắn thực hiện dân chủ cơ sở với chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân là một định hướng có tính đột phá, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đây vừa là yêu cầu mang tính thời đại, vừa là sự lựa chọn phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh Thái Bình trong quá trình chuyển mình từ nền nông nghiệp truyền thống sang phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Quan điểm này có ý nghĩa thiết thực, nhằm khắc phục những rào cản hành chính, giảm bớt các khâu trung gian, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, từ đó củng cố niềm tin của nhân dân vào chính quyền địa phương và vào Đảng, Nhà nước.

Trong những năm gần đây, tỉnh Thái Bình xác định chuyển đổi số và cải cách hành chính là hai trụ cột quan trọng để nâng cao chất lượng quản trị địa phương, đồng thời thúc đẩy việc thực hiện dân chủ ở cơ sở theo hướng thực chất. Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm

2025, định hướng đến năm 2030” nêu rõ mục tiêu: “Xây dựng, phát triển các hệ thống ứng dụng công nghệ số, nền tảng hạ tầng số của tỉnh, trọng tâm là xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số... tạo ra các giá trị mới cho xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và khơi dậy khát vọng bứt phá vươn lên, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao” [164, tr. 2]. Trên cơ sở đó, Thái Bình triển khai hàng loạt các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, đồng thời tạo ra cơ hội mở rộng không gian dân chủ thông qua ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và tương tác hai chiều giữa chính quyền với nhân dân.

Song song với việc thúc đẩy chuyển đổi số, Thái Bình cần nỗ lực xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân. Đây là mục tiêu cốt lõi, xuyên suốt của cải cách hành chính và là biểu hiện sinh động của dân chủ cơ sở. Bởi vì, chính quyền vừa là chủ thể quản lý, vừa là người phục vụ, đồng hành với nhân dân trong mọi hoạt động. Để phát huy hiệu quả quan điểm này, Thái Bình cần chú trọng xây dựng cơ chế khuyến khích sự tham gia chủ động, tích cực của người dân vào quá trình xây dựng chính sách, giám sát hoạt động công quyền thông qua các công cụ số và thể chế dân chủ đại diện. Đồng thời, chú trọng phát triển đồng bộ hạ tầng số, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa các cấp chính quyền, giữa chính quyền và người dân, hướng tới chính quyền số thực sự hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, minh bạch hóa quy trình, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ chu trình dịch vụ công; nâng cao năng lực số, kỹ năng sử dụng công nghệ của cán bộ, công chức và người dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn. Đặc biệt, cần chú trọng xây dựng văn hóa công vụ dựa trên tinh thần phục vụ, thân thiện, trách nhiệm và tận tụy với nhân dân. Những nội dung này cần được thể chế hóa trong các chương trình hành động cụ thể, được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của tỉnh.

Như vậy, quan điểm gắn thực hiện dân chủ cơ sở với chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân là định hướng phù

hợp, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Thái Bình. Quan điểm này không chỉ mở rộng phạm vi thực hiện dân chủ, mà còn tạo môi trường hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng sống của nhân dân và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp. Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, Thái Bình cần tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, phương thức quản trị, từ đó đưa dân chủ cơ sở thực sự trở thành động lực phát triển bền vững, hài hòa, toàn diện của địa phương.

4.1.2.4. Phát huy vai trò chủ thể của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, thực hiện dân chủ cơ sở vừa là yêu cầu tất yếu về chính trị, pháp lý, vừa là phương thức hiệu quả để phát huy sức mạnh toàn dân, huy động mọi nguồn lực vào sự nghiệp phát triển đất nước và địa phương. Trong đó, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở là “hạt nhân” bảo đảm dân chủ thực chất, bền vững. Tại Thái Bình, việc phát huy vai trò của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ cơ sở góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của chính quyền các cấp.

Trên thực tế, nhân dân vừa là chủ thể của quyền lực nhà nước, vừa là người trực tiếp thực hiện và giám sát việc thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở. Khi được trao quyền, tạo điều kiện và khích lệ đúng mức, nhân dân sẽ tích cực tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng của nhân dân, Đảng bộ tỉnh Thái Bình đề ra mục tiêu: “Phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo, vai trò làm chủ của người dân theo phương châm “Dân cần - dân biết - dân bàn - dân làm - dân giám sát - dân thụ hưởng” [163, tr. 3]. Đây là mục tiêu phản ánh đúng bản chất dân chủ XHCN, đồng thời phản ánh yêu cầu nâng cao hiệu quả dân chủ cơ sở gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của Thái Bình trong bối cảnh mới. Như vậy, phát

huy vai trò của nhân dân vừa là điều kiện bảo đảm cho dân chủ cơ sở được thực thi đúng đắn, đầy đủ và hiệu quả, vừa là phương thức để nâng cao chất lượng quản trị xã hội, thúc đẩy sự phát triển bền vững của Thái Bình trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng hiện đại, số hóa và toàn diện hơn.

Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị - xã hội như: MTTQ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên... giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thực hiện dân chủ cơ sở. Các tổ chức này vừa là chủ thể đồng hành, hỗ trợ nhân dân thực hiện quyền làm chủ và giám sát quyền lực nhà nước ở cơ sở; vừa trực tiếp tham gia vận động, tuyên truyền, tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; vừa là “cầu nối” giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh Thái Bình đặc biệt coi trọng, “phát huy vai trò, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tập hợp, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, phát triển thành phố; thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội” [165, tr. 7].

Như vậy, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở là quan điểm nhất quán, xuyên suốt và phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh Thái Bình trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là phương thức để mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, mà còn là yếu tố cốt lõi để xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả. Việc triển khai quan điểm này cần được đặt trong chiến lược tổng thể phát triển của tỉnh, có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, lấy người dân làm trung tâm, đồng thời nâng cao năng lực, trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là ở cơ sở.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình

4.2.1. Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong thực hiện dân chủ cơ sở

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, dân chủ cơ sở vừa là phương thức tổ chức và hoạt động đặc trưng của hệ thống chính trị, vừa là cơ sở bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, bối cảnh

toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng đang đặt ra nhiều thách thức mới cho việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Thái Bình. Trong đó, thách thức lớn nhất là quá trình chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đòi hỏi mô hình quản trị phải công khai, minh bạch, lấy người dân làm trung tâm. Hơn nữa, sự phân hóa lợi ích xã hội, áp lực từ tốc độ đô thị hóa, dịch chuyển cơ cấu lao động và nhu cầu tham gia ngày càng cao của người dân trong đời sống chính trị - xã hội đòi hỏi cấp ủy, chính quyền các cấp phải không ngừng đổi mới tư duy lãnh đạo, phương thức điều hành, bảo đảm thực chất các quyền dân chủ của nhân dân. Trong bối cảnh đó, Thái Bình cần phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và tăng cường hiệu quả sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở. Để phát huy hiệu quả giải pháp này, Thái Bình cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức chính trị và trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện dân chủ cơ sở trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vai trò, vị trí và ý nghĩa của dân chủ cơ sở là tiền đề quan trọng để cấp ủy, chính quyền các cấp chủ động, tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của QCDC ở cơ sở. Để nâng cao nhận thức chính trị và trách nhiệm của hệ thống chính trị các cấp, tỉnh Thái Bình cần tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng lý luận về dân chủ cơ sở cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thông qua các lớp tập huấn chuyên đề, các chương trình đào tạo thường xuyên và lồng ghép trong các nội dung đào tạo chính trị của hệ thống chính trị. Đồng thời, cần đưa nội dung thực hiện dân chủ cơ sở trở thành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, qua đó tạo động lực và ràng buộc trách nhiệm rõ ràng, thực chất hơn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở, lấy đó làm chuẩn mực để nâng cao tính gương mẫu và tinh thần trách nhiệm trong toàn hệ thống chính trị. Ngoài ra, cần tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền sâu rộng về vai trò, giá

trị và nội dung của việc thực hiện dân chủ cơ sở gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo sự lan tỏa nhận thức trong toàn xã hội, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương.

Thứ hai, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền theo hướng tăng tính chủ động, linh hoạt, thực chất và hiệu quả

Trước hết, cấp ủy, chính quyền các cấp tại địa phương cần phải thay đổi tư duy từ “quản lý” sang tư duy “phục vụ”, trong đó trọng tâm là đổi mới nội dung, quy trình và cách thức ra quyết định theo hướng dân chủ, minh bạch, sát thực tiễn và gắn với nhu cầu chính đáng của nhân dân. Đồng thời, cần phát huy dân chủ trong nội bộ các tổ chức Đảng và chính quyền, bảo đảm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đề cao vai trò phản biện và tranh luận dân chủ trong quá trình xây dựng và triển khai các chủ trương, quyết sách có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của nhân dân. Bên cạnh đó, cần thực hiện nghiêm túc, thực chất các cơ chế đối thoại định kỳ giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân, nhằm tạo không gian trao đổi cởi mở, tiếp nhận trực tiếp những phản ánh, kiến nghị từ cơ sở, đồng thời xác lập trách nhiệm giải trình rõ ràng sau đối thoại. Ngoài ra, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cũng cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lãnh đạo, điều hành và quản trị xã hội, qua đó vừa nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của chính quyền, vừa mở rộng khả năng tiếp cận thông tin và tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định. Nhìn chung, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng chủ động, linh hoạt, thực chất và hiệu quả vừa góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, năng lực quản lý của chính quyền, vừa tạo dựng niềm tin, sự đồng thuận xã hội, qua đó thúc đẩy thực hiện dân chủ cơ sở đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện dân chủ cơ sở.

Kiểm tra, giám sát là khâu then chốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở, góp phần bảo đảm cho các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và QCDC ở cơ sở được thực hiện đồng bộ, nghiêm

túc, thực chất. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cấp ủy, chính quyền các cấp tại Thái Bình cần xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể, bài bản, gắn với từng nội dung của QCDC, đồng thời phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nội dung cần kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra, cần kết hợp giữa kiểm tra nội bộ với giám sát độc lập từ các tổ chức chính trị - xã hội, MTTQ và nhân dân nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện và phản ánh đúng thực tiễn. Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp kiểm tra theo hướng tăng cường tiếp cận thực tế, lắng nghe ý kiến nhân dân, cán bộ cơ sở, phát hiện sớm những biểu hiện vi phạm, lệch lạc, hình thức trong thực hiện dân chủ. Trên cơ sở đó, xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi vi phạm quy chế dân chủ, hoặc cản trở quyền làm chủ của nhân dân. Đồng thời, chú trọng công khai kết luận kiểm tra, kết quả giám sát và quá trình khắc phục hạn chế, tạo điều kiện để nhân dân theo dõi, giám sát ngược trở lại đối với các chủ thể có trách nhiệm. Ngoài ra, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, giám sát như: xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi việc thực hiện dân chủ ở từng đơn vị cơ sở; áp dụng công cụ phản ánh trực tuyến, khảo sát mức độ hài lòng của người dân, từ đó cung cấp thêm kênh đánh giá khách quan và nâng cao hiệu quả giám sát.

Tóm lại, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát là giải pháp có ý nghĩa quan trọng góp phần bảo đảm cho dân chủ cơ sở được thực hiện đúng định hướng, đúng pháp luật, từ đó nâng cao hiệu quả quản trị địa phương, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh và thực sự của dân, do dân, vì dân.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số và xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân

Trong tiến trình hội nhập quốc tế và chuyển đổi số quốc gia, cải cách hành chính vừa là yêu cầu khách quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước, vừa là nền tảng quan trọng để thực thi dân chủ cơ sở thực chất, bền vững. Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số cho phép thu hẹp khoảng cách giữa chính quyền và người dân, tăng cường minh bạch hóa thông tin, nâng cao trách nhiệm giải trình

và khả năng tiếp cận các dịch vụ công, qua đó tạo điều kiện để người dân phát huy quyền làm chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cần đổi mới tư duy và phương thức quản trị theo hướng kiến tạo, hành động, tăng cường tương tác, đối thoại giữa chính quyền và nhân dân thông qua các nền tảng số, ứng dụng trực tuyến, hệ thống tiếp nhận phản ánh và đo lường mức độ hài lòng của người dân. Đồng thời, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm các khâu trung gian, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, nhất là ở cấp xã; nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức từ cấp cơ sở thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ thông tin, kỹ năng phục vụ công dân, kỹ năng truyền thông chính sách và xử lý phản hồi xã hội.

Bên cạnh đó, Thái Bình cần xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân gắn với đổi mới lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên nghiệp, tận tụy, lắng nghe và đồng hành với nhân dân. Cần đưa “thái độ phục vụ” và “mức độ hài lòng của người dân” trở thành tiêu chí đánh giá chất lượng hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua, khen thưởng hàng năm của cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu. Ngoài ra, việc hoàn thiện các nền tảng dữ liệu số dùng chung, liên thông trong hệ thống chính trị cũng là điều kiện quan trọng để giảm bớt thủ tục chồng chéo, giúp người dân tiếp cận thông tin và thực hiện quyền giám sát một cách hiệu quả hơn.

4.2.2. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ cơ sở

Giám sát và phản biện xã hội là một trong những hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và gián tiếp của nhân dân, góp phần bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân theo tinh thần Hiến pháp và các nghị quyết của Đảng. Thực hiện tốt giám sát và phản biện xã hội vừa là công cụ kiểm soát quyền lực hiệu quả, vừa là động lực để xây dựng một nền hành chính dân chủ, minh bạch, có trách nhiệm giải trình, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của địa phương trên nền tảng lấy người dân làm trung tâm. Vì vậy, để phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội trong thực hiện dân chủ cơ sở, Thái Bình cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Một là, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến giám sát và

phản biện xã hội

Hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật liên quan đến giám sát và phản biện xã hội là giải pháp mang tính đột phá, góp phần tạo hành lang pháp lý đầy đủ, minh bạch, cụ thể để các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân phát huy quyền dân chủ thực chất, hiệu quả hơn. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, Thái Bình cần tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến giám sát, phản biện xã hội theo hướng đồng bộ, cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện. Đồng thời, cần quy định rõ phạm vi, nội dung, hình thức, quy trình thực hiện giám sát, phản biện xã hội của từng loại hình tổ chức, từng cấp chính quyền; xác định cụ thể trách nhiệm phản hồi, tiếp thu, giải trình của cơ quan bị giám sát, phản biện. Đây là điều kiện cần thiết để tránh tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc biến giám sát, phản biện thành thủ tục hình thức. Bên cạnh đó, cần thể chế hóa rõ ràng trách nhiệm tiếp thu, giải trình của các cơ quan Nhà nước, đặc biệt là ở cấp cơ sở, đối với các kiến nghị, đề xuất trong quá trình giám sát, phản biện; chú trọng xây dựng cơ chế đảm bảo quyền tiếp cận thông tin cho người dân và các tổ chức xã hội. Trong đó, cần quy định rõ trách nhiệm công khai, minh bạch hóa thông tin của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là thông tin về quy hoạch, đầu tư, ngân sách, đấu thầu, tuyển dụng công chức, cán bộ, các chương trình, dự án có liên quan đến đời sống nhân dân. Hơn nữa, Thái Bình cũng cần xác lập cơ chế phối hợp rõ ràng giữa cấp ủy, chính quyền với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động giám sát, phản biện. Việc phân định rạch ròi giữa lãnh đạo, quản lý và giám sát, phản biện cần được thể hiện qua quy chế phối hợp cụ thể, tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi” hoặc “khoán trắng” cho một tổ chức, cơ quan, đơn vị mà không có sự hỗ trợ về tài chính, con người, thông tin. Đồng thời, cần hoàn thiện các quy định liên quan đến nguồn lực phục vụ hoạt động giám sát, phản biện xã hội, nhất là cơ chế tài chính, nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn. Hiện nay, phần lớn các tổ chức tham gia giám sát, phản biện đều gặp khó khăn về nguồn lực, đội ngũ cán bộ thường kiêm nhiệm, thiếu kỹ năng, thiếu thời gian và thiếu phương tiện làm việc. Do đó, việc thiết lập cơ chế hỗ trợ tài chính ổn định, lâu dài cho hoạt động này là đi cần thiết để đảm bảo chất lượng, tính chuyên

nghiệp và hiệu lực của các hoạt động giám sát, phản biện tại cơ sở.

Hai là, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ cơ sở vừa là yêu cầu về lý luận và pháp lý, vừa là đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn đổi mới phương thức lãnh đạo và quản trị xã hội hiện nay. Để giải pháp này phát huy hiệu quả, Thái Bình cần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về giám sát và phản biện xã hội cho đội ngũ cán bộ MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, đặc biệt ở cấp xã. Bên cạnh đó, Thái Bình cần củng cố bộ máy tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận, đoàn thể các cấp. Một trong những điểm nghẽn trong thực hiện dân chủ cơ sở hiện nay là sự thiếu ổn định về nhân sự, trình độ chuyên môn còn chênh lệch giữa các địa bàn, nhất là ở cấp xã, nơi phần lớn cán bộ Mặt trận kiêm nhiệm, tuổi cao, sức yếu hoặc thiếu động lực cống hiến. Vì vậy, tỉnh cần có chính sách kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp hóa, bố trí cán bộ chuyên trách có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, am hiểu thực tiễn và có khả năng tổ chức hoạt động giám sát, phản biện cả về chiều rộng và chiều sâu. Ngoài ra, cần có cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm, luân chuyển và đánh giá cán bộ theo hướng cạnh tranh công bằng, minh bạch, gắn trách nhiệm với kết quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Chỉ khi đội ngũ cán bộ có trình độ, tâm huyết và được trang bị đầy đủ công cụ pháp lý, họ mới có thể chủ động tham gia hiệu quả vào quá trình giám sát, phản biện, phát huy được vai trò trong xây dựng chính quyền phục vụ nhân dân. Ngoài ra, tỉnh cần xây dựng cơ chế phối hợp chính thức giữa MTTQ với các tổ chức như Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên... trong từng chủ đề giám sát cụ thể, trên cơ sở phân công rõ vai trò, trách nhiệm, chia sẻ thông tin, phối hợp hành động và cùng tổ chức đối thoại, kiến nghị chính sách. Sự phối hợp đa ngành, đa chiều này sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, nâng cao uy tín và tính thuyết phục của các kiến nghị, từ đó tăng khả năng chính quyền tiếp thu, điều chỉnh chính sách.

Ba là, đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò của giám sát,

phản biện xã hội

Đây là giải pháp nền tảng nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nâng cao nhận thức và năng lực tham gia của người dân trong quá trình giám sát, phản biện xã hội, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, trước hết, Thái Bình cần xây dựng và triển khai các chiến lược truyền thông đồng bộ, đa kênh, đa dạng hình thức phù hợp với đặc điểm văn hóa, trình độ dân trí và cơ cấu dân cư của địa phương. Có thể sử dụng các hình thức tuyên truyền trực tiếp qua các buổi hội nghị, tập huấn, diễn đàn đối thoại dân chủ; phát hành tài liệu phổ biến pháp luật, chính sách liên quan đến giám sát và phản biện xã hội hoặc sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí địa phương, đài phát thanh - truyền hình, mạng xã hội, trang thông tin điện tử của các cơ quan Mặt trận và tổ chức đoàn thể để lan tỏa thông tin. Việc lựa chọn nội dung truyền thông cần tập trung vào việc làm rõ khái niệm, vai trò, quyền và trách nhiệm của người dân, Mặt trận và các đoàn thể trong giám sát, phản biện; giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, kinh nghiệm thực tiễn thành công để khích lệ, tạo động lực cho sự tham gia. Bên cạnh đó, tỉnh cần tổ chức thường xuyên các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân chủ cơ sở, giám sát và phản biện xã hội gắn với các sự kiện chính trị, ngày hội văn hóa dân gian, hoặc các dịp đặc biệt nhằm thu hút sự chú ý và tham gia của đông đảo quần chúng. Việc thiết kế chương trình truyền thông phải đảm bảo tính tương tác cao, tạo điều kiện cho người dân được phát biểu, bày tỏ quan điểm và tham gia trực tiếp, giúp nâng cao hiệu quả và sức thuyết phục của thông điệp truyền tải. Cùng với đó, cần phát huy vai trò của các cán bộ tuyên truyền viên, người có uy tín trong cộng đồng như trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận, bí thư chi bộ, để họ trở thành những “đại sứ” truyền thông lan tỏa giá trị và tầm quan trọng của giám sát, phản biện xã hội. Ngoài ra, tỉnh cần xây dựng cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, phản biện xã hội. Bởi vì, truyền thông không chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức, mà phải hướng tới hành động cụ thể, tạo môi trường thuận lợi để mọi người cảm thấy được tôn trọng, bảo vệ quyền lợi và có trách nhiệm tham gia. Các cấp chính quyền cần phối hợp với MTTQ và các

tổ chức đoàn thể để thiết lập các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, đồng thời công khai kết quả giải quyết nhằm củng cố niềm tin của nhân dân và thúc đẩy sự chủ động trong các hoạt động giám sát.

4.2.3. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức thực hiện dân chủ cơ sở phù hợp với thực tiễn địa phương

Đổi mới nội dung và hình thức thực hiện dân chủ cơ sở phù hợp với thực tiễn địa phương có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Quá trình này góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đồng thời, bảo đảm ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại địa phương. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, Thái Bình cần tập trung triển khai một số nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, đổi mới nội dung thực hiện dân chủ cơ sở theo hướng thực chất, cụ thể và gắn với nhu cầu thiết thực của nhân dân

Trước hết, cần đổi mới nội dung thực hiện dân chủ cơ sở theo hướng thực chất, cụ thể và gắn với nhu cầu thiết thực của nhân dân. Đây vừa là yêu cầu khách quan xuất phát từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vừa là điều kiện tiên quyết để xây dựng chính quyền thân thiện, minh bạch, hướng tới phục vụ nhân dân. Chỉ khi nội dung dân chủ thực sự đi vào đời sống, phản ánh được lợi ích sát sườn của người dân thì lòng tin vào Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị mới được củng cố vững chắc và bền lâu. Bên cạnh đó, Thái Bình cần đa dạng hóa và cụ thể hóa các nội dung dân chủ theo từng lĩnh vực, nhóm đối tượng và địa bàn; cần xác định rõ những vấn đề người dân có quyền được biết, được bàn, được giám sát, từ đó xây dựng bộ tiêu chí cụ thể gắn với từng loại hình cơ sở (xã, phường, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp...). Đồng thời, mở rộng nội dung dân chủ bao gồm cả quyền tham gia giám sát, phản biện, đề xuất và đồng hành trong toàn bộ quá trình hoạch định và thực hiện chính sách ở cơ sở; kịp thời bổ sung các nội dung mới phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững như phản biện xã hội đối với các chương trình chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, công tác an sinh xã hội, bình đẳng

giới, phòng chống bạo lực gia đình... Việc cụ thể hóa các nội dung này cần gắn chặt với quyền lợi của người dân, bảo đảm tính dễ hiểu, dễ tiếp cận và dễ thực hiện với người dân. Ngoài ra, để bảo đảm dân chủ thực chất, tránh hình thức, tỉnh cần thể chế hóa trách nhiệm phản hồi, giải trình của chính quyền đối với các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng” trong thực tiễn quản lý nhà nước tại cơ sở.

Thứ hai, đổi mới hình thức thực hiện dân chủ cơ sở theo hướng đa dạng, linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và gián tiếp, giữa truyền thống và hiện đại

Đổi mới hình thức thực hiện dân chủ cơ sở là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao tính thực chất, hiệu quả và khả năng tiếp cận của người dân đối với quyền làm chủ trong bối cảnh hiện nay. Để thực hiện mục tiêu đó, Thái Bình cần đa dạng hóa hình thức thực hiện dân chủ theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ dân trí của từng địa phương. Bên cạnh các hình thức dân chủ trực tiếp như họp dân, hội nghị cử tri, lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cần mở rộng các hình thức dân chủ gián tiếp thông qua hoạt động của đại biểu dân cử, ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc kết hợp hài hòa giữa dân chủ trực tiếp và gián tiếp sẽ giúp bảo đảm tính toàn diện, khắc phục những hạn chế của từng hình thức riêng lẻ. Đồng thời, tỉnh cũng cần kết hợp hiệu quả giữa phương thức truyền thống và hiện đại trong tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở. Các phương thức truyền thống như niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, phát thanh truyền thanh cơ sở, tổ chức đối thoại trực tiếp vẫn có vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin đến người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa quy trình thực hiện dân chủ thông qua các nền tảng trực tuyến như cổng thông tin điện tử cấp xã, mạng xã hội chính quyền, phần mềm lấy ý kiến nhân dân và các kênh phản ánh trực tuyến. Đây là hướng đi quan trọng nhằm mở rộng không gian dân chủ, tiết kiệm chi phí, thời gian và tạo điều kiện cho người dân tham gia mọi lúc, mọi nơi.

Bên cạnh đó, Thái Bình cần nâng cao chất lượng đối thoại, tham vấn và phản

biện xã hội theo hướng thực chất, có chuẩn bị, có tổng hợp kết quả và phản hồi cụ thể. Các cuộc tiếp xúc cử tri, hội nghị đối thoại giữa chính quyền với nhân dân cần đổi mới về nội dung, cách thức tổ chức, bảo đảm không khí dân chủ, cởi mở, có định hướng thảo luận rõ ràng và cam kết thực hiện, giải trình. Đồng thời, cần phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức các diễn đàn phản biện chính sách ngay từ khâu dự thảo, nhằm tạo ra các kênh tham gia dân chủ có chiều sâu, gắn với quá trình hoạch định chính sách. Ngoài ra, tỉnh cần xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện dân chủ theo hình thức trực tiếp và gián tiếp, bảo đảm tính công khai, minh bạch, có kiểm tra và đánh giá định kỳ. Cần thiết lập các hệ thống báo cáo, đánh giá thực hiện dân chủ theo từng hình thức cụ thể, có sự tham gia của người dân và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở. Đồng thời, khuyến khích áp dụng các công cụ đánh giá nhanh sự hài lòng của người dân sau các hoạt động dân chủ như lấy ý kiến, đối thoại, phản biện, nhằm điều chỉnh phương thức thực hiện cho phù hợp.

Thứ ba, thể chế hóa các nội dung dân chủ mới trong quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật tại địa phương

Thể chế hóa các nội dung dân chủ mới trong quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật tại địa phương là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng quản trị nhà nước, thúc đẩy sự tham gia thực chất của nhân dân và tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền. Để thực hiện hiệu quả mục tiêu này, Thái Bình cần bổ sung và hoàn thiện khung pháp lý về thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm phản ánh đầy đủ các nội dung dân chủ mới phù hợp với yêu cầu phát triển hiện nay; tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc thực hiện quyền tham gia, giám sát, phản biện xã hội của người dân trong các giai đoạn từ xây dựng đến triển khai chính sách. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm và cơ chế tổ chức tham vấn, lấy ý kiến nhân dân trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật tại địa phương; cần thiết lập quy trình bắt buộc đối với các cơ quan soạn thảo và ban hành văn bản chính sách ở địa phương

trong việc công khai dự thảo, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, tổng hợp và công bố kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật. Việc thể chế hóa quy trình tham vấn phải gắn với chế tài cụ thể để bảo đảm tính nghiêm túc và hiệu quả. Trong quá trình thể chế hóa cơ chế giải trình, phản hồi cần bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, có trách nhiệm. Cơ quan ban hành chính sách cần công khai các nội dung tiếp thu, chỉnh lý từ ý kiến người dân; đồng thời thiết lập cơ chế phản hồi trực tiếp những ý kiến chưa được tiếp thu, bảo đảm tôn trọng quyền góp ý và tăng cường đối thoại hai chiều giữa chính quyền với nhân dân. Ngoài ra, tinh cần lòng ghép các nội dung dân chủ mới vào quy trình theo dõi, đánh giá thực hiện chính sách, pháp luật tại địa phương; cần thể chế hóa vai trò giám sát của nhân dân và các tổ chức xã hội trong khâu đánh giá chính sách, bảo đảm có các kênh phản ánh độc lập, khách quan, giúp chính quyền địa phương kịp thời điều chỉnh các chính sách không còn phù hợp, phát hiện các khoảng trống pháp lý và nâng cao năng lực thực thi chính sách trên thực tế.

Thứ tư, thiết lập và duy trì cơ chế đối thoại định kỳ giữa chính quyền, cấp ủy với nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở

Đây giải pháp trọng tâm nhằm bảo đảm thực hiện dân chủ thực chất, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đồng thời phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển địa phương. Bởi vì, đối thoại vừa là kênh thông tin hai chiều giữa chính quyền và nhân dân, vừa là công cụ quan trọng để phòng ngừa, giải quyết xung đột, khơi dậy tinh thần đồng thuận xã hội, từ đó củng cố niềm tin vào hệ thống chính trị. Vì vậy, Thái Bình cần chú trọng thể chế hóa cơ chế đối thoại định kỳ thành các quy định bắt buộc trong quy trình quản trị của cấp ủy, chính quyền cơ sở. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch đối thoại thường niên hoặc theo chuyên đề cụ thể gắn với các lĩnh vực dân sinh bức thiết như đất đai, môi trường, an sinh xã hội, quy hoạch phát triển, giải phóng mặt bằng... Mỗi cuộc đối thoại cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, thành phần tham dự, phương thức tổ chức và cách thức tiếp nhận, phản hồi các kiến nghị của người dân. Chính quyền cần chủ động lựa chọn những vấn đề đang gây bức xúc trong nhân dân hoặc các nội dung cần sự đồng thuận cao để

làm chủ đề đối thoại, qua đó thể hiện tinh thần cầu thị, lắng nghe và trách nhiệm giải trình. Bên cạnh đó, để cơ chế đối thoại đi vào thực chất, cần đa dạng hóa hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện cụ thể ở cơ sở. Bên cạnh các hội nghị đối thoại truyền thống, có thể tổ chức các diễn đàn trực tuyến, tọa đàm chuyên đề, tiếp xúc cử tri theo nhóm đối tượng hoặc ngành, lĩnh vực. Ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, hệ thống chính quyền điện tử vào việc tổ chức đối thoại sẽ giúp tăng cường tiếp cận, thu hút sự tham gia rộng rãi, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Tuy nhiên, việc lựa chọn hình thức cần bảo đảm tính gần dân, dễ tiếp cận, không hình thức và phải phù hợp với trình độ, tập quán và nhu cầu của người dân ở địa phương. Ngoài ra, để đối thoại trở thành cơ chế thường xuyên, hiệu quả và có sức lan tỏa, cần thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện sau mỗi cuộc đối thoại. Cần công khai hóa các nội dung tiếp thu, phản hồi, các giải pháp xử lý, phân công trách nhiệm rõ ràng và giám sát việc thực hiện cam kết của chính quyền sau đối thoại. Việc bảo đảm thông tin minh bạch và phản hồi có trách nhiệm không chỉ củng cố lòng tin của nhân dân mà còn khuyến khích người dân mạnh dạn bày tỏ chính kiến, đóng góp xây dựng chính quyền. Đồng thời, qua quá trình đối thoại định kỳ, chính quyền các cấp sẽ tích lũy được những bài học kinh nghiệm quý báu, từ đó hoàn thiện phương thức lãnh đạo, quản lý phù hợp hơn với thực tiễn phát triển địa phương.

4.2.4. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở

Hiện nay, Thái Bình đang tích cực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm như xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển chính quyền số, cải cách hành chính... Thực trạng đó đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải cao chất lượng và hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở. Để việc thực hiện dân chủ cơ sở thực đi vào chiều sâu, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, cần phải bảo đảm đầy đủ và đồng bộ các điều kiện cần thiết bao gồm: hệ thống thể chế pháp lý rõ ràng, minh bạch; đội ngũ cán bộ có năng lực, bản lĩnh và tâm huyết; nguồn lực tài chính ổn định; cùng với hạ tầng kỹ thuật và công nghệ phù hợp. Đây là những điều kiện giữ vai trò quyết định hiệu lực và hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nếu thiếu một trong những điều kiện trên, việc thực hiện dân chủ sẽ mang tính hình thức, xa rời thực tiễn đời sống xã hội, khó phát huy vai trò

làm chủ của nhân dân trong quản lý, giám sát chính quyền cơ sở. Do đó, để thực hiện hiệu quả giải pháp này, Thái Bình cần triển khai đồng bộ các nội dung trọng tâm sau:

Một là, hoàn thiện thể chế và văn bản hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở

Hoàn thiện thể chế và văn bản hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình là yêu cầu cấp thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong tình hình mới. Do đó, cần tập trung rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống thể chế, hướng dẫn theo hướng đồng bộ, dễ hiểu, dễ thực hiện, đồng thời tạo hành lang pháp lý rõ ràng để các chủ thể thực hiện dân chủ một cách thực chất và hiệu quả. Đồng thời, cần tiến hành tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn liên ngành liên quan đến dân chủ cơ sở tại Thái Bình trong thời gian qua. Thông qua đó, làm rõ những nội dung còn thiếu, còn chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn quản trị địa phương, đặc biệt là ở cấp xã, phường, thị trấn và trong các tổ chức, đơn vị như doanh nghiệp, hợp tác xã, trường học, bệnh viện công lập... Trên cơ sở kết quả đánh giá, kiến nghị các bộ, ngành Trung ương điều chỉnh hoặc ban hành mới các văn bản dưới luật, đồng thời tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định và kế hoạch tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở sát với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Bên cạnh đó, cần cụ thể hóa các nội dung dân chủ phù hợp với từng loại hình cơ sở và từng nhóm đối tượng. Điều này đòi hỏi việc xây dựng các bộ tiêu chí, quy trình, biểu mẫu và hướng dẫn thực hiện phải rõ ràng, minh bạch, dễ tiếp cận và được triển khai đồng bộ đến từng cấp chính quyền. Ngoài ra, việc thể chế hóa cần đảm bảo nguyên tắc gắn với các cơ chế bảo vệ quyền dân chủ và chế tài xử lý các hành vi vi phạm. Trong thực tế, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng dân chủ hình thức là do thiếu cơ chế ràng buộc trách nhiệm và cơ chế xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện. Do đó, cần bổ sung vào hệ thống văn bản các quy định về trách nhiệm giải trình của chính quyền, các cán bộ công chức trong việc tiếp nhận, xử lý, phản hồi kiến nghị, góp ý của người dân; đồng thời quy định rõ các chế tài xử lý vi phạm đối với những trường hợp không công khai minh bạch thông tin, né tránh đối thoại, hoặc

cản trở quyền tham gia của nhân dân.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các văn bản hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh cần được cập nhật các nội dung mới về dân chủ điện tử, dân chủ trực tuyến, phản biện xã hội qua các nền tảng số, hệ thống thông tin chính quyền điện tử. Điều này đòi hỏi phải có hướng dẫn chi tiết về quy trình lấy ý kiến, tiếp nhận phản hồi, công bố thông tin và lưu trữ kết quả trên các hệ thống số hóa; đồng thời cần ban hành các chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử khi sử dụng công cụ điện tử để bảo đảm tính văn minh, hiệu quả, tránh lạm dụng hoặc làm suy giảm chất lượng đối thoại, phản biện.

Cuối cùng, để việc hoàn thiện thể chế và văn bản hướng dẫn đi vào thực chất, cần có sự tham gia của nhiều chủ thể trong quá trình xây dựng chính sách. Cần mở rộng cơ chế lấy ý kiến từ cơ sở, mời gọi sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, giới chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ lão thành và đại diện cộng đồng dân cư để bảo đảm nội dung văn bản phù hợp với thực tiễn và mang tính khả thi cao. Đồng thời, quá trình ban hành các văn bản cần đi kèm với kế hoạch tập huấn, phổ biến và kiểm tra, giám sát việc thực hiện để bảo đảm mọi nội dung quy định đều được triển khai nghiêm túc và đúng mục tiêu đề ra. Đây chính là điều kiện then chốt để bảo đảm dân chủ cơ sở được thể chế hóa sâu sắc, toàn diện và hiệu quả tại Thái Bình trong thời gian tới.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị cơ sở

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức và thực thi dân chủ cơ sở hiệu quả, thực chất. Đây là lực lượng trực tiếp triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là cầu nối giữa chính quyền với nhân dân, đồng thời là chủ thể tổ chức các hình thức dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội ở cơ sở. Do đó, việc nâng cao chất lượng đội ngũ này là yêu cầu tất yếu để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển địa phương; là điều kiện căn bản để thực hiện thành công QCDC ở cơ sở. Để triển khai hiệu quả giải pháp này trong thực tiễn, Thái Bình cần quan tâm đến công tác tuyển chọn, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ dựa trên nguyên tắc

công khai, minh bạch, đề cao năng lực thực tiễn, tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ; xây dựng hệ thống tiêu chí rõ ràng trong đánh giá cán bộ, trong đó đặc biệt nhấn mạnh năng lực tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở, khả năng tiếp xúc, đối thoại và lắng nghe người dân; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng chuyên sâu, liên tục, phù hợp với yêu cầu thực tiễn địa phương. Bên cạnh đó, cần tăng cường kiểm tra, giám sát, gắn kết quả thực hiện dân chủ cơ sở với đánh giá, xếp loại cán bộ hằng năm. Những cán bộ thiếu trách nhiệm, vi phạm quy chế dân chủ, có biểu hiện quan liêu, áp đặt, gây phiền hà cho nhân dân cần được xử lý nghiêm minh, công khai, minh bạch nhằm củng cố kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ. Hơn nữa, Thái Bình cũng cần khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ trẻ, có trình độ, năng lực, tâm huyết với cơ sở được rèn luyện, thử thách, qua đó tạo nguồn cán bộ kế cận có chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị nhà nước và phát triển bền vững ở địa phương. Như vậy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị cơ sở là giải pháp then chốt, tác động trực tiếp đến hiệu lực thực thi dân chủ ở cơ sở. Đây vừa là vấn đề quản trị nguồn nhân lực công, vừa là nhiệm vụ chính trị có tính chiến lược trong quá trình xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, gần dân, vì dân và do dân.

Ba là, bảo đảm tài chính cho hoạt động thực hiện dân chủ cơ sở

Bảo đảm tài chính cho hoạt động thực hiện dân chủ cơ sở là điều kiện then chốt, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả triển khai các chủ trương, chính sách về phát huy quyền làm chủ của nhân dân tại địa phương. Trong điều kiện thực tiễn tại Thái Bình hiện nay, việc thực hiện dân chủ cơ sở vẫn còn gặp không ít khó khăn về nguồn lực, đặc biệt là tài chính dành cho hoạt động tuyên truyền, tập huấn, tổ chức đối thoại, phản biện xã hội, kiểm tra, giám sát và xây dựng các nền tảng hỗ trợ dân chủ điện tử. Do đó, việc xây dựng một cơ chế tài chính ổn định, minh bạch và phù hợp với đặc thù địa phương là yêu cầu khách quan, xuất phát từ thực tiễn.

Trước hết, tỉnh Thái Bình cần ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh, huyện, xã cho các hoạt động thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm phân bổ nguồn lực một cách hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm. Nguồn ngân sách này cần được hoạch

định rõ ràng trong kế hoạch tài chính trung hạn và hàng năm của địa phương, đồng thời xác định cụ thể cơ cấu chi cho từng nội dung như: tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức hội nghị đối thoại, tiếp xúc cử tri; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công khai thông tin; bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân chủ ở cơ sở; kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ tại các cơ quan, đơn vị, địa bàn dân cư. Việc phân bổ kinh phí cần bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, gắn với mục tiêu cụ thể và cơ chế kiểm soát chặt chẽ nhằm tránh lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích.

Cùng với đó, cần xây dựng và vận hành các Quỹ hỗ trợ thực hiện dân chủ cơ sở với sự tham gia đóng góp của các nguồn lực xã hội hóa. Đây là giải pháp phù hợp trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, đồng thời tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cá nhân có điều kiện chung tay thúc đẩy dân chủ tại cơ sở. Tuy nhiên, để các nguồn lực xã hội hóa phát huy hiệu quả, cần xây dựng cơ chế quản lý quỹ công khai, minh bạch, có sự giám sát của các cơ quan dân cử và đại diện cộng đồng nhằm bảo đảm tính khách quan, đúng mục tiêu và không bị chi phối bởi lợi ích nhóm.

Đặc biệt, trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, tỉnh Thái Bình cần đầu tư nguồn lực tài chính cho việc phát triển các nền tảng công nghệ phục vụ dân chủ cơ sở. Các phần mềm quản lý, hệ thống công thông tin điện tử, nền tảng phản hồi trực tuyến, ứng dụng lấy ý kiến nhân dân... đều cần được triển khai đồng bộ và duy trì vận hành hiệu quả. Bên cạnh kinh phí đầu tư hạ tầng công nghệ, cần tính đến chi phí đào tạo nhân lực, cập nhật phần mềm, bảo mật thông tin và truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân về quyền và phương thức tham gia dân chủ qua nền tảng số. Đây là khoản đầu tư dài hạn nhưng cần thiết nhằm xây dựng môi trường dân chủ hiện đại, thuận tiện và hiệu quả.

Cuối cùng, để bảo đảm tính bền vững của tài chính cho thực hiện dân chủ cơ sở, cần lồng ghép mục tiêu dân chủ vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh và huyện. Trong mỗi chương trình, dự án, cần xác định rõ phần kinh phí dành cho việc tham vấn cộng đồng, lấy ý kiến nhân dân, công khai thông tin, tổ chức giám sát và phản biện xã hội. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí bằng cách tận dụng

các nguồn lực sẵn có, mà còn làm sâu sắc hơn tính dân chủ trong quản trị phát triển, nâng cao chất lượng quản lý công và tăng cường niềm tin xã hội đối với hệ thống chính quyền địa phương.

Bốn là, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và phương tiện phục vụ thực hiện dân chủ

Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và phương tiện phục vụ thực hiện dân chủ ở cơ sở là yêu cầu thiết yếu nhằm bảo đảm điều kiện vật chất cho quá trình tổ chức và vận hành hiệu quả các cơ chế dân chủ trong đời sống chính trị - xã hội tại địa phương. Vì vậy, Thái Bình cần ưu tiên đầu tư, nâng cấp hệ thống trụ sở sinh hoạt cộng đồng tại thôn, tổ dân phố, các nhà văn hóa xã, phường và cơ sở làm việc của chính quyền địa phương, bảo đảm đủ điều kiện phục vụ các hoạt động như hội họp, tiếp xúc cử tri, tổ chức đối thoại, phổ biến chính sách, pháp luật, lấy ý kiến nhân dân và tổ chức sinh hoạt dân chủ. Cơ sở vật chất cần được trang bị đầy đủ các thiết bị cơ bản như âm thanh, ánh sáng, phương tiện trình chiếu, hệ thống bảng tin, pano tuyên truyền... để tăng cường tính trực quan, sinh động, hấp dẫn trong các hoạt động thông tin và giáo dục về dân chủ. Bên cạnh đó, tỉnh cần chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là tại các xã, phường, thị trấn. Việc xây dựng các cổng thông tin điện tử, hệ thống quản lý hành chính công trực tuyến, phần mềm lấy ý kiến nhân dân, hệ thống phản ánh kiến nghị trực tuyến... cần được đồng bộ với hạ tầng mạng, máy chủ, máy tính, thiết bị thông minh và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số hóa phục vụ công khai thông tin và cung cấp dữ liệu cho người dân thực hiện quyền giám sát. Các dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, tài chính, tài nguyên - môi trường, dự án đầu tư... cần được chuẩn hóa, cập nhật thường xuyên và sẵn sàng truy cập thông qua hệ thống mạng công cộng. Việc phát triển cơ sở dữ liệu mở sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, giới chuyên gia và người dân chủ động tham gia phân biện, góp ý, giám sát và đồng hành trong quá trình thực hiện chính sách.

Năm là, xây dựng môi trường văn hóa dân chủ và khuyến khích sự tham gia thực chất của người dân.

Xây dựng môi trường văn hóa dân chủ và khuyến khích sự tham gia thực chất của người dân là một trong những yếu tố có tính nền tảng để hiện thực hóa dân chủ cơ sở, không chỉ dưới góc độ thể chế mà còn trong đời sống xã hội. Môi trường văn hóa dân chủ không đơn thuần là không gian thể lý, mà là tổng hòa các giá trị, chuẩn mực, thói quen ứng xử, tinh thần thượng tôn pháp luật và sự tôn trọng lẫn nhau giữa chính quyền và nhân dân. Đây là điều kiện để các thiết chế dân chủ vận hành hiệu quả, bảo đảm tính tự giác, chủ động và trách nhiệm trong tham gia của người dân vào các quá trình quản lý xã hội ở cơ sở.

Trước hết, tinh cần coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ làm chủ của nhân dân trong bối cảnh mới. Các nội dung tuyên truyền phải được đổi mới theo hướng gần gũi, dễ hiểu, thiết thực và phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt chú trọng đến thanh niên, phụ nữ, đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số và người dân ở khu vực nông thôn. Việc phổ biến các quy định của pháp luật, cơ chế tham gia ý kiến, giám sát, phản biện cần gắn với các vấn đề cụ thể phát sinh từ thực tiễn đời sống. Đồng thời, cần phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội và hệ thống thiết chế văn hóa cộng đồng trong xây dựng thói quen tham gia, đối thoại, tranh luận lành mạnh và đồng hành cùng chính quyền ở cơ sở.

Bên cạnh đó, việc xây dựng văn hóa dân chủ cần được gắn với chuẩn hóa hành vi, thái độ, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở cơ sở. Cần hình thành tác phong công vụ lấy dân làm gốc, đề cao sự lắng nghe, cầu thị, ứng xử có văn hóa và chịu trách nhiệm giải trình. Thực tế cho thấy, môi trường dân chủ chỉ có thể phát triển bền vững khi niềm tin của người dân vào sự minh bạch, liêm chính và công bằng của chính quyền được duy trì. Do đó, cần thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên về chất lượng phục vụ nhân dân, đồng thời kịp thời xử lý nghiêm các hành vi quan liêu, hách dịch, trốn tránh trách nhiệm hoặc bóp méo tinh thần dân chủ.

Hơn nữa, cần tạo lập các không gian công cộng thuận lợi cho người dân trao đổi, thảo luận và bày tỏ ý kiến về các vấn đề chung của cộng đồng. Không gian này không chỉ giới hạn trong các cuộc họp dân hay đối thoại định kỳ, mà cần mở rộng thông qua các diễn đàn trực tuyến, câu lạc bộ sinh hoạt chính trị - pháp luật... Thường xuyên khuyến khích sự phản biện, góp ý, nêu gương và tôn vinh những mô hình, cá nhân có đóng góp cho công tác xây dựng dân chủ tại cơ sở sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong cộng đồng. Ngoài ra, để khuyến khích sự tham gia thực chất, cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương chuyển từ tư duy vận động, kêu gọi sang việc tạo lập cơ chế đảm bảo quyền lực tham gia cho người dân trong toàn bộ quá trình hoạch định, thực thi và giám sát chính sách. Điều này đòi hỏi phải thiết kế các công cụ, quy trình rõ ràng, minh bạch và dễ tiếp cận, từ lấy ý kiến nhân dân, trưng cầu dân ý, đến tiếp nhận và xử lý kiến nghị, khiếu nại. Đồng thời, cần công khai kết quả tiếp thu, phản hồi của chính quyền đối với ý kiến của người dân nhằm khẳng định vai trò chủ thể của họ, qua đó thúc đẩy sự tham gia thực chất, bền vững và mang tính kiến tạo trong phát triển cộng đồng.

Tiểu kết Chương 4

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình vừa là yêu cầu tất yếu khách quan xuất phát từ đòi hỏi của tiến trình đổi mới và phát triển bền vững; vừa mang ý nghĩa chiến lược trong xây dựng chính quyền thân thiện, minh bạch và phục vụ nhân dân. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Thái Bình cần xác lập hệ thống các quan điểm định hướng toàn diện, nhất quán. Trong đó, bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở trong khuôn khổ pháp luật, dưới sự lãnh đạo toàn diện và trực tiếp của Đảng là quan điểm nền tảng giữ vai trò định hướng chiến lược mọi hoạt động thực hiện dân chủ ở cơ sở. Bên cạnh đó, cần bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa dân chủ, pháp chế và kỷ cương nhằm duy trì ổn định chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, Thái Bình cần gắn thực hiện dân chủ cơ sở với chuyên đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước, rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và người dân. Đồng thời, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội cần được quán triệt đầy đủ, qua đó khơi dậy tinh thần làm chủ, chủ động tham gia vào các quá trình ra quyết định ở cơ sở. Trên cơ sở các quan điểm và định hướng chiến lược đó, tỉnh Thái Bình cần triển khai đồng bộ một hệ thống giải pháp có tính khả thi cao, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện thực tiễn của địa phương. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc đổi mới và tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện dân chủ cơ sở; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức thực hiện dân chủ phù hợp với từng loại hình cơ sở; đồng thời bảo đảm đầy đủ các điều kiện về thể chế, tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả triển khai dân chủ trong toàn tỉnh.

KẾT LUẬN

Thông qua việc nghiên cứu thực trạng thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 1998-2025, có thể rút ra một số kết luận:

1. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 1998-2025, luận án làm rõ cách thức tổ chức, vận hành dân chủ cơ sở trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương và các điều kiện quyết định hiệu quả của dân chủ ở cơ sở, cùng những định hướng giải pháp khả thi góp phần nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ cơ sở theo hướng bền vững. Phạm vi nghiên cứu được đặt trong khuôn khổ pháp lý khởi nguồn từ Chỉ thị số 30-CT/TW năm 1998 của Bộ Chính trị và được cập nhật, hoàn thiện theo các quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, qua đó phản ánh tính kế thừa, bổ sung và hoàn thiện của thể chế dân chủ ở cơ sở trong hệ thống chính trị Việt Nam.

Về phương diện lý luận, luận án tiếp cận dân chủ cơ sở như một quá trình vận hành cụ thể, có thể quan sát, phân tích và đánh giá thông qua các hành vi quản trị của chính quyền cơ sở cũng như sự tham gia của người dân. Trên cơ sở đó, luận án xây dựng khung pháp lý vận hành nhằm chuyển hóa các nguyên tắc dân chủ từ cấp độ quy định mang tính chuẩn mực sang cấp độ có thể nhận diện, đo lường trong thực tiễn. Khung phân tích này được cấu thành bởi bốn yếu tố có mối liên kết logic chặt chẽ bao gồm: công khai, minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin; sự tham gia và khả năng thể hiện ý kiến của người dân; cơ chế đối thoại và phản hồi hai chiều giữa chính quyền và người dân; trách nhiệm giải trình gắn với mức độ đáp ứng của chính quyền cơ sở. Cách đóng khung này giúp phân biệt rõ giữa “có quy trình” và “có hiệu lực”, tức phân biệt dân chủ hình thức và dân chủ thực chất. Khung vận hành cũng phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về “quản trị mở” nhấn mạnh tính minh bạch, sự tham gia và giải trình như các trụ cột cốt lõi trong cải cách quản trị công. Đồng thời, khung vận hành tiếp thu các gợi ý quan trọng của nghiên cứu quốc tế về chất lượng tham gia và quản hệ giải trình nhằm hạn chế thiên lệch khi “đo bằng số cuộc họp” hoặc “đo bằng mức độ công khai một chiều”.

Về phương diện thực tiễn, kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình có tính lịch sử cụ thể, gắn chặt với bối cảnh kinh tế, xã hội và phương thức quản trị cơ sở theo từng giai đoạn. Giai đoạn cuối thập niên 90 (thế kỷ XX) đặt ra yêu cầu về kỷ cương, công khai và giải quyết khiếu nại, kiến nghị ở cơ sở. Từ sau năm 1998, Thái Bình từng bước kiện toàn cơ chế chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra; đồng thời ban hành, triển khai nhiều chương trình, kế hoạch theo hướng tăng đối thoại, công khai, tăng trách nhiệm tiếp dân và xử lý đơn thư. Từ sau năm 2007, nhiều phương thức dân chủ được chuẩn hóa, nhất là cơ chế công khai ngân sách, huy động đóng góp, giám sát cộng đồng và tiếp xúc cử tri. Từ năm 2023 đến nay đặt ra yêu cầu cao hơn về hợp pháp hóa quy trình, bảo vệ quyền của người dân trong cung cấp thông tin, tham gia ý kiến và yêu cầu giải trình theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

2. Trên cơ sở khảo sát và phân tích tài liệu, luận án xác định một số kết quả chủ yếu trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình: dân chủ cơ sở trở thành “công cụ” quản trị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các nội dung liên quan đến công khai chủ trương, kế hoạch, ngân sách và các khoản huy động trong cộng đồng. Hệ thống kênh tham gia của người dân được mở rộng theo hướng đa dạng hóa các hình thức (hội nghị, lấy ý kiến, tiếp xúc cử tri, tiếp dân, đối thoại). Vai trò giám sát của các chủ thể đại diện và cộng đồng được củng cố, tăng cường, góp phần điều tiết quan hệ lợi ích, tăng tính đồng thuận khi triển khai chính sách ở cơ sở.

Bên cạnh đó, luận án chỉ ra những hạn chế mang tính cấu trúc trong thực hiện dân chủ ở cơ sở, thể hiện ở sự không tương thích giữa quy định và thực tiễn vận hành. Công khai thông tin ở một số nơi chưa bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và khả năng tiếp cận; sự tham gia của người dân chưa tạo được mức độ ảnh hưởng tương xứng, nhất là ở các nội dung đòi hỏi kiến thức, thời gian và năng lực phản biện; đối thoại trong một số trường hợp còn thiên về thông báo hơn là trao đổi theo vấn đề; cơ chế giải trình và đáp ứng chưa hình thành đầy đủ chu trình phản hồi có thể kiểm chứng. Những hạn chế này làm giảm hiệu lực của các cơ chế dân chủ và ảnh hưởng đến chất lượng quản trị ở cơ sở.

Các hạn chế trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân bao gồm năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đồng đều; thiết kế và vận hành cơ chế tham gia chưa tạo điều kiện để người dân tham gia có chất lượng; cùng với những hạn chế về nguồn lực và hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng dữ liệu và chuyển đổi số. Trong bối cảnh chính quyền số, nếu thiếu dữ liệu chuẩn hóa và quy trình phản hồi rõ ràng, các yêu cầu về minh bạch, giải trình khó được bảo đảm hiệu quả.

3. Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình cần triển khai một nhóm giải pháp mang tính hệ thống, tác động đồng thời vào cả bốn cấu phần của chu trình dân chủ. Trọng tâm của các giải pháp là chuẩn hóa danh mục thông tin công khai, thời hạn công khai, định dạng công khai và đầu mối giải đáp, yêu cầu “đúng - đủ - rõ - kịp thời” phải được kiểm tra bằng tiêu chí cụ thể. Chính quyền cơ sở cần thiết kế các cơ chế tham gia theo nguyên tắc có chuẩn bị thông tin, có ghi nhận ý kiến và phản hồi, tham gia phải được đo bằng mức độ ảnh hưởng, không chỉ đo bằng số lượt hợp. Đối thoại phải chuyển từ “định kỳ hình thức” sang “đối thoại theo vấn đề”, có công khai kết quả, theo dõi thực hiện sau đối thoại. Xây dựng cơ chế giải trình có thời hạn, trách nhiệm cá nhân, có công khai kết quả và cơ chế giám sát độc lập. Để tăng tính khả thi, luận án đề xuất nhóm giải pháp gắn với cơ chế đo lường thường xuyên thông qua chỉ số tổng hợp theo bốn cấu phần (minh bạch-tham gia - đối thoại - giải trình) làm công cụ quản trị, góp phần đánh giá khách quan, toàn diện thông qua các bằng chứng, tạo nền cho kiểm tra, giám sát xã hội.

Trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính, mặc dù phạm vi nghiên cứu của luận án gắn với địa bàn tỉnh Thái Bình trước khi sáp nhập, song các kết luận và giải pháp vẫn có giá trị tham chiếu cho quản trị cơ sở trong điều kiện tổ chức lại không gian hành chính, vì các nguyên tắc minh bạch, tham gia, đối thoại và giải trình không phụ thuộc vào ranh giới địa lý. Điều quan trọng là phải bảo đảm tính liên tục của cơ chế dân chủ cơ sở trong quá trình sắp xếp, tránh đứt gãy kênh thông tin và kênh phản hồi của người dân.

Cuối cùng, luận án xác định rõ các giới hạn nghiên cứu liên quan đến phạm vi dữ liệu và phương pháp đo lường, đồng thời gợi mở các hướng nghiên cứu tiếp theo

nhằm hoàn thiện thang đo, mở rộng dữ liệu theo chuỗi thời gian, đánh giá sâu hơn tác động của các cải cách thể chế sau khi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực. Dữ liệu khảo sát gồm 499 quan sát, phản ánh nhận thức, trải nghiệm của người dân tại thời điểm khảo sát, do đó kết quả chịu ảnh hưởng nhất định của bối cảnh và thiên lệch tự báo cáo. Luận án cũng chỉ ra rằng một số biến đánh giá có thể không đồng biến tuyến tính, chẳng hạn, tương quan giữa một số điểm trung bình thành phần ở mức rất thấp (có trường hợp $r = 0,04$), cho thấy nhu cầu tiếp tục hoàn thiện thang đo và bổ sung dữ liệu hành chính để kiểm chứng. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng cỡ mẫu theo phường/xã, kết hợp phỏng vấn sâu và quan sát quy trình, đồng thời xây dựng dữ liệu chuỗi thời gian nhằm đánh giá tác động của cải cách thể chế sau khi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực (sau ngày 01-7-2023).

Tóm lại, luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình trong giai đoạn 1998-2025. Luận án đưa ra một khung phân tích có thể vận hành và có thể đo lường. Luận án xác định đúng các điểm mạnh đã hình thành, đồng thời chỉ ra các điểm nghẽn còn tồn tại. Luận án đề xuất nhóm giải pháp có tính hệ thống, nhấn mạnh minh bạch, tham gia có chất lượng, đối thoại thực chất và giải trình có hiệu lực. Luận án kỳ vọng các kết quả này sẽ đóng góp thiết thực cho việc nâng cao chất lượng quản trị cơ sở, tăng niềm tin xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững trong giai đoạn cải cách và chuyển đổi số hiện nay.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bùi Ngọc Dũng (2025), “Quan điểm của V.I. Lênin về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng tổ chức đảng và giá trị vận dụng đối với công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (389), tr. 40-44.
2. Bùi Ngọc Dũng (2025), “Thực hành dân chủ cơ sở ở Thái Bình: Thực trạng và kinh nghiệm”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 75, tr.94-96.
3. Bùi Ngọc Dũng (2024), “Tỉnh Thái Bình thực hiện dân chủ cơ sở: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (378), tr.78-82.
4. Nguyen Anh Cuong, Bui Ngoc Dung (2023), The Theory of Political Democracy for Vietnam in Ho Chi Minh’s Thought Compared to Western Political Democracy, *Academic Journal of Interdisciplinary Studies* 12 (4), pp. 182-192.
5. Nguyễn Anh Cường, Trần Mai Ước, Bùi Ngọc Dũng, Nguyễn Hải Đăng (2022), “Dân với dân chủ và nhà nước dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (2), tr. 3-12.
6. Bùi Ngọc Dũng (2022), “Thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới của Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Các giá trị của Chủ nghĩa xã hội*, Viện Triết học, tr. 106-118.
7. Bùi Ngọc Dũng (2022), “Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII của Đảng”, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (335+336), tr.37-42.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hà Ngọc Anh (2021), *Trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương theo pháp luật Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Lương Gia Ban (2003), *Dân chủ và việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Dân vận Huyện ủy Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (2002), *Báo cáo tham luận về thực hiện Quy chế dân chủ trong xây dựng quy chế, quy định*, TLLT Văn phòng Huyện ủy Quỳnh Phụ.
4. Ban Dân vận Trung ương (1998), *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và vấn đề xây dựng quy chế dân chủ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Hoàng Chí Bảo (2007), *Dân chủ và dân chủ cơ sở ở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (1998), *Chỉ thị số 30-CT/TW Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*, ngày 18-2-1998.
7. Hoàng Ngọc Bích (2023), “Phát huy dân chủ trong xã hội ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (325), tr. 29-33.
8. Bùi Thị Cần (2019), *Trách nhiệm giải trình của Chính phủ trong hoạch định và thực thi chính sách công ở Việt Nam hiện nay*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
9. C.Mác và Ph.Ăng ghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. C.Mác và Ph.Ăng ghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Đinh Ngọc Chính (2013), “Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở từ năm 1998 đến năm 2007”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* 8 (273), tr. 84 - 87.
12. Đinh Ngọc Chính (2016), “Đảng bộ tỉnh Thái Bình thực hiện Quy chế dân chủ trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại của nhân dân (1997-2007)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* 11 (312), tr. 99-102.
13. Đinh Ngọc Chính (2019), *Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo thực hiện dân chủ cơ sở từ năm 1998 đến năm 2013*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

14. Nguyễn Hồng Chuyên (2011), *Thực hiện pháp luật về dân chủ cấp xã trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ thực tiễn của tỉnh Thái Bình)*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
15. Nguyễn Hồng Chuyên (2013), *Thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp xã phục vụ xây dựng nông thôn mới*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
16. Hoàng Văn Chức (2006), “Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong phòng, chống tham nhũng ở nước ta”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (128), tr. 2-5,14.
17. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2001), *Niên giám thống kê Thái Bình năm 2000*, NXB Thống kê, Hà Nội.
18. Cục Thống kê tỉnh Thái Bình (2022), *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 của tỉnh Thái Bình*, Trang thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, <https://www.mpi.gov.vn/>, ngày 28-12-2022.
19. Nguyễn Cúc (2002), *Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong tình hình hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Thu Cúc (2019), “Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quá trình ra quyết định ở địa phương”, *Tạp chí Cộng sản* (923), tr. 66-70.
21. Hoàng Thị Cường (2023), “Cơ sở ban hành và nội dung cơ bản của Luật thực hiện Dân chủ cơ sở năm 2022”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước* (333), tr. 151-154.
22. Nguyễn Anh Cường (2021), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ chính trị”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (8), tr. 3-10.
23. *Dân chủ ở xã, phường, thị trấn với các quyền dân biết, dân bàn, dân làm dân kiểm tra* (2004), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. *Dân chủ và việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở* (2003), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Cao Thị Dung (2018), “Thực hiện tốt pháp luật về dân chủ cơ sở - Biện pháp quan trọng trong phòng, chống tham nhũng”, *Tạp chí Lý luận Chính trị & Truyền thông* (8), tr. 46-50.
26. Nguyễn Đăng Dung (2022), “Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Từ Pháp lệnh đến dự thảo luật”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam* (5), tr. 25-30.

27. Hoàng Trung Dũng (2018), “Đẩy mạnh thực hiện dân chủ cơ sở (Qua kinh nghiệm của Hà Tĩnh)”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (6), tr. 52-58.
28. Nguyễn Phước Dũng, Võ Thị Tuyết Hoa (2020), “Phát huy dân chủ cơ sở nhằm nâng cao vai trò của nhân dân trong xây dựng hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Đồng Tháp” *Tạp chí Khoa học chính trị* (7), tr. 76-81.
29. Trần Nhật Duật (2018), *Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Bắc hiện nay*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
30. Lê Văn Duyệt (2019), *Công khai, minh bạch trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Anh Đào (2024), Xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, *Báo Thái Bình điện tử*, <https://baothaibinh.com.vn/>, ngày 5-2-2024.
32. Đảng bộ tỉnh Thái Bình (2001), *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*, ngày 5-1-2001, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
33. Đảng bộ tỉnh Thái Bình (2004), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Bình (1975-2000)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng bộ tỉnh Thái Bình (2015), *Nghị quyết số 05-NQ/ĐH Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XIX*, ngày 25-9-2015, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
35. Đảng bộ tỉnh Thái Bình (2020), *Nghị quyết số 09-NQ/ĐH Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025*, ngày 15-10-2020, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Phần II (Đại hội X, XI, XII), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
44. Huỳnh Minh Đoàn (2004), “Đồng Tháp thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”, *Tạp chí Cộng sản* (11), tr. 53-56.
45. Nguyễn Tài Đông (chủ biên) (2022), *Thực hiện dân chủ cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
46. Phạm Minh Đức - Bùi Duy Lan (2010), *Đất và người Thái Bình*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
47. Trần Ngọc Đường (2011), *Một số vấn đề về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
48. Trần Ngọc Đường, Chu Văn Thành (1994), *Mối quan hệ pháp lý giữa cá nhân công dân với nhà nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
49. Bùi Trường Giang (2020), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và yêu cầu củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (949), tr. 32-38.
50. Đỗ Hương Giang (2015), “Về vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện dân chủ cơ sở (qua khảo sát tại vùng nông thôn Nam Bộ)”, *Tạp chí Triết học* (295), tr. 50-57.
51. Nguyễn Văn Giang (2006), *Quy chế dân chủ cơ sở và việc thực hiện dân chủ ở nông thôn Thái Bình qua những năm đổi mới*, Luận văn tốt nghiệp Cao cấp lý luận chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

52. Nguyễn Thị Thu Hà (2019), *Ủy ban nhân dân phường ở Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
53. Nguyễn Hữu Hải (2018), Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thực hiện dân chủ ở cơ sở, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (296), tr. 45-50.
54. Trần Thị Hạnh (2022), “Tăng cường minh bạch trong thực hành dân chủ cơ sở: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* (10), tr. 88-94.
55. Vũ Văn Hiền (2004), *Quy chế Dân chủ ở cơ sở - vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
56. Nguyễn Quốc Hiệp (2020), “Tăng cường trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ nhằm phòng ngừa tham nhũng”, *Tạp chí Cộng sản* (951), tr. 71-77.
57. Đỗ Thị Kim Hoa (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới hiện nay*, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (64), tr. 36-43.
58. Nguyễn Thị Thu Hoài (2015), “Lãnh đạo thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí Xây dựng Đảng* (5), tr. 38-39.
59. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
60. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
61. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
64. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội.
65. Hoàng Minh Hội (2023), *Cơ chế pháp lý nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp ở Việt Nam hiện nay*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
66. Hoàng Đức Hợp (2006), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân xã đáp ứng yêu cầu thực hiện dân chủ cơ sở ở Nam Định hiện nay*, Luận văn

- thạc sĩ chuyên ngành Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
67. Đoàn Mạnh Hùng (2018), “Thực hành dân chủ trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (271), tr. 3-9.
 68. Lê Ngọc Hùng (2019), “Ảnh hưởng của cơ cấu giai tầng xã hội đến việc xây dựng Luật Thực hiện dân chủ cơ sở”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (7), tr. 44-49.
 69. Nguyễn Thanh Huyền (2018), “Một số điển hình trong thực hiện pháp luật dân chủ cơ sở”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (9), tr. 74-80
 70. Lê Minh Hường (2020), *Thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở trong cơ quan hành chính nhà nước từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
 71. Nguyễn Thọ Khang (2013), “Thực hiện dân chủ ở cấp xã và vấn đề đặt ra đối với báo chí nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông* (47), tr. 39-41.
 72. Nguyễn Hữu Khiển (2019), “Thể chế hóa nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc xây dựng Luật Thực hiện Dân chủ cơ sở”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (8), tr. 49-53.
 73. Trần Văn Khuyên (2017), *Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 74. Trần Quang Lịch (2019), “Kết quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của Bộ đội Biên phòng”, *Tạp chí Dân vận* (4), tr. 46-48.
 75. Bùi Thị Phương Liên (2021), “Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (5), tr. 38-41.
 76. Bùi Thị Phương Liên (2021), “Một số vấn đề đặt ra trong thực hiện dân chủ ở cơ sở khi không tổ chức Hội đồng nhân dân phường”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (306), tr. 48-51.
 77. Triệu Thị Lún (2018), “Nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp của chính quyền với Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tỉnh Tuyên Quang”, *Tạp chí Dân vận* (9), tr. 30-32.
 78. Phan Trung Lý, Đặng Xuân Phương (chủ biên) (2017), *Xây dựng và hoàn thiện cơ chế nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp: Cơ sở lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

79. Phan Trung Lý, Nguyễn Trung Thành (chủ biên) (2021), *Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
80. Nguyễn Khắc Mai (1997), *Dân chủ - di sản văn hóa Hồ Chí Minh*, NXB Sự thật, Hà Nội.
81. Nguyễn Văn Mạnh, Tào Thị Quyên (2010), *Dân chủ trực tiếp ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
82. Cù Thị Minh (2021), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ - giá trị lịch sử và hiện thực*”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* (461), tr. 3-5, 17.
83. Đỗ Mười (1998), “*Phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở*”, *Tạp chí Cộng sản* (20), tr. 3-8.
84. Nguyễn Văn Nam (2015), *Luật tục và việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
85. Phạm Thị Nết (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong kinh tế*, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (8), tr. 9-12.
86. Mai Thị Minh Ngọc (2023), “*Sự tương đồng và khác biệt về các hình thức dân chủ trực tiếp ở Việt Nam và một số nước*”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (333), tr. 146-150.
87. Trần Đình Nghiêm (2001), *Các quy định pháp luật về dân chủ cơ sở*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
88. Hồ Thị Nhâm (2014), *Thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
89. Ngô Văn Nhân (2008), “*Đổi mới chế độ dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên địa bàn cơ sở ở nước ta hiện nay*”, *Tạp chí Triết học* (5), tr. 63-69.
90. Lê Văn Nhẫn (2002), “*Hội nông dân Việt Nam tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở nông thôn*”, *Tạp chí Nông thôn mới* (7), tr. 2-3, 6.
91. Hà Sơn Nhin (2014), “*Gia Lai phát huy dân chủ cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân*”, *Tạp chí Cộng sản* (856), tr. 66-69.

92. Trần Quang Nhiếp (2004), “Dân chủ ở cơ sở với phát triển cộng đồng”, *Tạp chí Cộng sản* (4), tr. 47-52.
93. Nguyễn Thị Kim Nhung (2014), “Lý thuyết về “sự tham gia của cộng đồng” trong hoạch định chính sách và khả năng vận dụng vào quá trình ban hành các quyết định về môi trường ở Việt Nam”, *Tạp chí Xã hội học* (126), tr. 71-81.
94. Thái Ninh, Hoàng Chí Bảo (1991), *Dân chủ tư sản và dân chủ Xã hội chủ nghĩa*, NXB Sự thật, Hà Nội.
95. Nguyễn Thị Hiền Oanh (2005), *Vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
96. Trần Thị Diệu Oanh (chủ biên) (2015), *Về minh bạch hóa hoạt động chính quyền địa phương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
97. Nguyễn Quốc Phẩm (Chủ biên) (2000), *Hệ thống chính trị cấp cơ sở và dân chủ hóa đời sống xã hội nông thôn miền núi, vùng các dân tộc thiểu số các tỉnh miền Bắc nước ta*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
98. Lê Khả Phiêu (1998), “Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và thực hiện thiết chế dân chủ”, *Tạp chí Cộng sản* (21), tr. 3-8.
99. Nguyễn Tiến Phồn (2001), *Dân chủ và tập trung dân chủ: Lý luận và thực tiễn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
100. Nguyễn Hạnh Phúc (2007), “Thực hiện quy chế dân chủ ở Thái Bình - Thành tựu và kinh nghiệm”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 5, tr. 81-85.
101. Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương (2004), *Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng đòi hỏi của nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
102. Đặng Thị Minh Phương (2008), *Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở - Một giải pháp cơ bản khắc phục điểm nóng Thái Bình*, Luận văn thạc sĩ Chính trị học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
103. Nguyễn Văn Phương (2014), *Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn tỉnh Bắc Ninh trong thực hiện dân chủ ở cơ sở hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

104. Nguyễn Thị Phương (2019), “Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (12), tr. 54-57.
105. Nguyễn Thị Phương (2016), *Về minh bạch hóa hoạt động quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
106. Phạm Ngọc Quang (2004), “Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình đổi mới: Thành tựu, vấn đề và giải pháp”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (3), tr. 36-41.
107. Phạm Ngọc Quang (2014), “Một quan niệm mới về dân chủ”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* 1 (74), tr. 3-11.
108. Trần Thọ Quang (2009), “Kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng dân chủ cơ sở ở nông thôn của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (89), tr. 72-83.
109. Chu Xuân Quảng (2014), *Thực hiện dân chủ cơ sở ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
110. Lê Minh Quân (2011), *Về quá trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
111. Quốc hội (2022), *Luật số 10/2022/QH15: Luật Thực hiện dân chủ cơ sở*, Công báo số 905+906, ngày 14-12-2022.
112. Trần Văn Rạng (2016), “Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở Thái Bình”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (385), tr. 113-115.
113. Nguyễn Minh Sản (chủ biên) (2020), *Trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
114. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (2002), *Thế chế dân chủ và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
115. Đỗ Tiến Sâm (chủ biên) (2005), *Vấn đề thực hiện dân chủ cơ sở ở nông thôn Trung Quốc*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
116. Hoàng Đức Sơn (2009), “Phát huy quyền lực chính trị của dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (5), tr. 54-58.

117. Nguyễn Thanh Sơn (2010), *Quá trình thực hiện Quy chế dân chủ ở xã trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
118. Phan Xuân Sơn (2003), *Các đoàn thể nhân dân với việc bảo đảm dân chủ cơ sở hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
119. Phạm Xuân Sơn (2002), “Dân chủ và dân chủ cơ sở một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội* (2), tr. 14-23.
120. Ngô Văn Sỹ (2020), “Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở (1998-2015) - Chủ trương và một số kết quả”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (350), tr. 46-49.
121. Ngô Văn Sỹ (2020), “Một số vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (291), tr. 49-53.
122. Ngô Văn Sỹ (2021), “Một số kết quả và kinh nghiệm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (1998-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (1), tr. 109-112.
123. Ngô Văn Sỹ (2022), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở từ năm 1998 đến năm 2015*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
124. Lưu Ngọc Tố Tâm (2017), “Một số giải pháp phát huy dân chủ cơ sở”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (124), tr. 19-21.
125. Nguyễn Văn Tâm (2021), “Kiểm soát quyền lực và minh bạch trong thực hành dân chủ cơ sở ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học* (5), tr. 55-61.
126. Đặng Đình Tân - Đặng Minh Tuấn (2002), “Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (7), tr. 39-43.
127. Đỗ Thị Thạch (2010), *Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới*, Đề tài cấp Bộ, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
128. Đỗ Thị Thạch (2014), “Dân chủ ở cơ sở và một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (218), tr. 40-44.
129. Đỗ Thị Thạch (2014), “Dân chủ trong chủ nghĩa xã hội từ cách nhìn của các học giả Nga đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (7), tr. 33-38.

130. Nguyễn Tiến Thành (2014), “Năng lực của cán bộ cấp xã, phường trong thực hiện pháp lệnh dân chủ ở cơ sở: Qua khảo sát tại tỉnh Vĩnh Phúc”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (10), tr. 66-71.
131. Nguyễn Tiến Thành (2016), *Hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Lý luận và Lịch sử nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
132. Phạm Thị Thành (2019), “Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn thực hiện dân chủ cơ sở góp phần hoàn thiện nhiệm vụ chính trị của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (9), tr. 37-41.
133. Trần Thành (2016), Nhân dân làm chủ trong quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (1), tr. 92-96.
134. Trần Quyết Thắng (2021), *Trách nhiệm giải trình của Chính phủ*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
135. Hồ Bá Thâm, Nguyễn Tôn Thị Tường Vân (đồng chủ biên) (2010), *Phản biện xã hội và phát huy dân chủ pháp quyền*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
136. Lê Thi (2009), “Thực hiện dân chủ ở cơ sở và vấn đề tăng cường ý thức trách nhiệm của Nhà nước”, *Tạp chí Triết học* (219), tr. 17-22.
137. Phạm Xuân Thiên (2017), “Thực hiện dân chủ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Hải Dương”, *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật* (396), tr. 100-102.
138. Bùi Thị Bích Thủy (2023), “Quá trình nhận thức của Đảng về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (326), tr. 35-39.
139. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2015), “Về thực hiện dân chủ trực tiếp ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (1), tr. 65-69.
140. Tỉnh ủy Thái Bình (2002), *Đề án số 31-ĐA/TU Về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2002-2010*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
141. Trọng Tài (2023, TP Thái Bình: Đối thoại để gỡ “nút thắt” trong giải quyết đơn thư, *Báo Thanh tra điện tử*, <https://thanhtra.com.vn/>, ngày 12-2-2023.

142. Tỉnh ủy Thái Bình (2002), *Đề án số 33-ĐA/TU về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*, ngày 24-5-2002, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
143. Tỉnh ủy Thái Bình (2003), *Báo cáo số 86-BC/TU về tổng kết công tác phát triển Đảng 10 năm (1993-2002)*, ngày 20-10-2003, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
144. Tỉnh ủy Thái Bình (2003), *Báo cáo số 92-BC/TU Về tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở (1998-2003)*, ngày 15-12-2003, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
145. Tỉnh ủy Thái Bình (2003), *Báo cáo số 95-BC/TU Về xây dựng và củng cố các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn từ khi xảy ra mất ổn định đến nay (1997-2003)*, ngày 25-12-2003, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
146. Tỉnh ủy Thái Bình (2003), *Chương trình hành động số 29-CTr/TU Về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, 25-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
147. Tỉnh ủy Thái Bình (2003), *Chương trình hành động số 31-CTr/TU Về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
148. Tỉnh ủy Thái Bình (2004), *Báo cáo số 104-BC/TU Về tình hình công tác nội chính năm 2003*, 24-2-2004, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
149. Tỉnh ủy Thái Bình (2004), *Chương trình hành động số 35-CTr/TU về thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương khóa IX*, ngày 24-3-2004, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
150. Tỉnh ủy Thái Bình (2008), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (1998-2008)*, TLLT Văn Phòng Tỉnh ủy Thái Bình.

151. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2013), *Báo cáo số 08-BC/BCĐ về Sơ kết 5 năm công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XI) về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*, ngày 28-10-2013, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
152. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2015), *Báo cáo số 33-BC/BCĐ về tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2014; phương hướng, nhiệm vụ năm 2015*, ngày 19-1-2015, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
153. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2016), *Báo cáo số 01-BC/BCĐ về Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2015; phương hướng nhiệm vụ năm 2016*, ngày 19-1-2016, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
154. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2016), *Báo cáo số 01-BC/BCĐ Về kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2016; phương hướng nhiệm vụ năm 2017*, ngày 26-12-2016, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình, Thái Bình.
155. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2017), *Báo cáo số 43-BC/BCĐ về tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XI) về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*, ngày 21-12-2017, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
156. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2018), *Báo cáo số 45-BC/BCĐ về tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2017; phương hướng nhiệm vụ năm 2018*, ngày 9-1-2018, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
157. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2018), *Báo cáo số 50-BC/BCĐ về Kết quả 03 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW, ngày 07-01-2016 của Bộ Chính trị khóa XI “Về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”*, ngày 14-5-2018, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.

158. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2018), *Báo cáo số 62-BC/BCĐ Về kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2018; phương hướng, nhiệm vụ năm 2019*, ngày 13-12-2018, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
159. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2019), *Báo cáo số 81-BC/BCĐ Về kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ năm 2020*, ngày 31-12-2019, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
160. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2020), *Báo cáo số 02-BC/BCĐ Về kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2020; phương hướng nhiệm vụ năm 2021*, ngày 22-12-2020, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
161. Tỉnh ủy Thái Bình (2020), *Báo cáo khái quát tình hình kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh từ đầu nhiệm kỳ đến nay; công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng; phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
162. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2021), *Báo cáo số 14-BC/BCĐ Về kết quả thực hiện Quy chế dân chủ năm 2021; nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
163. Tỉnh ủy Thái Bình (2021), *Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, coi trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*, ngày 4-10-2021, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
164. Tỉnh ủy Thái Bình (2021), *Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, ngày 19-11-2021, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
165. Tỉnh ủy Thái Bình (2021), *Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Bình về xây dựng, phát triển thành phố Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.

166. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2022), *Báo cáo số 25-BC/BCĐ Về kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, ngày 21-12-2022, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
167. Tỉnh ủy Thái Bình, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (2023), *Báo cáo số 25-BC/BCĐ về kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2023, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, ngày 28-12-2023, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
168. Đặng Hữu Toàn (2019), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và thực hành dân chủ trong Đảng*”, *Tạp chí Triết học* (332), tr. 12-23.
169. Trương Thị Mỹ Trang (2012), *Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa ở các tỉnh Trung Trung Bộ giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
170. Nguyễn Tuấn Triết (2011), “*Dân chủ cơ sở một số tiếp cận lý thuyết và thực tiễn*”, *Tạp chí Khoa học xã hội* (1), tr. 9-15.
171. Cao Văn Trọng (chủ biên) (2022), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục và định hướng vận dụng ở các nhà trường quân đội hiện nay*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
172. Nguyễn Phú Trọng (2018), “*Không ngừng phát huy dân chủ cơ sở, khơi dậy tiềm năng, sức mạnh to lớn của nhân dân*”, *Tạp chí Cộng sản* (139), tr. 3-9.
173. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
174. Nguyễn Văn Tượng (2021), “*Phát huy dân chủ ở đơn vị cơ sở trong Quân đội theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân* (8), tr.25-27.
175. Nguyễn Minh Tuấn (2004), “*Một số vấn đề về thực hiện quy chế dân chủ ở cấp xã trong điều kiện hiện nay ở nước ta*”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội* (4), tr. 39-46.

176. Nguyễn Thanh Tuấn (2020), “Sự minh bạch trong quản trị địa phương và thực hiện dân chủ ở cơ sở”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam* (7), tr. 33-40.
177. Vũ Sơn Tùng (2020), “Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn - từ thực tiễn tỉnh Thái Bình”, *Tạp chí Tuyên giáo điện tử*, <https://www.tuyengiao.vn/>, ngày 1-11-2020.
178. Đào Trí Úc (chủ biên) (2009), *Cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
179. Đào Trí Úc, Trịnh Đức Thảo, Vũ Công Giao, Trương Hồ Hải, Nguyễn Đăng Dung (2014), *Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
180. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2022), *Báo cáo số 122/BC-UBND Về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023, ngày 2-12-2022*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình.
181. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1998), *Nghị quyết số 60/1998/NQ-UBTVQH10 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước*, ngày 20-8-1998, lưu tại thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
182. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2020), *Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Bình*, ngày 11-2-2020.
183. V.I.Lênin (1995), *Toàn tập*, tập 32, NXB Tiến bộ, Matxcova.
184. V.I.Lênin (2004), *Nhà nước và cách mạng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
185. *Vị trí, vai trò của các đoàn thể xã hội trong việc bảo đảm thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở phát huy quyền làm chủ của nhân dân* (2004), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
186. Nguyễn Đắc Vinh (2018), “Tỉnh ủy Nghệ An tăng cường lãnh đạo tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở gắn với xây dựng hệ thống chính trị các cấp”, *Tạp chí Dân vận* (9), tr. 26-29.
187. Nguyễn Viết Vượng (2008), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam hiện nay*, NXB Lao động, Hà Nội.

Tiếng Anh

188. Adam Przeworski, Michael Alvarez, Jose Antonio Chebub and Fernando Limongi (1996), “What makes Democracies Endure?”, *Journal of Democracy* (1), pp. 39-55.
189. Alan price (2013), *Democratic Western Europe*, Wiley-Blackwell, USA.
190. Berger, P.L. (1992), “The uncertain triumph of democratic capitalism”, *Journal of Democracy* 3 (3), pp. 7-16.
191. Berger, P. L. (1993), *The uncertain triumph of democratic capitalism*, in L.Diamond and M.F.Plattner (eds), *Capitalism, Socialism and Democracy Revisited*, Hopkins University Press, pp. 1-10.
192. Bosshaq M.R., Afzalnia F., Moradi H. (2012), “Measuring indicators and determining factor affecting sustainable agricultural development in rural areas A case study of Ravansar, Iran”, *International Journal of AgriScience* 2 (6), pp. 550-557.
193. Diamond, L. and Plattner, M. F (1993), *Capitalism, Socialism and Democracy*. Baltimore, MD and London: The Johns Hopkins University Press.
194. Francis Loh Kok Wah, Joakim Öjendal (2005), *Southeast Asian Responses to Globalization: Restructuring Governance and Deepening Democracy*, Institute of Southeast Asian Studies.
195. Harold Hongju Koh (2000), “The right to Democracy, Towards a community of democracy”, *Issue of Democracy*, May, p. 9.
196. Held, D. (2004), *Models of democracy*, Cambridge: Polity Press.
197. Hillman M.Bishop and Samuel Hendel (1961), *Basic issues of American democracy*, 4th edition, Appleton - Century-Crofts INC, New York.
198. Hogan, R. (2006), “The dark side of leadership”, in Symposium: Interest Group for Coaching Psychologists, *Australian Psychological Society*.
199. Horne, C.M (2013), “Repairing and wresting the ties that bind? Lustration, transitional justice, and social trust in post-communist countries”, *Europe-Asia Studies*, Forthcoming.

200. Jie Lu, Yun-Han Chu (2022), *Understandings of Democracy*, Oxford University Press, USA.
201. Lee Sang Mu (2016), “Korea’s experience in building new countryside”, International Conference Korea’s experience in building new countryside, *Vietnam Association of Agriculture and Rural Development*.
202. Les Donaldson, Edward E. Scannell (2016), *Highlighting the role of the people, really promoting democracy at grassroots level, then building new rural areas will be successful*, Massachusetts: Addison Wesley publishing.
203. Marc F.Plattner, Larry Diamond (1996), *The Global Resurgence of Democracy*, Johns Hopkins University, USA.
204. Mohd Faheem (2023), “Grassroots Democracy and Local Governance Issues: Perspective from Rural India”, *Revista de Gestão Social e Ambiental* 17(10), pp. 1-10.
205. Robert Alan Dalh (1991), *Democracy and its Critics*, Yale University Press, USA.
206. Sachika Hirokawa (2010), *Promoting Sustainable Agriculture Development and Farmer Empowerment in Northeast Thailand*, Fourth Asian Rural Sociology Association International conference.
207. Samuel P.Huntington (1993), *The Third Wave: Democratization in the Late Twentieth Century*, University of Oklahoma Press, USA.
208. Sashi Tharoor (2017), “Gaps in the exercise of democracy in rural Asia”, *National Assembly Standing Committee on Foreign Affairs of India*.
209. Sorensen Georg (2007), *Democracy and democratization processes and prospects in changing world*, Westview press, USA.
210. Toby S.James (2024), “Real Democracy: A Critical Realist Approach to Democracy and Democratic Theory”, *New Political Science* 46 (3), p. 228-258.
211. Yascha Mounk (2019), *The People vs Democracy: Why Our Freedom Is in Danger and How to Save It*, Harvard University Press, USA.

212. Yunyi Qin (2023), “Grassroots governance and social development: theoretical and comparative legal aspects”, *Humanities and Social Sciences Communications* (10), Article number 331, pp. 1-9.

Tiếng Pháp

213. Crépon và Marc (2007), *De la démocratie participative: Fondements et limites*, Mille et une nuits, Paris.
214. Hamon, F. (1995), *Le referendum: Etude Comparative* (Trung cầu dân ý: Một nghiên cứu so sánh), Paris: L.G.D.J.
215. Quinault, R. (2001), “Churchill and democracy”, *Transactions of the Royal Historical Society* (11), pp. 201-220.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT VỀ VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ

(Phiếu dành cho cán bộ, công chức)

Khảo sát này nhằm thu thập ý kiến của cán bộ công chức về việc thực hiện dân chủ cơ sở, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Thông tin của quý vị sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học. Ông/bà vui lòng đánh dấu (X) vào những ô trống phù hợp với ý kiến của mình theo các mức độ tương ứng!

Xin trân trọng cảm ơn!!!

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Ông/bà là: Nam: Nữ:

2. Độ tuổi:

1. Dưới 18 tuổi 2. Từ 18 – 30 tuổi 3. Từ 31 – 45 tuổi
 4. Từ 46 – 60 tuổi 5. Trên 60 tuổi

3. Trình độ đào tạo:

1. Trung cấp: 2. Cao đẳng: 3. Đại học: 4. Sau đại học:

4. Chức vụ và vị trí công tác:

5. Kinh nghiệm công tác (năm):

1. Dưới 1 năm
 2. Từ 1 - 5 năm
 3. Từ 6 - 10 năm
 4. Trên 10 năm

6. Địa phương sinh sống: (Xã/Phường/Thị trấn):

II. CÁC CÂU HỎI KHẢO SÁT

Câu 1. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ quan trọng của việc thực hiện dân chủ cơ sở?

1. Không quan trọng

2. Bình thường

3. Quan trọng

Câu 2. Ông/bà vui lòng cho biết chính quyền cơ sở đã tiến hành tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở như thế nào?

1. Không thực hiện

2. Tỉnh thoảng

3. Thường xuyên

Câu 3. Ông/bà đánh giá mức độ tham gia của người dân trong việc thực hiện dân chủ cơ sở như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không bao giờ	Tỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Tham gia các cuộc họp dân			
2. Tham gia góp ý kiến trực tiếp			
3. Tham gia biểu quyết các vấn đề			
4. Giám sát các hoạt động của chính quyền cơ sở			

Câu 4. Ông/bà đánh giá mức độ công khai thông tin của chính quyền cơ sở như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách của xã.			
2. Dự án, công trình đầu tư; quy hoạch sử dụng đất của xã.			
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã.			
4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ; các khoản huy động nhân dân đóng góp.			
5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo.			
6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính của xã.			
7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.			
8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân			
9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.			
10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính cấp xã trực tiếp thực hiện.			

Câu 5. Ông/bà đã từng tham dự các lớp tập huấn về thực hiện dân chủ cơ sở chưa?

Có

Không

Câu 6. Ông/bà hiểu các nội dung pháp luật về dân chủ cơ sở như thế nào?

1. Không hiểu

2. Hiểu một phần

3. Hiểu rõ những nội dung chính

Câu 7. Ông/bà đánh giá hiệu quả công khai thông tin của chính quyền cơ sở thời gian qua như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Kém	Khá	Tốt
1. Nội dung công khai			
2. Hình thức công khai			
3. Đối tượng tiếp cận			
4. Phương tiện công khai			

Câu 8. Ông/bà vui lòng cho biết, mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động bàn và quyết định trực tiếp như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không tham gia	Ít tham gia	Tích cực
1. Mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			
2. Các công trình phúc lợi công cộng do nhân dân đóng góp			
3. Hương ước, quy ước của thôn/tổ dân phố			
4. Bầu/miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố			
5. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.			

Câu 9. Ông/bà vui lòng cho biết, mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động giám sát như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không tham gia	Ít tham gia	Tích cực
1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyên dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách của xã.			
2. Dự án, công trình đầu tư; quy hoạch sử dụng đất của xã.			
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã.			
4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ; các khoản huy động nhân dân đóng góp.			
5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo.			
6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính của xã.			
7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.			
9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.			
10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính cấp xã trực tiếp thực hiện.			
12. Mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng.			
13. Các công trình phúc lợi công cộng do nhân dân đóng góp			
14. Các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật			
15. Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.			
16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.			
17. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.			

Câu 10. Ông bà đánh giá như thế nào về hiệu quả thực hiện những hình thức triển khai các nội dung dân chủ ở cơ sở tại địa phương thời gia qua?

Nội dung	Mức độ		
	Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Hiệu quả
1. Những nội dung công khai để nhân dân biết			
2. Những nội dung nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp để cấp có thẩm quyền quyết định			
3. Những nội dung nhân dân được bàn và biểu quyết			
4. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định			
5. Nội dung khác (ghi cụ thể):			

Câu 11. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ tham gia giám sát của người dân đối với những nội dung được quy định theo pháp luật như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không bao giờ	Ít khi	Tích cực
1. Những nội dung công khai để nhân dân biết			
2. Những nội dung nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp để cấp có thẩm quyền quyết định			
3. Những nội dung nhân dân được bàn và biểu quyết			
4. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định			

Câu 12. Theo Ông/bà những yếu tố dưới đây ảnh hưởng đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở như thế nào?

Yếu tố	Mức độ		
	Không ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng
1. Chính sách, pháp luật đúng đắn, kịp thời			
2. Sự lãnh đạo quyết liệt của cấp ủy đảng			
3. Sự quan tâm sát sao của chính quyền xã			
4. Nhận thức và tâm huyết của đội ngũ cán bộ			
5. Nhận thức và sự ủng hộ của nhân dân			

Câu 13. Theo ông/bà, đâu là những khó khăn trong việc thực hiện dân chủ cơ sở của người dân?

- 1. Không được cung cấp thông tin
- 2. Thông tin không rõ ràng
- 3. Thời gian công khai thông tin chưa phù hợp
- 4. Hình thức công khai không phù hợp

Khó khăn khác (ghi cụ thể):

.....

Câu 14. Ông/bà có đề xuất gì để nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở tại địa phương mình trong thời gian tới?

Đối với lãnh đạo cấp trên:

.....

.....

Đối với chính quyền cơ sở:

.....

.....

Đối với người dân:.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC 2
PHIẾU KHẢO SÁT VỀ VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ

(Phiếu dành cho người dân)

Khảo sát này nhằm thu thập ý kiến của người dân về việc thực hiện dân chủ cơ sở, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Thông tin của ông/bà sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học. Ông/bà chỉ cần đánh dấu (X) vào ô trống tương ứng với ý kiến của mình. Những câu hỏi mở, nếu có, vui lòng ghi rõ ý kiến của mình vào dòng trống.

Xin trân trọng cảm ơn sự tham gia của ông/bà!

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Ông/bà là: Nam: Nữ:

2. Độ tuổi:

1. Dưới 18 tuổi 2. Từ 18 – 30 tuổi 3. Từ 31 – 45 tuổi

4. Từ 46 – 60 tuổi 5. Trên 60 tuổi

3. Trình độ đào tạo:

1. Trung cấp: 2. Cao đẳng: 3. Đại học: 4. Sau đại học:

4. Nghề nghiệp:

1. Nông dân

2. Công nhân

3. Viên chức

4. Kinh doanh, buôn bán

5. Khác (Vui lòng ghi rõ):

4. Địa phương sinh sống:

- Xã/Phường/Thị trấn:

- Huyện/Quận:

- Tỉnh/Thành phố:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ quan trọng của việc thực hiện dân chủ cơ sở?

1. Không quan trọng

2. Bình thường

3. Quan trọng

Câu 2. Ông/bà vui lòng cho biết chính quyền cơ sở đã tiến hành tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở như thế nào?

1. Không thực hiện

2. Thỉnh thoảng

3. Thường xuyên

Câu 3. Chính quyền cơ sở đã thực hiện công khai những nội dung dưới đây như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán			

ngân sách của xã.			
2. Dự án, công trình đầu tư; quy hoạch sử dụng đất của xã.			
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã.			
4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ; các khoản huy động nhân dân đóng góp.			
5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo.			
6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính của xã.			
7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.			
8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân			
9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.			
10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính cấp xã trực tiếp thực hiện.			

Câu 4. Hình thức công khai thông tin mà ông/bà tiếp nhận là gì?

Nội dung	Mức độ		
	Không có	Có nhưng không rõ ràng	Có và rõ ràng
1. Niêm yết tại nhà văn hóa thôn			
2. Phát thanh xã			
3. Thông qua họp dân			
4. Phát tài liệu tới từng hộ gia đình			
5. Niêm yết tại trụ sở xã			

Câu 5. Ông/bà vui lòng cho biết mình đã được tham gia bàn và quyết định trực tiếp những nội dung dưới đây như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			
2. Các công trình phúc lợi công cộng do nhân dân đóng góp			
3. Hương ước, quy ước của thôn/tổ dân phố			
4. Bầu/miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố			
5. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.			

Câu 6. Ông/bà vui lòng cho biết mình đã thực hiện giám sát những nội dung dưới đây như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách của xã.			
2. Dự án, công trình đầu tư; quy hoạch sử dụng đất của xã.			
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã.			
4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ; các khoản huy động nhân dân đóng góp.			
5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo.			
6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính của xã.			
7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.			
9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.			
10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính cấp xã trực tiếp thực hiện.			
12. Mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng.			
13. Các công trình phúc lợi công cộng do nhân dân đóng góp			

14. Các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật			
15. Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.			
16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.			
17. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.			

Câu 7. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ khó khăn mà mình gặp phải khi tiếp cận những thông tin dân chủ cơ sở?

- 1. Không có khó khăn
- 2. Thỉnh thoảng
- 3. Thường xuyên

Đâu là những khó khăn mà ông/bà hay gặp phải khi tiếp cận thông tin dân chủ cơ sở? (có thể chọn nhiều đáp án)

- 1. Không được cung cấp thông tin
- 2. Thông tin không rõ ràng
- 3. Thời gian công khai thông tin chưa phù hợp
- 4. Hình thức công khai không phù hợp

Khó khăn khác (ghi cụ thể):

.....

Câu 8. Để người dân tiếp cận thuận lợi những nội dung được công khai; tích cực tham gia bàn, quyết định, biểu quyết và giám sát những nội dung đó, theo ông/bà có đề xuất ý kiến gì với chính quyền cơ sở và lãnh đạo các thôn

Chính quyền cơ sở:.....

.....

Lãnh đạo các thôn:

.....

.....

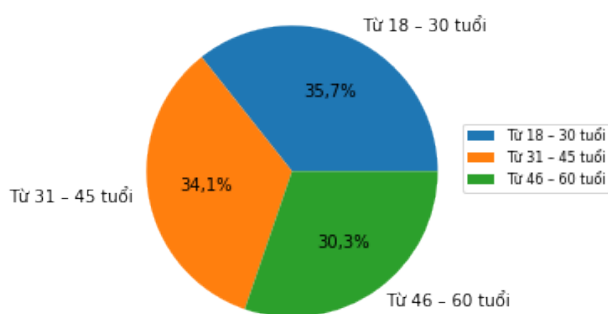
Xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC 3

KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU PHIẾU KHẢO SÁT

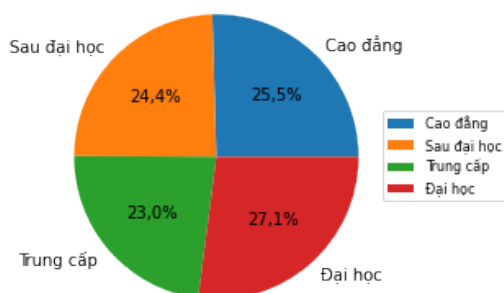
KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO CÁN BỘ:

Dữ liệu khảo sát bao gồm 499 quan sát (Hình 1). Tỷ lệ Nam: Nữ trong dữ liệu là 48,7: 51,3. Độ tuổi của người được khảo sát được phân bố đều trong các khoảng 18-30 (35,7%), 31-45 (34,1%), 46-60 (30,3%).



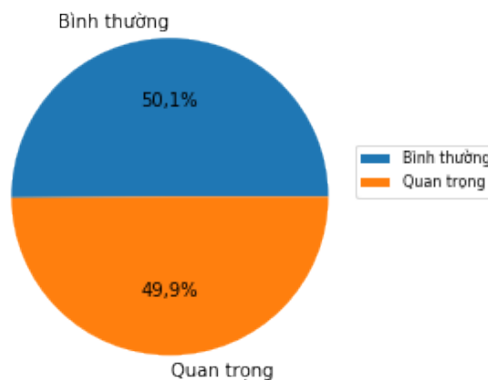
Hình 1. Phân bố độ tuổi người được khảo sát

Trình độ đào tạo của người được phỏng vấn (Hình 2) trong dữ liệu được phân bố đều với 23,0% là trung cấp, 25,5% là trình độ cao đẳng, 27,1% trình độ đại học và 24,4% trình độ sau đại học.



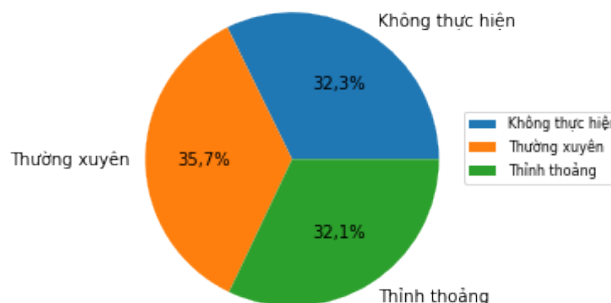
Hình 2. Phân bố trình độ người được khảo sát

Về mức độ quan trọng của dân chủ (Hình 3). Trong những người được khảo sát, 50,1% người được khảo sát cho rằng dân chủ cơ sở là quan trọng, 49,9% người được khảo sát cho rằng dân chủ cơ sở có mức quan trọng bình thường, và không có người được khảo sát cho rằng dân chủ cơ sở là không quan trọng.



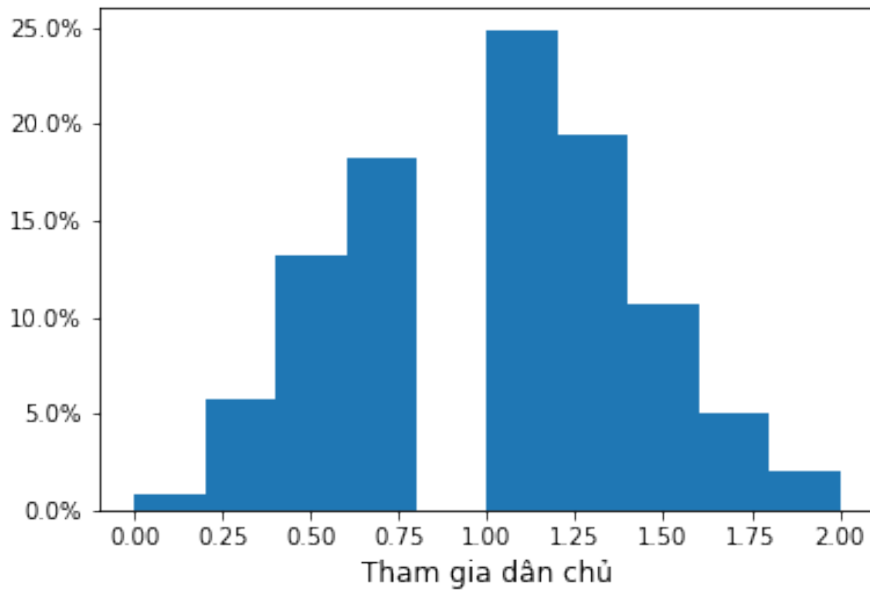
Hình 3. Ý kiến về mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở

Về mức việc tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở (Hình 4), có 32,3% số người cho rằng không thực hiện, 32,1% cho rằng có tinh thoải thực hiện và 35,7% cho rằng việc này được thực hiện một cách thường xuyên.



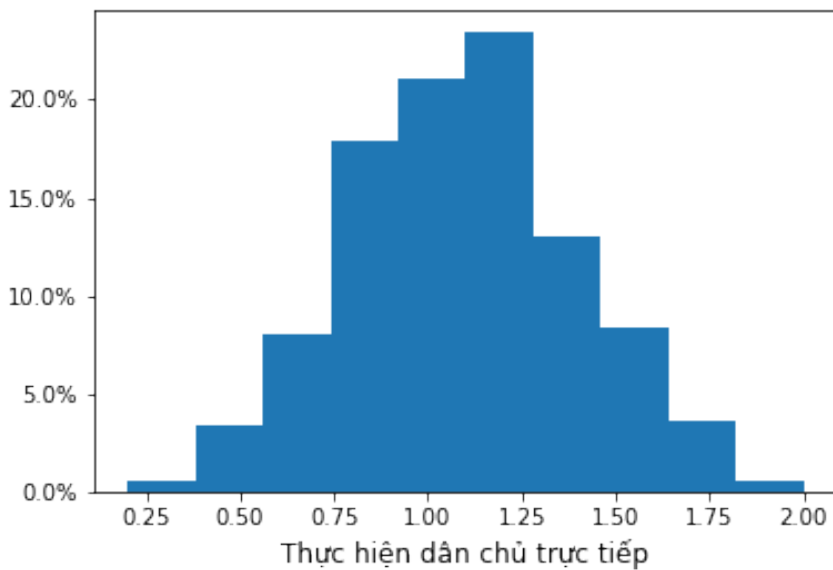
Hình 4. Ý kiến về mức độ tuyên truyền nhằm thực hiện dân chủ cơ sở

Về mức độ tham gia dân chủ của người dân (Hình 5), cho thấy các quan sát tập trung chủ yếu quanh giá trị trung bình xấp xỉ 1,0, tương ứng với mức độ tham gia trung bình. Phân bố có dạng tương đối cân đối, song còn tỷ lệ nhất định các đánh giá ở mức thấp (dưới 0,67) và mức cao (trên 1,33). Điều này cho thấy, trong nhận thức và trải nghiệm của người dân, việc tham gia dân chủ ở cơ sở được triển khai trên thực tế nhưng chưa đồng đều giữa các nhóm và địa bàn, phản ánh sự khác biệt nhất định trong điều kiện, cơ hội tham gia.



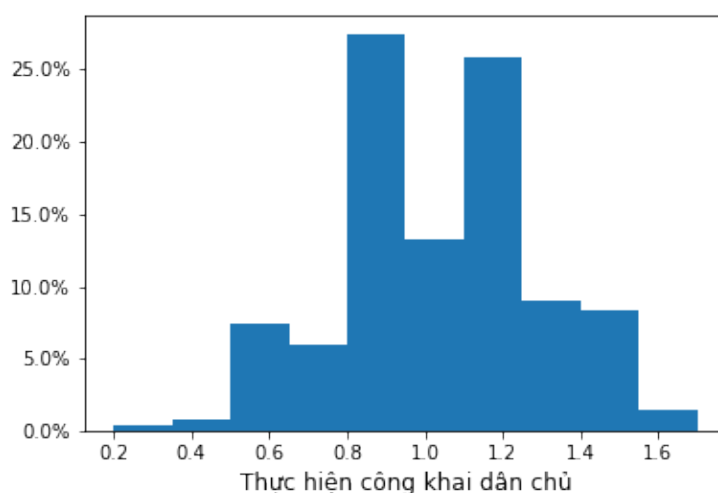
Hình 5. Ý kiến về mức độ tham gia dân chủ của người dân

Về mức độ người dân tham gia vào các quyết định trực tiếp ở cơ sở (Hình 6), phần lớn điểm số nằm trong khoảng từ 0,67 đến dưới 1,33 cho thấy người dân đánh giá việc tham gia vào các quyết định trực tiếp ở mức trung bình. Số lượng đánh giá ở mức cao ($\geq 1,33$) chưa chiếm ưu thế, cho thấy việc người dân tham gia cách chủ động, thực chất vào quá trình ra quyết định nhưng chưa phổ biến.



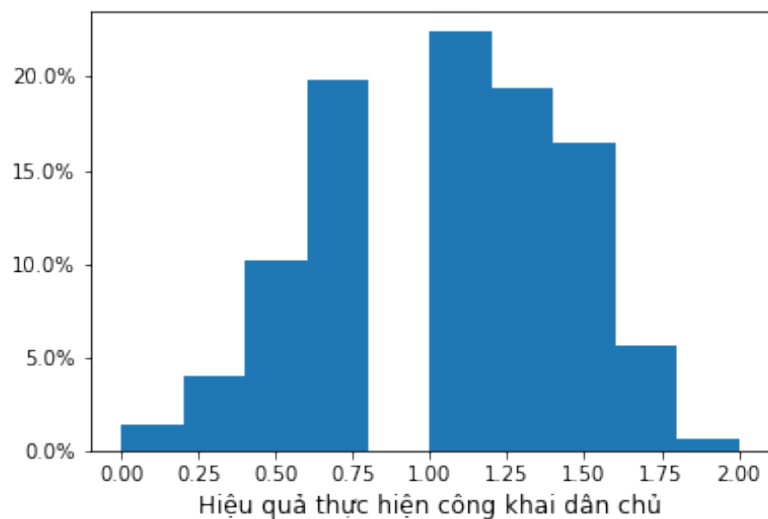
Hình 6. Ý kiến về mức độ tham gia dân chủ của người dân vào các quyết định trực tiếp

Về mức độ thực hiện công khai dân chủ của chính quyền (Hình 7), cho thấy các đánh giá của người dân tập trung ở nhóm giá trị trung bình đến khá (trong khoảng 0,8-1,3) với tần suất cao nhất rơi vào khoảng 1,0-1,2. Điều này phản ánh nhận thức chung của người dân về thực hiện công khai dân chủ của chính quyền được triển khai ở mức tương đối, song chưa đồng đều. Bên cạnh đó, còn một tỷ lệ nhất định đánh giá ở mức thấp (dưới 0,60 và một số ít ở mức cao (trên 1,4) cho thấy sự khác biệt trong trải nghiệm và mức độ tiếp cận thông tin của các nhóm người dân khác nhau.



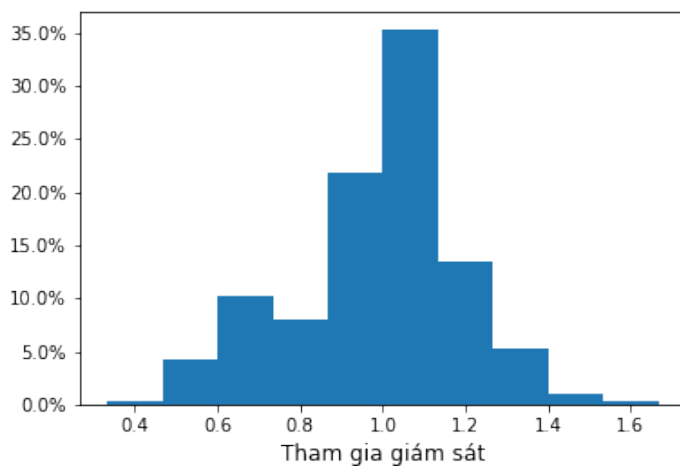
Hình 7. Ý kiến về mức độ thực hiện công khai dân chủ của chính quyền

Về hiệu quả thực hiện công khai dân chủ của chính quyền (Hình 8) cho thấy sự phân hóa rõ hơn trong đánh giá về hiệu quả. Ý kiến tập trung ở hai cụm tương đối rõ rệt: Một cụm ở mức trung bình thấp (khoảng 0,4-0,8) và một cụm ở mức độ trung bình khá đến cao (khoảng 1,1-1,5). Trong đó, nhóm ý kiến đánh giá hiệu quả ở mức trung bình khá chiếm tỷ lệ lớn hơn, cho thấy đa số người dân ghi nhận những tác động tích cực của việc công khai dân chủ của chính quyền. Tuy nhiên, nhóm đánh giá thấp cũng phản ánh thực tế hiệu quả thực thi chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, địa bàn hoặc chưa đáp ứng đầy đủ kỳ vọng của một bộ phận người dân.



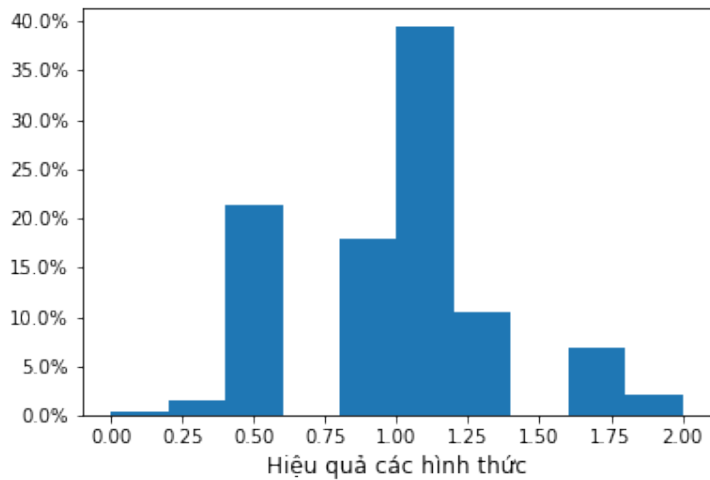
Hình 8. Ý kiến về hiệu quả thực hiện công khai dân chủ của chính quyền

Về việc tham gia vào giám sát các công việc (Hình 9), các cán bộ được khảo sát cho thấy đa phần (65%) thỉnh thoảng tham gia vào giám sát các hoạt động nhân sự, tài chính, thanh tra, kiểm tra, khiếu nại khiếu kiện.



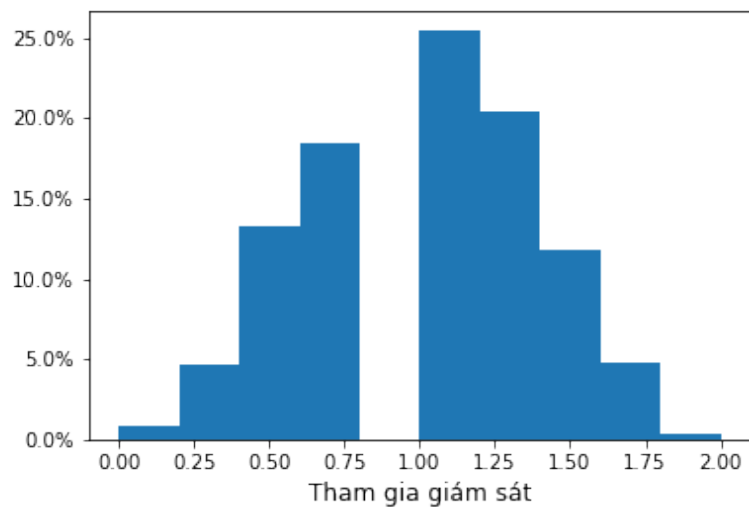
Hình 9. Ý kiến về việc tham gia giám sát

Về hình thức triển khai dân chủ dân chủ cơ sở (Hình 10), có 35% cán bộ được khảo sát cho rằng các hình thức không hiệu quả đến ít hiệu quả, 63% số cán bộ được khảo sát cho rằng các hình thức hiệu quả ít, chỉ có khoảng 2% số cán bộ được khảo sát cho rằng các hình thức triển khai dân chủ là hiệu quả.



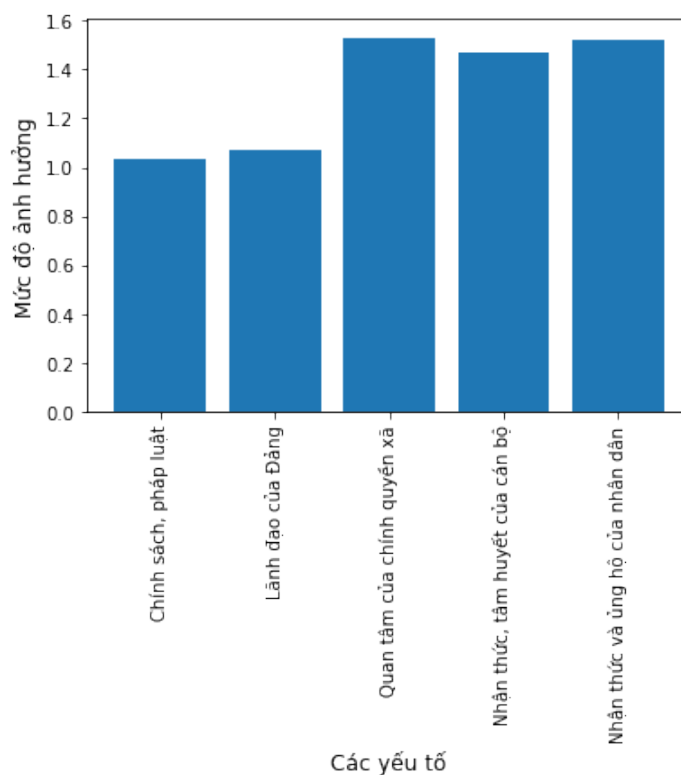
Hình 10. Ý kiến về hiệu quả của các hình thức triển khai dân chủ

Về việc tham gia giám sát của người dân (Hình 11), trung bình 40% số cán bộ được khảo sát cho rằng người dân ít khi và không bao giờ tham gia vào các hình thức giám sát. 60% số cán bộ được khảo sát cho rằng người dân ít khi đến tích cực tham gia vào các hoạt động giám sát.



Hình 11. Ý kiến về mức độ tham gia giám sát của người dân

Về việc thực hiện dân chủ cơ sở (Hình 12), các yếu tố chính sách pháp luật hay sự lãnh đạo của Đảng được đánh giá trung bình ở mức 1 (ít ảnh hưởng). Trong khi đó các yếu tố liên quan tới chính quyền, đội ngũ cán bộ và sự ủng hộ của nhân dân được đánh giá ở mức 1,5 (giữa ít ảnh hưởng và rất ảnh hưởng). Sự quan tâm và sát sao của chính quyền được các cán bộ tham gia khảo sát đánh giá có mức ảnh hưởng cao nhất đến việc thực hiện dân chủ cơ sở (trung bình điểm là 1,53).



Hình 12. Ảnh hưởng của các yếu tố đến việc thực hiện dân chủ cơ sở

Về khó khăn trong thực hiện dân chủ cơ sở (Hình 13), các cụm từ thông tin, sẵn sàng, chia sẻ, phù hợp là các cụm từ được nhắc đến nhiều nhất. Điều này cho thấy với cán bộ, các khó khăn của việc thực hiện dân chủ cơ sở đến từ việc người dân chưa chủ động, sẵn sàng chia sẻ về quá trình thực hiện dân chủ, hoặc hình thức công khai là chưa phù hợp.



Hình 13. Ý kiến của người khảo sát về khó khăn thực hiện dân chủ cơ sở

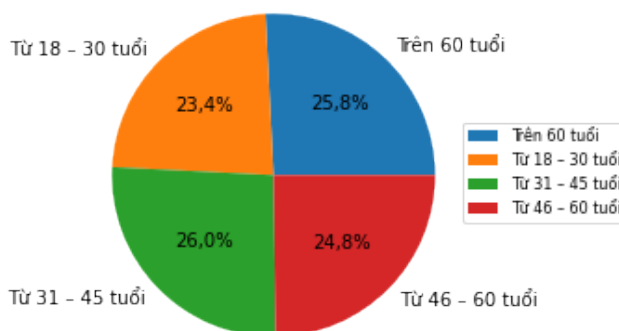
Về điều kiện thực hiện dân chủ cơ sở (Hình 14), các cụm từ thông tin, công khai, nhân dân, thực hiện, tuyên truyền, kịp thời được người được khảo sát nhắc đến nhiều nhất. Điều này tương đối giống với ý kiến khảo sát người dân.



Hình 14. Ý kiến của người khảo sát về điều kiện để thực hiện dân chủ cơ sở

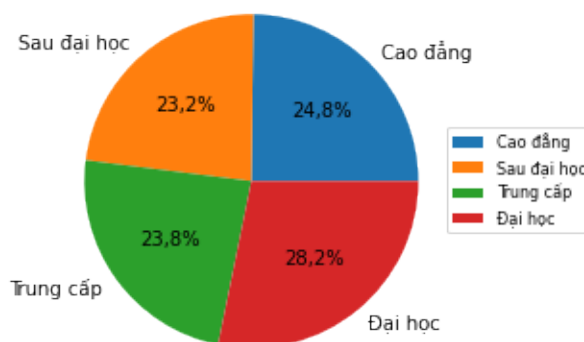
KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO NGƯỜI DÂN

Dữ liệu khảo sát bao gồm 500 quan sát (Hình 1). Tỷ lệ Nam:Nữ trong dữ liệu là 50:50. Độ tuổi của người được khảo sát được phân bố đều trong các khoảng 18-30 (23,4%), 31-45 (26%), 46-60 (24,8%) và trên 60 tuổi (25,8%).



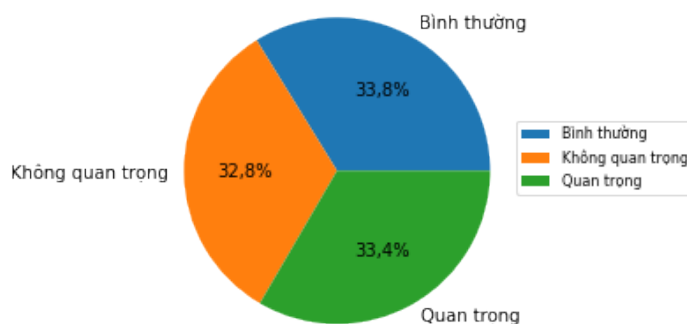
Hình 1. Phân bố độ tuổi người được khảo sát

Trình độ đào tạo của người được phỏng vấn (Hình 2) trong dữ liệu được phân bổ đều với 23,8% là trung cấp, 24,8% là trình độ cao đẳng, 28,2% trình độ đại học và 23,2% trình độ sau đại học.



Hình 2. Phân bố trình độ người được khảo sát

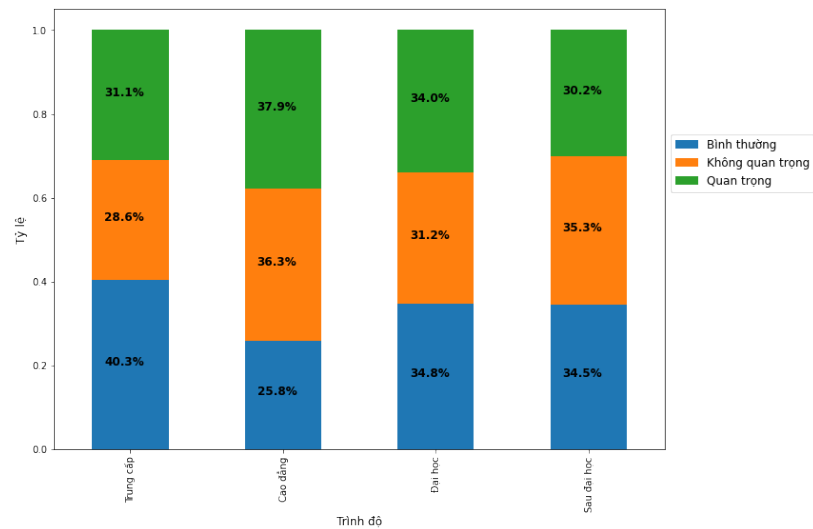
Về mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở (Hình 3), trong những người được khảo sát, 32,8% người được khảo sát cho rằng dân chủ cơ sở là không quan trọng, 33,8% người được khảo sát cho rằng dân chủ cơ sở có mức quan trọng bình thường, và 33,4% người được khảo sát cho rằng dân chủ cơ sở là quan trọng.



Hình 3. Ý kiến về mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở

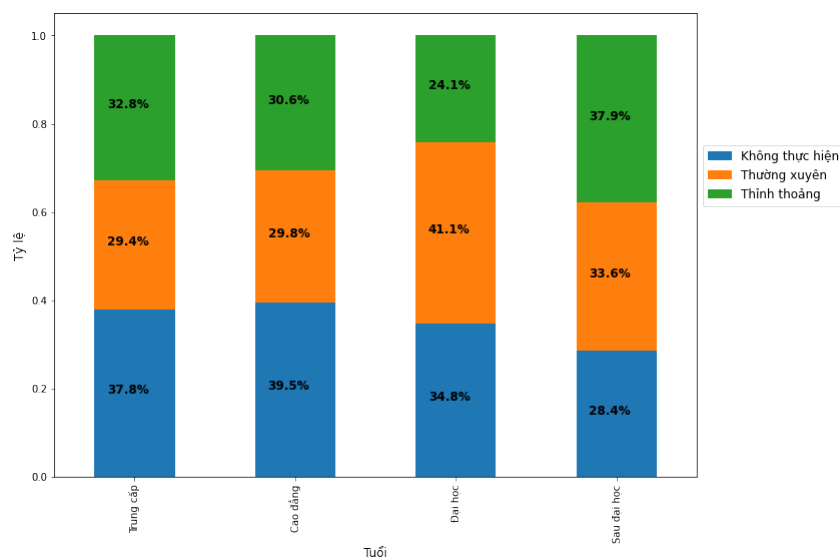
Về mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở trong các nhóm trình độ (Hình 4), trong số những đối tượng được khảo sát, nhóm đối tượng có trình độ cao đẳng có tỷ lệ cho rằng dân chủ cơ sở là quan trọng nhất là lớn nhất (37,9% của tổng nhóm). Mức độ đánh giá tính quan trọng của dân chủ cơ sở tăng từ trình độ trung cấp lên cao đẳng

và giảm dần khi trình độ tăng từ cao đẳng lên sau đại học. Tuy nhiên, nhóm có trình độ cao đẳng cũng có tỷ lệ cho rằng dân chủ cơ sở là không quan trọng trong nhóm là cao nhất (36,3%). Nhóm có trình độ trung cấp nhìn chung đánh giá dân chủ cơ sở ở mức trung bình (40,3% cho rằng dân chủ cơ sở là bình thường).



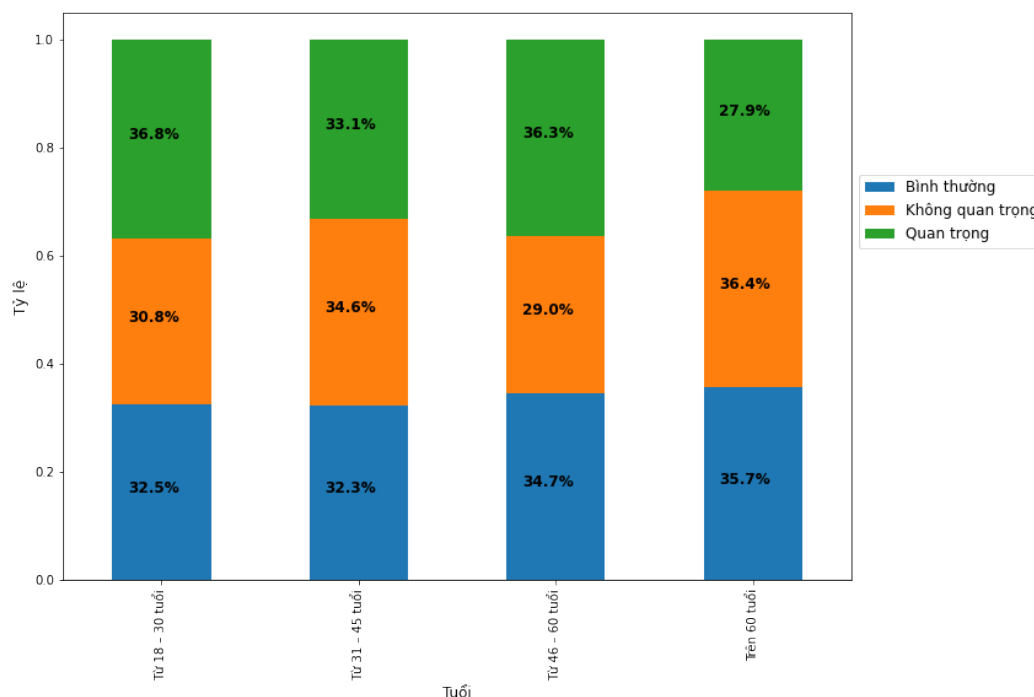
Hình 4. Ý kiến về mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở trong các nhóm trình độ

Về mức độ thực hiện tuyên truyền dân chủ cơ sở của chính quyền trong các nhóm trình độ (Hình 5), trong các nhóm trình độ, nhóm có tỷ lệ được tuyên truyền về dân chủ cơ sở thường xuyên lớn nhất là nhóm có trình độ đại học (41,1%). Nhóm có tỷ lệ không được tuyên truyền về dân chủ cơ sở lớn nhất là nhóm có trình độ cao đẳng (39,5%), tiếp đó là đến nhóm có trình độ trung cấp (37,8%).



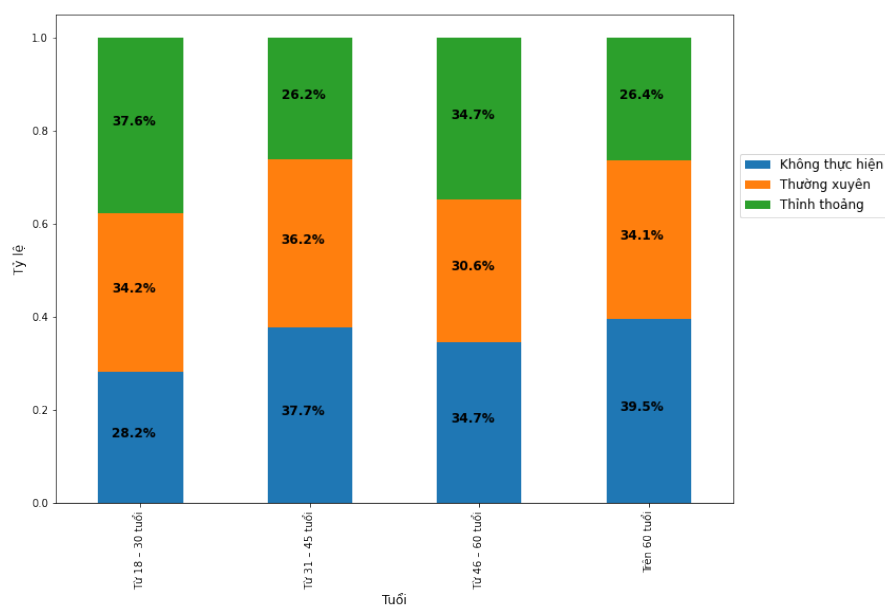
Hình 5. Ý kiến về mức độ thực hiện tuyên truyền dân chủ cơ sở của chính quyền trong các nhóm trình độ

Về mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở trong các nhóm tuổi (Hình 6), nhóm có độ tuổi từ 18-30 tuổi có xu hướng đánh giá cao mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở khi 36,8% nhóm này cho rằng dân chủ cơ sở là quan trọng. Trong khi đó, nhóm trên 60 tuổi chỉ có 27,9% số người cho rằng dân chủ cơ sở là quan trọng và 36,4% số người cho rằng dân chủ cơ sở là không quan trọng. Nhìn chung, khi độ tuổi tăng lên thì tỷ lệ đánh giá dân chủ cơ sở là trung bình và không quan trọng có xu hướng tăng lên theo.



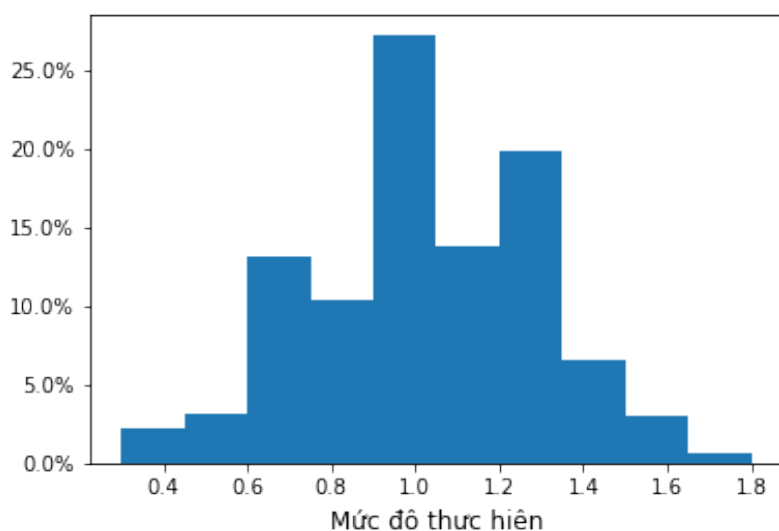
Hình 6. Ý kiến về mức độ quan trọng của dân chủ cơ sở trong các nhóm tuổi

Về mức độ thực hiện tuyên truyền dân chủ cơ sở của chính quyền trong các nhóm tuổi (Hình 7), có thể thấy độ tuổi càng tăng thì càng có tỷ lệ cao người được khảo sát cho rằng mình không được thường xuyên tuyên truyền về dân chủ cơ sở. Nhóm được tuyên truyền về dân chủ cơ sở nhiều nhất là nhóm 31-45 tuổi, chiếm 36,2%. Nhìn chung, chỉ khoảng 30% đến 40% số người được khảo sát trong các nhóm tuổi cho rằng mình được tuyên truyền dân chủ cơ sở một cách thường xuyên.



Hình 7. Ý kiến về mức độ thực hiện tuyên truyền dân chủ cơ sở của chính quyền trong các nhóm tuổi

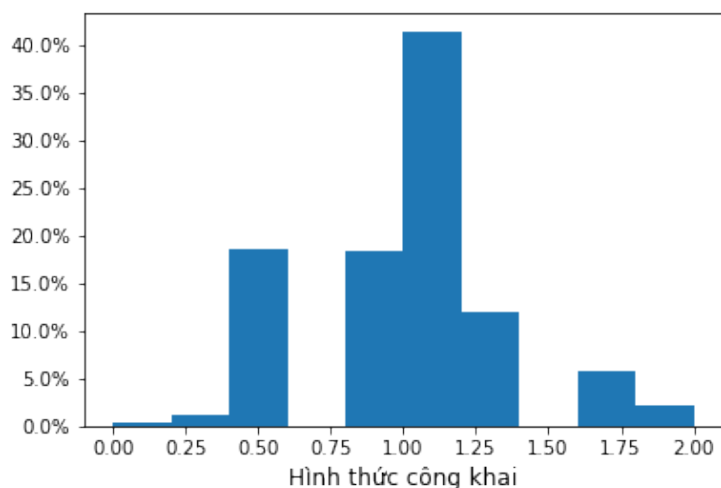
Về mức độ thực hiện công khai thông tin của chính quyền (Hình 8), phần lớn người được khảo sát cho rằng các nội dung được công khai ở mức 1 (thỉnh thoảng). Một số ít người được khảo sát cho rằng việc công khai không được thực hiện hoặc thực hiện thường xuyên. Điểm số trung bình đánh giá việc thực hiện công khai thông tin là 0,997.



Hình 8. Ý kiến về mức độ thực hiện công khai thông tin của chính quyền

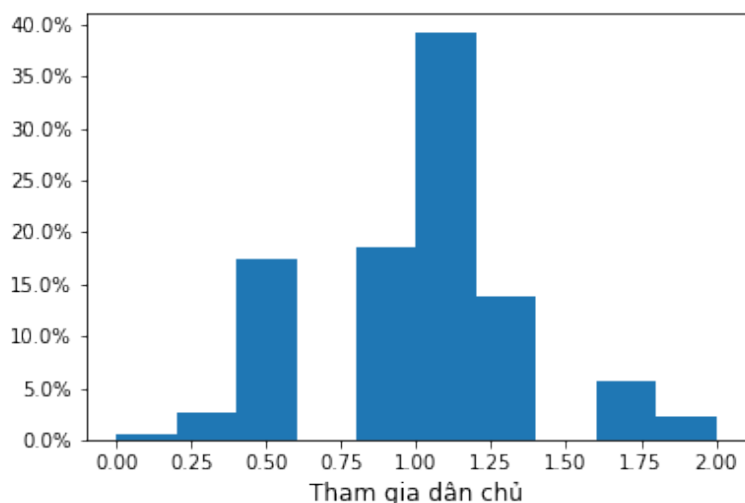
Về hình thức thực hiện công khai thông tin của chính quyền (Hình 9), đa phần người được khảo sát đánh giá việc công khai ở xung quanh mức có nhưng chưa

rõ ràng và dưới mức này. Trung bình điểm số đánh giá mức độ công khai là 1,003 điểm.



Hình 9. Ý kiến về hình thức thực hiện công khai thông tin của chính quyền

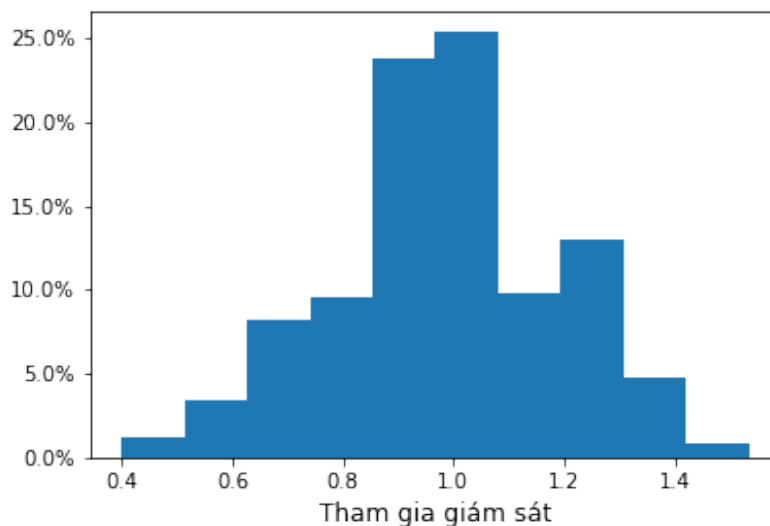
Về hình thức tham gia vào các hoạt động dân chủ cơ sở của người dân (Hình 10), đa phần người dân cho rằng mình thỉnh thoảng hoặc không bao giờ tham gia các hoạt động dân chủ cơ sở. Chỉ có khoảng 8% người dân cho rằng nhìn chung mình tham gia thường xuyên vào các hoạt động dân chủ cơ sở. Điểm số cho việc tham gia vào các hoạt động dân chủ cơ sở là 0,998.



Hình 10. Ý kiến về hình thức tham gia dân chủ của người dân

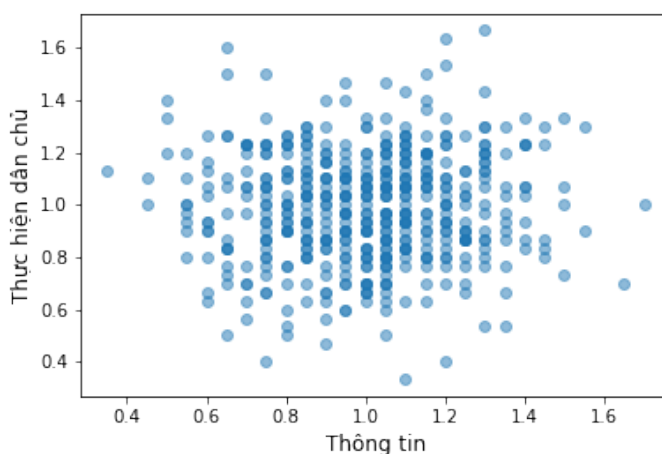
Về việc tham gia vào các hoạt động giám sát (Hình 11), đa phần người dân cho rằng mình thỉnh thoảng hoặc không bao giờ tham gia giám sát. Hầu hết không có

người cho rằng nhìn chung mình tham gia thường xuyên vào các hoạt động giám sát. Điểm số cho việc tham gia vào các hoạt động dân chủ cơ sở là 0,986.



Hình 11. Ý kiến về hình thức tham gia giám sát của người dân

Tương quan giữa thông tin và mức độ thực hiện dân chủ (Hình 12) cho thấy khi xem xét tương quan giữa điểm trung bình thông tin và hình thức công bố từ chính quyền và trung bình việc tham gia dân chủ và giám sát của người dân thì hầu như không có tương quan. Tương quan của hai biến ở mức 0,04.



Hình 12. Tương quan giữa thông tin và mức độ thực hiện dân chủ

Về các khó khăn trong thực hiện dân chủ cơ sở (Hình 13), các cụm từ về thông tin, công khai thời gian, rõ ràng được nhắc đến nhiều. Như vậy, hiện tại các khó khăn mà người được khảo sát gặp phải trong quá trình thực hiện dân chủ cơ sở

liên quan đến luồng thông tin công khai, minh bạch, với hình thức phù hợp và đúng thời điểm.



Hình 13. Ý kiến của người khảo sát về khó khăn thực hiện dân chủ cơ sở

Về điều kiện thực hiện dân chủ cơ sở (Hình 14), các cụm từ về người dân, thông tin, công khai, tuyên truyền, ý kiến, giám sát, lãnh đạo, hình thức, tiếp cận, tham gia,... là các cụm từ được nhắc đến nhiều nhất. Việc này hàm ý rằng để tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện dân chủ cơ sở, chính quyền cần thường xuyên tiếp cận, đưa thông tin và tuyên truyền dân chủ tới người dân. Ngoài ra, chính quyền cần tích cực lấy ý kiến người dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện dân chủ tại cơ sở.



Hình 14. Ý kiến của người khảo sát về điều kiện để thực hiện dân chủ cơ sở